

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Mồng Xuân
Giáp Ngọ
2014

Số Đặc biệt

THƯƠNG HIỆU CÔNG NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

MỸ NGHỆ TRÀM HƯƠNG

 **TRƯỜNG KHA**
truongkha.vn

Xuân
2014
Giáp Ngọ

越
南
沉
香

Kính chúc

Chùa Tôn Thiên Đức Tông - Ni

長
柯

cung Quý Phật tử

Một năm mới thân tâm thường lạc,

Phật sự viên thành.



Hạt dây đeo trầm hương



Trà trầm hương



Trầm viên



Chuỗi trầm hương

TRƯỜNG KHA Co., LTD - 168 Nguyễn Chí Thanh P.3 Q.10 Tp.HCM

* Tel: 08. 62 99 75 65 - 0913.78 79 82 - 0939.779.888 * Hotline: 0908.664.789

* Website: www.truongkha.vn * Email: truongkha_vn@yahoo.com * Fax: 08. 626 55 496

Chuyên sản xuất và cung cấp sỉ - lẻ các sản phẩm được làm từ trầm hương nguyên chất: trầm, tượng trầm, nhang trầm, bột trầm, tinh dầu trầm, chuỗi trầm, quạt trầm, gối trầm, trà trầm, xà phòng - nước hoa trầm hương, nguyên phụ liệu, bao bì ngành trầm.....



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cổ Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Lời chúc Tết của Văn Hóa Phật Giáo	4
Xuân mãi xuân (Nguyễn Thế Đăng)	5
Thân khỏe tâm an đón xuân về (Minh Ngọc)	6
Đánh thức tiềm lực mùa xuân (Nguyễn Cẩn)	10
Chùa gần chùa xa (Cao Huy Hóa)	14
Ngày xuân, bàn về "tốc độ" (Nguyễn Khắc Phê)	17
Đi tìm Đức Di-lặc (Thị Giới)	18
Điệp khúc mùa xuân (Lê Hải Đăng)	22
Đoạn đường mười năm (Nguyễn Tường Bách)	25
Số báo xuân duyên nợ (Hải Trinh)	28
Về quê ăn Tết (Vũ Thế Ngọc)	29
Tết của công nhân Việt ở hải ngoại (Lê Hòa)	32
Thơ xuân xướng họa giữa Nguyễn Văn Siêu và Đặng Huy Trứ (Hưng Thuộc)	33
Đầu xuân viếng tháp Ngài Giác Nguyên đọc thơ của Ôn Quy Thiện (Nguyễn Phúc Vĩnh Ba)	36
Một chút dị đoan (Hoàng Tá Thích)	38
Hội luận với Khoa Giáo học (Trần Kiêm Đoàn)	40
Có không, một tuổi già hạnh phúc? (Đỗ Hồng Ngọc)	44
Năm ngựa kể chuyện những con ngựa thồ hàng (Nguyễn Hữu Đức)	46
Một phút tự do (Elena Pucillo Truong, Trương Văn Dân dịch)	48
Thơ (Trường Khánh, Nguyễn Miên Thượng, Trà Kim Huy, Nguyễn Cẩn, Ngàn Thương, Nguyễn Dũng, Nguyễn Đông Nhật, Nguyễn Ngọc Hưng, Kim Hoa, Lê Hòa)	51
Cái ống tre (Nguyễn Ngà)	54
Mưa Yên Tử (Bích Khuyên)	56
Ký ức Vườn Đào bên Vịnh Hạ Long (Phạm Học)	58
Hội làng Rộc (Nguyễn Trọng Nghĩa)	60
Về những lỗi khi thực hành Đại thủ ấn (Khenchen Thrangu Rinpoche, Hồng Điệp dịch)	63
Tạ ơn Tết đã về (Nhụy Nguyễn)	66
Góp phần tìm hiểu ý nghĩa biểu tượng chữ Vạn (Thích Minh Thật)	68
Vui buồn... hoa kiểng ngày Tết (Võ Văn Lân)	72
Một thoáng hương xưa (Nguyễn Đông Nhật)	75
Thế giới thì rộng lớn (Thảo Vy)	76
Ngày xuân nhớ về ông Táo (Vinh Hanh Thái Chí Bình)	78
Người trông xe và tờ hai mươi ngàn đồng (Nguyễn Mạnh Hùng)	80

Bìa 1: Dọn lễ mừng xuân. Ảnh: Diệu Vy

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả

Bước vào Xuân Giáp Ngọ 2014 là đã tròn chín mùa xuân Văn Hóa Phật Giáo góp mặt trong môi trường truyền thông với quan điểm được nêu ở số báo đầu tiên ra mắt vào dịp Xuân Ất Dậu 2005 rằng "Báo chí Phật giáo muốn xã hội hóa, muốn phục vụ đạo pháp và dân tộc thì phải nghĩ đến quần chúng Phật tử và quần chúng nhân dân nói chung, phải đi sâu vào đời sống bình thường, phải được số đông cảm nhận". Quan điểm đó đã được cô đọng thành chủ trương của Tạp chí là góp phần xây dựng một xã hội hài hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc dựa trên nền tảng giáo pháp của Đức Phật. Chủ trương này được sự ủng hộ nhiệt tình của quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu. Cụ thể, trong lúc thực hiện số báo đặc biệt này, VHPG đã nhận được một lượng bài vở hết sức phong phú, nhưng vì số trang có hạn, Ban Biên tập buộc phải chuyển một số bài sang các số báo tiếp sau, chúng tôi mong các tác giả có bài chưa kịp đăng thông cảm và lượng thứ.

Suốt chín năm qua, nhờ sự ủng hộ nói trên, tuy gặp nhiều khó khăn, VHPG vẫn tồn tại và có khả năng phát triển, lan tỏa sâu rộng hơn khi bước vào năm thứ mười. Sự kiện một tạp chí luôn xiển dương lối sống hiền thiện và đạo đức truyền thống của dân tộc có thể tồn tại và phát triển giữa lúc lắm người đang quay quắt với những khát khao lợi ích của vật chất, quyền lực và danh vọng, cho thấy xã hội ta vẫn còn nhiều nhân tố tích cực. Điều đó cho phép mọi người hy vọng và tin tưởng vào việc đất nước ta vẫn có những khả năng vượt qua mọi khó khăn để hướng đến một tương lai tốt đẹp.

Đối với người Việt Nam chúng ta, ngày Nguyên đán luôn là biểu tượng của niềm hy vọng về một chu kỳ tốt đẹp hơn. Theo quan niệm nhà Phật, con người làm chủ mọi hy vọng khi tâm thức tỏa sáng nhờ việc kích hoạt những chủng tử từ bi và trí tuệ có sẵn trong từng người. Một lý thuyết của Phật giáo tồn tại suốt 26 thế kỷ qua đang ngày càng chứng tỏ là có giá trị tuyệt đối; ấy là thân yên thì tâm vui, được khải quát hóa bằng thành ngữ tâm tâm an lạc; và khi người người đạt đến trạng thái ấy thì xã hội giữ được sự an lành, đất nước có được những điều kiện thuận lợi để phát triển.

Với ý nghĩa ấy, VHPG kính chúc toàn thể quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu một năm Giáp Ngọ 2014 luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





Khi được an trú, vọng tưởng không chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh.

***Kinh Giới Phân biệt,
140 – Trung Bộ***



Chúc
Mừng
Năm
Mới

2014
Giáp Ngọ

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội
lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.



Xuân maõ xuân

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

*Các pháp từ xưa nay
Tướng thường tự tịch diệt
Xuân đến trăm hoa khai
Hoàng oanh cảnh liễu hót.*

Đây là một bài thơ xuân.

Hai câu đầu từ bài kệ trong phẩm *Phương tiện* kinh *Pháp Hoa*. Hai câu sau là do một thiền sư thêm vào. Theo *A-di-đà sơ sao* của Đại sư Châu Hoằng (1535-1615) thì: “Xưa có một vị Tăng. Do nghi một câu trong kinh *Pháp Hoa*, ‘Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt’, vị ấy tìm xét hết sức lâu mà chưa tỏ ngộ. Một hôm, đột nhiên nghe tiếng chim oanh kêu, liền đại ngộ, bèn ứng khẩu thêm hai câu sau”.

Ngộ là ngộ “các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt”. Khi thấy ra thật tướng của các pháp là tánh Không, “không sanh cũng không diệt, không thường cũng không đoạn, không một cũng không khác, không đến cũng không đi”, đó là ngộ được thật tướng, khuôn mặt xưa nay của đời sống này.

Như vậy là thấu đạt căn bản trí, tự nhiên trí, hay vô phân biệt trí. Trí này thông đạt, ngộ vào tánh Không.

Kinh *Lăng Già* nói, “Cái sanh diệt là thức, cái chẳng sanh diệt là trí”. Vì thức sanh diệt nên thấy thế giới này là sanh diệt, cho nên thế giới thành ra khổ đau sanh tử. Còn trí chẳng sanh diệt cho nên thấy thế giới này là chẳng sanh diệt, do đó, thế giới hiện nguyên hình là thanh tịnh, Niết-bàn. Chữ Niết-bàn nghĩa là tịch diệt, như trong câu Tướng thường tự tịch diệt ở trên.

Do lâu ngày tham thiền “tìm xét” cho nên những đám mây che chướng vệt ra, thấy được bầu trời. Bầu trời ấy là tánh Không. Trong tánh Không thì “Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt”. Các pháp hay các tướng không đến cũng không đi, không động chuyển. Không động chuyển nên không có thời gian và không gian thường tục, nghĩa là không có sanh tử.

Ngộ là vượt qua tổ sư quan hay sanh tử quan; từ nay sanh tử mất đi cơ sở, căn cứ của nó, mất dần ảnh hưởng cho đến cuối cùng thì sanh tử “tướng thường tự

tịch diệt”, là giải thoát hoàn toàn.

Ngộ là ngộ tánh Không, thấy trực tiếp tánh Không. Với người còn luân lạc trong thức như chúng ta, chúng ta dễ tưởng rằng tánh Không là chẳng có gì cả. Ở đây, nhờ hai câu sau của vị thiền sư vô danh nọ, chúng ta có thể phần nào mừng tượng ra tánh Không.

Tánh Không không phải là không có gì cả. Tánh Không bao trùm tất cả và là tất cả sinh vật và sự vật:

*Xuân đến trăm hoa khai
Hoàng oanh cảnh liễu hót.*

Sắc tức là Không, đó là Chân Không. Không tức là Sắc, đây là Diệu Hữu. Tánh Không là Chân Không Diệu Hữu. Đại sư Trí Khải nói, “Một sắc một thanh đều là Trung đạo, tức là Chân Không Diệu Hữu”.

Tất cả sinh vật và sự vật là hiện tượng của tánh Không. Cho nên thấy Sắc là thấy Không, chúng Không là chúng Sắc.

“Xuân đến trăm hoa khai, hoàng oanh cảnh liễu hót” là hiện tượng của tánh Không, thế nên nó không khác với tánh Không “các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt”.

Thế nên trăm hoa khai, hoàng oanh hót mà chẳng động chẳng lìa ngoài tịch diệt.

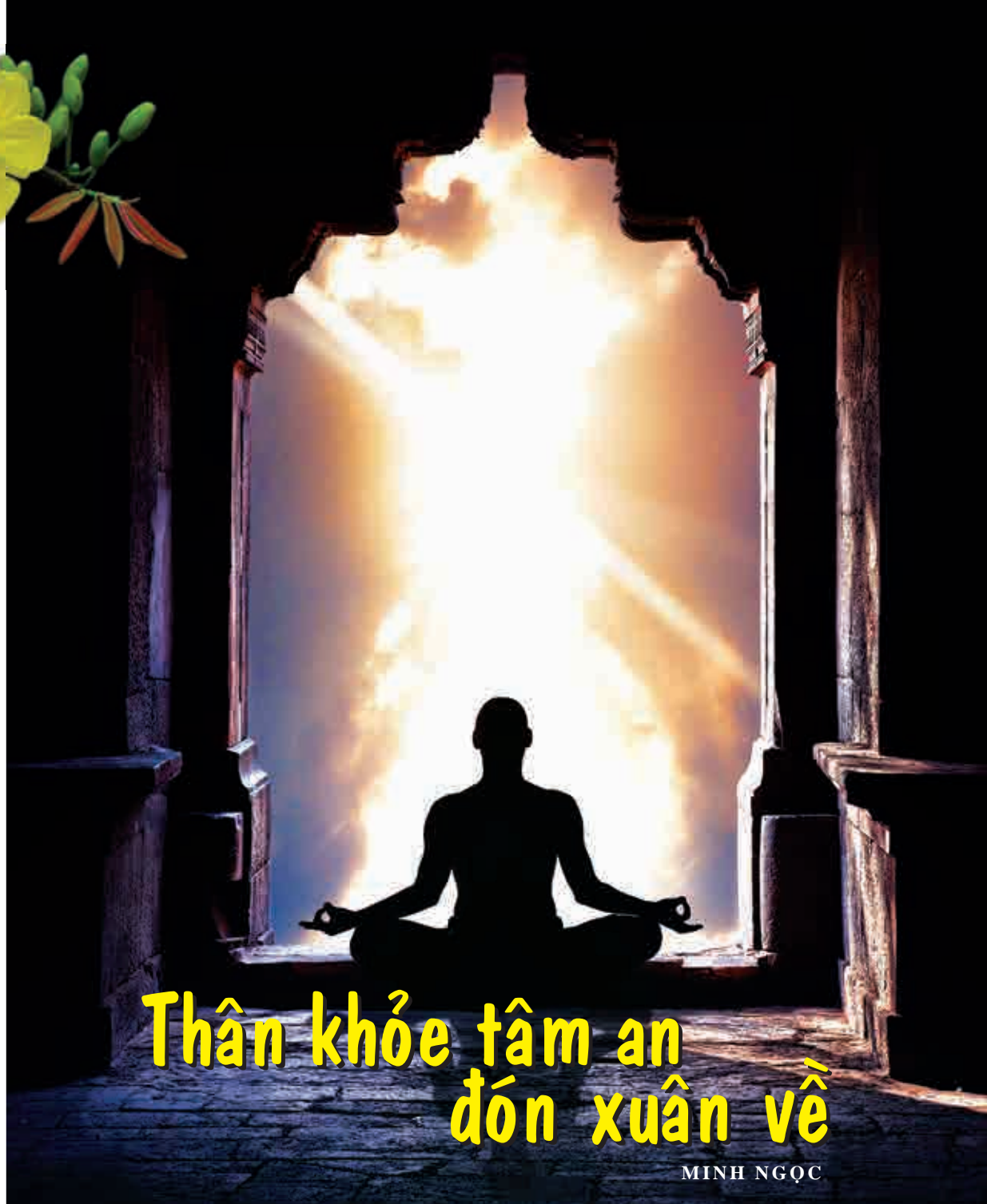
Trăm hoa khai, hoàng oanh hót tưởng là thế giới chuyển động của sanh tử. Nhưng ở đây, với người ngộ, người thấy thật tướng của các pháp, thì trăm hoa khai, hoàng oanh hót vẫn là chẳng sanh chẳng diệt, không thường không đoạn, không một không khác, không đến không đi.

Thế nên, ở đoạn sau của cùng bài kệ trên, kinh *Pháp Hoa* nói:

*Pháp ấy trụ vị pháp
Tướng thế gian thường trụ.*

Đó là cái thấy (Kiến đạo vị; Tây tạng; Dava) của người ngộ đạo. Cái thấy ấy là một mùa xuân bất tử. Một mùa xuân không sanh không diệt, không thường, không đoạn, không một không khác, không đến không đi.

Một mùa xuân vĩnh viễn, xuân mãi xuân. ■



Thân khỏe tâm an đón xuân về

MINH NGỌC

“**T**hân khỏe tâm an” hay “thân tâm an lạc” là điều mong mỏi của hết thảy mọi người. Nó là phần thưởng đáng quý nhất đối với đời sống của con người, giống như mùa xuân đối với muôn loài thảo mộc vậy. Sống mà thân không khỏe, tâm không an thì sự sống gần như không có ý nghĩa. Trong đạo Phật, để tỏ lòng thương quý lẫn nhau, người Phật tử thường chúc nhau: “thân tâm an lạc”. Nhưng thế nào là thân khỏe tâm an hay thân tâm an lạc theo quan niệm của đạo Phật?

Thân tâm là một cách gọi khác về con người gồm có sắc thân vật lý và cấu trúc tâm lý, đôi khi cũng được

gọi là danh sắc (*nāmarūpa*), ngũ uẩn (*pañcakkhandha*) hay sáu nội xứ (*cha ajjhattikāni āyatanāni*). Đạo Phật nói cho chúng ta biết rằng con người là một hợp thể của các yếu tố tâm-vật lý, hiện hữu do nhân duyên, chịu sự biến diệt, thường xuyên thay đổi và không ai làm chủ được (vô ngã). Vì thế, để có được một thân thể luôn luôn khỏe mạnh và một tâm thức luôn luôn an lạc trong điều kiện như vậy là điều không thể và không nên quá kỳ vọng. Chỉ có thể hiểu rằng nhờ theo đuổi một nếp sống sáng suốt hợp lý mà con người duy trì được một cơ thể và tâm thức tương đối thoải mái và thanh thản, tránh được các phiền toái hay khổ đau phát sinh ảnh hưởng đến thân tâm trong quá trình sinh tồn của

mình.¹ Đạo Phật nói đến “thân khỏe tâm an” hay “thân tâm an lạc” trong một ý nghĩa như vậy.

Để giúp cho mọi người có được một đời sống thanh thân an lạc, tránh các phiền toái hay khổ đau phát sinh liên quan đến thân thể và tâm thức, Đức Phật nói đến một phương pháp tu tập gắn liền mật thiết với các sinh hoạt hàng ngày của con người. Đó là quán niệm về sáu nội, ngoại xứ hay thu nhiếp thân tâm, không để cho các căn môn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) chạy theo các trần cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), khiến cho thân tâm không rơi vào các hoạt động sai lầm cực đoan, không trở nên căng thẳng và mệt mỏi, giữ được trạng thái hài hòa, quân bình, thoải mái, thanh thân, an lạc. Đây được gọi là pháp môn phòng hộ căn môn hay còn gọi là “thân tu tập tâm tu tập”, tức là giữ cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp lôi cuốn rơi vào các hoạt động sai lầm cực đoan khiến thân tâm trở nên mệt mỏi và bất an.

Theo quan niệm của đạo Phật thì sở dĩ thân tâm rơi vào mệt mỏi bất an, không có được sự thoải mái an lạc, đó là do chúng đã phải làm việc quá sức bởi các quan niệm mê lầm và lối sống cực đoan. Với kinh nghiệm của bậc Giác ngộ, Đức Phật nói cho chúng ta biết rằng có hai lối sống cực đoan mê lầm làm cho thân tâm (con người) trở nên mệt mỏi bất an, đó là lối sống khắc kỷ khổ hạnh và lối sống chạy theo dục lạc hay các lạc thú thế gian. Cả hai lối sống này được xem là cực đoan sai lầm bởi chúng khiến cho thân tâm trở nên mệt mỏi bất an, không khỏe khoắn, không thoải mái, không thanh thân, không an lạc. Lối sống khắc kỷ khổ hạnh làm cho thân tiểu tụy, tâm mệt mỏi² trong khi lối sống chạy theo các lạc thú thế gian khiến cho thân mệt mỏi, tâm kiệt quệ³. Đức Phật thấy rõ sự sai lầm tai hại của hai lối sống cực đoan này và do vậy Ngài chủ trương sống theo Trung đạo - Bát chánh đạo - khiến cho thân tâm hoạt động và phát triển hài hòa, không rơi vào căng thẳng, mệt mỏi hay ốm đau bệnh tật, được khỏe mạnh, được thoải mái, được thanh thân, được an lạc. Sau đây là những lời Phật nêu rõ thế nào là lối sống buông thả, không phòng hộ các căn, khiến cho thân tâm phải lao nhọc vất vả, trở nên mệt mỏi bất an và thế nào là phương pháp tu tập, hộ trì các căn môn, khiến cho thân tâm không hoạt động quá sức, không rơi vào mệt mỏi bất an, trở nên thanh thân an lạc:

“Và này các Tỳ-kheo, thế nào là không hộ trì? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp sắc khả ái, ghét bỏ sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát; chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp khởi lên không được đoạn diệt không có dư tàn... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý nhận thức các pháp, thiên chấp pháp khả ái, ghét bỏ pháp không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không

như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát; chính ở nơi ấy, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt không có dư tàn.

Ví như, này các Tỳ-kheo, có người bắt được sáu sinh vật, giới loại khác nhau, chỗ tìm món ăn khác nhau, và cột chúng với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con rắn, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con cá sấu, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con chim, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con chó, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con dã-can, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con khỉ, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi cột chúng với những sợi dây vững chắc, người ấy cột một cái gút ở chính giữa và thả chúng đi. Này các Tỳ-kheo, sáu con sinh vật ấy, với giới loại sai khác, với chỗ tìm món ăn sai khác, mỗi con sẽ lôi kéo tùy theo chỗ tìm món ăn và giới loại sai biệt của mình. Con rắn lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào gò mồi”. Con cá sấu lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào trong nước”. Con chim lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ bay lên trời”. Con chó lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào làng”. Con dã-can lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào nghĩa địa”. Con khỉ lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào rừng”. Này các Tỳ-kheo, khi nào sáu con sinh vật ấy trở thành mệt mỏi, khi ấy, con sinh vật nào mạnh hơn các sinh vật còn lại, được chúng đi theo, chúng tuân theo, chúng phục tùng. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, với Tỳ-kheo thân niệm không tu tập, không làm cho sung mãn, con mắt sẽ lôi cuốn nó đối với các sắc khả ái và ghét bỏ đối với các sắc không khả ái. Tai sẽ lôi cuốn nó đối với các sắc khả ái và ghét bỏ đối với các sắc không khả ái. Mũi sẽ lôi cuốn nó đối với các sắc khả ái và ghét bỏ đối với các sắc không khả ái. Lưỡi sẽ lôi cuốn nó đối với các sắc khả ái và ghét bỏ đối với các sắc không khả ái. Thân sẽ lôi cuốn nó đối với các sắc khả ái và ghét bỏ đối với các sắc không khả ái. Ý sẽ lôi cuốn nó đối với các pháp khả ái và ghét bỏ đối với các pháp không khả ái.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, là không hộ trì.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hộ trì? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp các sắc khả ái, không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát; chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp khởi lên không được đoạn diệt không có dư tàn... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết các pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, an trú thân niệm, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát; chính ở nơi đây các ác bất thiện pháp khởi lên không được đoạn diệt không có dư tàn.

Ví như, này các Tỳ-kheo, có người bắt được sáu con sinh vật, giới loại khác nhau, chỗ tìm món ăn khác nhau, và cột chúng với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con rắn, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con cá sấu... Sau khi bắt được con chim... Sau

khi bắt được con chó... Sau khi bắt được con dā-can... Sau khi bắt được con khi, người ấy cột với sợi dây vững chắc. Sau khi cột chúng với sợi dây vững chắc, người ấy cột vào một cái cột hay cái trụ vững chắc. Rồi, này các Tỳ-kheo, sáu con sinh vật ấy, với giới loại sai khác, với chỗ tìm món ăn sai khác, mỗi con sẽ lôi kéo, tùy theo chỗ tìm món ăn và giới loại sai biệt của mình... Này các Tỳ-kheo, khi nào sáu con sinh vật ấy trở thành mệt mỏi, chúng sẽ đứng gần bên, ngồi gần bên, nằm gần bên cái cột ấy hay cái trụ ấy. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, khi nào Tỳ-kheo thân niệm được tu tập, được làm sung mãn, con mắt không lôi kéo vị ấy theo các sắc khả ái, đối với các sắc không khả ái, không ghét bỏ... ý không lôi kéo vị ấy theo các pháp khả ái, đối với pháp không khả ái, không có ghét bỏ.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hộ trì”⁴

Lời Phật nhắc cho chúng ta rằng việc buông thả các căn môn, tức thân niệm không được tu tập, hay lối sống chạy theo các lạc thú thế gian là nguyên nhân

khiến cho thân tâm trở nên mệt mỏi bất an bởi tính chất cực đoan mê lầm của nó. Đó chính là lối sống buông lung, phóng dật, khiến cho con người trở nên mê say, chìm đắm, quay cuồng trong các dục, không còn tỉnh táo và sáng suốt, bị trói buộc, bị dẫn dắt và bị lôi cuốn không dứt bởi dục vọng hay thói quen tìm cầu dục lạc của chính mình. Chính lối sống cực đoan mê lầm như vậy khiến cho cả thân và tâm trở nên mệt mỏi bất an, vì chúng luôn luôn bị lôi kéo chạy theo trần cảnh hay các lạc thú thế gian, thường xuyên rơi vào các phản ứng yêu ghét cực đoan và không hề được nghỉ ngơi. Chúng mệt mỏi và bất an vì chúng đã phải làm việc quá sức để thỏa mãn những gì yêu thích và chống lại những gì không thích ý. Nói cách khác, một khi các căn môn - mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý - bị các trần cảnh - sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp - trói buộc, dẫn dắt và lôi cuốn thì con người trở thành nô lệ của bản thân mình, phải phục dịch quá sức cho lòng tham muốn

không biết vừa đủ của chính mình và đó là lý do khiến cho thân tâm trở nên mệt mỏi và bất an.

Nhận thức rõ ràng như thế về lý do vì sao thân tâm trở nên mệt mỏi bất an tức là tìm ra lời giải cho một lẽ sống thanh thân an lạc, cả về thân thể lẫn tâm thức. Thân tâm sở dĩ trở nên căng thẳng, mệt mỏi, bất an, không có được sự thoải mái, thanh thân, an lạc, ấy là do chúng (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) thường xuyên bị các trần cảnh hay các lạc thú thế gian ràng buộc và lôi kéo, phải làm việc quá sức trong tư thế hết chạy theo cái này lại phản kháng cái kia do tập quán yêu thích hay ghét bỏ đối với thực tại. Nhưng thực tại thì luôn luôn biến đổi; hết thấy những gì mà con người cho là tốt hay xấu, thích ý hay không thích ý, đáng yêu hay đáng ghét, tất cả chúng đều chịu sự thay đổi, biến diệt, không ai làm chủ được và do vậy không đáng cho người ta phải bận tâm hay lao nhọc vì chúng. Vậy nên, để giữ cho thân tâm được thanh thân an lạc, tránh rơi vào căng thẳng, mệt mỏi và bất an do thói quen yêu ghét hay do các phản ứng thuận nghịch⁵ thì con người cần phải tập nuôi dưỡng cái nhìn cho thật đúng về thực tại, phải tập phòng hộ căn môn, phải thực hành thiền định để chuyển hóa nội tâm, nghĩa là phải có kinh nghiệm tự nội nhận ra hết thấy những gì mình thích hoặc không thích, yêu mến hay ghét bỏ, đều là những thứ chịu sự sanh diệt, thường xuyên thay đổi, không thường hằng, không tồn tại mãi. Thấy như vậy rồi thì các căn môn sẽ không còn bị lôi kéo chạy theo các trần cảnh, không còn rơi vào các phản ứng yêu thích hay ghét bỏ, thuận ứng hay nghịch ứng. Con mắt sẽ không còn bị lôi kéo chạy theo sắc khả ái và ghét bỏ sắc không khả ái, lỗ tai sẽ không còn bị lôi kéo chạy theo âm thanh khả ái và ghét bỏ âm thanh không khả ái, lỗ mũi sẽ không còn bị lôi kéo chạy theo mùi hương khả ái và ghét bỏ mùi hương không khả ái, lưỡi sẽ không còn bị lôi kéo chạy theo hương vị khả ái và ghét bỏ hương vị không khả ái, thân sẽ không còn bị lôi kéo chạy theo các xúc khả ái và ghét bỏ các xúc không khả ái, ý sẽ không còn bị lôi kéo chạy theo các pháp khả ái và ghét bỏ các pháp không khả ái.

Không yêu thích hay ghét bỏ, không thuận ứng hay nghịch ứng, không chạy theo hay lẩn tránh thực tại thì thân không mệt mỏi, tâm không mệt mỏi, được tự do, được giải thoát, được thanh thân, được an lạc⁶. Đây chính là kết quả của pháp môn quán niệm về sáu nội, ngoại xứ hay nếp sống phòng hộ các căn, nghĩa là nhờ chú tâm quán sát nhân duyên sanh và diệt của các pháp hay các hiện tượng, nỗ lực thu nhiếp bản thân, không để cho các căn môn chạy theo trần cảnh hay các lạc thú thế gian mà thân tâm được điều phục, không dao động, không bị trói buộc, được tự do, được giải thoát, được thoải mái, được thanh thân, được an lạc. Nói cách khác, một khi ngộ ra rằng “con mắt không phải là kiết sử của các sắc, các sắc không phải là kiết sử của con mắt; ở

đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử... Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử”⁷ hoặc “khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng... khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng”⁸ thì bấy giờ thân tâm sẽ trở nên thanh thân an lạc, do chúng không bị chi phối, không bị trói buộc, không còn quay cuồng hay vũng vầy trong thế giới nhị nguyên đối đãi bởi động cơ dục vọng.

Trên đây là lẽ sống minh triết đưa đến “thân khỏe tâm an” hay “thân tâm an lạc” mà bậc Giác ngộ mong muốn giới thiệu cho mọi người, một lẽ sống nói rõ thái độ tinh tảo và sáng suốt của đạo Phật trong cách nhìn về con người và về phương pháp tu tập giúp cho con người thoát khỏi mọi mê lầm và cực đoan, mọi vướng mắc và trói buộc, được tự do và tự tại, được giải thoát và thanh thân, được thoải mái và an lạc ngay trong thế giới gồm các hiện tượng hiện hữu do nhân duyên, luôn luôn chịu sự biến đổi bởi quy luật sinh diệt. Đối với người con Phật, lẽ sống ấy được xem như mùa xuân, mùa xuân của thân khỏe tâm an, của thực tại an lạc, luôn luôn hiện hữu trong mỗi sát-na của sự sống, trong sự chuyển dịch bất tận của vạn vật vũ trụ. “Xuân đến xuân đi, ngõ xuân hết; hoa nở hoa tàn, ấy là xuân”⁹. Trong không khí nhẹ nhàng ấm áp của những ngày đầu năm, chúng ta thử lắng nghe dư âm về một lẽ sống như vậy mà Phật hoàng Trần Nhân Tông đã từng chứng ngộ và thể hiện trước thực tại “xuân đến xuân đi, hoa nở hoa tàn” của dòng hiện hữu sinh diệt miên viễn:

*Thuở nhỏ chưa từng rõ sắc không,
Xuân về hoa bướm rộn trong lòng.
Chúa xuân nay bị ta khám phá,
Chiếu trải giường thiền ngắm rụng hồng.*¹⁰ ■

Chú thích:

1. Kinh Nakulapitā, *Tương Ưng Bộ*.
2. Đại kinh Saccaka, *Trung Bộ*.
3. Theo nghĩa tâm trở nên vị kỷ, nhỏ mọn, hạn hẹp, không cởi mở, không hướng thượng. Xem Đại kinh Khổ uẩn, Đại kinh Đoạn tận tái, Kinh Bất động lợi ích, *Trung Bộ*.
4. Kinh Sáu sinh vật, *Tương Ưng Bộ*.
5. Chỉ cho tham và sân, tức là tham ái đối với những gì thích ý, hấp dẫn và bất mãn đối với những gì không thích ý, không hấp dẫn, hai loạt phản ứng của tâm thức đưa đến phiền não khổ đau cùng có chung gốc rễ là vô minh hay si mê. Xem Tiểu kinh Sư tử hống, *Trung Bộ*.
6. Kinh Bất động, *Trung Bộ*; Kinh Channa, *Tương Ưng Bộ*.
7. Kinh Kotthika, *Tương Ưng Bộ*.
8. Kinh Hữu học, *Trung Bộ*.
9. Thơ của Thiền sư Chân Không.
10. Thơ Trần Nhân Tông.



Đánh thức tiềm lực mùa xuân

NGUYỄN CÂN

Trong thời gian diễn ra kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII, báo *Thanh Niên* có đăng bài viết “Dân vẫn phải chờ” của Giáo sư Đặng Hùng Võ, trong đó, ông nhắc lại quan điểm của Nguyễn Trãi rằng “*cái gốc của lễ nhạc chính là làm sao để nơi thôn cùng xóm vắng không có tiếng kêu than*”; và nhấn mạnh “*Tư tưởng đó vẫn mới nguyên cho đến ngày hôm nay*”. Ông nhận định rằng “*Mục tiêu chính của sửa đổi cả Hiến pháp lẫn Luật Đất đai là đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...*” nhưng “*... bản chất của vấn đề là đừng bắt người nông dân phải ‘bán’ đất cho nhà đầu tư để cầm nắm tiền đứng ngoài hàng rào của dự án*”. Và ông kết luận “*Rất tiếc, dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) trình ra QH lần này vẫn giữ nguyên... hầu như không có đổi mới gì đáng kể. Người dân lại phải tiếp tục chờ đợi... sự đổi mới*”.

Mùa xuân này, còn nguyên nỗi lo của dân về một năm làm ăn khó khăn, lại gánh chịu nhiều thiên tai – hàng loạt cơn bão – lũ nhân tai – thủy điện xả lũ – khiến gánh nặng cơm áo đường nặng thêm. Hãy thử cùng nhau nhìn lại bức tranh chung để tìm ra những gam màu sáng, hy vọng xuân tàn nhưng vẫn còn đó một cành mai.

Bức tranh kinh tế-xã hội: Lẫn lộn những gam màu sáng tối

Những gam màu tối

Cách đây vài năm, trong bữa tiệc liên hoan toàn công ty trước lúc mọi người chia tay nhau về ăn Tết với gia đình, người lãnh đạo công ty ấy đã chia sẻ với nhân viên nỗi băn khoăn về một mùa xuân không trọn vẹn. Ông nói, “*Tại sao lại không trọn vẹn? Một mùa xuân đến với bao tâm trạng có phần mâu thuẫn, vì không phải cứ thấy hoa mai nở vàng*

khấp nẻo, thấy mọi con đường giăng đèn kết hoa mà chúng ta nghĩ rằng ai cũng vui, cũng hân hoan chào đón. Chúng ta có biết giờ phút này bao nhiêu công nhân đang hoặc đã phải trở về nhà vì thất nghiệp, vì nhà máy đóng cửa trong cơn suy thoái và khủng hoảng toàn cầu? Anh chị em có biết bao nhiêu vạn tài xế ba gác, xích-lô phải tạm ngừng cuộc mưu sinh để tìm phương kế khác? Bao nhiêu nông dân được mùa nhưng mất giá đã và đang dãi nắng dầm sương cho chúng ta hạt gạo chén cơm con cá hôm nay? Nói như vậy để thấy rằng chúng ta, những người có mặt ở đây, hôm nay, trong giây phút này, là những người may mắn và hạnh phúc”.

Năm nay, trong kỳ họp Quốc hội, ngày 4/11/2013, Phó trưởng đoàn chuyên trách đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng Nguyễn Bá Thuyền đặt câu hỏi về gam màu thật sự của bức tranh kinh tế hiện nay là gì. “Nghe báo cáo của Chính phủ thấy màu hồng nhưng nghe báo cáo của Ủy ban Tài chính - Ngân sách thấy màu xám, còn nhân dân thì nói là màu tối”. Ông cũng ngờ ngợ có gì đó bất ổn trong những con số đưa ra về sự chính xác của các chỉ số vĩ mô khi tăng trưởng GDP đạt 5,4%, chỉ kém chỉ tiêu 5,5% một chút nhưng ngân sách lại hụt thu rất lớn, trên 63.000 tỉ đồng. Những giải thích sau đó hầu hết đều quy kết rằng nghịch lý này chủ yếu do tình trạng gian lận thuế, nợ thuế nhưng trên tất cả là sự hoài nghi ngờ về cách tính GDP; vì thống kê mới nhất cho thấy gần 70% doanh nghiệp làm ăn thua lỗ và trên 42.000 doanh nghiệp phá sản trong chín tháng đầu năm. Bức tranh hiện thực của các doanh nghiệp đang ở gam màu tối, giải thích lý do hụt thu thuế. Các đại biểu QH cũng nhận thấy sự tương phản giữa các mảng màu cũng thể hiện trong chỉ số CPI. Từ tháng một đến tháng mười, CPI tăng 5,14% nên lạm phát năm nay gần như chắc chắn được kiềm chế theo đúng mục tiêu Chính phủ đề ra. Nhưng với người dân, gam màu CPI không “hồng” như vậy khi giá các sản phẩm và dịch vụ thiết yếu như điện, xăng, nước, dịch vụ y tế, giáo dục và gần đây nhất là vé máy bay, vé tàu Tết đều tăng mạnh. Đó là chưa kể, chỉ số lạm phát được cho là kìm chế hiện nay không đơn thuần là do giá giảm mà còn do sản xuất suy giảm, sức cầu trên thị trường suy yếu, tồn kho hàng hóa nhất là bất động sản chưa giải quyết được... Như vậy, bản chất của việc lạm phát giảm là đáng lo ngại chứ không hẳn đáng mừng.

Tương tự, xuất khẩu năm nay cũng là điểm sáng của nền kinh tế và chắc chắn sẽ vượt chỉ tiêu đề ra khi mười tháng qua kim ngạch tăng trên 15% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, thành tích này chủ yếu do đóng góp của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) với mức tăng 22,3% trong khi mức tăng của các DN trong nước chỉ là 3%. Đặc biệt, trong khi khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 10,3 tỉ USD thì khu vực FDI xuất siêu 10,1 tỉ USD. Những con số này cho thấy xuất khẩu của ta đang phụ thuộc lớn vào các DN có vốn đầu tư nước ngoài. Giữa những con số với nhau, giữa con số và thực tế, giữa hiện tượng và bản chất... còn quá nhiều sự khập khiễng dẫn tới các mảng màu đối lập của bức tranh kinh tế mà các ĐBQH nêu lên. Đáng lo

ngại hơn là nếu chúng ta không biết chính xác bức tranh kinh tế đang màu gì thì những giải pháp, kế hoạch, chiến lược cho năm tới liệu có khả thi?

Bức tranh ấy lại càng thiếu gam màu sáng khi tình trạng lãng phí diễn ra mà không có một thiết chế kiểm soát hữu hiệu; đến nỗi đại biểu Nguyễn Thị Kim Thúy (Đà Nẵng) phải kêu lên “Ban hành chính sách không phù hợp, quyết định thiếu chính xác dẫn đến lãng phí hàng nghìn tỉ đồng mà người ra quyết định cùng lắm cũng chỉ bị phê bình khiển trách. Câu hỏi đặt ra ở đây là một quyết định sử dụng ngân sách nhà nước sai ngay từ lúc ban hành, vậy lãng phí đã hình thành ngay từ khi ra quyết định. Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quá trình triển khai liệu còn có tác dụng gì?”. Bà dẫn ra hàng loạt vấn đề trong thực tế như quy hoạch, quyết định đầu tư mía đường, xi-măng lò đứng, sân bay, bến cảng, thủy điện, thủy lợi, chợ... thiếu hiệu quả, dở dang, lãng phí, thua lỗ, bỏ thì thương vương thì tội... Các đại biểu QH đề nghị cần quy định chặt chẽ, cụ thể trách nhiệm của người ra quyết định sai dẫn đến lãng phí, quyết không đánh trống bỏ dùi và gợi ý nên bắt đầu từ việc xử lý trách nhiệm quy hoạch yếu kém, ra quyết định đầu tư sai dẫn đến phải loại bỏ hơn 400 dự án thủy điện. Một số khác cũng nêu lên tình trạng đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp, nhiều công trình xây dựng dở dang không thể đưa vào sử dụng, nhiều dự án bất động sản phôi nả, phôi mua đang diễn ra ở nhiều địa phương, bộ, ngành, đòi hỏi những người quyết định đầu tư, sử dụng ngân sách nhà nước phải thật sự công tâm không vì lợi ích nhóm hoặc tư lợi cá nhân. Bóng tối tham nhũng chưa được đẩy lùi hiệu quả. Vụ án Dương Chí Dũng và Công ty Cho thuê Tài chính II (ALCII) thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) còn dư âm cũng làm nhiều người băn khoăn. Vụ án diễn ra trong thời gian họp Quốc hội nên đã có đại biểu so sánh “nửa triệu dân Bắc Kạn làm ra trong một năm không bằng số tiền Dương Chí Dũng kê khống (hơn 300 tỷ) hay ALCII làm thất thoát (531 tỷ)”.

Gam màu tối cũng được đặc biệt ghi nhận ở lãnh vực nông nghiệp nơi tình trạng nông dân bỏ ruộng đang gia tăng vì nông sản được bán với giá quá thấp so với chi phí sản xuất...

Còn về xã hội, ngày càng nhiều chuyện phải suy tư trăn trở; từ những chuyện sát nhân xảy ra hầu như tuần nào cũng có: vì tiền, vì tình, vì những chuyện vu vơ như chạy xe văng nước vào người, va quệt trên đường phố... cho đến những băng nhóm giang hồ hoành hành không thua gì thời còn Năm Cam... Nhân luân cũng nhiều xảy ra nhiều chuyện kinh hoàng trong gia đình giữa cha con, chồng vợ... và gần đây lại xảy ra nhiều vụ án liên quan đến giới thầy thuốc; những kẻ có thiên chức cứu người lại gây ra tai họa như chích nhầm thuốc, bỏ bê bệnh nhân không cứu chữa kịp, tệ hơn là giải phẫu thẩm mỹ rồi vắt xác nạn nhân khi lỡ gây ra sự cố... Ôn ào hơn cả là vụ hôi bia khi một xe tải chở bia bị lật và những bảo mẫu “nghịệp dư” vùi dập con trẻ. Những tin nóng trên được

một số báo và một vài trang mạng không chỉ đăng mà còn khai thác chi tiết, tăng thêm tính ly kỳ và... nặng nề!

Những gam màu sáng

Thế nhưng cũng có những hy vọng, những gam màu sáng trong bức tranh ấy, khi người đại diện của Quỹ đầu tư Franklin Templeton Investments tại Việt Nam nói rằng, đây là thời điểm hợp lý để các công ty đầu tư cổ phần tư nhân rót vốn vào thị trường Việt Nam. Theo quỹ này, các cải cách về tiền tệ và tài khóa của Việt Nam sẽ phát huy tác dụng trong từ ba đến năm năm tới. Trao đổi với Hãng tin tài chính Bloomberg, ông Avinash Satwalekar, Giám đốc điều hành (CEO) của Công ty Quản lý Quỹ Vietcombank Fund Management - liên doanh giữa Templeton với Ngân hàng Vietcombank - nhận định, mức giá thấp, nguồn vốn ngân hàng bị siết lại, và môi trường kinh doanh được cải thiện đã tạo ra cơ hội để các nhà đầu tư cổ phần tư nhân (private equity investor) mua lại các công ty Việt Nam trước khi nền kinh tế tăng tốc trở lại. "Thời điểm tốt nhất để đầu tư là khi còn 'tranh tối tranh sáng'. Khi mọi thứ đã trở nên rõ ràng, thì đó là lúc ai cũng có thể đầu tư", ông Satwalekar phát biểu trong một cuộc trả lời phỏng vấn Bloomberg tại Singapore ngày 6/11. Hãng tin này đánh giá, các nhà lãnh đạo Việt Nam đang nỗ lực để thúc đẩy nền kinh tế thoát khỏi tốc độ tăng trưởng chậm nhất trong thời gian ít nhất kể từ năm 1999. Những nỗ lực này diễn ra trong bối cảnh mức nợ xấu không chỉ ở Việt Nam mà trong cả khu vực Đông Nam Á nói chung cản trở hoạt động cho vay của các ngân hàng và hoạt động mở rộng hoạt động của các doanh nghiệp. Theo dự báo mà Chính phủ Việt Nam đưa ra mới đây, nền kinh tế sẽ tăng trưởng dưới 5,5% trong năm nay. Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAM) dự tính mua vào

150 nghìn tỷ đồng nợ xấu tính đến thời điểm cuối năm sau. Ông Satwalekar nói "Các nhà hoạch định chính sách tiền tệ và tài khóa của Việt Nam đã tạo ra một môi trường thân thiện với các nhà đầu tư, nhưng tôi vẫn chờ những chính sách đó phát huy tác dụng. Nếu một nhà đầu tư nào đó đợi đến lúc các chính sách có tác dụng, thì rất có thể anh ta sẽ bỏ lỡ cơ hội và phải đuổi theo". Hồi tháng Một, Quỹ đầu tư Hoa Kỳ KKR (Kohlberg Kravis Roberts) đã tăng hơn gấp đôi mức cổ phần nắm giữ trong Tập đoàn chế biến thực phẩm Masan lên 359 triệu USD, sau khi có vụ đầu tư đầu tiên vào Tập đoàn này vào tháng 4/2011. Tiếp đó, vào tháng năm, Quỹ Warburg Pincus tuyên bố sẽ dẫn đầu một nhóm nhà đầu tư để rót 325 triệu USD vào Vingroup, đánh dấu thương vụ đầu tiên của quỹ này tại Đông Nam Á kể từ năm 2010. Tháng Bảy, Quỹ Texas Pacific Group (TPC Capital) tuyên bố sẽ trả 50 triệu USD để nắm cổ phần 49% trong một bộ phận hàng tiêu dùng của Masan.

Chúng ta cũng hy vọng những gam màu sáng ấy sẽ lấn lướt những gam tối trong năm mới để vực dậy một nền kinh tế còn đang trở mình phát triển với nhiều tập quán trì trệ và chưa đủ lực để vươn lên mạnh mẽ hơn nếu không có trợ lực từ bên ngoài.

Bức tranh văn hóa-xã hội: Nhặt nhòa hương sắc

Liệu xuân này bức tranh văn hóa có gì khác? Người ta thường gọi mùa xuân là mùa của lễ hội, của tề tựu họp mặt vui chơi thư giãn. Về mặt tâm linh, đó còn là mùa cầu nguyện khi lên chùa vào đền, cầu mong một năm may mắn, tràn đầy phúc lộc...

Ở thôn quê nhất là ở miền Trung hay miền Bắc, xuân còn là ngày hội làng, ngày hội của quê hương, ngày hội tưởng nhớ về cội nguồn, cha ông. Người ta tổ chức những trò chơi dân gian như: đấu vật, kéo co, đánh cờ, đua thuyền... Đặc biệt là lễ tế Thần hoàng làng diễn ra trong không khí trang trọng và thiêng liêng, cầu nguyện cho một năm mưa thuận gió hòa, một cuộc sống no đủ, bình an cho tất cả mọi người. Ở thành phố, những chương trình ca múa nhạc tổng hợp diễn ra ngoài trời, những đường hoa chen chúc, nhiều sắc màu thu hút đông đảo mọi người thường ngoạn, mua sắm... Lễ hội mùa xuân là dòng thời gian tiếp nối sức sống truyền thống và hiện đại, chảy khắp các miền đất nước. Có những lễ hội thiêng liêng, trang trọng, như kỷ niệm Chiến thắng Đống Đa, kỷ niệm Khởi nghĩa Hai Bà Trưng sau đó nhưng cũng trong mùa xuân... Nhưng giờ đây người ta nặng phần Hội hơn phần Lễ.

Chúng ta thấy có những lễ hội đầy máu me như "chém lợn tế thần", "phóng lao giết trâu". Sống trong một môi trường còn nhiều tệ nạn lại có những hình ảnh gợi ý cho ác nghiệp tăng trưởng. Những nghi lễ đâm, giết... là hủ tục xưa tồn tại, không còn phù hợp với xã hội văn minh. Nhất là những hình ảnh tàn sát động vật tạo ấn tượng với trẻ em, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển đến thế hệ tương lai... Lễ hội nặng phần mê tín mà không ít



nhà báo đã phản ánh về những hình ảnh nhếch nhác ở một số chùa chiền, đình miếu trong dịp đầu năm.

Không kể việc đi lễ chùa mà cứ như mặc cả với Phật với Thánh. Điều này phản ánh nếp tư duy vật chất, thực dụng đến mê muội, coi thánh thần như người phàm, cứ “dúi tiền vào tay, dán tiền lên tượng là xong!”. Suy nghĩ theo vọng kiến, tà kiến ấy phải được chấn chỉnh từ trong gia đình, từ ông bà bố mẹ vì nếu họ cũng đến chùa với tâm thức “mặc cả” ấy thì tham, sân, si sẽ khởi lên để truyền cho con cháu, không còn đâu là chánh kiến hay chánh niệm.

Ngoài ra, vì xem Tết là dịp ăn chơi nên người ta lao vào nhậu nhẹt bù khú suốt ngày, bài bạc thâu đêm, không thiết gì đến chúc Tết hay thăm viếng họ hàng như xưa.

Bức tranh văn hóa cũng có một số điểm sáng thì đó là hình ảnh các đoàn từ thiện cứu trợ đồng bào bão lũ, các quán cơm từ thiện 2.000 đồng ở TP.HCM, những thùng nước miễn phí rải rác ở một số thành phố lớn hay chương trình xóa đói giảm nghèo được làm có thực chất ở một số nơi mà chính quyền sở tại thực sự quan tâm...

Hãy biến sự mê tín thành một điểm sáng khi quần chúng đến chùa rất đông trong các ngày rằm, đầu tháng hay dịp Tết... Khi người ta còn đến chùa vì lý do đi nữa thì cũng tốt hơn là ngôi nhà ăn nhậu; và người ta đang hướng đến một niềm tin tâm linh khi tin vào luật nhân quả thì vẫn tốt hơn. Ngoài ra, trên báo chí gần đây, bộ mặt thực của một số sư giả lợi dụng quần chúng ở phía bắc cùng các nhà ngoại cảm lừa bịp đã được phanh phui, khiến các tín đồ cũng biết phân biệt đâu là chánh tín.

Nhìn vào sổ sách báo xuất bản, chúng ta thấy sách của các tôn giáo lớn, nhất là sách báo Phật giáo phát triển đa dạng... Một số doanh nhân hay những “người của công chúng” như nghệ sĩ hướng về Phật pháp, nhất là phép thiền định như một liệu pháp an định tâm hồn. Đây cũng là một gợi ý cho những nhà xã hội học, những nhà giáo dục dạy chữ quên người...

Đánh thức tiềm lực mùa xuân

Nếu chúng ta nắm bắt được vận hội Việt Nam sắp gia nhập TPP (Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương, *Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement*) và vận dụng nguồn đầu tư nước ngoài, nhất là từ Nhật Bản khi họ không muốn lệ thuộc sản xuất vào Trung Quốc, chúng ta sẽ có thời cơ thoát ra khỏi sự trì trệ hiện nay. Muốn thế, về mặt chủ quan, phải tiến hành cải cách mạnh mẽ hệ thống quản lý hành chính công, thuế vụ, hải quan, nếu không muốn nguồn đầu tư ấy chuyển sang Myanmar hay các nước Đông Nam Á khác. Nếu có một thiết chế kiểm soát, giải quyết khiếu nại kịp thời, thì nguồn thu sẽ gia tăng đáng kể thay vì ép DN vào những sơ hở khi không theo kịp sự thay đổi bất thường của luật pháp như tình trạng truy thu thuế ưu đãi hiện nay với hàng trăm DN, bắt họ nộp hàng trăm tỷ tiền thuế nhưng họ không hề “tâm phục khẩu phục”. Phải cứu DN vì đó là

nơi sinh ra hồng huyết cầu của nền kinh tế hay là nhân tố chính tạo nên sự lớn mạnh của đất nước. Nói như một đại biểu QH, chúng ta đang ăn vào thịt của mình. Tiềm lực đất nước vẫn còn đó nếu biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo, thông thoáng và công tâm...

Còn về việc tiến hành cuộc “cách mạng văn hóa” như thường nói, cần phải chấn chỉnh ngay những biến thái hay... bệnh thái văn hóa lễ hội như vừa nêu trên. Ngoài ra, phải nhìn nhận đây là sự kế thừa “thiếu chọn lọc” khi bung bê cả những hủ tục (mà có người vẫn cho là mỹ tục!) của thời mông muội. Tai hại hơn, lại có sự pha trộn của tính thực dụng nên sự đổi mới văn hóa diễn ra một cách không bình thường. Giải thích theo những nhà nghiên cứu xã hội học trong tác phẩm *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập* do Viện Nghiên cứu Văn hóa thực hiện (chủ biên: Ngô Đức Thịnh, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội ấn hành năm 2010) thì ở đây đã “... không có sự kế thừa và phát triển, không có tiếp thu và loại bỏ, mà thường là sự đan xen hỗn loạn giữa cái cũ và cái mới... tạo nên sự hụt hẫng trong đời sống văn hóa và hệ quả là đời sống văn hóa của nhân dân bị suy kiệt và trở nên nghèo nàn”.

Cần phải xây dựng con người mới trên nền tảng hướng thiện, huân tập tâm linh, tin vào nhân quả. Trong kinh *Trung Bộ*, Đức Phật đã chỉ dạy con người cần phải loại trừ ba ác nghiệp của thân, trong đó, Ngài nêu rõ “*Có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đã thương, tâm không từ bi với các loài hữu tình*” và quan trọng hơn là ác nghiệp của ý “*Có người tham ái, tham lam tài vật của kẻ khác*” hay “*lại có người có tâm sân, khởi lên hại ý, hại niệm, mong rằng những loài hữu tình này bị giết hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay mong chúng không còn tồn tại*”.

Phải giáo dục thế hệ trẻ lại từ trong gia đình thôn xóm cho đến trường học mà cha mẹ hay người lớn phải là tấm gương cho thế hệ sau.

Trước thềm xuân mới, dù nguồn ngang bao mối ưu phiền, người ta vẫn có thể khép lại âu lo, hướng đến một ngày mai sáng tươi hơn trên những gam màu rực rỡ của hy vọng vào sự chuyển mình của đất trời và nhân tâm, như người xưa đã nói:

*“Số khá bĩ rồi thời lại thái
Cơ thường đông hết lại sang xuân ...”*

(Nguyễn Công Trứ)

Ấy là lẽ Dịch nhưng cũng là lẽ vô thường của sự vật vì chúng ta tin với dân tộc này thì vẫn còn “*Đình tiền tạc dạ nhất chi mai*” (Mãn Giác thiền sư) khi trở về với những giá trị nhân nghĩa ngàn đời cùng sức để kháng mãnh liệt mỗi lúc phải rơi vào hoàn cảnh ngặt nghèo. Hãy cầu nguyện và đánh thức tiềm lực ấy! Nơi thôn cùng xóm vắng sẽ chỉ vang lên những tiếng cười hay tiếng hát hò rộn ràng khắp ngõ! ■



Chùa gần, chùa xa

CAO HUY HÓA

Ký ức thời tuổi nhỏ đưa tôi về những ngôi chùa ở Huế, đặc biệt là chùa Kim Tiên ở trên dốc Nam Giao. Hồi đó, chỉ có phương tiện xe đạp, vài cây số đến chùa Kim Tiên là tôi xem như đi xa, lại thêm phải dắt bộ qua hai con dốc. Chùa ở dốc Nam Giao đã xa thế, huống hồ các ngôi chùa phía sau đàn Nam Giao như Tây Thiên, Thiên Tôn, và các ngôi chùa về các hướng khác như Từ Hiếu, Thiên Mục... Vào mùa xuân, mỗi lần đi chùa xa là một dịp đi dã ngoại với những người thân, trong đầu cứ giữ mãi ấn tượng đẹp như tháp cổ bảy tầng, mái chùa cổ kính, giếng tiên, rừng thông vi vu, con suối róc rách, hồ bán nguyệt, cây khế trái vàng rực, con Hội^a nhai trầu...

Ngày xưa, sống trong môi trường sinh hoạt nhỏ bé, cho nên đi đến một nơi núi đồi, sông suối đã là vui lắm. Ngày nay, đường sá và phương tiện hiện đại, thành phố mở rộng, nông thôn từng bước đô thị hóa, nên đâu những ngôi chùa vẫn còn đó, nhưng chùa đã không còn xa, thậm chí rất gần. Cũng ngôi chùa trên dốc Nam Giao, ngày nay chỉ cần mười phút đi xe máy từ nhà đến chùa, còn những ngôi chùa như Thiên Mục, khi cần đi là đi, không còn nghĩ đến chuyện xa gần.

Ngày cả những ngôi chùa danh tiếng trên đất nước ta, tôi đã xóa tan cảm giác xa xôi tím mù khơi, không thể đến được. Hồi thời trẻ, tôi chẳng biết chùa Hương ở đâu, chỉ biết là xa lắm, đâu đó trên đất Bắc, và cứ mơ tưởng qua bài hát của Hoàng Quý:



*“Thuyền bơi lướt trên sóng xanh, biết bao êm đềm
Con thuyền đưa tôi đến nơi thần tiên...”*

Thế mà ngày nay, tôi vẫn đến được cõi thần tiên là chùa Hương!

Chùa ngày nay không xa mà khu dân cư thì gần, phố xá mở rộng đến bên ngoài cổng chùa. Những ngôi chùa uy nghiêm, một phần nhờ phía trước rộng rãi, phong quang, với đường đi thoáng mát từ ngoài xa; thì nay nhà cửa che khuất, bảng hiệu lòa loẹt. Chùa Vạn Phước ở Huế là một trường hợp như thế, lại thêm cảnh phản cảm của hàng ăn, hàng thịt, quán cà-phê trước cổng chùa. Tương tự, đất vườn ngôi cổ tự Phổ Quang bị lấn chiếm, và nơi cô tịch ngày nào, nay bị phá đám bởi ca nhạc cà-phê, karaoke... Ngôi chùa Ni cổ kính Đông Thiên tọa lạc phía

sau một con dốc, bên trái đường đi lên chùa Từ Hiếu, ẩn mình trong những tàng cây lưu niên, giờ đây vô hình trung bị chỉ dẫn bởi tấm bảng to tướng: Nhà hàng Chân Đồi. Xa tận phía Nam, chùa Thánh Duyên (Túy Vân) nổi tiếng là danh lam, bị chợ chiếm hết phía trước, làm cho cổng tam quan mất vẻ trang nghiêm.

Nếu trên đất cố đô đã hình thành các khu vực có những nét đặc trưng riêng như khu vực nội thành cổ kính, khu phố thị hai bên bờ sông Hương, khu vực các cơ quan hành chính và dịch vụ phía Nam sông Hương, khu đô thị Vỹ Dạ... thì cũng có những nơi tĩnh lặng, yên bình, gắn với nếp sống tâm linh như đồi Thiên An, hồ Thủy Tiên, như không gian trải rộng từ Cầu Lim đến đài Liệt sĩ, lên đến đền Huyền Trân Công Chúa, với nhiều chùa, tháp, đặc biệt là tháp Tổ Liễu Quán. Không gian này là tổ hợp những danh lam thắng cảnh dày đặc và vô cùng quý giá, với con đường rợp bóng cây xanh, thanh tịnh, thoáng đãng, làm cho xứ Huế ngày càng đẹp, càng giàu về văn hóa và nếp sống. Nhưng không thể không tính đến nguy cơ khi đã xuất hiện những nhà hàng đặc sản, quán nhậu, quán cà-phê âm ào... lẫn vào nơi thâm nghiêm, “ăn theo” chốn tu hành để tạo vẻ “thanh lịch” cho hoạt động ăn uống.

Như cảm nhận được nguy cơ xâm lấn do đô thị hóa và giá đất ngày càng cao, một số vị xuất gia sau này đã tạo lập chùa và tịnh thất ở những nơi xa xôi khuất nẻo, nơi núi rừng cô tịch. Thế là ở Huế, xuất hiện những ngôi chùa, những tịnh thất đẹp bất ngờ. Riêng ngôi chùa cổ Kim Đài, vốn trước đây gần như hoang hóa trong chiến tranh, ở trên đồi thoải thoải, phía sau bát ngát rừng thông, keo tai tượng và trầm hoa vàng, phía trước xa xa là ruộng lúa với làng mạc, lũy tre, không một tiếng động của đô thị khuấy động ngôi chùa tĩnh lặng. Các ngôi chùa khác nhỏ hơn, với mái ngói đỏ au, ẩn trong màu xanh núi đồi, với lối đi lên dốc rợp bóng cây, chỉ có tiếng chim và tiếng lá, và mùi thơm quanh quần đầu dây của hoa cỏ và sương sớm. Tuy thế, đất đai của chùa sau này không thể bì với những ngôi chùa truyền thống trên đất Thần kinh. Chỉ trừ một ngôi chùa mới, đúng hơn là một tịnh thất ở vùng kinh tế mới Bình Thành khá xa, vắng vẻ, nơi đầu nguồn sông Hương. Nơi đây xem như là cơ sở hai của chùa ni Long Thọ, ngôi chùa thường được biết đến với hoạt động từ thiện như mở các lớp dạy nghề, các lớp học thêm cho trẻ em khó khăn. Mệnh mông là đất đồi, đất ven sông, hiện nay cây cối đã lên xanh tươi, và trồng rất nhiều thứ, đặc biệt những cây ăn trái trĩu quả như hồng, cam, đu đủ, thanh long, mít, tiêu... Những vòng ớt, khoai tía, khoai từ, khoai lang, sắn... lên xanh tốt. Có loại cây khó tính như măng cụt, cà-phê vẫn thích hợp nơi đây. Phần lớn diện tích dành cho cây cao su, keo tai tượng và trầm hoa vàng. Đặc biệt chùa có ruộng lúa, hồ sen. Nhưng cơ ngơi bao la này không chỉ vì làm kinh tế nhà chùa, mà hơn hết, đó là cảnh tịnh tâm: Một điện Phật nhỏ, một tịnh thất đơn giản, hai cái chòi lá, những



giò phong lan, con đường lát đá đi xuống bến sông... trong một không gian yên lặng, vắng vắng tiếng chim.

Những ngôi chùa nói trên, đều ở nơi đầu non góc biển, vẫn không còn xa cách hồng trần bao nhiêu. Chùa nào cũng có điện, phần lớn có nước máy. Từ cõi riêng tịch liêu của mình, bằng phương tiện xe máy, người tu hành thoảng mấy chốc đã ra đường nhựa, hòa nhập với thị dân trong dòng đời. Màu áo lam, áo nâu vẫn thường thấy trong cảnh đa sắc màu của chuyển động phố phường. Nhưng còn những ngôi chùa làng, những Niệm Phật đường khiêm tốn, ẩn dật... vốn trước đây là mạch máu của truyền thống đạo và đời, bây giờ phần đông đều khó khăn trước những đổi thay phức tạp của xã hội.

Tất cả những ngôi chùa, đều lớn đều nhỏ, đều gần đều xa, đều như nhau: Thờ Phật, Bồ-tát, các vị Tổ, là nơi tu hành của người xuất gia. Tất nhiên từ nguyên thủy, không có chánh điện để thờ như thế, nhưng nhìn về bản chất, chùa là hậu thân của trú xứ thời Đức Phật tại thế. Trú xứ ấy, như lời dạy của Đức Phật: *"Ở đây, này các Tỷ-kheo, trú xứ không quá xa, không quá gần, thuận tiện cho đi và đến, ban ngày không đông đủ, ban đêm không ồn ào, không huyên náo, ít xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, và các loại rắn rít. Trú tại trú xứ ấy, tìm được không mệt nhọc các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Tại trú xứ ấy, các Trưởng lão Tỷ-kheo đến ở là những bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển; những bậc trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu, thường thường đến các vị ấy tìm hiểu, hỏi han: 'Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì?'. Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa mở rộng, trình bày những gì chưa trình bày, đối với những vấn đề còn khởi lên những nghi vấn, vị ấy giải tỏa các nghi vấn ấy"* (Phẩm hộ trì – Trú xứ. Kinh Tăng Chi Bộ. HT Thích Minh Châu dịch).

Lời dạy của Đức Phật thật là đầy đủ về việc chọn trú xứ. Chọn trú xứ ở đâu là thích hợp? Đó là nơi thanh

tịnh, an lành, dễ chịu, không khó khăn về chuyện thiết yếu của đời sống, để vị Tỷ-kheo chuyên tâm tu hành. Tiếp đó, trú xứ là nơi đến ở của những vị Tỷ-kheo thấu suốt kinh điển và thâm sâu đạo hạnh giảng pháp. Cuối cùng, trú xứ là nơi để các bậc "trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu", đến học hỏi giáo pháp từ các bậc Trưởng lão Tỷ-kheo, cũng như mở rộng vấn đề, trình bày cái mới, nêu thắc mắc, mong được giải tỏa từ các vị Tỷ-kheo.

Ngày nay, lời dạy của Đức Phật vẫn giữ nguyên giá trị, dấu cho trú xứ không chỉ là nơi tạm trú, tạm dừng chân trên con đường sứ giả Như Lai hóa độ chúng sinh, mà là những ngôi chùa trang nghiêm. Ngôi chùa đều ở nơi thị tứ, đều ở chốn non cao, phần lớn đều thích hợp cho người tu dành thời gian, ngoài thời gian học hỏi, hoằng pháp hoặc làm Phật sự bên ngoài chùa, để *"tìm tới chỗ yên vắng, ở lại nơi thanh tịnh, ngưng tụ tâm ý, ở một mình, cách biệt thế gian, đem hết tâm trí quán chiếu các pháp"*⁶. Trước kia, Đức Phật và các vị trong Tăng đoàn đi khát thực, và đồng thời giảng pháp cho thí chủ; ngày nay, tuy khát thực nói chung không còn, nhưng nhiệm vụ hoằng pháp cho những Phật tử địa phương vẫn giữ sứ mạng tiếp nối, có thể Đức Phật mới bảo "trú xứ không xa, không gần" để thuận tiện cho việc hoằng pháp. Phật tử tại gia làm nhiệm vụ hộ pháp, trước hết là cúng dường tứ sự (chỗ ở, thức ăn, y phục, thuốc thang), thêm vào đó, Phật tử tạo không gian thanh tịnh xung quanh cảnh chùa, không để cảnh tạp nham âm nhạc, ăn uống, buôn bán giành giật, huyên náo, phá vỡ cảnh tôn nghiêm của chùa... Ngoài ra, không thể không kể đến chính sách của Nhà nước, tôn trọng cảnh yên lặng và phong quang của chùa và các cơ sở thờ tự, không chỉ vì tôn giáo, mà còn vì an vui của dân, vì mong ước của người hành hương, kể cả khách du lịch.

Trong lời dạy của Đức Phật nêu trên, thật là ý nghĩa khi Ngài đề cập đến "các Trưởng lão Tỷ-kheo là những bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển" và "những bậc trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu", như là hình mẫu lý tưởng của thầy và trò trong bất cứ thời đại nào, cũng như Ngài đã chỉ ra phương pháp tu học thiết thực và hiệu quả: học hỏi, thắc mắc, trình bày vấn đề, nghe giải đáp. Như vậy, chùa là nơi giáo hóa Tăng Ni căn cơ nhất để kế tục sự nghiệp Như Lai. Ngoài ra, chùa cũng là nơi Phật tử tại gia có điều kiện tu tâm dưỡng tánh, được lay Phật, được học pháp, được giải tỏa các nghi vấn về đạo và đời, thỉnh thoảng được đàm đạo với quý thầy, quý cô; như vậy lợi ích nhiều hơn là chỉ đến chùa để đối không khí cho nhẹ nhàng, dấu rằng được tinh tâm cũng rất đáng quý.

Được như thế, chùa xa cũng thành gần; không được như thế, chùa gần cũng thành xa. ■

Chú thích:

a Con heo chùa nuôi; ôn trụ trì đặt tên Hợi.

b Thích Nhất Hạnh, *Kết một tràng hoa*, (Viết về kinh Pháp Cú Hán tạng), Mai Thôn Đạo Tràng.

Ngay xưa, bao veà "tốc ñoã

NGUYỄN KHÁC PHÊ



Muôn đời, trái đất vẫn quay như vậy; năm cũ đi qua thì năm mới đến. Vậy mà mỗi lần treo tấm bìa lịch mới lên, nếu ta không thốt kêu lên thì cũng khê xuýt xoa: "Chà! Nhanh quá!".

Năm mới, vào lúc thời gian chuyển cột mốc, con người ta suy nghĩ, ước vọng bao điều, nhưng cái ý nghĩ về tốc độ thường chọt đến đầu tiên. "Chà! Nhanh quá!..." cũng là lẽ đương nhiên. Tốc độ gắn liền với yếu tố thời gian; và trong cuộc sống hiện đại, tốc độ là một yếu tố quan trọng, từ đó chúng ta có thể bình xét suy nghĩ bao điều.

"Thời gian thấm thoắt thoi đưa". Từ bao đời, con người ta đã có cảm giác thời gian đi nhanh quá. Thật ra, nhịp đi thời gian vẫn vậy; chính là vì ta cảm nhận mình đã chậm bước trong việc này, việc kia. Một đám ruộng chưa kịp cấy, những nhịp cầu chưa sửa xong, một bài học còn bỏ dở hay một công trình nghiên cứu chưa tìm được lối ra... Vậy đó, tiếng kêu: "Chà! Nhanh quá!" thoạt nghe tưởng như là sự than van tiêu cực, nhưng thật ra lại thể hiện một cách nghĩ lành mạnh. Con người tự biết mình chưa hoàn thiện, tự kiểm điểm trung thực để rồi dần bước lên; chứ không như những kẻ làm ăn lụn bại, nhưng vẫn rêu rao "thắng lợi" và "vượt mức" nhờ phù phép, gian dối và mua chuộc. Nhận biết thời gian trôi nhanh cũng là hiểu đời người hữu hạn để không phung phí.

Cuộc sống muôn hình muôn vẻ, nên chẳng phải sự việc nào đạt tốc độ nhanh cũng làm ta hài lòng. Chúng ta vui mừng với nhịp điệu khai thác, thăm dò dầu khí và xuất khẩu lương thực tăng nhanh, nhưng lại đau lòng vì nạn tham nhũng, buôn lậu phát triển, lo âu khi giá cả nhảy vọt từng ngày... Rồi vụ những chiếc xe lăn kềnh trên khắp các nẻo đường gây tai họa cho bao người là hậu quả tất yếu khi điều kiện vật chất, trình độ kỹ thuật còn thấp mà lại định ra tốc độ cao.

Định ra tốc độ mới là một việc rất dễ dàng, nhanh chóng; chỉ qua một cuộc họp, có khi chỉ là phút chốc hứng khởi của các thủ trưởng vì một động cơ nào đó. Nhưng chuẩn bị những điều kiện để bảo đảm tốc độ mới ấy là một việc công phu, nhiều khi đòi hỏi cả ngàn vạn con người bên bỉ góp sức thấm lặng suốt năm này sang năm khác. Trong cuộc đời, đâu chỉ có xe, tàu gây tai họa vì tốc độ vượt quá điều kiện cho phép; còn có biết bao vụ đổ vỡ đau lòng vì chạy theo tốc độ duy ý chí. Những công

trình lễ khánh thành "vượt mức" chưa kịp xóa khẩu hiệu chào mừng, đã lo kéo đội quân sửa chữa đến, thậm chí phải lo cả việc chôn cất chính người xây dựng vì tường đổ, trần sập! Từ Bắc chí Nam, không thiếu những khu chợ, nhà văn hóa, bến cảng... dựng lên với bao nhiêu là tiền của để rồi bỏ mặc trong cảnh hoang phế!...

Những bài học nhân tiền mà sao con người vẫn tái phạm? Vì tăng tốc độ vốn là ước vọng chính đáng, là mục tiêu hàng đầu của muôn người đã bao đời nay. Ấy là chưa nói đến những quyết định tăng tốc độ là cách làm cho các thủ trưởng dễ nổi tiếng nhất!

Dù sao thì dòng đời vẫn cuộn chảy, không ngừng tăng tốc. Để gì phanh lại được và ai lại làm cái việc kim hãm ngược đời ấy. Có điều, xin nhớ, nếu không có "phanh" thì không một chiếc xe nào – dù hiện đại đến đâu – dám chuyển động, chứ nói gì đến tăng tốc. Và con người nếu cứ mãi mê đua tranh tăng tốc nhằm chiếm đoạt khối lượng vật chất ngày càng lớn hơn thì hiểm họa nhân tính bị chính khối lượng vật chất đồ sộ đè bẹp là điều khó tránh khỏi. Vì thế, giữa vòng quay ngày một nhanh trong cuộc sống hiện đại, ngày ngày xin nhớ dành ít phút tĩnh lặng cho tâm hồn... ■





Ni tìm Nöc Di-l aë

THỊ GIỚI

Đời sống của chúng ta dường như không tách rời với những “câu chuyện ngày xưa”. Nghe một bản nhạc, đọc một lá thư, nhìn một cơn mưa, bắt gặp một tia nắng... cũng có thể đưa chúng ta về những câu chuyện ngày xưa.

Có những câu chuyện ngày xưa chúng ta muốn lưu giữ, ôm ấp; cũng có những câu chuyện ngày xưa chúng ta muốn xóa bỏ, lãng quên. Có những câu chuyện ngày xưa tạo sự thanh bình, kết nối, đưa đời sống đi tới; cũng có những câu chuyện ngày xưa làm cho đời sống tù đọng hay đổ vỡ...

Nhưng dù thế nào, muốn lưu giữ hay xóa bỏ, tạo sự kết nối hay gây sự chia lìa... những câu chuyện ngày xưa như vẫn nằm đâu đó trong ký ức của chúng ta. Khi gặp nhân duyên thích hợp, những câu chuyện ngày xưa lại hiện ra trong cuộc sống của chúng ta dưới nhiều hình trạng. Một giấc mơ, một lời nói, một cử chỉ, một hành động, một phản ứng, một ý nghĩ thoáng qua, một kỷ niệm chợt về... đều là kết quả của những “câu chuyện ngày xưa” từ chỗ sâu thẳm nào đó trong ký ức chúng ta đúc thành.

Thật sự, những “câu chuyện ngày xưa” không bao giờ mất đi mà được cất chứa vào một cái kho đặc biệt

trong Tâm của mỗi chúng ta. Cái kho đó theo Tâm lý học ngày nay được gọi là Tiềm thức hay Vô thức.

Mặc dù mục đích khác với Tâm lý học, đạo Phật cũng đi trên con đường truy tìm cái Tâm. Và một trong những kết quả của sự truy tìm đó là giáo lý Duy thức.

Theo giáo lý Duy thức, mọi hiện tượng trong tâm và ngoại giới đều do tám yếu tố, được gọi là tám thức tạo nên. Tám yếu tố đó là: Cái biết của mắt, Cái biết của tai, Cái biết của mũi, Cái biết của lưỡi, Cái biết của thân, Cái biết của ý, Cái biết chấp ngã, và Kho chứa mọi khả năng hiện hữu của một chúng sanh. Nói theo danh từ chuyên môn, đó là tám thức được đặt tên theo thứ tự là: Nhân thức, Nhĩ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức, Mạt-na thức, và A-lại-da thức hay Tăng thức.

A-lại-da chứa đựng mọi hạt giống để tạo nên đời sống của chúng ta. Không nhị nguyên, không hữu ý và không phân biệt, nó vận hành như là một chủ thể đáp ứng cho những hoạt động trong quá khứ. Với khuynh hướng sinh sôi một cách vô thức, nó tiếp nhận những chất liệu từ Mạt-na thức và Ý thức, cùng với những hạt giống có sẵn, tạo ra mọi hiện tượng, mọi cảnh giới trong đời sống chúng ta.

Mạt-na thức – thức thứ bảy – là thức chấp ngã. Mặc dù tùy thuộc vào A-lại-da, nó coi A-lại-da là sở hữu, kéo A-lại-da theo hướng chấp ngã của nó, đặt vào A-lại-da những tính chất của một cái ngã có thật. Vì vọng tưởng chấp ngã, Mạt-na cũng ngăn che chúng ta, ngăn che mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý không cho thấy được tánh chân thật của đời sống.

Ý thức – thức thứ sáu – có chức năng nhận thức. Cùng với năm thức ngoài cùng là Thấy, Nghe, Nhận mùi, Nhận vị, Nhận xúc chạm, nó nhận thức về thế giới hiện tượng, lấy sự biểu hiện của năm uẩn – sắc, thọ, tưởng, hành, thức – làm đối tượng. Hoạt động của nó là khảo sát, quyết định và hành động, đưa vào A-lại-da những hạt giống thiện và bất thiện do sự quyết định và hành động của nó.

Mạt-na thức và Ý thức không ngừng đưa vào A-lại-da thức những hạt giống mới. Trong khi đó, A-lại-da thức cũng liên tục tác động vào Mạt-na, Ý thức, và năm thức ngoài cùng.

Vì hoạt động tạo nghiệp của bảy thức trước, A-lại-da triển khai những hạt giống nghiệp tác động lên ba cảnh giới của đời sống là dục, sắc và vô sắc. A-lại-da tự nó cũng chứa đựng những hạt giống thanh tịnh làm nguồn lực thúc đẩy chúng ta hướng về mục tiêu giác ngộ. Sự giải thoát cuối cùng khỏi tiến trình nghiệp là khi tất cả những hạt giống nhiễm ô trong A-lại-da được thay thế bằng những hạt giống trong sạch. Khi đó Thức chuyển thành Trí, phân biệt chuyển thành vô phân biệt, Tâm trở về với trạng thái ban đầu - Nhất như hay Chơn tâm.

Như vậy, mọi hiện tượng xảy ra trong đời sống đi qua một mạng lưới nhân duyên phức tạp, mà mọi sự

rắc rối là do sự chấp ngã của Mạt-na. Và sự giải thoát khỏi những rắc rối đó tùy thuộc vào sức mạnh và ý chí của Ý thức.

Mục tiêu của người Phật tử là thể nghiệm được Thực tại, ra khỏi vô minh để giải thoát khổ đau cho mình và cho người.

Có hai con đường chính để đến được với Thực tại. Đó là con đường Duy thức và con đường Trung quán. Có thể nói tất cả các pháp môn tu tập của đạo Phật Đại thừa đều được xây dựng trên tinh thần của một hoặc cả hai nền tảng đó.

Truyền thuyết nói rằng ngài Vô Trước (Asanga) trong nhiều năm tu tập thiền định miên mật đã đến cung trời Đâu-suất (Tusita) để tu học với Bồ-tát Di-lặc (Maitreya), và giáo lý Duy thức được Đức Di-lặc truyền cho ngài. Giáo lý Duy thức sau đó được hai ngài Vô Trước và Thế Thân (Vasubandhu) xiển dương ở thế gian.

Theo chân Đức Di-lặc hay tu theo pháp môn Duy thức có nghĩa là đi trên con đường chứng thực tất cả các pháp không ở ngoài Tâm, biết rằng mọi phân biệt, sai biệt, cách ngăn đều do Thức tạo, ra khỏi chấp ngã và chấp pháp, chuyển Thức thành Trí, an trú trong Chân như hay Chân tâm.

Và cũng như hầu hết các pháp môn tu tập của đạo Phật, tu Duy thức là tu từ Ý thức. Ý thức là thức mà chúng ta có nhiều chủ động nhất.

Tu tập từ Ý thức là làm cho Ý thức đưa vào A-lại-da những hạt mầm thanh tịnh và phá chấp, đồng thời kiểm soát tính chấp ngã của Mạt-na bằng việc quán sát những vọng tưởng khởi ra từ Mạt-na và những phương tiện khác. Khi Ý thức và Mạt-na thức được thanh tịnh thì A-lại-da thức và năm thức ngoài cùng cũng trở nên thanh tịnh. Tóm lại, tu Duy thức là lấy Ý thức và Mạt-na thức làm nhân, lấy A-lại-da thức và năm thức ngoài cùng làm quả.

Duy thức vừa là cứu cánh vừa là con đường.

Là cứu cánh, nó là Chân như, Như Lai tạng, là Duy tâm, nơi đó hành giả thấy Một là tất cả và tất cả là Một, tất cả không ở ngoài Tâm.

Là con đường, Duy thức sử dụng hai khả năng của Ý thức là tập trung và quán sát. Khả năng tập trung của Ý thức là khả năng định hay chỉ. Khả năng quán sát của Ý thức là nhìn thấy và phân biệt để phát huy trí tuệ. Trí tuệ ở đây là giải trừ chấp ngã và chấp pháp.

Theo các vị Thầy, tiến trình tu tập của Phật giáo Đại thừa có thể gom vào bốn thực hành chính như sau: Phát khởi tâm từ bi và hành trì giới luật, tu Chỉ hay Định, và cuối cùng là tu Quán.

Người hành giả Đại thừa xác định con đường của mình là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Với xác định đó, người hành giả cố gắng từ bỏ mọi ý nghĩ và hành động qui hướng về bản thân để hướng đến một cộng đồng rộng lớn là tất cả chúng sanh. Đó là từ bi, là tình thương rộng khắp không phân biệt. Có người định



nghĩa từ bi là “suffer together”, là “đồng cam cộng khổ”, đồng cam cộng khổ với tất cả chúng sanh.

Từ bi như vậy là động lực thúc đẩy và nâng đỡ hành giả trên con đường tu tập Đại thừa. Với từ bi, người hành giả Đại thừa kết nối với chư Phật và Bồ-tát trong mười phương. Cũng với từ bi, người hành giả kết nối với đời sống và nhận ra tính tương quan, duy nhất của đời sống, thúc đẩy người đó gắn thân vào con đường khó khăn cứu mình cứu người.

Một điều kiện không thể thiếu của từ bi là tâm bình đẳng. Tâm của người hành giả Đại thừa phải bao trùm lên tất cả, không thiên lệch và phân chia, không ưu ái hay ghét bỏ. Tình thương chân thật đến với tất cả chúng sanh chỉ nở được trên tâm đó – tâm bình đẳng hay Từ. Do đó, để phát triển tâm từ bi, người hành giả không thể không thực hành hạnh bình đẳng, coi tất cả chúng sanh như nhau.

Chẳng những từ bi với người khác, chúng sanh khác, người Phật tử cũng biết từ bi với chính mình. Lắng nghe là một hạnh của từ bi. Lắng nghe cảm giác và nhu cầu của người khác, của chúng sanh khác cũng như của chính mình để gắn gũi, kết nối với thế giới cũng như với chính mình.

Bên cạnh việc phát triển tình thương, người hành giả cũng biết rằng mình cần làm sạch những ô nhiễm từ lâu đời nằm sâu trong tâm thức. Để thực hiện việc này, hành giả cần thực hành sám hối và giữ gìn giới luật.

Tu tập từ bi và giữ gìn giới luật làm cho một người trở nên trưởng thành, thánh thiện, mở rộng, có đời sống thanh thản và hạnh phúc hơn.

Bước thứ hai trong tu tập Đại thừa là Chỉ hay Định. Đó là tiến trình gom tâm thức thành một khối để Ý thức không bị xao lãng, và ngăn Ý thức không cho đưa vào A-lại-da thức những hạt giống tiêu cực, thiết lập cho Ý thức có một chỗ an trú để bắt đầu việc quán sát giải trừ chấp ngã và chấp pháp.

Định hay Chỉ là dừng lại. Dừng lại mọi hoạt động của tâm, không để ngoại cảnh chi phối, và ở yên trong trạng thái tịch lặng và tĩnh giác.

Theo sự diễn tả của các bậc Thầy giác ngộ, con đường tu Chỉ và Quán có thể được hình dung như sau:

Đầu tiên, muốn đạt đến trạng thái Định, hành giả có

thể khởi sự bằng cách gắn tâm vào một đối tượng. Đối tượng đó có thể là hơi thở, thân, tâm, hình tượng Phật, Bồ-tát, câu niệm Phật, cảnh tịnh độ của chư Phật...

Trong quá trình tu Định, có những lúc tâm bị xao lãng hay hôn trầm. Khi phát hiện bị xao lãng hay hôn trầm, hành giả có thể kích thích tâm bằng cách hướng về một hình ảnh tâm linh gắn gũi như một vị Phật, một vị Bồ-tát, vị Bổn tôn, vị Thầy, hoặc quán tưởng ánh sáng, hay hướng tâm về những sự đau khổ đáng sợ cần phải vượt qua của thế gian.

Khi đạt được trạng thái Định chân thật, một trạng thái yên tĩnh tuyệt đối trong tỉnh giác, hành giả cảm nhận một sự yên ổn và phúc lạc lớn. Ở đó, hành giả cảm nghiệm được chiều sâu hiện hữu của chính mình, và có thể nhận biết rõ ràng mọi hiện tượng đang xảy ra trong tâm.

Thông thường, sự biết của chúng ta bao gồm người biết, sự nhận biết và đối tượng được biết. Trong thiền định sâu, ba điều này hợp nhất, trở thành một. Người nhận biết, sự nhận biết và đối tượng nhận biết hòa nhập vào nhau trong một toàn thể duy nhất, yên tĩnh và sáng láng. Trạng thái đó được gọi là an trú. Và an trú là nền tảng cho tiến trình tu Quán tiếp theo.

Thứ ba là Quán. Quán là soi rọi một cách rõ ràng. Tu Quán là tu trong Định, soi rọi vào bản tánh của hiện tượng để nhìn thấy ý nghĩa của Thực tại. Thấy được ý nghĩa của Thực tại là Giác ngộ.

Chơn Quán – quán sát chân thật – chỉ có thể thực hiện trên nền tảng an trú của tâm. Do đó trạng thái an trú là điều kiện cần phải có cho việc tu Quán. Khi đó, với sự tỉnh giác trong tịch lặng-tịch chiếu, hành giả có thể trực tiếp soi rọi vào những điều kiện giác ngộ, áp dụng những giáo huấn của Thầy, Tổ để nhìn thấy Thực tại. Quán Duy thức là soi rọi vào hiện tượng và nhận biết chúng chỉ là Thức, là những đợt sóng trôi nổi trên biển Trí. Với sự kết hợp giữa Chỉ và Quán trong lúc này, bản chất tối hậu của Thực tại sẽ được phơi bày.

Như chúng ta biết, Chơn Quán Duy Thức chỉ có thể thực hiện khi hành giả có được sự an trú trong tâm bất nhị. Do đó, ngoài những hành giả tu theo pháp môn Tịnh độ cầu vãng sanh về cõi Cực lạc phương Tây của Đức A-di-đà, những hành giả Đại thừa khác cần chuẩn

bị tâm thức theo những bước như đã trình bày là phát triển tâm từ bi, hành trì giới luật, và tu Định để có được cuộc sống lợi ích và hạnh phúc trong hiện tại, và sẵn sàng cho việc nhận lãnh giáo pháp của Đức Di-lặc trong tương lai.

Đức Di-lặc còn được gọi là Từ Thị, là bậc có tâm từ, đấng đại diện cho tâm từ. Chúng ta thấy hóa thân của Đức Di-lặc trong thế gian là hình ảnh của tâm từ. Từ là bước đầu trên con đường Đại thừa cũng là bước đầu để nhận ra tánh duy tâm, tánh toàn thể không chia chẻ của đời sống.

Với Từ, chúng ta không những tôn trọng sự sống của con người, mà còn tôn trọng sự sống của loài vật, cỏ cây, môi trường.

Hoàn cảnh thế giới ngày nay cho chúng ta thấy sự cần thiết của tâm từ, và cũng là môi trường cho chúng ta rèn luyện tâm từ. Những cảnh đau khổ do chia rẽ, đối nghịch, tham vọng, hận thù... xảy ra khắp nơi. Và với sự tiến bộ của ngành truyền thông, chúng ta có thể hàng ngày, hàng giờ chứng kiến trực tiếp những khổ đau đó của con người, sự bị tàn phá của môi trường, sự cạn kiệt điều kiện sống và sức sống của các loài động vật... Những hình tượng Đức Quan Thế Âm và Đức Di-lặc được xây dựng khắp nơi cũng nói lên nhu cầu đó.

Trên bình diện ý thức thông thường, Duy thức cho chúng ta ánh sáng để bước đi trong cuộc sống hằng ngày. Đó là lòng tự tin, tinh thần trách nhiệm và niềm hy vọng vào tương lai.

Tự tin vì biết rằng đời sống của chúng ta do chính chúng ta tạo nên, không do một thế lực nào bên ngoài. Trách nhiệm vì biết rằng mọi tình cảnh, mọi sự việc đã, đang và sẽ xảy ra trong đời sống của chúng ta và chung quanh chúng ta là kết quả của suy nghĩ và hành động của chúng ta trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Hy vọng vì chúng ta biết rằng mình có thể tự bước đi trên đôi chân của chính mình và biết mình đang đi về đâu.

Điều Thầy chúng tôi thường nhắc nhở là hãy Tin Sâu Nhân Quả. Tin nhân quả phải chăng là một hệ luận của Tin duy thức? Tin rằng mọi hiện tượng phát sinh trong đời sống chúng ta đều do nghiệp hay Thức tạo ra, nhìn thấy toàn thể giới là nghiệp, là Thức. Và từ đó, chúng ta có thể thay đổi hoàn cảnh của chúng ta và của người khác bằng ý nghĩ và hành động của chúng ta. Tin nhân quả, chúng ta sẽ cố gắng giữ gìn giới hạnh, tôn trọng những truyền thống tốt đẹp, tôn trọng những luật lệ chung, tích cực góp sức vào những việc làm lợi ích, phước thiện...

Tin nhân quả cũng cho chúng ta thấy mọi hiện tượng đều không có tự tánh, chỉ khởi lên từ nghiệp, và cả chúng ta cũng khởi lên từ nghiệp. Từ đó không chấp vào ta, không chấp vào người, không chấp vào pháp.

Nói như Thầy tôi, chúng ta đi đụng đầu vào cây cột, chúng ta lại trách cây cột. Bây giờ chúng ta nhận ra rằng cây cột không ở ngoài chúng ta và sự va đầu vào cột cũng là do chúng ta bước đi mà không để ý. Cả hai

mặt, thế giới và cách chúng ta đi trong thế giới đều không ở ngoài Thức, đều do Thức của chúng ta tạo ra.

Tin nhân quả chúng ta cũng sẽ tin rằng những hành động, ý nghĩ của chúng ta cũng đã và đang tác động vào mọi hiện tượng của thế giới và ngược lại. Thế giới được soi rọi bằng chánh niệm thì nó sẽ trở thành chánh niệm, được soi rọi bằng ánh sáng lưu ly thì nó sẽ trở nên lưu ly, được soi rọi bằng ánh sáng và tình thương của Đức A-di-đà thì nó sẽ trở thành ánh sáng và tình thương của Đức A-di-đà.

Dù những cái thấy đó chưa phải là chân lý cứu cánh, nhưng đó là cách để chúng ta giảm bớt dòng nghiệp tiêu cực ngày đêm không ngừng đổ vào thức A-lại-da. Và đó cũng có thể là nơi chúng ta tạm thời dừng lại để thấp thoáng tiếp cận với bản chất duy tâm, vô ngã của thế giới hiện tượng, là những mặt trăng giả để chúng ta có thể làm quen dần với ánh sáng của mặt trăng thật.

Bên cạnh việc tin sâu nhân quả, chúng ta cũng cố gắng thấy mình và thế giới không có sự ngăn cách.

Tiếp xúc với một cá nhân, một cộng đồng, ban đầu có thể chúng ta thấy cá nhân, cộng đồng đó hoàn toàn bên ngoài chúng ta, đối mặt với chúng ta, dòm ngó chúng ta, tạo sự khó chịu cho chúng ta. Nhưng qua thời gian, khi sự kết nối trở nên mật thiết, có thể chúng ta lại thấy cá nhân hay cộng đồng đó với ta là một, là cơ thể thứ hai của chúng ta.

Khi nhìn những ngọn sóng nhấp nhô trên mặt biển, chúng ta biết rằng sóng đó chính là nước biển. Khi đứng bên một bờ biển hoang vắng với những thứ được sóng đánh giạt vào bờ, chúng ta nhìn thấy biển ở trong những thứ đó. Như có người nghe được âm thanh của đại dương trong một chiếc vỏ ốc.

Đối diện với những ngọn sóng lên xuống của đời sống, chúng ta biết đó là những ngọn sóng khởi ra từ tâm của chúng ta, chính là tâm, mang hình ảnh tâm của chúng ta. Những con sóng của đời sống đó cũng là những con sóng chung cho tất cả chúng ta, những chúng sinh đang đi trên cùng một chiếc bè thế gian...

Tin nhân quả và hòa mình vào thế giới Một là con đường đưa chúng ta vào Giới và Từ, cũng là bước đầu cho sự dừng lại mọi lăng xăng, phân biệt và chấp ngã của chúng ta. Đó là con đường đưa chúng ta đến gần hơn với Đức Di-lặc.

Ngày mồng một Tết là ngày vía Đức Di-lặc. Thắp một nén hương, đánh một tiếng chuông, chúng ta nương theo tâm từ của Ngài để mở lòng với thế giới, với đời sống. Trong thời gian dài, chúng ta đã tự khoanh vùng không gian và thời gian, nhốt chúng ta trong giới hạn khoanh vùng đó. Đến với Ngài để chúng ta có thể thấy được, cảm nhận được rằng tất cả là bình đẳng, là duy thức, duy tâm. Tất cả không ở ngoài tâm của chúng ta, và tâm của chúng ta cũng là Tâm của đời sống.

Bây giờ chúng ta có thể lắng nghe tiếng của đại dương trong một chiếc vỏ ốc. ■



Niên khúc mùa xuân

LÊ HẢI ĐĂNG

Trong lĩnh vực nghệ thuật, những sáng tác phản ánh sự biến đổi của thời gian khởi nguồn từ các tác phẩm viết về mùa. Lũy tiến theo chiều dài năm tháng, riêng âm nhạc đã có hàng trăm tác phẩm liên quan tới mùa xuân. Nhờ tính điển hình mà mùa xuân đã đi vào thơ ca, âm nhạc, hội họa... với mật độ cao. Chùm ca khúc về mùa này lan tỏa khắp truyền thống, văn hóa. Vũ trụ vốn là người mẹ vĩ đại có sức cảm hóa, lay động trái tim con người. Trước khi đến với những bài giảng về tình yêu quê hương, đất nước, lịch sử... tình yêu đối với thiên nhiên, đất trời đã hình thành một cách lặng lẽ, âm thầm và bao trùm lên mọi hoạt động sáng tạo.

Mùa xuân đi từ ranh giới sáng tạo của thiên nhiên, đất trời theo chu kỳ không đổi đến thành biểu trưng cho sự hồi sinh, bừng tỉnh giữa nhịp đập giao hòa của con người cùng tạo vật. Tư duy một năm bắt đầu bởi mùa xuân, đời người khởi đầu từ tuổi trẻ đã phản ánh trong âm nhạc hết sức rõ rệt. Nhạc sĩ La Hối viết "Xuân và tuổi trẻ" những năm 1940, ca khúc đã bước sang tuổi ngoài 70 của đời mình mà âm điệu, tính chất hồn nhiên, trong

trẻo vẫn dạt dào, ngập tràn trong không khí ban mai như buổi đầu không tuổi.

*"Ngày thắm tươi bên đời xuân mới.
Lòng đắm say bao nguồn vui sống.
Xuân về với ngàn hoa tươi sáng.
Ta muốn hái muôn ngàn đóa hồng..."*

(La Hối – Thế Lữ: "Xuân và tuổi trẻ")

"Xuân và tuổi trẻ" ban đầu có tiêu đề "Thanh niên dữ thanh xuân" (Tuổi trẻ và xuân trẻ), do nhà thơ Hoa Kiều Diệp Truyền Hoa viết lời Hoa:

*"Tuổi xuân ngập tràn trong em
Hy vọng lấp lánh trong mắt em
Sợ chi gian khổ và đau khổ
Sợ chi khó khăn vây tròng tròng...
Hãy trông gió xuân thổi nhẹ qua mặt đất
Bao nhiêu hoa cùng nở trên đầu cành
Bạn ơi chẳng lẽ không vui sao
Lắng nghe tiếng chim đua hát bài ca mùa xuân..."*

(Lê Hải Đăng lược dịch)

Sau khi nhà thơ Thế Lữ viết lời Việt, tác phẩm này đã nhanh chóng phổ biến. Lời ca (tiếng Việt) và giai điệu gắn kết với nhau như chưa từng có sự “gán ghép”. “Xuân và tuổi trẻ” đã đi qua nửa thế kỷ mà vẫn cuộn trào sức sống mặc cho năm tháng trôi qua.

Mùa xuân dường như chẳng bao giờ có tuổi. Vẻ đẹp nguyên sơ đắm đuối sắc hương khiến cho xuân năm nào cũng như “Mùa xuân đầu tiên”. Dù ra đời sau những tác phẩm bất hủ, như “Thiên thai”, “Suối mơ”, “Cung đàn xưa”, “Trương Chi”, “Buồn tàn thu”... hơn một phần tư thế kỷ, “Mùa xuân đầu tiên” của Văn Cao trước sau vẫn thủy chung vẹn nguyên với âm nhạc lãng mạn. “Mùa xuân đầu tiên” đã đi từ cảm xúc mong manh, sương khói đến tính chất phi thời gian để trở về cõi Đào nguyên của thuở ban đầu.

*“Rời dật diu mùa xuân theo én về
Mùa bình thường mùa vui nay đã về
Mùa xuân mơ ước ấy đã đến đầu tiên...”*

Mặc dù “Mùa xuân đầu tiên” được chuyển tải bằng nét nhạc đẹp trong trẻo như suối nguồn, bay bổng qua điệu valse truyền thống của âm nhạc phương Tây vốn đã làm nên tên tuổi của Văn Cao từ những ca khúc: “Làng tôi”, “Cung đàn xưa”, “Ngày mùa”... Nhưng, “Mùa xuân đầu tiên” cũng không giấu được nỗi buồn man mác phảng phất bên trong ca từ, cũng như tính chất giai điệu viết bằng điệu thứ. Đây chẳng phải “Mùa xuân đầu tiên” của đất trời mà xuất phát bởi lòng người sau dâu bể cuộc đời đã đi qua.

*“Ôi giờ phút yêu quê hương làm sao trong xuân
vui đầu tiên*

*Ôi giờ phút trong tay anh đầu tiên một cuộc đời
êm ấm.*

*Từ đây người biết quê người
Từ đây người biết thương người
Từ đây người biết yêu người...”*

Với lời ca đầy ẩn ý lẫn vào bên trong từng câu hát đã biến ca khúc thành nơi hội tụ của những xúc cảm dồn nén, đa nghĩa. “Vội khổi bay trên sông gà đang gáy trưa. Bên sông một trưa nắng vui cho bao tâm hồn...” đã đem đến cho lòng người cảm giác ấm áp, bình yên, nồng nàn như gió thoảng bay qua miền ca dao êm đềm.

Mùa xuân có lẽ do gắn liền với mùa Tết, nên ca khúc viết về mùa xuân theo đó mang đến không khí ngập tràn vui tươi, phấn khởi... Chúng được viết bởi tâm thái hồn nhiên, trong trẻo của lòng người trước thiên nhiên, cảnh vật mùa xuân. Xét về tuổi đời, con người mãi mãi chỉ là đứa trẻ. Đứng trước hình hài kỳ vĩ của vũ trụ cùng sự trở về của người mẹ dịu hiền từ thiên nhiên mùa xuân ấm áp, con người vẫn như trẻ thơ. Tâm thức về mùa xuân dù chìm xuống tầng vô thức hay nổi lên trên ý thức, tiết xuân và Tết vẫn hòa quyện vào nhau như bản tình ca trong nắng.

*“Nắng chiếu lung linh muôn hoa vàng
Chờ tia nắng về trong ánh mùa xuân
Gió mãi mơn man trên môi hồng
Người em yêu tìm quên trong cuộc sống
Bướm vẫn tung tăng bay la đà
Mặt trời mây buồn nhẹ trôi thiết tha
Ánh mắt mơ trông nơi xa vời
Chờ mùa xuân đến đem nguồn vui...”*
(Quốc Dũng: “Điệp khúc mùa xuân”)

Với “Ngày Tết quê em” của nhạc sĩ Từ Huy, nét nhạc mở đầu còn phỏng theo tiết tấu nhịp trống múa lân rộn ràng, reo lên không khí tung bùng, náo nhiệt báo hiệu cho một mùa xuân vui.

*“Tết Tết Tết Tết đến rồi
Tết Tết Tết Tết đến rồi
Tết Tết Tết Tết đến rồi
Tết đến trong tim mọi người...”*

Âm nhạc không chỉ dừng lại ở mục đích chuyển tải bức thông điệp của tình cảm mà còn vươn tới thu gom nội hàm đa nghĩa. Ở tiếng Việt, bản thân từ “Tết” đã chứa đựng ý nghĩa sâu rộng hơn khả năng biểu đạt của một đơn vị từ. Nó chuyển tải giá trị có khả năng biểu ý sang khuynh hướng tượng trưng nhằm kết nối phạm vi tình cảm và ý nghĩa với nhau. Cũng giống như hư từ trong sáng tác âm nhạc dân gian có khả năng chạm vào vùng tri giác mênh mang thay vì phản ánh sự vật hiện tượng cụ thể. Bởi vậy, tác giả “Ngày Tết quê em” đã khéo lồng ghép âm tiết (ngôn ngữ) vào tính chất tượng trưng thông qua kết cấu của nét nhạc mở đầu, từ đó làm thay đổi cách thức tiếp nhận ở người thường thức kéo họ theo dòng cảm xúc dạt dào của âm thanh xô đẩy. Ngay trong mấy ô nhịp đầu, không khí hồ hởi, vui tươi, náo nhiệt đã được phác lên trên một âm hình tiết tấu chủ đạo (Tết Tết Tết Tết đến rồi) và được mở rộng bằng thủ pháp “Mô tiến” (tiến hành mô phỏng) để dẫn dắt người nghe lạc vào thế giới âm thanh có hình sắc biến ảo.

*“Mừng ngày Tết trên khắp quê tôi
Ngàn hoa thơm khoe sắc xinh tươi
Đàn em thơ khoe áo mới
Chạy tung tăng vui pháo hoa...”*

Ngày xưa khi đất trời vào xuân, con người tổ chức nhiều sự kiện để đón khoảnh khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới. Tiếng pháo giao thừa có tác dụng xua đuổi con quỷ có âm mưu lấn chiếm cõi người được thực hiện bằng thói quen văn hóa (truyền thống) như một phán quyết đầu xuân. Tiếng pháo không chỉ đánh dấu sự khởi đầu cho một chu kỳ mà còn là khúc dạo đầu của mùa xuân.

*“Một bài ca đón chào mừng
Hòa theo tiếng pháo đi đùng*



*Mừng xuân nay đã về rồi
Và mùa đông vừa qua
Ngập trời bao tiếng chào mừng
Nàng xuân duyên dáng về rồi
Về gieo bao mầm tươi vui
Lòng ta thấy yêu đời..."*

(Minh Kỳ: "Xuân đã về")

Xuân đến với trời, Tết về với người theo quy luật muôn đời. Trong ca khúc "Đón xuân" của Phạm Đình Chương, cảnh sắc lung linh, giao hòa thiên giới và hạ giới hiện lên giữa niềm vui hân hoan chào đón mùa xuân.

*"Kìa trong vạt nắng
Mạch xuân tràn dâng
Khóm hoa nhẹ rung
Môi cười thẹn thùng
Cùng bao nguồn sáng
Bướm say duyên lành
Thắm tô trời xanh
Đàn chim tung cánh
Hãy vui đón mừng mùa nắng tươi lan..."*

(Phạm Đình Chương: "Đón xuân")

Tết năm 2011, ca khúc "Đón xuân" trở thành hiện tượng âm nhạc! Trên khắp nẻo đường thành phố, nơi công viên,

quán xá đông người đều phát ca khúc "Đón xuân". Hồi cố lại sự kiện năm 2011, nhiều người chắc hẳn chưa quên năm đó có hai cái Tết (Tết Tây và Tết Ta) đến liên tiếp, gần nhau. Dường như mọi người chưa kịp nhận ra Tết thì Tết đã đến rồi. Tết đến một cách lặng lẽ, âm thầm, vội vã khiến cho phiên chợ cuối năm chưa kịp neo đậu trên những cung đường quen thuộc thì mùa xuân đã về! Tình cảnh chưa chuẩn bị tâm lý trước mùa xuân đã biến giai điệu của "Đón xuân" nhanh chóng lây lan, nói thay cho tiếng lòng người thổn thức.

*"Nào ai hững hờ
Xuân vẫn ngóng chờ
Tới đây nắm tay cùng ca múa
Hát lên đón xuân của tuổi thơ"*

Mùa xuân muôn tuổi đã đi qua, nhan sắc, phẩm tính nàng xuân chẳng hề thay đổi. Xuân vẫn đẹp dịu dàng, tượng trưng cho tuổi trẻ, tuổi xuân, sự hồi sinh giục giã. Đi suốt chiều dài năm tháng, mùa xuân cũng để lại bao vấn vương, hoài niệm, phảng phất nỗi khát vọng chưa tròn ngàn đời. "Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua. Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già". Cảm nhận về tính hữu hạn của mùa xuân trên hai chiều không gian - thời gian biến đổi đã đem đến niềm khát khao vô bờ một mùa xuân trường tồn và mãi mãi. ■



Đoạn đường mười năm

NGUYỄN TƯỜNG BÁCH

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đến với độc giả đã vào năm thứ mười, một đoạn đường dài so với khả năng nhỏ bé của mình. Nhất là khi tập san này tồn tại trong một thời kỳ đầy biến động của dân tộc. Mười năm kể ra không dài trong lịch sử. Thế nhưng trong thời kỳ vừa qua, dân tộc chúng ta đã trải qua một chặng đường trải nghiệm đáng suy nghĩ.

Tiến trình của dân tộc không nằm ngoài quỹ đạo chung của thế giới. Hai đặc trưng của thập kỷ vừa qua trên thế giới là sự biến động dữ dội về kinh tế tài chính và ảnh hưởng của nền công nghệ thông tin trên mọi hoạt động của con người. Thứ nhất, trong thời gian đó các nền kinh tế trên thế giới đã lộ ra tất cả ưu và khuyết điểm, cho thấy hết giới hạn và khuyết tật của hệ thống chính trị và kinh tế của mình. Một số nước phương Tây,

vốn thuộc khu vực mạnh của nền kinh tế thị trường, đã tiến tới bờ vực của sự phá sản. Khả năng đổ vỡ của đồng euro là một bóng ma luôn đe dọa các nước Tây Âu. Bên cạnh đó Trung Quốc vươn lên, trở thành lực lượng kinh tế nhất nhì thế giới. Thế nhưng cái giá mà họ phải trả là một môi trường sống hầu như cạn kiệt và sự phân hóa giàu nghèo đã lên mức khủng khiếp.

Đặc trưng thứ hai của thập kỷ qua là sự chuyển biến quá nhanh chóng của đời sống dựa trên công nghệ thông tin. Trước đây khoảng mười năm hẳn không ai ngờ hệ thống internet có thể thay đổi cuộc sống, hoạt động của con người một cách sâu sắc như hiện nay, trên mặt cá thể cũng như vĩ mô của toàn thể xã hội. Phương cách vận hành trong một phạm vi to lớn như toàn xã hội, hay nhỏ hơn trong các công ty, thậm chí sinh hoạt trong gia đình đã khác trước một cách bất ngờ.



Với tốc độ phát triển của ngành tin học và với tính chất liên kết ngày càng rộng mở giữa các quốc gia và các tập đoàn kinh tế, khuynh hướng toàn cầu hóa nói trên sẽ ngày càng tăng tốc.

Nước Việt Nam chúng ta không hề nằm bên lề của sự vận hành chung, ngược lại, là nước nằm trong một khu vực phát triển nhanh nhất trên thế giới. Việt Nam là một quốc gia không hề nhỏ, đứng hàng 13 về dân số¹, chúng ta đang hội nhập và chịu sự tác động mạnh mẽ của nền kinh tế và chính trị toàn cầu. Vừa nằm trong khối ASEAN, vừa đang đàm phán để gia nhập Hiệp định Đối tác Kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), nước ta có vị trí đáng kể của mình trong khu vực. Mặt khác, do các tổn tại lịch sử và vị trí địa lý, Việt Nam chịu một tác động mạnh mẽ từ Trung Quốc. Các chủ trương chính sách của quốc gia to lớn phương Bắc này dù muốn dù không sẽ đóng một vai trò then chốt trong sự phát triển của Việt Nam, nhất là khi nước này đã trở thành siêu cường trên thế giới.

Vừa hồi sức sau cuộc chiến tranh, vừa không chuẩn bị về tri thức lẫn kinh nghiệm trước sự vận hành mới mẽ của làn sóng toàn cầu hóa, nước Việt Nam chúng ta hoàn toàn rơi vào thế bị động. Hơn thế nữa, lịch sử để lại một di sản nặng nề: chúng ta nằm trong một mối liên kết với người láng giềng phương Bắc, một mối liên kết quá chặt chẽ do chính trị, kinh tế và văn hóa để lại. Đã đành lịch sử là do con người tạo ra nhưng khi nó đã hình thành thì lại trở thành tiền đề *khách quan* cho những tiến trình sau đó. Việt Nam của thế kỷ 21, nói cho cùng, không hề tách rời khỏi mối liên hệ “bạn thù” sau Thế chiến thứ hai, trong những năm 40 của thế kỷ trước.

Ngày nay nước ta đang nằm trong một tình trạng đáng bị quan hơn lạc quan. Nền kinh tế của chúng ta nhỏ yếu so với khu vực, đời sống người dân bấp bênh, sự cách biệt giàu nghèo ngày càng to lớn. Việt Nam như một con thuyền đang bị sóng gió xô đẩy ngã nghiêng. Chúng ta thiếu nhất quán trong việc định hình một trật tự kinh tế nhất định, một mặt vừa kiên trì

tính “định hướng”, mặt kia lại mong cầu bên ngoài thừa nhận tính “thị trường”. Song song, Việt Nam nằm trong vòng ảnh hưởng của siêu cường phương Bắc, một kẻ láng giềng vô cùng phức tạp, một mặt không muốn ta thực sự giàu mạnh, mặt kia cũng không muốn ta rơi vào ảnh hưởng chính trị của đối thủ.

Những nghịch lý nói trên đang đưa nước ta vào một tình trạng có nhiều điểm tối hơn điểm sáng. Nền kinh tế là một dạng hình tiền tư bản, trong đó sức làm việc người dân bị vắt kiệt, quyền lợi lao động và xã hội của người dân không được đảm bảo. Đồng thời Việt Nam là một xã hội được lèo lái bởi một tầng lớp có tiền và có quyền, tập hợp quanh những “nhóm lợi ích” vô hình. Bên trong, chúng ta thiếu một đường lối nhất quán, giàu kinh nghiệm, nhân văn. Bên ngoài, chúng ta không có một chỗ dựa thực sự đáng tin cậy, nói ai cũng là bạn nhưng không có bạn nào thân thiết cả.

Từ đó, hệ quả đáng quan ngại nhất của nước ta là tình trạng đạo đức văn hóa ngày càng xuống cấp, một điều mà tất cả các mạng truyền thông đều thừa nhận. Hai đặc tính rõ nhất của tình hình đó là tình đối trá và nạn bạo lực đang lan tràn trong xã hội, kể cả trong lĩnh vực giáo dục, y tế. Nếu tiếp tục tình trạng này, người có tâm sẽ tự hỏi, đất nước ta sẽ đi về đâu?

Rõ rệt là đất nước chúng ta đang cần một sự đổi mới, như đã đổi mới trong năm 1986 của thế kỷ trước. Đây là một sự nghiệp to lớn, liên quan đến toàn bộ phương cách điều hành của cả quốc gia. Nội dung của bài này sẽ chỉ tự giới hạn trong lĩnh vực văn hóa, một lý do là văn hóa chính là cơ sở của một sự đổi mới bền vững.

Mặc dù kinh tế và chính trị luôn luôn là “mặt tiền” của sự phát triển của một nước, nhưng văn hóa là nền tảng cơ bản, là giá trị nội tại của mọi sự phát triển. Joseph Joubert (1754-1824), nhà văn hóa Pháp đã nói: “Văn hóa không phải là điều thấy được, mà là sợi dây buộc tất cả lại với nhau.” “Tất cả” của Joubert là mọi dạng hoạt động xã hội, từ ý thức hệ chi phối cả nước đến thái độ hàng ngày của con người trong gia đình, trên đường phố. Trong sự phát triển vũ bão của khoa học kỹ thuật thì văn hóa là những giá trị bền vững nhất của loài người, thậm chí nó giữ vững tính người trước sự cám dỗ của các khả năng do tri thức mới mẽ đem lại. Văn hóa là “tình trạng nội tại”, nói như Joseph Chamberlain (1836-1914)², chính khách nổi tiếng người Anh, trong câu “Văn hóa không liên quan gì đến kỹ thuật và kiến thức khoa học, nó là một tình trạng nội tại”. Khoa học kỹ thuật phát minh ra bom nguyên tử nhưng trong trường hợp nào thì ta mới được sử dụng nó? Khoa học kỹ thuật cho phép nhân bản con người nhưng liệu ta có nên? Đó là những vấn đề thuộc “tình trạng nội tại”.

Vì thế, đổi mới đất nước là đổi mới trong tư duy, trong chủ trương xây dựng một xã hội như thế nào, trong quan niệm về vị trí và quyền lợi của con người trong xã hội đó. Vấn đề này không hề mới mẻ tại Việt

Nam, đã bắt đầu với Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Trong nửa thế kỷ qua, đã có nhiều luận điểm và chủ trương được đề ra và áp dụng. Thế nhưng trước tình trạng văn hóa ngày càng suy thoái, chúng ta phải bình tĩnh xét lại. Năm 1986 chúng ta đã xét lại và đổi mới về kinh tế và nhờ đó mà có một bước phát triển ngoạn mục. Thế thì đầu thế kỷ 21, nếu chúng ta cũng xét lại và đổi mới về tư duy điều hành đất nước thì thiết nghĩ điều đó hoàn toàn hợp lý.

Những điều nói trên thực ra không mới lạ gì cả trong truyền thống cả nước trong những năm qua, thậm chí chúng xuất hiện ngày càng nhiều, ngày càng bức xúc. Thế nhưng tìm ra cho ra một lối đi cho quốc gia trong hoàn cảnh này hoàn toàn không đơn giản. Khó hơn nữa khi ta nghĩ đến việc thực hiện một điều gì mới mẻ trong một xã hội đã quen những con đường mòn của mình. Tuy vậy, như mọi sự trên đời, khi “nhân duyên” hội tụ đầy đủ thì sự thay đổi sẽ diễn ra, như ta đã chứng kiến về mặt kinh tế.

Trong phạm vi của tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*, ta tự hỏi nền văn hóa Phật giáo Việt Nam sẽ làm được gì trong bối cảnh này? Lịch sử cho thấy đã lắm lần Phật giáo đóng một vai trò tích cực cho xã hội.

Một quan niệm thuộc tính chất cốt tủy của đạo Phật là tôn trọng quyền tự do tư duy của con người, không ép buộc người khác phải suy nghĩ như mình, như trong kinh Kalama³ cho thấy. Trong kinh, Phật khuyên con người nên tự mình kiểm tra, xét nghiệm, “như người thợ vàng dùng lửa thử vàng” mọi giáo điều trước khi trao niềm tin cho nó, kể cả đạo lý của chính Ngài. Nếu sau khi đã thử nghiệm và thấy nó “lợi ích cho mình và cho người” thì hãy tin vào nó. Đạo Phật hoàn toàn xa lánh với phương pháp sử dụng bạo lực, ngược lại dùng nhận thức để xử lý vấn đề, một điều nghe qua thì hiển nhiên nhưng ngày nay không phải luôn luôn phổ biến tại nước ta. Triết gia Hy Lạp cổ đại Plato (427-348 trước Công nguyên) cũng đã từng nói “Văn hóa là sự chiến thắng của lòng tin đối với bạo lực”.

Cũng từ thời cổ đại, Phật cũng đã nêu tấm gương về dân chủ của xứ Licchavi và cho thấy nếu dân chúng được hỏi ý kiến rộng rãi thì trong nước sẽ “đoàn kết” hơn⁴. Lạ thay, cách đây 25 thế kỷ, trong một thời đại thuần túy quân chủ mà Phật giáo đã nêu khái niệm dân chủ trong giáo lý của mình. Ta dễ dàng nhớ đến ý niệm dân chủ cũng đã hình thành trong thời cổ đại Hy Lạp và thấy rõ dân chủ là một giá trị chung của loài người mà ngày nay nó đã trở thành nguyên lý chung của tất cả hiến pháp của mọi quốc gia.

Mục đích tối hậu của đạo Phật là giải thoát, tức là giải phóng con người ra khỏi vô minh và ràng buộc. Dĩ nhiên đây là mục đích vô cùng sâu xa và mang đậm nét tâm linh, xa hơn hẳn cuộc sống xã hội hàng ngày. Thế nhưng điều đáng nói là Phật giáo lấy con người làm chủ thể của mọi nỗ lực. Phục vụ con người “là phục vụ

chư Phật”, đó là câu nói ta thường nghe. Thế nên tính chất trung tâm của đạo Phật trong tâm nhìn xã hội là tính nhân văn, lấy hạnh phúc cao đẹp của con người làm cứu cánh cho mọi hoạt động chính trị và kinh tế.

Từ những điều đã nêu trên, ta có thể xác lập ba tính chất của Phật giáo trong viễn kiến về một sự nghiệp văn hóa cho dân tộc. Đó là *tự do*, không giáo điều và xa lánh bạo lực; *dân chủ*, tôn trọng ý kiến của quần chúng và *nhân văn*, lấy con người làm đối tượng phục vụ.

Những tính chất trên nghe qua có vẻ hàn lâm và lý thuyết nhưng nếu xét trong góc độ văn hóa, trong “tình trạng nội tại” của một dân tộc, chúng quả thực xứng tầm và chính là cơ sở cho một sự chuyển mình to lớn của dân tộc. Các nước phương Tây cũng luôn luôn khẳng định lại những nền tảng có tính chất ý thức hệ tương tự như thế và cũng đến với kết luận không xa với những điều vừa nói. Cả “siêu cường” Trung Quốc cũng đi tìm cho mình một nền tảng văn hóa, sau khi cơ sở cũ đã bị đào thải. Họ phát hiện lại, theo cách của họ, ý thức hệ Khổng giáo và bắt đầu đánh bóng cho một nền trật tự chính trị cũ xưa, được tân trang và gò ép với một chủ ý chính trị để nhận biết. Họ còn bày biện thêm những Viện Khổng Tử, thiết lập khắp thế giới để phục vụ ý đồ quyền lực của họ.

Đầu thế kỷ thứ 21, ta chứng kiến một trào lưu mới: các quốc gia xác lập lại hay củng cố thêm những cơ sở văn hóa của chính mình. Tất cả đều đứng trước một yêu cầu vô cùng bức thiết, đó là phải minh định những giá trị cơ sở cho toàn xã hội, chúng là “sợi dây buộc với nhau mọi sự” vì “mọi sự” diễn ra quá nhanh, quá dễ vượt ra tầm kiểm soát của con người.

Tại Việt Nam tình hình càng bức xúc hơn nữa. Xác lập một cơ sở văn hóa và dựa trên đó mà tổ chức lại xã hội và nền chính trị là khát vọng chung của toàn thể dân tộc. Trong tình hình đó giáo lý Phật giáo Việt Nam có thể đóng một vai trò quan trọng, xứng đáng với danh nghĩa của mình, cũng như trong lịch sử đã từng.

Tạp chí bé nhỏ *Văn Hóa Phật Giáo* hoạt động gần mười năm qua cũng chỉ vì lẽ đó và nếu có tiếp tục phục vụ cho mười năm tới đây nữa cũng chỉ vì lẽ đó. ■

Chú thích:

1. Về mặt dân số, Việt Nam đứng sau Philippines và trước Đức.
2. Hai con trai của ông là Neville Chamberlain, Thủ tướng Anh và Austen Chamberlain, Ngoại trưởng Anh và khối nguyên giải Nobel về hòa bình.

3. Kinh Kalama, thuộc *Tăng Chi Bộ kinh*, trong đó Phật khuyên ta hãy tin tưởng điều gì sau khi đã tự mình kiểm chứng sự thực của nó bằng nhiều phương pháp, bác bỏ niềm tin giáo điều và mù quáng.

4. Xem thêm trong Maha Parinibbana Sutta (*Kinh Đại Bát Niết Bàn*, D. II, 72-66). Đáng chú ý là bài “Có học thuyết chính trị trong truyền thống Phật giáo hay không?”, xem <http://www.tuvienlienhoa.net/KinhDien/uni/u-vbud/vbpha489.htm>.



Số báo xuân đuyên nợ

HẢI TRÌNH

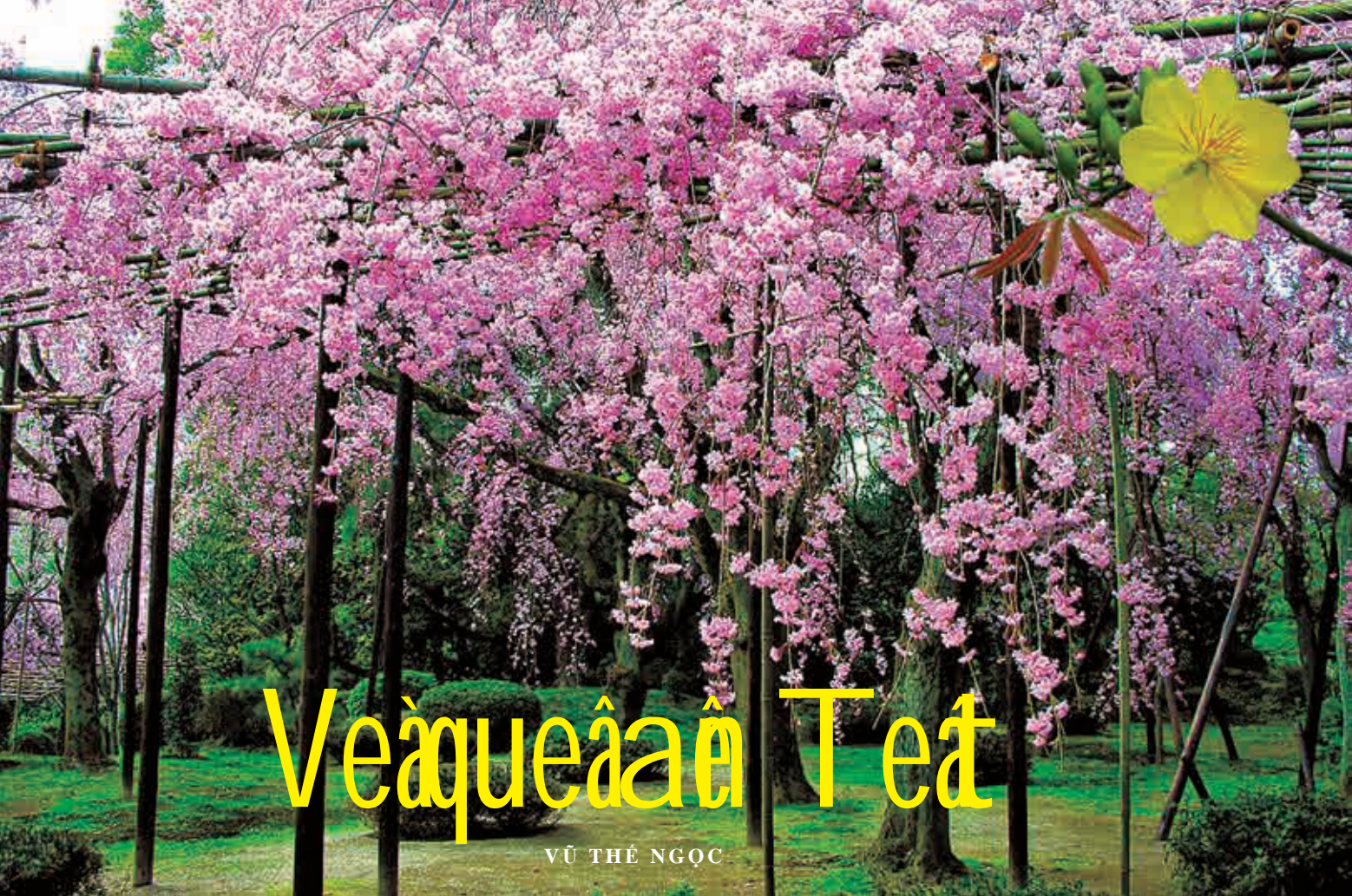
Trong lần ghé thăm nhà một người bạn đồng hương ở Cần Thơ, tình cờ tôi thấy tập báo xuân tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* để trên bàn. Nghe tên tờ báo đã từ lâu, và nhiều lần tôi cũng muốn tìm đọc, thế mà đến hôm ấy mới được nhìn thấy tận mắt. Tôi mừng vì chuyện không cầu mà lại gặp. Lại một sự trùng lặp đầy lý thú khi đây là số báo đầu tiên mà cũng là số báo Xuân. Đa phần hình bìa những số báo xuân thường được trang trí bằng những hình ảnh sắc sảo, bắt mắt. Trái lại, tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* lại trình bày vô cùng giản dị. Phía dưới chỉ in vắn vện hình nửa đóa hoa đào hồng nhạt, khiêm nhường ẩn trong nền đỏ sắc xuân. Phần trên là bốn chữ Nôm "CHÚC MỪNG NĂM MỚI" viết theo lối thư pháp, màu vàng rực rỡ, thoáng nhìn ta cứ ngỡ là những đóa hoa mai. Nhìn kỹ đầu trang bìa, tôi mới hay rằng tạp chí đã phát hành được năm năm rồi mà đến bây giờ mình mới được đọc (tháng Hai năm 2005 - Xuân Ất Dậu). Tôi thầm nghĩ mình lạc hậu thật. Rồi cũng tự an ủi; ở một nơi xa xôi hẻo lánh như tôi thì chuyện cũng chẳng có gì đáng buồn. Thấy tôi mãi mân mê tập báo, người bạn bèn ngỏ ý biếu tôi. Tôi mừng vui khôn xiết, âu cũng là một cơ duyên. Về nhà, tôi đọc chẳng sót một trang nào. Khác với suy nghĩ trước đây; tôi cứ nghĩ rằng nội dung của tạp chí chắc phải mang nặng tính kinh điển, giáo điều và chắc chắn là cao siêu khó hiểu lắm. Nhưng khi xem xong, thì với một người tầm thường như tôi cũng có thể tiếp thu dễ dàng nội dung những bài viết ấy. Điểm đặc biệt ở đây tuy là báo Đạo, nhưng lại có những bài viết rất "Đời". Tôi vô cùng cảm động khi đọc truyện ngắn *Món mứt của mẹ* của chị Trần Thị Linh Chi, cũng là một người bạn đồng hương ở Cần Thơ. Cũng chính nội dung truyện ngắn này đã thôi thúc tôi tập tành bước vào cái nghiệp cầm bút. Suốt một tuần mày mò, rên rữa, tôi mạnh dạn gửi bài để đăng đến tòa soạn và hồi hộp đợi chờ. Và điều mong đợi đã đến; chưa đầy nửa tháng sau tôi nhận được báo biếu và tiền nhuận bút của tòa soạn. Nói sao hết nỗi mừng vui. Sự nỗ lực của tôi đã được đền đáp. Vốn yêu văn chương, nhưng đã hơn nửa đời người, tôi chưa bao giờ viết nổi một bài văn, ngoài những bài làm thuê còn đi học. Vậy

mà giờ này mình lại có bài được đăng lên báo. Đây là niềm khích lệ, là cơ duyên đưa tôi đến với nghiệp văn chương và cũng là cơ duyên để tôi làm quen với tòa soạn Tạp chí *VHPG*. Đầu xuôi, đuôi lọt, thế là đã ba năm liền thảnh thưởng tôi có một vài bài được tòa soạn chọn đăng và đã nhận được những tập báo biếu trang trọng. Tôi thầm nghĩ, mình có được niềm vui hôm nay là từ duyên nợ của số báo Xuân *VĂN HÓA PHẬT GIÁO* ngày nào. Và cũng thông qua tạp chí này, tôi có được một kỷ niệm đẹp khó quên. Qua nội dung bài viết về một người thầy cũ của mình nhân ngày Nhà giáo Việt Nam, khi gửi đến tòa soạn thì "Một người trong tòa soạn lỡ mờ nhận ra hình ảnh thầy Nguyễn Khuê" và đã gọi điện hỏi lại tác giả, tác giả xác nhận người thầy mà tác giả viết trong bài chính là thầy Nguyễn Khuê..." (nguyên văn lời của tòa soạn). Chuyện tình cờ đầy thú vị này được Ban Biên tập ghi ngay trên đầu bài báo để giới thiệu, thật là một vinh hạnh cho tôi.

Ngồi lần tay tính lại, đến mùa xuân này thì tạp chí *VHPG* đã cho ra đời chín số báo Xuân, như đã tặng cho độc giả chín nhánh mai vàng rực rỡ. Nhưng cũng không tránh khỏi nhiều nỗi nhều khê của cuộc đời. Tôi rất cảm thông và vô cùng xúc động khi tạp chí đã "khoe" với độc giả và đồng bào Phật tử về việc đã đặt được tấm bằng đồng ghi tên Tạp chí *VHPG*. Khoe là bởi quá mừng! Sau đây là nguyên văn một đoạn trích trong Thư tòa soạn số báo 148 ra ngày 1.3.2012: "... *VHPG* cũng mới có thêm một niềm vui mới, mặc dù không đáng gì nhưng cũng không nhỏ, đó là sau bảy năm hoạt động, đến nay tòa soạn đã có một tấm biển nhỏ 30cm x 50cm ghi tên Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* được trang trọng treo lên ở mặt trước khuôn viên 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa..."

Đang ở độ tuổi "ngồi đếm lá vàng rơi"; không còn màng hơn thua, danh lợi, nhưng mỗi độ gió đông về, lòng tôi lại nao nao; muốn ươm một cành hoa nhỏ để góp vào Vườn Xuân của tạp chí vốn đã duyên nợ tự thưở nào với đời tôi. ■

* *Thầy Nguyễn Khuê cũng là một thân hữu của Tạp chí VHPG.*



Về quê ăn Tết

VŨ THÊ NGỌC

*Niên niên nan quá niên niên quá.
Xứ xứ vô gia xứ xứ gia.¹*

Mùa Giáng sinh và Tết Dương lịch ở Mỹ thật ra bắt đầu từ lễ Thanksgiving vào ngày thứ Năm cuối cùng của tháng mười một. Ngày lễ Tạ ơn này mới thật sự có cái không khí đoàn tụ gia đình giống như Tết Việt Nam. Mùa nghỉ Tết Dương lịch được nghỉ lâu hơn nên người ta còn hay đi chơi xa, nhưng ngày lễ Tạ ơn người ta thường chỉ trở về tụ họp gia đình vì số ngày nghỉ cũng ngắn hơn. Và lại nguyên ủy lễ này cũng là ngày cả gia đình sum họp đã có từ thời người Âu châu mới đến lục địa Mỹ. Đây là thời gian tất cả gia đình quây quần nghỉ ngơi vào dịp chấm dứt mùa màng và sửa soạn cho cả mùa đông bằng giá bất động trước mặt. Những ngày lễ Tạ ơn đầu tiên còn có sự góp mặt của người thổ cư bản địa mang thực phẩm đến chung vui với những người di dân đầu tiên ấy. Tục ăn gà tây nướng vào ngày lễ này cũng là món ăn do dân bản địa giới thiệu, và cho đến ngày nay dân Mỹ vẫn tiếp tục ăn món truyền thống vào lễ này. Theo thống kê thì riêng lễ Tạ ơn năm trước người Mỹ đã ăn tới 4,5 triệu con gà tây. Tuy nhiên để bạn yên tâm, cho đến ngày nay gà tây hoang vẫn tiếp tục sống còn ở nhiều nơi. Ngày nay người Mỹ vẫn tiếp tục ăn gà tây vào lễ này mà còn thêm “tục” sắm hàng đi mua sắm vào ngày thứ Sáu hôm sau,

ngày có tên là “Black Friday.” Ăn lễ Tạ ơn thì chỉ mới có vài nước “ăn theo” nhưng việc sắm hàng đi mua sắm vào ngày “Black Friday” thì hiện nay có rất nhiều quốc gia bắt chước. Đây là dịp các nhà hàng bán lẻ bán “đại sale” với giá đặc biệt rẻ. Có những món hàng nổi tiếng bán rẻ quá mức nên vẫn thường có nhiều người cắm trại sắm hàng trước các cửa hiệu chờ giờ mở cửa. Vào ngày này dân chúng ồn ào đi mua chật đường chật phố. Người thực sự mua hàng đã nhiều mà người đi chơi lại càng nhiều hơn. Nhưng cuối cùng thì người tưởng là đi chơi nhiều khi lại còn mua nhiều hơn ai khác. Tuy nhiên người Mỹ cũng ít người hiểu xuất xứ của chữ “Thứ sáu đen”. Bấm máy điện toán hỏi Google thì người ta sẽ cho biết lý do là ngày này có quá nhiều tai nạn xe cộ và nạn kẹt xe, nên đó là lý do cảnh sát giao thông là người đầu tiên gọi nó là “Ngày thứ sáu đen”. Google còn có thể cho người ta biết cảnh sát Philadelphia là nơi đã tung chữ “Thứ sáu đen” thành đề tài sau khi anh bán tem Earl Appleton tự nhận là người đặt ra tên này vào năm 1966. Thật ra không hoàn toàn đúng như “ông thần biết hết mọi chuyện” internet giải thích. Sự thực, trước đó từ lâu lắm giới thương mại trên khắp thế giới đều biết dịp bán hàng vào cuối năm là một thương vụ vô cùng quan trọng của giới thương nhân. Chỉ riêng thương vụ vào ngày này thôi cũng có đủ khả năng kéo mức chi thu của cả năm từ vùng “bút mực đỏ” (lỗ) trở về vùng “bút mực đen” (lời) trên tờ thống kê chi thu thương vụ. “Đen” thật ra có nghĩa như vậy.



Khi chung quanh mọi người ăn uống đoàn tụ và rủ nhau đi mua sắm “đông hơn chợ Tết” (phải nói là “hơn chợ Tết” vì đa số người đi chợ Tết ở Việt Nam là các bà các cô, nhưng việc mua sắm vào dịp này ở Mỹ số nam giới và cả lớp trẻ con còn đông hơn) thì người sinh viên Việt Nam vào thời người Việt chưa đến xứ này nhiều, có lẽ thấm thía với ngày lễ này hơn cả. Mới sáng thứ Tư, cả trường còn rộn rã đông đủ. Đây cũng là ngày trường sở các khoa các ban bận rộn vì thường cũng là ngày thanh toán nhiều việc liên quan đến nhân viên, văn phòng, học vụ. Sinh viên nghỉ lễ có bốn ngày, từ thứ Hai liền đó cho đến cuối năm, sinh viên về trường chỉ còn lo thi cuối khóa và một số cũng tốt nghiệp vào kỳ này thay vì vào mùa hè. Cho nên vào ngày thứ Tư cả trường vẫn hoạt động bận bịu còn hơn ngày thường. Nhưng giá thử vừa chăm chú coi chưa hết một chương sách, nhìn lên thì sẽ thấy người đi lại tự nhiên biến mất như phép lạ. Khi sân trường vắng tanh trong cơn mưa nhỏ giữa lúc các hàng cây cổ thụ tiếp tục rụng những chiếc lá vàng cuối cùng của năm cũ, và trong campus vốn luôn luôn tấp nập chợt trở nên hoang vắng, thì người sinh viên xa nhà mới chợt thấm thía cái buồn của thân phận cô đơn nơi xứ lạ.

Tôi ăn Tết Thanksgiving một mình đầu tiên ở Boston University năm 1975 với tâm trạng còn náo nức hơn ai cả. Sau nhiều tháng hoàn toàn không có một mẫu liên lạc với thân nhân gia đình, mà những tin tức qua báo chí truyền hình thì càng ngày càng nhiều tin xấu. Lá thư duy nhất trong nhiều tháng là thư của giáo sư C. còn để trên thùng sách cũng của ông gửi cho. Thư vẫn tắt, ông không thắc mắc việc tôi bỏ Wisconsin mà có lẽ chỉ hơi buồn. Từ lễ Tạ ơn năm đó tôi chỉ còn cách đánh

vật với mở sách về logic digital thay cho logic dignana và logic prajna để qua mùa đông.

Nhưng ngay ngày thứ Sáu năm đó, ngược với dòng người hướng về các khu buôn bán tấp nập, tôi cũng phải ba lần áo lạnh đi hai chuyến xe buýt hầu như trống không lên New Hampshire xem rừng thu muộn mà mấy tháng trước quá bận không đi được. Núi rừng mùa thu của cả miền New England này đã nổi tiếng thế giới từ lâu. Dân yêu mùa lá rụng tận Âu châu, nơi vốn có những rừng thu danh tiếng, cũng thường tâm nguyện có dịp một lần đến đây để hành hương. Nơi đây không phải chỉ có một khu rừng, mà là cả một thế giới của mùa cây trút lá, ngàn vạn cây của rừng nối rừng, núi tiếp núi. Rừng cây hôm đó đã rụng lá khá nhiều, nhưng cũng may là còn có nắng. Cổ leo lên cao còn trông thấy cả bốn bên là cả một đại dương lá vàng cháy đỏ cùng khắp chân trời, ta mới biết tại sao thiên cổ thi nhân Đông Tây đều yêu mùa thu. Tôi bật nhớ một bài Đường thi quen thuộc, lẩm bẩm đọc mà ứa nước mắt. Ứa nước mắt không phải vì đau buồn mà vì chợt thấy không còn buồn nữa.

*Hiu hắt đường không lạnh núi xa
Chốn sâu mây trắng có nhà ta
Dùng xe ngòi ngắm rừng phong muộn
Lá đỏ hồng hơn hoa tháng ba.*

Có lẽ không có cảnh gì thê thảm hơn cảnh người một mình đi giữa núi vắng bạt ngàn lá rụng trong ngày thiên hạ đang quây quần ấm áp quanh người thân bên bếp lửa gia đình hay chen chúc tấp nập vui vẻ trong các trung tâm mua bán. Nhưng quả thật lúc đó tôi không còn có các lo buồn trước đó, những nỗi lo buồn không ngủ, những buồn lo chết người mà chỉ có thể khỏa lấp bằng các môn học buốt đầu nhất. Thay vào đó tôi chợt thấy niềm an lạc lặng lẽ. Một niềm an tĩnh mà chỉ hơn mười năm sau này, khi bỏ hết nghề nghiệp, sống hạnh phúc cư và một mình lang thang khắp nơi tôi mới tìm lại được.

Mùa Tạ ơn năm nay, từ vùng xích đạo nóng bỏng trở về Mỹ tôi thấy lạnh hơn - có lẽ vì tuổi già hơn là thời tiết. Vẫn không có một lá thư người thân nào trong đồng thư từ quảng cáo và đòi nợ đầy nhà. Chợt một tờ thiệp xanh đỏ như thư quảng cáo rơi ra. Cuối cùng thì cũng có “một nửa lá thư”, đúng ra là một thiệp phiếu gửi từ xa. Thiệp chúc Tết của ông bạn trẻ đang dạy Văn học Sanskrit ở tận Bắc Bình. Anh là một giáo sư văn học Ấn Tạng kiệt xuất, cũng là người rất xứng đáng thừa hưởng phần tài liệu Sanskrit quý báu mà giáo sư C. gửi riêng mà tôi nhường lại cho anh. Anh vẫn nhớ thói quen “ăn Tết” của tôi vào lễ Tạ ơn vì tuần lễ này cũng trùng với ngày sinh nhật của mình. Ngồi giữa phi trường đọc sách chờ máy bay, anh thấy có câu đối anh cho là rất hợp với tôi nên viết vội lại tặng tôi “Niên niên nan quá - niên niên quá. Xứ xứ vô gia - xứ xứ gia”. (Năm năm càng thấy khó qua, nhưng rồi năm nào cũng qua. Nơi nơi chẳng có nhà, nhưng nơi nơi đều cũng là nhà). Câu đối diễn tả thật tuyệt vời tâm trạng của tôi. “It

makes the old man cry” tôi liền gọi điện thoại cho anh bắt cần tính giờ chênh lệch giữa hai vùng. Tôi cảm ơn câu đối rất ý nhị của anh và khoe rằng Tết này tôi sẽ ăn Tết ở Việt Nam, nhưng vẫn sẽ viết câu này treo ở cửa nhà. Anh thì buồn hơn, cho biết việc “nằm vùng” của anh chắc không thành công. Như thế vợ chồng anh sẽ trở về Ấn Độ hay Hoa Kỳ? Việc “nằm vùng” của anh vốn là toan tính lớn của cả hai vợ chồng. Đó là tâm nguyện đến Tây Tạng làm việc. Việc vợ chồng anh về Bắc Kinh dạy học không vui ngay từ đầu nhưng anh cố chịu đựng “nằm vùng” là như thế.

Câu đối của anh chính là tâm sự của tôi từ gần bốn chục năm qua, nhất là vào những ngày cuối năm lạnh lẽo một mình trong bóng tối của tuổi già đang đến dần. Khi người Việt sang Mỹ khá nhiều, tôi về làm việc ở San Jose dính dáng toàn những việc trên trời F16, B52 rồi Ford Aerospace và chết cứng ở đây nhiều năm. Tết Việt ở San Jose cũng khác nhiều với những Tết trước kia. Nói về cấp thành phố, thì San Jose là thành phố tập trung người Việt nhiều nhất ở Mỹ, cho nên hội chợ Tết Việt ở San Jose cũng rất lớn, kéo dài vài ngày và có nhiều chục ngàn người tham dự. Một dịp còn dạy thêm môn xã hội học Asian Americans, tôi có bảo sinh viên đi tham dự và viết bài. Mấy sinh viên Mỹ thuyết trình than phiền là không tìm thấy về Tết độc đáo riêng của người Việt: Từ cổng tam quan của hội chợ cho đến trang trí các gian hàng, từ múa lân đến múa rồng, từ đốt pháo đến trình diễn võ thuật, từ bao lì xì cho đến các lồng đèn xanh đỏ in chữ tầu, từ các tượng Tam Đa Ngũ Phúc cho đến hình tượng các trẻ em vây quanh với các con cá chép con nai con dơi xâu tiền đều là hình tượng Trung Hoa (và cũng của người Hoa làm)... Một nhóm sinh viên Việt xin thuyết trình phản kháng. Các em dựa vào “văn hóa hiện thực” để cho rằng “văn hóa một dân tộc nên nhìn theo cái động của nó, đó là nếp sống là sinh hoạt thường nhật của người dân” (cái này là các anh chép từ giảng văn của thầy) và rất tự tin đưa ra thí dụ độc đáo của tà “áo dài” phụ nữ Việt Nam và món “phở” đã đi vào tự điển thế giới... Lẽ dĩ nhiên không ai thắc mắc cái “sự thực không thể chối bỏ” là áo dài và phở, nhưng tôi có nói riêng với các em “Cả cái áo dài lẫn món phở đều không “già” hơn thầy nhiều lắm, thế thì trước khi ta mặc áo dài và ăn phở ta có gì?”. Rất tiếc là môn tôi dạy không phải là Văn hóa Việt Nam, và Vietnamese Americans chỉ là một chương dài 30 trang trong môn “Asian Americans” một giáo trình của ngành khoa học xã hội, nên tôi không thể dạy các em nhiều hơn.

Việc về Việt Nam ăn Tết thì những năm gần đây cũng khác trước quá nhiều. Có những người quen thân ở Mỹ nhiều năm không gặp nhưng tình cờ lại gặp ở Việt Nam. Có những gia đình hay các nhóm bạn bè ở xa nhau, từ tiểu bang này qua tiểu bang kia thì quá riêng lẻ, nên rủ nhau cùng sum họp vào dịp Tết ở Việt Nam. Tôi cũng về Việt Nam ăn Tết nhiều lần, nhưng tình thực chưa bao giờ tham dự những lễ hội đồng đảo nổi tiếng, những lễ hội mà báo chí từng gọi là “thiếu văn hóa” hay “phản tôn giáo”

như đi lễ hội chùa Hương ăn đặc sản rừng... nhưng vẫn có những ngày Tết vô cùng đáng nhớ, nên không thể không cảm ơn con người và đất nước đã cho tôi sống lại những ngày xuân đi dưới mưa phùn theo chân các bà mẹ quê đội quả ra chùa, hiu hắt giữa đêm gió bắc lạnh ngọt ngào xem hát chèo ở một đình làng bên sông Hồng, nghe *Thu trên đảo Kinh Châu* của Lê Thương, hay theo ghe anh bạn trẻ mang hoa mồng gà vạm vọt qua vàm bán Tết trong chợ bên sông...

Tôi vẫn cố gắng về Việt Nam vào ngày Tết. Nhưng chỉ một tiểu gia đình một thời có cha mẹ anh chị em mười hai người thì rồi cũng phải rơi rụng theo thời gian, tan tác theo số phận cá nhân, nổi trôi theo vận nước thời cuộc... thì còn nói gì đến những đại gia đình, họ hàng, làng thôn, bằng hữu trong một thời ‘đổi đời’ quá xa lạ, trong một cơn sốt “hội nhập và phát triển” trong tốc độ của chủ nghĩa duy thực, trong cơn lốc tha hóa và vật hóa của xã hội đổi mới. Với nhiều người, ngày Tết khó thể gọi là ngày sum họp được nữa. Câu nói bình thường ‘về nhà ăn Tết’ hay ‘về quê ăn Tết’ cũng không còn gây cảm xúc mà dường như càng lạc lõng hơn, và cũng không thuận miệng nữa. Tôi đã đọc nhiều thơ văn, nghe nhiều bài hát nói lên nỗi lòng tâm sự “xứ xứ vô gia” kể cả tha hương trên chính đất nước đã sinh ra mình. Cho nên thật ra dù có thể về Việt Nam đủ ba tháng mùa xuân nhưng tôi cũng đi xa hơn là “ở nhà”.

Sống ở ngoại quốc lâu, đi nhiều vùng đất lạ, nhưng về các vùng làng núi thôn đồi trên các miền đất nước tôi vẫn thấy thân yêu và gần gũi. Thương yêu và gần gũi không phải chỉ vì cùng nói tiếng Việt, ăn cơm Việt, tập tục Việt, mà hơn nữa tôi thấy cái gần gũi không còn là xúc động của cảm giác mà những còn là *sống thật* với những con người và làng thôn xa xôi đó. Tất cả mọi người đều thích thú du lịch, nhưng chỉ khi chân chạm đất, mắt nhìn tai nghe với sự vật với con người với mưa gió thời tiết, người ta mới thật sự sống thực và yêu thực. Chỉ khi nào kinh nghiệm sống thay thế các tình cảm trước đó chỉ biết bằng thơ nhạc phim ảnh văn chương, thì người ta mới thực sự sống, và sống thực đến cái cực điểm của đời sống. Một lần lang thang ở Mường Thanh, tôi mới giật mình thấy ra cả tháng nay mình vô tình vô thức đã đi theo bản đồ của thơ Quang Dũng. Một buổi chiều ngắm nông dân miền trung du gánh lúa trong bóng núi xa, tôi cũng giật mình thấy mình đang *ngắm* nhạc Phạm Duy và tự chính mình đang viết từng nốt nhạc. Ngay cả một lần xem phóng sự truyền hình có cảnh người phụ nữ H'Mong vai gùi con, tay xoa đất đá trồng ngô, tôi nhất định tin rằng người đàn bà này và em bé này chính là người tôi đã gặp ở cao nguyên Hoàng Xu Phi tháng trước...

Cảm ơn những mất mát thất bại, những bất toàn và vô thường của cuộc sống, của một thân phận lạc loài mất cả quê hương trên quê hương, để thấy rằng cuối cùng đâu cũng là quê nhà “xứ xứ gia” của “mùa xuân thường trụ trên tà áo xanh”.

年年難過年過. 處|處|無 家處|處|家 ■



Tết của công nhân Việt ở hải ngoại

Bài & ảnh: LÊ HÒA

Không có hoa đào, chẳng có bánh chưng, thiếu cả cái không khí se lạnh từ cơn mưa xuân lất phất. Những công nhân Việt Nam chúng tôi đón Tết cổ truyền của dân tộc tại Libya trong cái lạnh tái tê giữa lòng sa mạc. Dù khó khăn là vậy, nhưng đây là dịp để tất cả anh em quây quần bên nhau cùng hướng lòng mình về quê hương nguồn cội.

Đoàn công nhân xuất khẩu lao động chúng tôi tạm biệt Hà Nội từ cuối tháng 12, đến Libya vào thời điểm đang là mùa đông trên quốc gia Bắc Phi này. Chúng tôi làm việc được gần hai tháng thì đến Tết âm lịch ở Việt Nam. Dù cách xa quê hương đến nửa vòng trái đất nhưng ai ai cũng rất háo hức đón Tết. Vì mới chân ướt chân ráo sang nên chúng tôi chẳng kịp tổ chức tiệc tùng gì. Nhất là ở quốc gia Hồi giáo này mọi thứ cốt yếu để tổ chức một cái Tết cổ truyền như ở Việt Nam đều bị cấm đoán: Thịt heo, rượu, bia... là những đồ quốc cấm ở đây. Vì vậy chúng tôi chỉ góp với nhau mỗi người chừng 10 dina (khoảng 0.7 USD) để tổ chức một buổi tiệc đơn sơ.

Do sự khác biệt về văn hóa nên ngày Tết cổ truyền không trùng vào ngày nghỉ xứ người. Vì vậy tất cả anh em công nhân phải trình với ban giám đốc công ty chủ quản nguyện vọng được nghỉ vào ngày 30 Tết để có thời gian gọi điện về thăm hỏi gia đình ở quê nhà. Ông Christos (giám đốc điều hành) nói rằng: "Vì các cậu ở xa nên có nghỉ cũng không giải quyết được vấn đề gì. Thế nên các cậu cứ đi làm đi, tôi sẽ có chế độ thưởng thêm cho mỗi người". Nhưng chúng tôi nhất quyết phải xin nghỉ bằng được. Bởi cả năm mới có một ngày. Đó là ngày thiêng liêng và nhiều ý nghĩa nhất trong năm. Dù ở xa nhưng chỉ cần tấm lòng hướng về quê hương, nguồn cội cũng là đáng quý. Dẫu có được thưởng bao nhiêu tiền cũng không thể đánh đổi được.

Chúng tôi ngồi trước ti-vi để đón giao thừa lúc bảy giờ

tối theo giờ địa phương, qua kênh VTV4 của Đài Truyền hình Việt Nam (vì múi giờ ở Việt Nam sớm hơn bên này năm tiếng). Sau đó, tất cả tập trung ở căng-tin đón Tết với ít bánh, trái cây và nước ngọt đã được chuẩn bị từ trước. Dòng chữ chúc mừng năm mới bằng tiếng Việt được nắn nót viết lên tường. Đêm ấy, mọi người quây quần bên nhau, ôn lại những câu chuyện Tết ở quê nhà. Ai cũng nhắc đến bánh chưng, bánh dầy, câu đối đỏ, tục lệ thờ cúng ông bà và những câu chuyện vui từ sâu trong hồi ức. Dù mỗi người đều cố gắng pha trò, nói cười một cách vui vẻ nhưng tôi nhìn thấy mắt người nào người nấy đều đỏ hoe vì niềm thương nhớ vợ con, gia đình đang vỡ òa trong lòng. Chính giờ tối (tức là khoảng hai giờ sáng theo giờ Việt Nam) khi tất cả các cuộc điện thoại từ quê nhà gọi sang kết thúc, chúng tôi tản mát về phòng ngủ để lấy sức mai còn đi làm.

Nhưng cả đoàn không ai ngủ được. Có lẽ đây là một đêm khó khăn nhất mà anh em công nhân phải trải qua trong mùa đông dài đằng đẵng ở đây. Gần hai giờ sáng, trong cái lạnh tái tê, nhiệt độ xuống đến 0 độ C mà tôi thấy các phòng vẫn đồng loạt sáng đèn. Hỏi ra mới biết: Do nhớ nhà, nhớ quê hương không tài nào chợp mắt nổi nên mọi người lại tập trung để chuyện trò cho nguôi ngoai. Ấn tượng sâu đậm nhất trong tôi là hình ảnh anh Bình – thợ hàn, anh lấy tấm hình con trai ra khoe rằng: Đúng ngày mừng một Tết này là cháu tròn một tuổi. Rồi lặng thinh nhìn trân trân vào đó mãi mà chẳng nói chẳng rằng.

Năm giờ sáng ngày mừng một Tết, tất cả lại sẵn sàng cho một ngày làm việc mới. Chân chúng tôi bước ra công trường mà mắt người nào cũng dăm dăm nhìn về phía trời Nam, nơi ấy có những người thân yêu của mình đang hân hoan đón Tết trong cái nắng mùa xuân ấm áp. Hân họ cũng đang khôn nguôi nhớ về những đứa con xa xứ như chúng tôi. ■



Thơ xuân khương hoa

giữa Nguyễn Văn Siêu và Đặng Huy Trứ

HÙNG THƯỚC

Nguyễn Văn Siêu (1795-1872) tự Tồn Ban, hiệu Phương Đình, người huyện Thọ Xương - Hà Nội. Một danh nho đầu Lê cuối Nguyễn; đỗ Phó bảng dưới triều Minh Mạng, làm quan trải các chức Kiểm thảo Viện Hàn lâm, Chủ sự Bộ Lễ, Thị giảng Học sĩ. Năm 1841 ông bị cách chức khi dính líu đến vụ Cao Bá Quát vì mẫn tài thí sinh mà chữa bài thi. Năm 1849, ông được sung Phó sứ sang nhà Thanh, khi về thăng Học sĩ Viện Tập hiền, sau bị lỗi lại bị giáng xuống chức Hàn lâm Thị độc, sau đổi làm Án sát Hưng Yên. Khi Cao Bá Quát khởi nghĩa chống triều đình, ông sợ bị liên lụy nên cáo quan về dạy học. Trong văn học đã có lời tôn xưng “thần Siêu thánh Quát” hay “văn như Siêu, Quát vô tiền Hán”. Ông là người học rộng nổi tiếng thơ văn nhưng không được triều đình trọng dụng. Ông mất năm 1872 để lại nhiều thơ văn và biên khảo.

Đặng Huy Trứ (1825-1874) tự Hoàng Trung, quê quán ở Thừa Thiên Huế. Năm 17 tuổi đã thi đỗ cử nhân, năm 23 tuổi, thi Hội trúng cách đỗ Tiến sĩ. Khi vào thi Đình trong bài văn sách đoạn nói về “*đạo Gia Tô dùng lời lẽ mê hoặc rất thâm độc như cỏ dại làm hại lúa non vậy tôi lại dùng bốn chữ gia miêu chi hại (cỏ năng làm hại lúa non) không chú ý gia miêu là đồng âm với Gia Miêu ngoại trang quê hương nhà vua (nơi phát tích của nhà Nguyễn ở Tống Sơn – Thanh Hóa)*”.¹ Vì dùng chữ phạm húy nên ông bị truất cả tiến sĩ lẫn cử nhân, cuối năm ấy ông đi thi lại và đỗ Giải nguyên. Ông làm quan nổi tiếng thanh liêm cương trực, lại có đầu óc canh tân. Đương thời ông được cả người trong nước lẫn người nước ngoài ca ngợi tài năng và phẩm hạnh. Tô Vĩ Đường, một sĩ phu Trung Quốc, khi đề tựa “*Đặng Hoàng Trung thi tập*” đã viết:

“*Trứ trung mẫn tắc đẳng ư Đỗ Công Bộ
Tả tính linh tắc tử ư Bạch Hương Sơn*”.

(Giải tỏ lòng trung mẫn hẳn ngang với Đỗ Phủ
Miêu tả bách tính sinh linh hẳn so được với Bạch Cư Dị).

Sau này, Phan Bội Châu trong “*Việt Nam quốc sử khảo*” đã coi ông là một trong những người “*trông mêm khai hóa đầu tiên*” ở Việt Nam.

Mặc dù cách biệt nhau về tuổi tác nhưng giữa hai

ông có mối giao tình sâu đậm, quý trọng nhau về tài năng cũng như phẩm hạnh.

Đặng Huy Trứ đã viết trong bài thơ: *Tặng Phương Đình Nguyễn Tồn Ban tiên sinh*:

“*Lý học ngũ phu tử²
Văn chương bát đại gia³
Kiếm hồ xuân tiến tử
Nhĩ thủy ngọc phanh trà
Bạch phát tâm nhưng tráng
Thanh dương hựu nhật tà
Kinh trung như hữu vấn
Trùng vị phú Kiêm hà*”. (1866)

(Về lý học, tiên sinh ngang với năm bậc thầy (đời Tống), về văn chương, có thể sánh với tám nhà văn lớn (đời Đường)... Tóc bạc nhưng lòng vốn trẻ, ngày đang xuân nhưng bóng đã ngã rồi. Trong Kinh như có ai hỏi (vì sao tôi kết bạn) xin đọc bài phú Kiêm hà (tên bài thơ trong *Kinh Thi*, trách nhà vua không biết dùng người hiền tài, khiến họ phải đi ở ải).

Dịch thơ:

*Lý học năm phu tử
Văn chương tám đại gia.
Xuân, hồ Gươm chuốc rượu
Trưa, sông Nhị pha trà.
Tóc bạc lòng còn trẻ
Ngày xuân bóng lại tà.
Trong Kinh như có hỏi,
Xin đọc thơ Kiêm hà.*

(Khương Hữu Dụng)

Mẫn tài đức, ông kết bạn với Nguyễn Văn Siêu, mặc cho những lời dị nghị gièm pha của thiên hạ. Ông cũng thẳng thắn trách nhà vua vì nghi kỵ nhỏ nhen mà bỏ rơi người hiền tài. Chỉ với bài thơ này chúng ta cũng thấy được chí khí của tác giả và tài học của Nguyễn Văn Siêu.

Cùng mối thâm tình, trong một bài thơ tặng Đặng Huy Trứ, Nguyễn Văn Siêu đã xem Đặng Huy Trứ là người bạn bằng tuyết, có tư cách như hoa thủy tiên:

“*Cửu vi băng tuyết bạn,
Hoa hữu thủy trung tiên*”.



(Lâu rồi bạn băng tuyết,
Hoa có dòng thủy tiên).

Cao cả hơn nữa trong tình bạn còn có cả tấm lòng
ái quốc ưu dân:

*“Danh lợi phi ngô ý,
Sơn hà hữu ẩn ưu”.*

(Danh lợi không phải là điều chúng ta mong muốn
trong khi còn mang nhiều nỗi lo của đất nước trong lòng).

Với thâm tình, vào những dịp xuân về, hai vị thường
có thơ xướng họa với nhau. Tuy chỉ là thơ xướng họa,
vẫn thể hiện được tấm lòng ưu dân ái quốc của cả hai
người. Xin giới thiệu dưới đây một số bài.

1. Nguyên đán tức cảnh (bài xướng của Nguyễn
Văn Siêu).

*Tự tác Sài Tang lão⁴
Tân canh giáp lịch xuân
Nhật hoa tư tụng đán
Trì thảo miện sinh tân
Tịch chúc đài hoàn bạn⁵
Đường la cảm tú nhân
Hòa phong lai mãn hộ
Hoa kính động hương trần.*

Dịch thơ:

Làm ông già ẩn dật
Bao lần chào đón xuân
Nắng đẹp ngại Nguyên đán
Cỏ non mừng canh tân
Chúc rượu bạn bò lão
Gấm vóc khách đồng tâm
Gió ấm đẩy nhà cửa,
Đường hoa thơm bụi trần.

(Trần Lê Văn)

Bài họa của Đặng Huy Trứ:
*Bính Dần tài tổng lập
Đinh Mão dĩ nghinh xuân
Vạn vật tam nguyên thủy
Giang sơn nhất vọng tân
Ba đào ông ký ngoạn
Nhai đắc ngã hà nhân?
Thả chúc đồ tô tửu⁶
Bằng tha tẩy tục trần. (1867)*

Dịch thơ:

Bính Dần vừa tiễn chạp,
Đinh Mão đã chào xuân.
Muôn vật lại khởi thủy,
Non nước ngóng canh tân
Qua sông, ông đến bến
Nghĩ mình, tôi vẫn tâm.
Mời ông tạm chúc chén
Mượn rượu rửa bụi trần.

(Trần Lê Văn)

2. Viên đình độc tọa hứng thành (bài xướng của
Nguyễn Văn Siêu):

*Xuân miên trú bất thành⁷
Viên tịnh diệu hy thanh
Đới nhật vi vân hiểu
Vô phong tế vũ sinh
Phô chi dung diệp thúy
Trước thụ đào hoa minh
Y cựu dư tam kính
Duy thanh vạn vật tình.*

Dịch thơ:

Cảm hứng ngồi một mình trong vườn

Ngày xuân mộng chẳng thành
Chim vườn vắng âm thanh.
Mây thưa, nắng thấp thóang
Gió lặng, mưa phùn sinh
Phù dung, phôi lá biếc
Đào nở hoa phân minh
Ba lối mòn như cũ
Muôn vật đẹp tâm tình.

(Trần Lê Văn)

Bài họa của Đặng Huy Trứ:

Xuân ngâm hứng ngẫu thành
*Hỷ pháo tứ liên thanh.
Cựu hữu duy mao đỉnh
Hùng đàm hữu khúc sinh
Tang bổng hoàn tự hứa
Mai liễu xảo tương nghinh
Thùy khả luận tâm giả
Lân ông vô hạn tình. (1867)*

Dịch thơ:

Thơ xuân hứng ngẫu thành

Bốn phía pháo liên thanh.
Bạn cũ sớm hươu bút



Ý hùng men này sinh
Tang bỗng lòng tự hện
Mai liễu khéo tương nghinh
Cùng ai bàn tâm sự
Hàng xóm biết bao tình.

(Trần Lê Văn)

3. **Hối lập xuân kỷ đắc** (bài xướng của Nguyễn Văn Siêu):

*Trừ tịch dư hàn chuyển
Lai minh phục đán thiên
Nhân gian tranh đắc tuế
Xuân sắc bổ tàn niên
Mi thọ tửu thiên chúc
Đông giao gá cấp thiên
Cửu vi băng tuyết bạn
Hoa hữu thủy trung tiên.*

Dịch thơ:

Ngày lập xuân cuối tháng Chạp

Sớm mai ngày Nguyên đán
Giao thừa rét lạnh thêm
Nhân gian mừng tuổi mới
Xuân sắc thay tàn niên
Tặng già mời rượu trước
Xóm đông chia tay liền
Lâu rồi bạn băng tuyết
Hoa có dòng thủy tiên.

(Khương Hữu Dụng)

Bài họa của Đặng Huy Trứ:

*Lạp vĩ xuân đầu nhật,
Nùng Sơn, Nhĩ Thủy thiên.
Phong trần do tác khách,
Thanh khí hạnh vong niên
Tây xá hữu sơ thực*

*Đông quân giá dĩ thiên
Lân ông tương xướng họa
Bất tục tức vi tiên. (1866)*

Dịch thơ:

Đầu xuân ngày cuối chạp,
Nhị, Nùng trời đẹp thêm.
Phong trần thân lữ khách
Thanh khí bạn vong niên
Xóm tây rượu vừa cất
Chúa xuân xe sang liền
Cùng lân ông xướng họa
Chẳng tục tức là tiên.

Bổ Giang dịch ■

Chú thích:

Thơ trong bài này trích từ cuốn “*Đặng Huy Trứ - con người và tác phẩm*”. NXB TP.HCM - 1992

1. *Đặng Dịch Trai ngôn hành lục* – Đặng Huy Trứ, NXB Hội Sử học -1993.

2. Ngũ phu tử: Năm vị danh nho đời Tống: Chu Đôn Di, Chu Hy, Trình Hiệu, Trình Di, Trương Tải.

3. Bát đại gia: Tám nhà văn lớn đời Đường và Tống đó là, Hàn Dũ, Liễu Tôn Nguyên, Âu Dương Tu, Vương An Thạch, Tô Tuấn, Tô Thức, Tô Triệt, Tăng Củng.

4. Sài Tang: Núi Sài Tang, nơi Đào Tiềm về ở ẩn.

5. Đài hoàn: do chữ “hoàn khải đài bối” chỉ người già da nhăn nheo như cá khô.

6. Đồ Tô tửu: Thứ rượu cất bằng cỏ Đồ Tô, uống trong dịp đầu năm.

7. Xuân miên: tức xuân mộng. Có câu: “Xuân nhật thị miên, nhị ư nhập mộng giả” ngày xuân thích ngủ để nằm mộng. Về chữ “trú” ban ngày, *Kinh Thi* có câu: “tỵ trú tác dạ” (lấy ngày làm đêm), ý nói không để ý đến chính sự. Nguyễn Văn Siêu lúc này đã về hưu.



Đầu xuân viếng tháp Ngài Giác Nguyên đọc thơ của Ôn Quy Thiện

Bài & ảnh: NGUYỄN PHÚC VĨNH BA

Mùa xuân này, chúng tôi lên thăm chùa Tây Thiên với một ý định đặc biệt. Một người bạn vong niên của người viết muốn giới thiệu một bài thơ của Ôn Quy Thiện làm tặng Hòa thượng Giác Nguyên. Vốn rất hâm mộ Ôn Quy Thiện nên chúng tôi hoan hỷ lên chùa.

Ôn Quy Thiện là một bậc hiệt kiệt thơ văn trong giới Tăng lữ Phật giáo. Thơ văn của Ôn được ghi lại khá đầy đủ trong *Thủy nguyệt tông sao*. Thầy Lê Mạnh Thát đã bỏ nhiều công lao để dịch tác phẩm này. Ôn còn để lại nhiều câu đối hay ở các cổng khuôn hội hay phạm vũ.

Năm Kỷ Mùi (1919) Ôn thọ giới Sa-di, được đặt pháp danh là Chân Đạo, pháp tự là Chánh Thống. Hai năm sau (1921), Ôn thọ Cụ túc giới, nhận kệ phú pháp với pháp hiệu Bích Phong. Năm 25 tuổi (1927), Ôn vào học với Thiền sư Phước Huệ (1869-1945) của chùa Tháp Tháp tỉnh Bình Định, đến năm Kỷ Ty (1929) thì trở về Huế. Đến năm 38 tuổi Đinh Sửu (1937) Ôn làm Tăng cang, trụ trì chùa Quy Thiện. Ngày 22 tháng chạp năm Đinh Mùi, tức 21 tháng 1 năm 1968, Ôn đau sơ, rồi viên tịch.

Còn Hòa thượng Giác Nguyên là kế thế trú trì chùa Tây Thiên sau khi Tổ Tâm Tịnh viên tịch năm Mậu Thìn (1928). Năm Ất Hợi (1935), Hòa thượng là người trợ duyên đắc lực nhất cho chư Hòa thượng trong sơn môn Thừa Thiên và cư sĩ thiện tri thức trong An Nam Phật học Hội, thành lập một Phật học viện rất quy mô tại chùa Tây Thiên. Ngày mồng một Tết Nguyên đán năm Canh Thân (16.02.1980), ngài an nhiên thị tịch sau 52 năm kế thế trú trì và cống hiến nhiều công sức cho công cuộc xây dựng một Phật học viện lừng danh tại chùa Tây Thiên.

Mối giao tình thắm thiết giữa Ôn Quy Thiện và Hòa thượng Giác Nguyên là chuyện tự nhiên giữa hai bậc cao tăng cùng ra công xu bồi việc đạo. Ôn Quy Thiện mất trước Hòa thượng Giác Nguyên đến 12 năm. Phải chăng việc viết bài thơ dưới đây lên bình phong sau tháp Hòa thượng Giác Nguyên là di ý của Hòa thượng chăng?

Bài thơ chép lại từ "Toàn tập Chân Đạo Chánh Thống" như sau:

Tây thiên tự Giác Nguyên hòa thượng tháp hậu bình minh

西天寺覺源和尚塔後屏銘
Xu bồi tượng thất kỷ kinh niên
趨陪丈室幾經年
Y bát gia phong khế diệu truyền
衣鉢家風契妙傳
Ổ dụ¹ ninh tri tâm dã lạc
煨芋寧知心也樂
Đà chuyên² đốn liễu tánh thường viên
拖磚頓了性常圓
Tang thương kiếp hậu thành như thị
桑滄劫後成如是
Vinh nhục trường trung thính tự nhiên
榮辱場中聽自然
Hồi thủ lao lao tam giới mộng
回首勞勞三界夢
Thủy chung nhất niệm hương Tây thiên.
始終一念向西天。
Bích Phong hòa thượng tác.
碧風和尚作

Lược dịch:

Bài minh ở bình phong sau tháp Giác Nguyên hòa thượng

*Gìn giữ chùa chiến đã bấy lâu
Được truyền y bát chẳng xin cầu
Nướng khoai mà thấy tâm an lạc
Bấy gạch nên hay tánh nhiệm mầu.
Dâu biển dương gian thường như vậy
Nhục vinh trần thế đã từ lâu
Ngoái nhìn ba cõi trần điên đảo
Một niệm Tây thiên trọn cuối đầu.*

(Nguyễn Phúc Vĩnh Ba dịch)

Ôn Quy Thiện lâu thông kim cổ nên trong bài thơ này Ôn đã sử dụng đến hai điển tích trong Thiền học.

1 Ổ dụ: Nướng khoai. Lấy từ tích sư Lại Toàn (ông Toàn lười) đời Đường, tức Thiền sư Minh Toàn nổi pháp Tứ tổ tu ở núi Nam Nhạc. Sư giữ kín những chỗ tâm chứng của sư nơi ngài Phổ Tịch. Người đời gọi sư là ông Toàn lười là thế. Vua Đường Đức Tông nghe danh, sai sứ giả đi mời Sư. Sứ giả đến thất, tuyên đọc chiếu chỉ và nói:

- Mời Tôn giả đứng dậy tạ ơn!

Sư đi đến bên lò, kêu mấy cục phân trâu, tìm củ

khoai nướng để ăn, không đáp một tiếng. Nước mắt, nước mũi chảy giàn giụa trên má. Sứ giả của Đường Đức Tông vàng lệnh đi mời sư, cười bảo:

- Thôi, Tôn giả lau nước mắt đi!
- Tôi đâu có rảnh để vì người thế tục mà lau nước mắt. Sư cũng chẳng đứng dậy để tiễn sứ giả. (theo *Thiền uyển dao lâm*, tr.123)

2 Đà chuyên, Ý có lẽ cũng như Phao chuyên. Phao chuyên: Bẫy gạch. Lấy từ tích sư Hương Nghiêm (đời Đường). Sư Hương Nghiêm tham phỏng Thiền sư Quy Sơn. Quy Sơn nói:

- Tôi nghe nói khi ông ở với Bách Trượng hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm vì ông thông minh lanh lợi. Nay sanh tử là việc lớn, tôi hỏi ông lúc cha mẹ chưa sanh thì mặt mũi ông thế nào?

Câu hỏi này làm Hương Nghiêm không biết đâu mà đáp. Về phòng đem những sách vở thường đọc, giở xem từng quyển hy vọng tìm lời giải đáp mà không thấy. Nhân đó cảm khái nói rằng:

- Bánh vẽ trong sách không làm giảm cơn đói của tôi.

Do đó, sư yêu cầu Quy Sơn giải thích bí mật. Quy Sơn từ chối:

- Giả sử nay tôi giải thích cho ông, tương lai ông sẽ mắng chửi tôi. Và lại, những kiến giải của tôi không liên quan gì đến ông cả.

Hương Nghiêm cực kỳ thất vọng đem hết sách vở ra đốt, phẫn hận mà rằng:

- Tôi là gã chẳng ra gì, học Phật chẳng nổi chỉ nên làm một vị Tăng hóa duyên khát thực mà thôi!

Học mãi không ngộ đạo, từ biệt thầy là sư Quy Sơn vân du khắp nước. Khi tới Nam Dương, đi tham bái di tích của Quốc sư Huệ Trung và tạm trú ở đó. Một ngày kia, chính lúc đang rầy cỏ, bẫy một hòn gạch văng lên, chạm vào cây tre kêu thành tiếng. Tiếng động ấy bỗng nhiên đưa Hương Nghiêm vào ngộ cảnh. Hương Nghiêm về phòng tắm gội sạch sẽ, đốt hương vào quăng không, nói:

- Sư phụ, ơn huệ của người còn lớn hơn ơn cha mẹ sinh thành, nếu sư phụ giảng cho con lúc đó thì con đâu có ngày nay. (theo *Quy Sơn ngữ lục*)

Chúng tôi hiểu thế nên cố gắng dịch bài thơ trên hầu mọi người. Không rõ có chính xác hay không. Qua bài thơ chúng ta thấy được đời sống đạm bạc thực sự của các sư ni thời ấy. Đây không chỉ là bày vẽ cho vui như trong thơ đời thường. Họ vui với cuộc sống kham khổ và không màng danh lợi thế tục. Bên cạnh là nỗ lực tu học không mệt mỏi của họ. Quyết chí truy cầu giác ngộ bậc lộ ngời ngời trong cuộc sống thanh bần lạc đạo của họ. Đáng kính thay!

Có điều đáng tiếc là bài thơ trên không còn trên bình phong hậu tháp Ngài Giác Nguyên nữa sau mấy đạo tu bổ. Thật đúng như Ôn Quy Thiện đã viết: Tang thương kiếp hậu thành như thị. (Dâu biển dương gian thường như vậy). Sự biến đổi vô thường xuất hiện ở mọi nơi. ■





Một chút dị đoan

HOÀNG TÁ THÍCH

Càng ngày, vì hoàn cảnh xã hội, cái Tết âm lịch ở Việt Nam càng nhạt nhẽo, chỉ như là một hình thức phải duy trì mà thôi. Tết bây giờ nằm ở các chợ hoa để người ta đến vui chơi, chụp hình kỷ niệm chứ không phải ở nhà với làng xóm và gia đình như ngày xưa nữa. Nghỉ Tết càng được nhiều ngày thì người ta lại càng có cơ hội rảnh rỗi để đi chơi xa và nhờ phương tiện dễ dàng, nhiều người còn “ăn Tết ta” ở nước ngoài chứ không phải chỉ trong nước.

Khoảng nửa thế kỷ trước, ở Việt Nam, Tết âm lịch vẫn còn là một ngày trọng đại với tất cả mọi người, mọi gia đình. Người ta cố giữ những phong tục tập quán truyền thống của những ngày đầu năm mới.

Không phải chỉ những người giàu có, mà người nghèo cũng thế. Gần đến ngày Tết, nhà nhà đều lo chuẩn bị làm dưa, làm mứt bánh, không phải chỉ để mời khách đến nhà, mà còn để làm quà Tết cho bà con quen biết. Hai mươi ba âm lịch là ngày đưa ông táo về trời, là một tập quán nhất định. Gần Tết, nhà nào cũng đều cúng tất niên. Đêm cuối cùng trong năm, người ta cúng giao thừa, đốt pháo để đón mừng năm mới. Đêm đó, mọi người thường thức khuya chờ đợi để nghe tiếng kêu của con vật gì báo hiệu cho năm mới. Nếu là tiếng cú hay quạ kêu thì là điềm xấu, nếu là tiếng chó sủa thì ngược lại, đó là điềm tốt.

Sáng sớm mồng một Tết, cha mẹ luôn luôn dặn con cái dậy sớm, mặc áo quần mới và mặt mày phải vui vẻ, ngày đầu năm dù có chuyện gì cũng không được cãi vã nhau. Mới mẻ, vui vẻ từ đầu năm; để mong suốt cả năm đều như thế. Buổi sáng không được quét nhà sớm. Con cái làm lễ chúc Tết ông bà cha mẹ, nhận một bao lì xì như một điều may mắn cho mình. Mọi người chờ đợi một người nào đó đến đập đất và ai ai cũng mong là người đến đầu tiên thăm nhà mình phải là một người được mọi người yêu mến. Nhiều chủ nhà ngại người khách đầu tiên bước vào nhà không được như ý, nên sau khi cúng giao thừa, nghĩa là qua năm mới, tự đi ra khỏi nhà một lúc rồi trở về đập đất nhà mình cho chắc ăn.

Những ngày Tết, nhà nào cũng có bánh chưng, bánh dày. Hai thứ bánh đặc trưng của ngày Tết là biểu hiệu cho vuông tròn, là trời đất, là thủy chung, đều mang ý nghĩa tốt đẹp trọn vẹn cho mọi gia đình. Ngoài ra, hai loại bánh này có thể giữ được rất lâu để dùng trong

những ngày Tết, vì mọi người sẽ vui chơi, không nấu cơm như ngày thường, hoặc không vất vả nấu nướng nhiều cho những ngày đầu năm.

Sáng mồng một Tết, Phật tử thường đến chùa lễ Phật. Những Phật tử đúng nghĩa đến chùa lễ bái chư Phật không khác gì chào hỏi ông bà cha mẹ ngày đầu năm, mà còn cầu an lạc cho bản thân và cho những người thân. Những người gọi là theo Phật cũng đến chùa lạy Phật, cầu phước, và nhất là các chùa có thẻ xăm, xin một que đầu năm.

Những điều nói trên, đều là những tập quán, xem ra có đôi chút dị đoan, nhưng chẳng có người nào cảm thấy đó là dị đoan. Ngay cả những người không tin dị đoan cũng thường giữ những tập tục như thế.

Có những quan niệm dị đoan xem ra rất bình thường trong cuộc sống hàng ngày. Như người ta thường nói: “Ra ngõ gặp gái” hay ra đường gặp đám cưới, là những điềm xui. Trái lại, gặp đám ma thì lại cho là một điềm hên. Nhện sa trước mắt, gặp thức ăn bị gãy đĩa có thể là một điềm xấu, trái lại làm vỡ chén bát lại là một điềm hên, có thể có khách quý đến nhà. Máy mắt bên trái có hên, máy mắt bên phải thì xui. Đại khái, rất nhiều điều người ta tin tưởng một cách vô lý nhưng thực ra cũng chẳng có ảnh hưởng gì xấu. Động thổ xây nhà, khai trương một cửa hàng, người ta cũng xem ngày. Thực ra, ngày tốt hay xấu thì cũng chỉ có thể căn cứ trên lịch âm đã được ghi sẵn mà thôi.

Không chỉ người Á Đông mới mê tín, mà những người Âu, người Mỹ cũng tin vào những dị đoan như thế. Thấy một ngôi sao băng thì cởi một cúc áo và nói thầm một điều ước. Họ cũng coi bói, xem chỉ tay. Có những người nhìn vào bã cafe và nói chuyện tương lai của người khác. Và họ cũng có bản tử vi của mười hai con giáp tương tự như Á Đông, nhưng lại là theo dương lịch, và không phải mười hai năm mà là mười hai tháng trong năm. Ở những xóm vui chơi ăn uống ở thành phố Paris, trong những con đường rất hẹp, bồi bàn đứng ngay cửa nhà hàng ném chén bát xuống đất để chào đón khách. Vừa là một tập quán, nhưng người ta cũng tin rằng tiếng chén bát vỡ sẽ gọi khách vào.

Tử vi Á Đông có nguồn gốc từ kinh Dịch thời Phục Hy, căn cứ trên lẽ tuần hoàn của vũ trụ và sự liên hệ giữa các hành tinh mà người ta cho rằng có ảnh hưởng đến số mạng từng con người. Tuy có vẻ mơ hồ, nhưng



hiện nay, tử vi cũng đã được xác nhận là khá đúng với những điều đã xảy ra trong quá khứ, và chuyện nói đúng quá khứ có thể bảo đảm cho những tiên đoán tương lai. Tuy nhiên, tử vi còn tùy thuộc rất nhiều yếu tố. Một người sinh ra giờ nào, ngày tháng năm nào thì cũng có lá số tử vi như thế, nhưng nơi chốn khác nhau, giới tính khác nhau, nhân tướng bên ngoài khác nhau thì số phận cũng sẽ khác nhau. Mới sinh ra thì chỉ phụ thuộc vào số phận của cha mẹ, đến khi lập gia đình thì lại phụ thuộc vào cung vợ chồng, có con cái thì lại còn phụ thuộc vào lá tử vi của con cái. Ngoài ra, còn cung bạn bè... cũng ảnh hưởng và thay đổi số phận của từng người. Chung chung, dù tử vi có đúng thì cũng không có gì chắc chắn và cũng không thể chứng minh một cách khoa học được.

Có những loại bói toán như bốc dịch cũng dựa trên nguyên tắc kinh Dịch để đoán những chuyện đã và sẽ xảy ra cho mỗi người. Chỉ có một xác suất nào đó, và nhiều người dù đi bốc quẻ, vẫn không phải hoàn toàn tin vào quẻ bài trăm phần trăm, nếu quẻ bài đó không được tốt.

Những người tin vào chuyện bói toán thường dễ nghe có thầy hay là tìm đến xem. Nhưng có phải thầy bói nào cũng nói giống nhau đâu. Có chuyện tốt chuyện xấu, có chuyện đúng chuyện sai. Vậy thì họ tin ai? Hầu hết đều tin vào những ông thầy nói cho họ những điều tốt. Đó là cái tâm lý của mọi người, vì người ta thường cho rằng những người mê đi xem bói hầu hết là thiếu sự tin tưởng vào bản thân. Và lại thường có câu: "Tướng bất cập số, số bất cập đức". Ai tin chuyện xem bói cũng biết điều đó và câu nói trên gần như là một điều an ủi cho những người bói ra một quẻ không được tốt. Thầy bói nói chung đều nói với thân chủ nếu quẻ bói của họ không được tốt, là "tuy quẻ bài không được tốt, nhưng không chắc là điều xảy ra sẽ đúng trăm phần trăm, vì luôn luôn còn chịu ảnh hưởng cái đức cái phúc của

mình nữa. Nếu quý vị chịu khó làm việc thiện thì vẫn có thể thay đổi được số phận của mình". Điều này không những hợp lý, mà xem ra còn là một cách khuyên con người làm điều tốt. Cho nên coi bói, giải tử vi... có thể đúng phần nào chuyện đã xảy ra trong quá khứ, nhưng không thể nào đúng trăm phần trăm chuyện tương lai được vì con người có thể cải số nhờ những tư duy cùng hành động để thay đổi cuộc sống của mình.

Có những người không bao giờ coi bói, và họ cũng không tin ngay cả tử vi, và cho rằng đó là những điều dị đoan, vì không căn cứ trên một cơ sở khoa học nào. Xem ngày tốt để động thổ xây nhà hay để mở hàng v.v... đều là những chuyện dị đoan. Đúng là có vẻ dị đoan thật, nhưng khi coi một ngày mà người ta cho là tốt để bắt đầu một công việc làm cho những người liên hệ đều được an tâm, thì xem ra chẳng những không có gì là không tốt, mà lại còn có lợi là đằng khác. "Của đi thay người" là một quan niệm làm cho nhiều người tin dị đoan phần nào không tiếc của khi bị mất. Nếu tin được như thế thì tin dị đoan cũng là một điều tốt vậy. Nhiều người không tin dị đoan, và họ thường nghĩ ngược lại những điều dị đoan: Thay vì "ra ngõ gặp gái", "máy mắt tay phải" hay "nhện sa trước mắt" là những triệu chứng người ta cho là xui thì họ cho là hên. Chuyện hên xui, thật ra cũng do người đời nghĩ ra cho có chuyện mà thôi. Ở Liễu Châu bên Trung Hoa, người ta thường đi quà cho nhau bằng một mẫu quan tài nhỏ với ý nghĩa chúc nhau "thăng quan phát tài" để quảng cáo cho một loại gỗ quý để làm quan tài.

Thấp một nén nhang lên bàn Phật, hay cho một người quá cố với một ý nghĩ mơ hồ là đang gửi gắm một chút tình cảm về một cảnh giới khác nhờ làn khói hương đang tan biến trong hư vô. Ý nghĩa ấy có người không hiểu cho là dị đoan, nhưng thật ra đấy là một hành động, một tư duy rất chân thật, đúng đắn, biểu thị một truyền thống rất tốt đẹp. ■



Hội luận với khoa giáo học

TRẦN KIÊM ĐOÀN

Gần cuối năm, ở miền Bắc California, có một cuộc hội luận của nhóm trí thức và doanh nhân đang sinh hoạt theo một hình thức tôn giáo mới gọi là “Ngành học về Khoa học tôn giáo” được tổ chức tại Chico. “Khoa Giáo học” là cách tạm dịch hơi khiên cưỡng của một nhóm từ mới – *Scientology* – chưa có trong từ điển ngôn ngữ thế giới trước năm 1952. Nhưng đây là một khuynh hướng muốn kết hợp giữa khoa học và đời sống tâm linh tôn giáo để tạo thành một ngành nghiên cứu và thực hành với mục đích sau cùng là đạt tới sự giác ngộ tâm linh và tự do chân chính.

Nhân vật sáng tạo ra Khoa Giáo học là tiểu thuyết gia khoa học giả tưởng L. Ron Hubbard (1911-1986). Với 60 năm lịch sử, tổ chức Khoa Giáo học đã có hàng nghìn cơ sở và cả triệu người theo trên khắp thế giới.

Bước vào phòng hội, cảm tưởng đầu tiên của tôi là sự thoải mái về tuổi tác và trang phục. Thành viên tham dự đủ mọi lứa tuổi và cách ăn mặc từ “trẻ trung” đến mệnh phụ, chẳng ai quan tâm. Nhưng nét gây ấn tượng mạnh nhất là giờ giấc chính xác và phong thái trang nhã của tham dự viên cũng như cách tổ chức chu đáo và trang trọng của Ban Tổ chức.

Mở đầu, người hướng dẫn chương trình thông báo về khung thời gian cho buổi hội luận là 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều. Một giờ nghỉ ăn trưa. Nội dung thảo luận

là: “*Sự dâng hiến và lòng mộ đạo trong đời sống tâm linh*” (*Sacrifice and Devotion in the Spiritual Life*).

Tiến sĩ Thần học Kent Miller thay mặt Ban Tổ chức mở đầu cuộc hội luận. Trước hết, ông giới thiệu vài nét về tổ chức “Khoa học Tôn giáo”:

“*Scientology* được xem là một hình thái ‘tôn giáo ứng dụng’ mới nhất trong lịch sử tâm linh, tư tưởng hiện đại”. Miller dừng lại nhìn quanh phòng hội như thăm dò ý kiến và tiếp lời: “Từ ngày ra đời trong 60 năm qua, Khoa Giáo học đã thường xuyên bị gắn nhiều nhãn hiệu như: Tôn giáo vô thần, Máy làm tiền, Tập đoàn tiểu thuyết khoa học giả tưởng... và những tên gọi tương tự như thế. Nhưng chúng tôi chẳng lấy đó làm điều vì bản chất của người thường khác với thần thánh là trong mọi cái đúng vẫn có cái sai và ngược lại. Trong lúc chúng tôi chỉ muốn đem con người về lại với nó. Không van xin cầu nguyện với thần thánh hay nương tựa vào thế lực vô hình nào cả. Vô thần ư? Không! Hữu thần ư? Không! Chúng tôi sống cùng, sống với, sống cho... tất cả, nhưng trước hết phải sống chân thật với ta và hiểu mình là ai trong mối tương quan với tự ngã, với người thân, với gia đình, xã hội, thế giới và vũ trụ trước khi đến với một Đối tượng Siêu Việt (Supreme Being)... mà bạn muốn gọi là gì theo cách riêng của bạn cũng được. Hôm nay là lần họp mặt hàng tháng cuối năm gần lễ Giáng sinh và Năm mới. Hàng năm, người Mỹ tiêu khoảng chừng 500 tỷ đô-la cho quà cáp lễ Giáng sinh, trung bình mỗi gia đình là 700

đô-la. Nhân đó, chúng tôi chọn đề tài cho cuộc hội luận này là *'Sự dâng hiến và lòng mộ đạo trong đời sống tâm linh'* như một cái nhìn trao đổi và chia sẻ về những tác dụng tích cực và tiêu cực của những giá trị vật chất trên giá trị tâm linh và tinh thần mà chúng ta đang hướng tới. Hôm nay chúng ta đang ngồi với nhau trong không khí thân thiện và cởi mở của một *'Làng Địa Cầu'* (Global Village) không phân biệt đức tin tâm linh tôn giáo hay nhóm phái, chủng tộc khác nhau. Xin cảm tạ và chào đón tất cả các bạn”.

Trong hơn hai giờ thảo luận sau các bài thuyết trình, trọng tâm nổi bật nhất là nhu cầu canh tân tôn giáo trước trào lưu thay đổi quá nhanh chóng trong mọi lĩnh vực trên toàn thế giới. Những mảng bóng tối của huyền thoại tôn giáo kéo dài hàng nghìn năm đã được vén lên. Những hình thức lễ nghi, thờ phụng, hành đạo của một số tôn giáo nhân danh “truyền thống tâm linh” không còn thích hợp với hoàn cảnh và tâm lý thời đại. Nhưng hai thái độ cùng hai khuynh hướng bảo thủ và cấp tiến hiện đang gây sóng gió trong nội bộ nhiều tôn giáo. Đây là hiện tượng muốn canh tân, chấn hưng tôn giáo vì sợ tôn giáo mình trở thành lạc hậu và đối nghịch lại là hiện tượng muốn bảo thủ, tồn cổ tôn giáo vì sợ tôn giáo mình sẽ bị tha hóa. Thực tế chứng minh con đường Trung đạo ở giữa hai phía cực đoan là phương hướng có hiệu quả nhất để tránh phân hóa và xâu xé nội bộ.

Đề tài không được nhấn mạnh trong thư mời khóa hội luận, nhưng lại được mang ra thảo luận, có nhiều thành viên quan tâm và đưa lên thành một đề mục sôi động sau bữa ăn trưa là mặt tiêu cực và mặt tích cực của việc *cho* và *nhận* trong sinh hoạt các tôn giáo.

Các bài thuyết trình đều nhấn mạnh vào một điểm chung là: Hầu hết các tôn giáo hiện nay đã quên hình ảnh của vị giáo chủ nguyên thủy xuất hiện giữa đời này trong cảnh cơ hàn (như Chúa Jesus) hay từ bỏ phú quý (như Phật Thích-ca) và đặc đạo, truyền đạo trong cảnh đơn sơ, rỗng lặng... Những người tôn giáo – kể cả tu sĩ và thường nhân – những đời sau đã ra sức xây dựng một kiểu triều đình tôn giáo chạy theo sở hữu vật chất nên xa lìa cội nguồn chánh đạo.

Ông điều hợp viên Kent Adams “gỡ rối” bằng cách kéo đề tài trở về với trọng tâm cuộc thảo luận. Ông nói:

“Nào, chúng ta đang trao đổi những ý kiến rất thú vị. Nhưng đề tài chính chưa được nói đến đầy đủ. Xin nhắc lại, chúng ta đang nói đến hai mặt tích cực và tiêu cực về khái niệm *cho* và *nhận* trong tôn giáo. Ngay bây giờ xin quý vị bàn đến thế nào là *chơ* đúng nghĩa trong tôn giáo. Theo tôi hiểu thì *chơ* mang một ý nghĩa rất đơn giản và dễ hiểu là dâng hiến, đưa, tặng, biếu, chuyển nhượng hay ký thác một hay nhiều đơn vị có giá trị hoặc lớn hoặc nhỏ dưới hình thức vật chất hay tinh thần từ một người, một nhóm hay một thể lực đang cầu xin tới một người, một nhóm hay một thể lực khác đang ban phước. Tôn giáo xưa nay đóng vai ban phước là một thể lực thu hút của *chơ* nhiều nhất vì trên nguyên tắc, giáo sĩ, đạo sĩ và tu sĩ

không sản xuất ra của cải vật chất. Nhưng đã có những thời các nhà tu đầu nậu tôn giáo nắm quyền sinh sát và tiêu pha, xài phí tiền bạc, kho lẫm của người dâng cúng phí phạm và xa xỉ như những ông hoàng, bà chúa. Tệ nạn này xảy ra từ thời Trung cổ ở châu Âu cho đến ngày nay. Xin quý vị vui lòng tập trung vào đề tài này”.

Những thảo luận viên đã nhắc đến lịch sử nhân danh tôn giáo mà thi hành việc dâng cúng thần linh, giáo chủ, tù trưởng, đạo trưởng... bằng mạng sống và xương máu của con người. Trong bóng tối của lịch sử tôn giáo, những hình thức chôn sống, thiêu sống, thả xuống nước sâu, chặt đầu, mổ bụng, đóng đinh, phơi khô... đầy máu lệ và bi thảm để dâng cúng thần linh đã diễn ra khắp thế giới.

Bác sĩ Chuck Murray, Giám đốc Bệnh viện Notre Dame lên tiếng:

“Dâng cúng thường được xem là một cách ‘hành đạo’ tích cực trong các tôn giáo. Bởi không có thần linh thì không có tôn giáo. Nhưng khái niệm thần linh phải gắn liền với ý niệm cầu xin, dựa dẫm, ban ơn, cầu phước và năng động nhất vẫn là những hình thức dâng hiến từ phía tự cho là ‘quan chiêm, tiếp cận’ được hay sáng tạo ra thần linh. Đó là con người mang niềm tin đầy ma lực của tôn giáo. Xã hội con người càng văn minh tiến bộ, những hình thức dâng cúng càng ngày càng bớt thô bạo hơn. Thay vì dùng mạng sống hay máu thịt của con người bị hy sinh tế thần thì người ta chọn lựa những hình thức có nhân tính hơn như giết sinh vật thay cho giết người hoặc khá hơn nữa là đem vật dụng thể mạng cho sinh vật. Bản thân tôi là người nghiên cứu về *“lịch sử và các hình thức dâng hiến trong tôn giáo”*. Tôi rất cảm kích và ca ngợi tính nhân bản của xã hội phương Đông đã bỏ thói giết người tế thần để thay vào đó, dùng súc vật như trâu, bò, gà, lợn... làm phẩm vật dâng cúng thần linh khi cần phải thể hiện một hình thức hy sinh và dâng hiến như thế. Hay nhẹ nhàng và theo tôi đó thật là tuyệt hảo khi họ dùng ‘Joss paper’ (vàng mã) để làm biểu tượng cho phẩm vật dâng cúng. Hiện nay, những người theo đạo Phật ở Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan vẫn còn dùng phổ biến ‘Joss paper’ này trong sinh hoạt thờ cúng mang tính cách tôn giáo của họ. Họ dùng giấy và tre hay gỗ mà chế ra những món đồ vật sắp lên bàn thờ cúng tế rồi đốt đi để dâng cúng cho thần thánh và con người đã chết. Ấn tượng tích cực nhất là giảm bớt tính hiếu sát giết hại súc vật và nâng cao tính thiện của con người có đời sống tâm linh trong sáng”.

Đột ngột, Murray quay về phía tôi mỉm cười và nói giọng mời gọi:

“Xin chào ông bạn mới. Tôi nói về thế giới phương Đông của bạn như thế có gì sai chằng? Được biết bạn là người theo đạo Phật, xin bạn vui lòng cho chúng tôi biết tôn giáo của bạn dạy về những vấn đề này như thế nào?”.

Ồ thế khách mời, không thể thoái thác, tôi dè dặt góp lời:

“Xin chào các bạn. Vâng, tôi là người Việt Nam theo

đạo Phật. Trong một cuộc hội luận với *‘Trại Vô Thần’*⁽¹⁾ trước đây, tôi đã có dịp trình bày một vài sự hiểu biết đơn giản và giới hạn của tôi về đạo Phật cho các bạn ‘vô thần’. Hôm nay, tôi rất vui được trao đổi với các bạn ‘Scientology’. Ba nét chính về bản tâm và căn tính của con người theo suy niệm của ông Hubbard đã làm tôi liên tưởng ngay tới thuyết Duyên Nghiệp của Phật giáo và tự hỏi, có chăng suối nguồn Vệ-đà của Ấn Độ và giáo pháp của Đức Phật đã được vận dụng vào những khuynh hướng cách tân tâm linh trong thời đại mới như Khoa Giáo học:

- Con người là một sinh thể bất tử. (*Tương tự như thân mất nhưng chúng tử vẫn luân lưu và thường trụ trong A-lai-da thức?*).

- Sự trải nghiệm của con người vượt quá giới hạn của một cuộc đời đang sống. (*Giống như nghiệp lực luân tập từ đời này sang đời khác?*).

- Năng lực của con người vượt ra ngoài và lên trên cái khung nhỏ bé của sự hiện hữu trước mắt (*Cũng như Duyên khởi là khi những điều kiện khách quan, chủ quan, quá khứ, hiện tại tương tác mà tạo nên; nhưng khi hết duyên thì mọi hiện tượng và hình tướng đều tan rã?*).

Ông Murray có vẻ như không để lỡ cơ hội chia sẻ, nói ngay:

“Vâng, quả nhiên là như thế. Vì vậy, đời sống tâm linh đích thực của con người là sự giao hòa và tiếp cận trước hết với chính mình, rồi với người bên cạnh, với gia đình, với xã hội, đất nước, với vũ trụ vật chất lẫn tinh thần và đấng Siêu Việt (Supreme Being). Như thế, phải chăng Scientology chúng tôi và đạo Phật của bạn là đồng hành, đồng hướng?”

Không do dự, tôi đáp lời:

“Khác Dr. Murray ạ. Scientology của các bạn muốn thành người, một mẫu người giác ngộ, tự do, tự quyết và tiến gần tới đấng Siêu Việt. Còn chúng tôi thì muốn thành Phật vì mỗi chúng tôi đều có sẵn một gốc Phật trong chính mình. Tất nhiên, muốn thành Phật thì phải giác ngộ trước đã. Các bạn “giác ngộ” để được đến gần hay trở thành đấng Siêu Việt. Còn chúng tôi giác ngộ là được thành Phật; đồng nghĩa với rỗng lặng hoàn toàn. Vì rỗng lặng hoàn toàn nên không còn sinh, còn diệt và do đó mà cũng chẳng còn luân hồi sinh tử...”

Tôi im lặng một lát, nhưng đã có tiếng hối thúc:

“Nói tiếp! Để tài rất hay, xin vui lòng nói tiếp”.

Nhưng ông Murray đã khôn khéo kéo cuộc hội luận trở về với đề tài chính. Tôi phải theo hướng trọng tâm:

“Trước mắt, chúng ta đang thảo luận quan điểm về mối tương quan giữa vật chất và tinh thần trong sinh hoạt tôn giáo; về ý nghĩa cho và nhận đóng vai trò như thế nào trong đời sống tinh thần. Nhưng xin Dr. Murray vui lòng nói rõ hơn là ông muốn biết quan điểm về vấn đề cho và nhận hay là những hình thức dâng cúng trong sinh hoạt tôn giáo?”

Murray cười và trả lời thoải mái:

“Ông bạn ơi, cả hai!”.

Tôi cũng trả lời nửa đùa, nửa thật:

“Này, bạn ta. Tôi sẽ làm theo yêu cầu của bạn với điều kiện là phải có người dịch ra tiếng Việt ngay trong khi thu băng. Trước hết, xin nói tóm tắt về khái niệm ‘dâng hiến’ trong đạo Phật. Cho – nguyên thủy trong đạo Phật mang một ý nghĩa dâng cúng cao quý, đó là sự cúng dường những phẩm vật căn bản cho cuộc sống hằng ngày của đời tu sĩ như thức ăn, thuốc men, áo quần, mền chiếu... Người tu sĩ còn gọi là khát sĩ; nghĩa là một người thực hành hạnh xin của bố thí của đại chúng nhằm mục đích vừa giúp cho bản thân người tu có đủ điều kiện vật chất tối thiểu sinh sống để hành đạo, đồng thời giúp người đem của ra cho có cơ hội thực hành hạnh từ bi, buông xả. Việc dâng cúng tiền bạc, của cải vật chất về sau này đã bị lạm dụng và đi sai lạc tinh thần Phật giáo. Đây là do một số thí chủ giàu sang như vua chúa, quan lại, quý tộc tưởng giả muốn biến Phật giáo thành một phương tiện quảng cáo, kinh doanh, chữa bệnh tinh thần hay chuộc lỗi... bằng cách cống hiến nhiều tài vật để xây dựng chùa to tượng lớn. Sự phát triển của đạo Phật theo chiều hướng thực dụng đã tạo ra hai mặt tốt xấu đối nghịch nhau: Vật chất dồi dào làm cho nếp sống chùa viện thành sang trọng, phong phú và quy tụ nhiều người theo hơn. Nhưng đồng thời cũng nảy sinh ra mặt xấu là đạo Phật có khả năng bị thế tục hóa và thương mại hóa gây bất tịnh cho đời sống tu hành...”

Murray đưa tay, rồi nói chen vào:

“Thế thì việc dâng cúng ‘Joss paper’ – Vàng mã – được thực hành lúc nào?”

Tôi giải thích:

“Đạo Phật không chủ trương hiến tặng, bố thí hay cúng dường vàng mã. Đây chỉ là cách thực hành tế lễ của quần chúng. Trung Quốc thường được xem là chiếc nôi của hình thức dâng cúng vàng mã cho thần linh hay người thân đã chết. Lịch sử của đạo Phật thường gắn liền với lịch sử và xã hội của vùng đất thực hành Phật giáo nên luôn có sự song hành giữa đạo pháp và tín ngưỡng dân gian của một dân tộc đặc thù nào đó. Đạo Phật ở Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam, Nhật, Thái Lan... đều có hình thức sinh hoạt mang nặng bản sắc dân tộc của nước đó. Nhưng từ thời thượng cổ, xã hội nào cũng có một hình thức thờ phụng thần linh hay vong linh người thân gọi nôm na là ‘tôn giáo dân gian’ trước khi Phật giáo du nhập vào nơi đó. Đốt vàng mã hay giấy tiền vàng bạc là một hình thức văn hóa gắn liền với tôn giáo dân gian của người dân các xứ Á Đông. Xưa nay, đạo Phật không loại trừ văn hóa truyền thống của người bản xứ hay thô bạo áp đặt cải đạo. Đạo Phật đến đâu, làm giàu cho môi trường văn hóa truyền thống và nếp tâm linh nơi đó”.

Có một người trẻ, không xưng tên, hỏi:

“Theo ông thì hình thức đốt vàng mã hiện nay như ở Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Thái Lan và Việt Nam là đất nước của ông có cần phải loại trừ không? Tại sao?”

Nói với người trẻ phương Tây chưa từng biết mặt mũi vàng mã như thế nào hơi khó. Tâm thức của họ chỉ đơn giản nghĩ về những hình thức dâng hiến giàu tính chất tâm linh văn hóa, tôi nói với những người bạn mới gặp như nói với chính mình:

“Theo ý kiến cá nhân tôi thì vừa ‘nên’, vừa ‘không nên’. Nếu lạm dụng việc đốt vàng mã như một sự phô trương giàu có xa hoa, vừa phí phạm, vừa nặng tính chất mê tín dị đoan thì nên loại bỏ vì đó là một lễ thói hủ lậu (hủ tục). Nếu trong những dịp lễ tế, cúng giỗ mà dùng một ít tờ vàng mã, phí tổn nhẹ nhàng như một bó hoa, có viết những điều tưởng niệm, biết ơn, dâng hiến lên thần linh hay tổ tiên đã khuất, rồi đốt đi sau cuộc lễ thì nên duy trì vì đó là một phong cách đẹp đẽ hay ho (mỹ tục) nói lên tâm thành kính, lòng biết ơn, ý tưởng niệm sâu sắc của những người đang sống hướng về thế giới tâm linh”.

Người trẻ tuổi đưa tay vỗ trán nhẹ nhàng, tiếp lời:

“Ông làm tôi nhớ những người Tây Tạng hay đứng đầu nguồn sông Mê Kông. Họ dùng những tờ giấy rất mỏng, viết lời cầu nguyện thiết tha và tốt đẹp, rồi thả trôi theo dòng sông với sự tin tưởng rằng, thần sông, thần núi hay người ta sẽ nhận được phúc lành khi nhặt được tờ giấy. Và đây là câu hỏi cuối cùng của tôi, ông vui lòng cho biết ý kiến càng ngắn gọn càng tốt vì chúng ta còn nhiều điều khác để nói. Tôi muốn hỏi ông là theo thuyết nhà Phật, người chết sẽ đi đâu tái kiếp khác, theo sáu nẻo luân hồi. Thế tại sao vẫn cứ cúng vái cầu nguyện cho nhiều đời tổ tiên, ông bà... thì còn ai nghe, ai hưởng”.

Tôi chân thành nói với người bạn rằng:

“Điều bạn hỏi rất hay nhưng khó có thể góp ý chia sẻ trong một vài câu ngắn. Xin nói thế này, nếu chưa đạt giác ngộ để chấm dứt luân hồi sinh tử như Đức Phật, thì con người hay một sinh thể vẫn còn trôi lăn từ kiếp này đến kiếp khác mãi mãi như thế. Chết kiếp này; rồi sinh ra và sống lại kiếp khác xảy ra liên tục như cây thay lá, như người đổi áo. Như vậy, biết đâu tôi và bạn là cha mẹ, anh em, vợ chồng hay có thể là kẻ thù của nhau từ nhiều kiếp trước. Và biết đâu hôm nay, khi bạn về nhà được trúng số độc đắc vì bạn có đứa con hiếu thảo của bạn trong vài mươi kiếp trước đang làm tổng thống và ân xá, cứu khổ nhiều người với tâm thành cầu nguyện cho tổ tiên của mình (trong đó có bạn bây giờ) được tốt lành. Không có khi nào muộn màng hay quá sớm để cầu mong những điều tốt đẹp cho người khác, kể cả người thân, cả bạn lẫn thù. Tôi tin rằng, năng lượng lành và sóng thiên nhiên vô hình đang nối kết băng qua thời gian và không gian trùng trùng miên viễn để có một nháy mắt hôm nay, kéo chúng ta – vốn là những người có duyên nợ từ vô số kiếp trước – gặp nhau trong phòng hội này”.

Sự im lặng theo dõi của các hội luận viên chứng tỏ họ rất quan tâm đến những quan điểm về vật chất, hiến tặng, hành đạo đến từ phương Đông. Nhưng sự nhạy cảm cần thiết không cho phép tôi nói dài hơn và chia sẻ sâu hơn những quan điểm chung và riêng giữa đạo Phật và



Scientology. Hy vọng, song song với những đợt tu học có tính chất nội bộ trong sinh hoạt Phật giáo Việt Nam trong cũng như ngoài nước, sẽ có những cuộc hội luận với sự tham gia của nhiều huynh hướng tâm linh, tôn giáo khác nhau như cuộc hội luận với Khoa Giáo học hôm nay.

Văn hóa, tôn giáo, triết lý phương Đông chỉ được thế giới phương Tây chú ý và quan tâm nghiên cứu một cách nghiêm túc song song với sự trỗi dậy của những “con rồng kinh tế” như Nhật Bản, Đại Hàn, Trung Hoa. Riêng đạo Phật thì đã đi vào thế giới phương Tây không qua con đường kinh tế mà qua con đường học thuật, nghệ thuật và tâm linh. Ngày nay, hầu như khắp các nước có trình độ văn minh hàng đầu ở châu Âu và châu Mỹ đã có những Tăng đoàn và đạo tràng Phật giáo hành đạo. Xã hội phương Tây đã mệt mỏi với nền triết học “lý sự” và không gian tâm linh mang tính mặc khải đơn điệu, một chiều. Cái nhìn tươi mới của tinh thần thanh thoát đầy tự do và khai phóng qua cách nhìn vũ trụ và nhân sinh của đạo Phật đã êm đềm đi vào sinh hoạt trí thức, xã hội phương Tây không tạo ra những va chạm về lý thuyết (khế lý) hay cấu trúc (khế cơ) với những tôn giáo bản địa đầy phương tiện và quyền lực đã trấn thủ lâu đời ở phương trời này.

Những huynh hướng tinh thần tự khởi, tự phát thông thoáng, không chịu bị chi phối bởi một thế lực vô hình lạnh lẽo đã thành tượng, thành đài nào cả ở phương Tây đang đi tìm một không gian mới. Vô hình trung, những “kênh tâm linh” (spiritual channels) tự do này gặp tinh thần phá chấp của đạo Phật. Cuộc hội luận với Khoa Giáo học là hình ảnh nhẹ nhàng của một sự gặp gỡ tình cờ – nhưng tình cờ nào cũng thấp thoáng bóng dáng của một chút duyên và ít nhiều tác nghiệp – giữa Đông và Tây. ■

Chú thích:

⁽¹⁾<http://trankiemdoan.net/van/kysu-hoiuc/traivothan1.html> và <http://trankiemdoan.net/van/kysu-hoiuc/traivothan2.html>



Có không, một tuổi già hạnh phúc

ĐỖ HỒNG NGỌC

Trước hết phải nói ngay là không có cái gọi là “già!”. “*Khi người ta 20-30 tuổi, người ta còn quá trẻ; 30-40 tuổi, đang trẻ; 40-50, hãy còn trẻ; 50-60 trẻ không ngờ; 60-70 trẻ lạ lùng! Và trên 70 người ta trẻ vĩnh viễn!*”... Ông Khai Trí, chủ nhà sách Khai Trí trước kia ở Saigon nói với tôi như vậy. Ông nói ông đọc được câu này trong một cuốn sách... Tây từ lâu lắm rồi! Còn Trịnh Công Sơn thì bảo: “... *Nói với một người trẻ, tôi già rồi em ạ là một điều vô lễ... Không có già không có trẻ...*” (Gió heo may đã về, ĐHN).

Thì ra vậy! Vậy thì cái tựa bài này “Có không, một tuổi già hạnh phúc?”, câu hỏi đặt ra đã sai ngay từ đầu rồi còn gì!

Già là một vấn đề văn hóa. Già Tây khác già Ta. Ở một xã hội nông nghiệp, lúa nước, già là một hãnh diện. Già luôn được kính nể. Già làng. Kính lão đắc thọ. Ông tiên nào cũng râu tóc bạc phơ. Phúc lộc thọ luôn đi với nhau. Người chưa kịp già cũng làm bộ tăng hăng cho ra vẻ. Cho oai.

Ngồi chiếu trên. Còn Tây thì khổ vì già, ráng giấu đi. Các cụ... phù thủy đều già, xấu xí, tàn ác. Các ông già thì luôn biến lộn, lảm cẩm, làm trò cười. Cho nên già phải mang mặt nạ, cố nhí nhảnh, oai phong lắm liệt.

Nhưng, nói vậy mà không phải vậy!

Già có đó. Sanh bệnh lão tử! Ngày nay tỷ lệ người già ngày càng đông, tuổi thọ ngày càng tăng, “ba cao một thấp” ngày càng nhiều. Một người bạn tôi ở Mỹ về nói bạn bè mình lúc này đa số bị bệnh “Ba cao một thấp”. Tôi ngạc nhiên: “Ba cao một thấp là bệnh gì?”. Thì ra ba cao là “cao máu” (tăng huyết áp), “cao đường” (tiểu đường), và cao mỡ (tăng cholesterol xấu). Còn “một thấp?”, tôi hỏi. “Một thấp là thấp khớp!”.

Già có đó. Nên đôi khi người ta cảm thán “nhìn lại mình đời đã xanh rêu!”. Hoặc đã phải tự nhắc đi nhắc lại, thôi,

*“... về thu xếp lại
ngày trong nếp ngày
vội vàng thêm những lúc yêu người...
Cuồng phong cánh mồi
về bên núi đợi
ngậm ngùi ôi đá cũng thương thay...”* (TCS).



Sư bà Diệu Không viết lúc ngoài tuổi 80:

*Rủ rờ đổ vỡ thật là hu!
Chẳng biết hẳn rằng được nữa chừ!
Ăn uống vãi rơi làm họ bực
Vào ra đụng chạm thấy mình dư...
Người quen gặp lại nhìn ngơ ngẩn
Để trước quên sau kiểm mệt đừ
Đâu biết ngày nay ra thế ấy
Xưa kia lổi lạc một tay cừ!*

"Vào ra đụng chạm thấy mình dư..." nghe mới cảm động làm sao!

Để có hạnh phúc tuổi già, trước hết phải có sức khỏe. Cho nên Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) mới có một định nghĩa dành cho người già như sau: Sức khỏe của người già là *phát triển* và *duy trì* được sự *sảng khoái* (well-being) và hoạt động *chức năng* (function) của họ, bởi đa số các hoạt động chức năng xài lâu đều rệu rã, quá date, dễ cảm thấy chán nản, tuyệt vọng, lo âu, trầm cảm...

Sự khác biệt của định nghĩa này với định nghĩa chung về sức khỏe là đã đưa vấn đề "tâm thần, tâm lý" lên hàng đầu: làm sao *phát triển* và *duy trì* được sự *sảng khoái* và hoạt động *chức năng* tốt nhất về *tâm thần* (mental), rồi mới đến *xã hội* (social) và *thể chất* (physical). Và tiếp theo đó là một định nghĩa về *Chất lượng cuộc sống* (Quality of life): "*là những cảm nhận của các cá nhân về cuộc sống của họ trong bối cảnh văn hóa và các hệ thống giá trị mà họ đang sống, liên quan đến các mục đích, nguyện vọng, tiêu chuẩn và các mối quan tâm của họ*" (WHO).

Có hẳn một bảng các chỉ số để giúp ta đánh giá *chất lượng cuộc sống* của mình như: Tình trạng dinh dưỡng ra sao? Mức độ của sự mệt mỏi, đau nhức về thể chất?... Giấc ngủ và sự nghỉ ngơi? Tự nhìn nhận bản thân mình thế nào? Có hài lòng với dáng vẻ bên ngoài của mình không? Khả năng suy nghĩ, học tập, trí nhớ? Mức độ vận động, đi lại, sinh hoạt? Khả năng thích ứng công việc hàng ngày? Các mối quan hệ cá nhân với gia đình và xã hội chung quanh có duy trì tốt không? Nguồn tài chính có ổn định không? Môi trường nhà ở, đi lại, vui chơi giải trí thế nào, có an toàn không, có phù hợp không? v.v...

Đó là một ít trong hàng trăm câu hỏi được đặt ra để giúp "đo lường" một cách tương đối *chất lượng cuộc sống*. Nhớ rằng *chất lượng cuộc sống* là những cảm nhận cá nhân, có tính chủ quan, phù hợp nếp sống văn hóa, hệ thống giá trị của riêng mình chứ không phải được đánh giá bởi máy móc xét nghiệm của bác sĩ hay cách cân đong đo đếm của một nhân viên công tác xã hội nào đó, so sánh ta với người hàng xóm!

Tóm lại, tuổi già thường có được hạnh phúc khi:

- Chấp nhận. Hiếu luật vô thường / Từ bi với mình!

- Gần gũi những người trẻ... dễ thương,
- Có kỷ ức tốt về tuổi thơ và tuổi thanh niên,
- Tự tại: sắp xếp cuộc sống riêng của mình, không bị áp đặt.

- Được xã hội và gia đình chấp nhận, tôn trọng,
Với những điều kiện cụ thể:
- Có sức khỏe tương đối;
- Tài chánh tự chủ;
- Nhà ở an toàn; môi trường thuận lợi;
- Duy trì các mối quan hệ gia đình / bè bạn;
- Hoạt động xã hội phù hợp để thấy luôn hữu ích;
- Gần gũi với thiên nhiên;
- Giữ ngọn lửa nhiệt tình, niềm an lạc, thanh thản trong tâm hồn.

Có một lời khuyên của Tổ chức Y tế Thế giới để có một sức khỏe tốt: *SAFE*. Tòì thêm chữ R thành *SAFER* (an toàn hơn). Đó là chữ viết tắt của các biện pháp: Smoking (không thuốc lá), Alcohol (giảm rượu), Food (Dinh dưỡng đúng), Exercise (rèn luyện thể lực) và Respiration (Thở đúng phương pháp). Thuốc lá rõ ràng là có hại. Rượu thì giảm thôi chứ không khuyên bỏ hẳn.

Nguyễn Bình Khiêm nói:

*"Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao".*

"Sẽ nhấp" chứ không phải "sẽ nốc"!

Dinh dưỡng đúng là đừng quá cỡ kiêng, thiếu calori, thiếu chất. Vận động thể lực vừa sức, chủ yếu là tạo sức bền, dẻo dai... chứ không phải vai u thịt bắp!

Và cách thở tốt nhất là thở bụng, thở cơ hoành.

Tuệ Tĩnh, thế kỷ XIV nước ta cũng khuyên:

*"Bế tinh dưỡng khí tồn thần
Thanh tâm quả dục thủ chân luyện hình".*

Đời sống bây giờ tinh không bế, khí không dưỡng, thần không tồn, tâm não loạn... bảo sao không sinh lắm chuyện!

Ngày xưa đời sống vật chất khó khăn mà sao an nhàn hơn:

*"Tháng Giêng ăn Tết ở nhà
Tháng Hai cờ bạc tháng ba hội hè
Tháng Tư đong đậu nấu chè
Ăn Tết Đoàn ngộ trở về tháng Năm...".*

Còn nay ta có thiên lý nhãn, thuận phong nhĩ, "cân đầu vân" và có đủ 72 phép thần thông các thứ chỉ trên một bàn tay với vài cái nút bấm... lẽ nào không có được hạnh phúc? Có khi hạnh phúc sờ sờ đó mà ta không thấy biết, mãi mê tìm kiếm đâu đâu:

*Gia trung hữu bảo hưu tâm mịch
Đối cảnh vô tâm mặc vấn thiền.*

(Cư trần lạc đạo, Trần Nhân Tông)

Tóm lại, có một tuổi già hạnh phúc đó vậy! ■



Naên ngöia

kể chuyện những con ngựa thổ hàng

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Tiếp nối năm 2013 là năm Ngựa. Do đó, đón xuân Canh Ngọ kể chuyện những con “ngựa thổ hàng” độc đáo sau đây có lẽ sẽ đem đến niềm vui cho nhiều người.

Giải Nobel Y Sinh học năm 2013 được trao cho ba nhà khoa học Mỹ James E. Rothman, Randy W. Schekman và Thomas C. Südhof, với công lao khám phá và giải mã được những bí ẩn về cách thức chuyển vận các chất sinh học trong các tế bào khắp cơ thể người. Để hiểu công trình của họ, cần đến một sự so sánh. Đó là xem có sự giống nhau của việc hệ thống các chất sinh học được di chuyển đến các tế bào y như sự chuyển vận của các con ngựa thổ hàng đến đúng nơi và đúng lúc.

Trước hết, ta cần biết cơ thể chúng ta hoạt động bình thường là nhờ có sự hoạt động của các chất sinh học như nội tiết tố (hormon), các chất dẫn truyền thần kinh, các cytokin... Các chất này được sản xuất từ các loại tế bào khác nhau. Mỗi tế bào trong cơ thể chúng

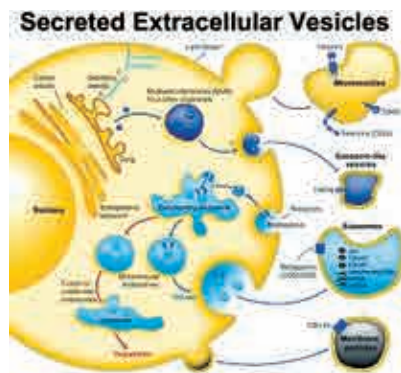
ta được ví như một nhà máy sản xuất và xuất khẩu các “hàng hóa” là các phân tử các chất sinh học vừa kể. Ba nhà khoa học được trao giải Nobel Y Sinh học năm 2013 đã khám phá những nguyên lý kiểm soát sản xuất, xuất khẩu và vận chuyển các phân tử sinh học đến nơi chúng cần đến và vào đúng lúc mà chúng cần xuất hiện và hoạt động. Những hệ thống giao thông trong một đô thị phức tạp như thế nào thì hệ thống vận chuyển các chất sinh học trong cơ thể ta cũng phức tạp như thế nấy, thậm chí phức tạp hơn vì có rất nhiều yếu tố tham gia. Trên đường phố có người tham gia giao thông; còn ở các mô và các tế bào, có các “túi tiết” (vesicles) tí hon đóng vai trò vận chuyển các chất sinh học đi khắp nơi để đến nơi cần đến. Các “túi tiết” có thể gọi ví von là “ngựa thổ hàng”. Vì đó thật sự là sinh vật hiểu được hệ thống giao thông trong tế bào, nhận biết và làm theo các tín hiệu hóa học trong tế bào đóng vai trò hướng dẫn giao thông (giống như đèn tín hiệu và các bảng giao thông ra hiệu cho người tham gia

giao thông trên đường phố). Cơ thể ta hoạt động tốt, ta cảm thấy tràn trề sinh lực vì các “ngựa thồ hàng” này làm việc miệt mài và tuân thủ đúng luật giao thông, đi đúng nơi về đúng chốn, giao hàng không chậm trễ. Tai nạn có thể xảy ra trên đường phố vì đèn giao thông bị hỏng và người tham gia giao thông không tuân thủ luật đi đường. Tương tự, trong cơ thể bệnh tật có thể phát sinh khi hệ thống giao thông trong tế bào bị rối loạn hay “ngựa thồ hàng” bị hư hoại. Hiểu được hệ thống giao thông trong tế bào tức sự chuyển vận các chất sinh học, sẽ giúp ta có kiến thức cơ bản về cơ chế phát sinh bệnh tật cũng như cơ chế tác dụng của thuốc ở mức độ tế bào.

Xin đơn cử sự hình thành, chuyển vận và hoạt động của một chất sinh học là insulin (liên quan đến bệnh đái tháo đường - ĐTĐ) trong cơ thể để ta hiểu “ngựa thồ hàng” một cách cụ thể.

ĐTĐ là rối loạn chuyển hóa do nhiều nguyên nhân, được đặc trưng bởi tình trạng tăng đường huyết mạn tính đưa đến rối loạn chuyển hóa đường, đạm, mỡ trong cơ thể và đó chính là hậu quả của sự thiếu hụt insulin. Insulin là một hormon có tác dụng trên tế bào của toàn cơ thể nhằm kích thích sự thu nạp, sử dụng và dự trữ glucose. Insulin điều hòa giúp cho đường huyết luôn ở mức ổn định. Nếu thiếu insulin sẽ bị bệnh ĐTĐ. Tùy theo tình trạng thiếu insulin, người ta phân biệt có hai loại ĐTĐ: ĐTĐ

típ 1 và ĐTĐ típ 2. Trong ĐTĐ típ 1 có sự thiếu insulin tuyệt đối do tế bào bê-ta (tế bào tiết ra insulin) của tuyến tụy bị quá trình tự miễn gây hủy hoại hoàn toàn. Còn trong ĐTĐ típ 2, có sự thiếu insulin do ba bất thường: *giảm tiết insulin, đề kháng insulin* (do giảm tác dụng của insulin trên tế bào mô đích, đặc biệt là tế bào cơ) và *tăng sản xuất glucose từ gan*. Insulin được tổng hợp chủ yếu trong các tế bào bê-ta và được dự trữ chứa trong các hạt gọi là túi tiết. Khi có sự kích thích, các hạt sẽ được phóng thích ra khỏi tế bào giúp insulin hòa vào trong máu khuếch tán đi khắp nơi trong cơ thể. Glucose chính là chất kích thích mạnh nhất giúp sự tiết insulin từ tế bào bê-ta. Khi ta ăn uống thực phẩm có chất dinh dưỡng là đường, nồng độ glucose trong máu sau khi ăn tăng lên, lượng glucose dư sẽ khuếch tán thụ động đi vào bên trong tế bào bê-ta. Tăng nồng độ glucose trong tế bào bê-ta dẫn đến sự khử cực màng tế bào, ion calci bên ngoài sẽ di chuyển vào bên trong tế bào (đây được xem là tín hiệu chuyển giao thông tin) và kích thích sự tiết các hạt chứa insulin ra khỏi tế bào. Insulin được tiết ra, theo máu vào hệ tuần hoàn và gắn vào các thụ thể (receptor) gọi là *thụ thể insulin* nằm trên màng tế



bào của các mô đích (như mô gan, mô cơ, mô mỡ). Khi insulin gắn vào thụ thể insulin sẽ phát sinh các tín hiệu sản sinh các chất sinh học khác thúc đẩy các quá trình chuyển hóa đường, đạm, mỡ trong cơ thể. Như tại gan, insulin kích thích sự tổng hợp và dự trữ glycogen giảm sự sản sinh glucose, vì vậy gián tiếp làm hạ đường huyết khi đường huyết tăng. Hay tại mô cơ, insulin giúp tiêu thụ glucose biến thành năng lượng, tức trực tiếp làm hạ đường huyết.

Nếu xem các hạt chứa insulin là “ngựa thồ insulin”, thì khi ta ăn uống hấp thu đường glucose, lập tức tế bào bê-ta được kích thích sản xuất “ngựa thồ insulin”, các chú ngựa thồ này sẽ vận chuyển ra khỏi tế bào và theo máu đi khắp nơi để giúp hạ đường huyết. Đến mô gan, cơ, mỡ, “ngựa thồ insulin” sẽ dỡ hàng là insulin nhập cho các mô này để cho tác dụng sử dụng glucose như thế nào làm cho đường huyết ổn định. Nếu hoàn toàn không sinh ra được “ngựa thồ insulin” thì sẽ bị ĐTĐ típ 1, còn “ngựa thồ insulin” không sinh ra đủ hoặc “ngựa thồ insulin” chuyển vận kém, không am hiểu luật giao thông trong cơ thể thì sẽ ách tắc đưa đến ĐTĐ

típ 2. Cơ chế bệnh sinh ĐTĐ là như thế. Còn thuốc trị ĐTĐ típ 1 thì phải dùng chính insulin để chữa trị, và ĐTĐ típ 2 phải dùng thuốc hoặc làm tăng sinh các chú “ngựa thồ insulin” (tức tăng tiết insulin) hoặc làm “ngựa thồ insulin” hoạt động tốt hơn (giảm sự đề kháng insulin).

Lấy trường hợp insulin kể ở trên, chính ba nhà khoa học đoạt giải Nobel Y Sinh học 2013 đã giải mã được những bí ẩn cũng như đã

tim ra những nguyên tắc phân tử điều khiển cơ chế phân phối “hàng hóa” là insulin tới đúng chỗ và đúng lúc trong cơ thể ta để ta không bị bệnh ĐTĐ.

Khoa học về sự sống thừa nhận hoạt động của mọi sinh vật được điều khiển bởi gien. Vì thế, người thứ nhất trong bộ ba đoạt giải Nobel là Randy Schekman, người Mỹ hiện là giáo sư Khoa Sinh học phân tử và tế bào, Trường Đại học California và là nhà nghiên cứu tại Viện Y học Howard Hughes, được kể công đầu tiên vì đã tìm ra một nhóm gien cần thiết cho hoạt động, vận chuyển các “ngựa thồ hàng”. Còn James Rothman, người Mỹ hiện là giáo sư Trưởng khoa Sinh học tế bào, Trường Đại học Yale, Mỹ, đã khám phá ra hệ thống protein hình thành các “túi tiết” tức “ngựa thồ hàng”, cho phép các “ngựa thồ hàng” hợp nhất với đích đến để chuyển giao hàng hóa. Người thứ ba là Thomas Südhof, sinh ở Đức hiện là giáo sư Phân tử và Sinh lý tế bào tại Trường Đại học Stanford Mỹ, thì phát hiện được cơ chế mà nhờ đó các tín hiệu hướng dẫn cho các “ngựa thồ hàng” giải phóng “hàng hóa” đến đích với sự chính xác tuyệt vời. ■



Một phút tồ do

ELENA PUCILLO TRUONG
TRƯƠNG VĂN DÂN dịch

“**K**ính chào bà Tiến sĩ De Rossi”.
Tôi vừa bước ra thang máy thì một trong các cô thư ký đã mang đến tách cà-phê đầu tiên trong ngày. Tôi nói đầu tiên vì sau đó hãy còn nhiều tách nữa, không biết là bao.

Một cô thư ký khác vội chạy đến giúp tôi cởi chiếc áo choàng; còn tôi, bó mình trong chiếc tailleur cực kỳ sang trọng, đi vòng qua phía sau vị trí điều hành, đặt chiếc cặp da có đựng notebook lên bàn làm việc.

Biết bao kẻ muốn được mó tay vào chiếc máy tính cá nhân này! Chỉ cần nhấn vài nút bấm là tất cả những áp-phe quan trọng của các công ty lớn, những chuyển dịch hàng triệu đô-la trên sàn chứng khoán sẽ tuân tự hiện lên bằng các mã số, để đảm bảo an toàn.

Một cú nhấp chuột... thế là tất cả những kế hoạch chi tiết và toàn bộ hồ sơ tuyệt mật của công ty Intracodex sẽ nằm gọn trong tay tôi. Định bật máy và liếc mắt vào công việc... nhưng mùi cà-phê thơm phức đang kích động khứu giác làm tôi dừng lại.

Cầm tách cà-phê nóng, tôi bước đến cạnh bức tường và nhìn xuống dòng đời từ tầng thứ 23! Ở trên đây không bao giờ nghe thấy tiếng ồn đô thị và dường như trong không gian luôn có một lớp sương mù nên quang cảnh trông có vẻ lãng đãng, giống như nhìn từ một giấc mơ.

Rồi trong lúc áp môi lên tách cà-phê, tôi bất chợt nhìn thấy bóng mình phản chiếu lên tấm kính.

Tôi đang đứng đối diện với tòa nhà bằng kính. Mái tóc đen và dài, chiếc tailleur trang nhã bó sát người, như thể người thợ may khéo léo ướm xấp vải vào thân mình trước khi đo cắt. Đôi chân khỏe và dài, còn được kéo dài thêm với đôi giày son cao gót. Chuyên nghiệp, quyền hành và nữ tính. Tất cả những vũ khí tối cần cho thế giới này. Thế giới của tôi.

Nhưng nét xanh xao tái nhợt trên khuôn mặt dường như tương phản với đường viền bằng son đỏ trên môi. Hai bờ môi thẳng nếp, mỏng manh mà sắc bén như một lưỡi lam, lạnh lùng như cái nhìn khinh mạn khi tôi

quắc mắt. Bỗng dưng tôi không thể nhắm tiếp mùi vị cà-phê. Hình như lúc này nó có vị chát của acid.

Phản chiếu trên tấm kính, tôi nhìn thấy sau lưng mình ba cô thư ký tay cầm xấp hồ sơ đang chờ tôi ký. Cả ba căng thẳng đi qua đi lại sau lưng, hồi hộp chờ tôi quay mặt để trình bày công việc, báo cáo những cú điện thoại, nhắc nhở các cuộc hẹn và chờ tôi ra lệnh... nhưng tôi không thể tách đôi mắt đang nhìn bóng mình trên kính. Tôi không còn nhận ra mình nữa... sao mà tôi có thể biến thành một con người khô cứng và lạnh lùng đến thế?

Mười năm trôi qua như một ánh chớp... và bất thành linh tôi cảm thấy chúng đè nặng lên vai, một con mụ già cẩu gắt. A! Đúng rồi, đây chính là cái tôi đang nhìn thấy trên kính, một mụ đàn bà khô khốc, khó tính và cẩu kính.

Tất cả bắt đầu như một phản ứng.

“Con sẽ không bao giờ giống mẹ!”, tôi nghe vọng lại tiếng mình hét vào mặt mẹ. Bà yếu đuối, vâng lời, cam chịu, thụ động và chấp nhận mọi thứ... không bao giờ dám phản ứng, ngay cả những lúc ba tôi đối xử với bà bằng bạo lực, trước khi ruồng bỏ. Thế mà bà vẫn nhẫn nhục và chịu đựng. Rồi, không thềm nói một lời, ông lặng lẽ bỏ đi. Bỏ lại bà một thân một mình với nhiều món nợ. Gồm cả giấy cầm cố căn nhà.

Và chỉ vài ngày sau đó mẹ con tôi phải dọn đi.

Và thế là tôi không thể sống giống mẹ mình. Tôi không cần trái tim. Tôi không còn tình cảm. Chỉ lao đầu vào việc học, làm mọi thứ để tích lũy kinh nghiệm, giẫm đạp lên mọi thứ và mọi người. Tôi là mẫu người đàn bà của sự nghiệp, hay đúng hơn là một gã đàn ông trong thân xác một con đàn bà. Bởi vì tôi không còn giới tính, không có tình yêu; dĩ nhiên tôi vẫn có đàn ông, nhưng họ chỉ là những công cụ để tôi sử dụng rồi quên ngay, vì họ không cho tôi được gì mà tôi cũng chẳng để lại cho họ chút gì.

Cho đến lúc ấy tôi chưa bao giờ dừng lại để nhìn thấy mình đã trở thành người như thế nào. Chắc rồi... tôi đang đứng trên đỉnh cao của danh vọng, vị trí cao ngất mà mọi người thềm muốn... nhưng đó thực ra là



thứ danh vọng gì? Bao nhiêu người vẫn cho rằng tôi đang thành đạt.

Đúng rồi, mà “đạt” được gì? Đã bốn mươi tuổi mà tôi không có một mái gia đình, không có một đứa con, chẳng có một ai đó thỉnh thoảng hỏi tôi có khỏe không và quan tâm đến việc tôi có vui vì những công việc của mình không. Không ai cả. Gia đình, thậm chí một người bạn.

Chậm rãi, tôi xoay lưng lại, thật khó nhọc rời hình ảnh của mình trên kính. Bàn tay tôi run rẩy khi đặt tách cà-phê lên bàn. Bỗng dưng tôi cảm thấy như có một cơn nồn mưa đang trời lên từ phía dưới.

Tôi đã không muốn sống như mẹ mình, nhẫn nhục, cam chịu... nhưng vì thế mà tôi đã trở thành một bản sao của ba tôi. Tôi hận ông! Thế nhưng bây giờ tôi thấy mình giống ông, tôi đã cư xử với mọi người giống ông, có khi còn tệ hơn.

Đối với tôi không còn ai cả, không một người nào, chẳng chút tình cảm... và tiền bạc thực ra chỉ là một phương tiện để tiếp tục giẫm đạp lên người khác.

Lạnh lùng và minh mẫn, tôi mạnh mẽ bước đến chiếc ghế bành bọc da và chêm chệ thả người lên đó trong lúc ba đôi mắt đang hồi hộp nhìn tôi từ phía bên kia bàn giấy.

“Mấy cô nhìn cái gì? Đặt mọi thứ lên bàn đi. Một lát nữa tôi sẽ gọi!”

Tôi nói to, làm cả bọn giật mình.

Ngay lúc đó tôi cũng chẳng nhớ tên của bọn họ là gì. Tôi chỉ muốn ngồi lại, một mình. Tôi mệt mỏi lắm rồi! Trong lúc ấp đầu vào giữa hai tay, bàn tay áp chặt vào mắt để khỏi phải nhìn thấy sự thật đang phản chiếu từ khung kính. Hàng ngàn khuôn mặt, tất cả đều là những góc cạnh của chính mình. Tất cả để cuối cùng chỉ còn lại một mình. Cô đọc. Cô đọc trong công việc. Cô đọc giữa đám đông. Hoàn toàn cô đọc. Cố tình cô đọc. Rồi, như bất thành linh, cơn nồn mưa vụt biến thành cơn giận dữ, và bằng tất cả sức mạnh, tôi cầm lấy chiếc tách cà-phê, ném thẳng vào mặt kính.

Vô ích!

Mặt kính chỉ hơi rạn một chút chứ chẳng hề hấn gì. Đó chỉ là hành động vô ích nhằm giải thoát cơn giận. Thôi, đủ rồi! Tôi thấy mình ngạt thở. Tôi không thể nào tiếp tục ngồi đây.

Phụ vội chiếc áo khoác lên người, tôi cầm chiếc túi xách rồi chạy ào ra thang máy.

Bàn tay run rẩy, tôi nhấn nút đi xuống, im lặng chờ xuống mặt đất, luồn lách giữa dòng người vô danh mà chưa bao giờ tôi muốn thân quen. Ra ngoài thôi, hít chút không khí giữa đất trời mở rộng.

Ánh nắng ngoài đường làm tôi lóa mắt. Một tay che mắt, còn tay kia nắm chặt bầu áo khoác để che cơn gió lạnh vừa ập đến lúc bước ra khỏi cửa. Cho đến lúc đó, đối với tôi chưa bao giờ có nắng, có mưa, có ánh đỏ hoàng hôn hay tiếng cười, giọng khóc.

Máy bay, điện thoại di động, bàn giấy, máy tính... tất cả khô khan, vô cảm... tôi luôn luôn chạy đua với thời gian mà chẳng biết mình đi đâu; ngược lại, hình như chỉ để rời xa thêm cái cuộc đời mà tôi muốn có mà chỉ lúc này tôi mới biết là mình đã đánh mất. Tôi đã sinh ra mà chưa từng sống và lúc này mới đau đớn nhận ra là cả cuộc đời mình trống rỗng và vô ích.

Thiếu chút nữa là tôi bị một chiếc xe hơi đụng phải. Tôi ngỡ ngàng không biết mình đang làm gì và cứ băng qua đường mà không nhận biết. Nhưng không phải phản xạ đã giúp tôi tránh được tai nạn... mà có một bàn tay vừa nắm cánh tay tôi, giật mạnh. Tôi xoay người theo bản năng để nhìn xem đó là ai.

Một đôi mắt màu hạt dẻ là cái đầu tiên mà tôi nhìn thấy. Nhưng nó không xa lạ với tôi. Đó là đôi mắt của một trong ba cô thư ký...

Sao lại có thể như vậy được?

“Tôi đây, Lidia đây mà, thưa bà Tiến sĩ. Bà theo tôi... chúng ta đến chỗ kia ngồi một lát nhé!”

Như đứa bé, tôi để cô gái kéo mình đến một chiếc băng dài, tâm trạng gần như vui thích vì có một ai đó để ý và quan tâm đến mình.

“Đây rồi, bà đã đỡ chưa? Có chút nắng nữa. Sau mấy ngày mưa mặt trời sẽ sưởi ấm chúng ta”. Có lẽ tôi chẳng

nghe cô ấy nói gì nhưng tôi bắt đầu thấy mình bình tĩnh lại, giọng nói của cô gái làm tôi an tâm.

Cô ta tiếp tục mà dường như tôi không hiểu hết những gì cô ta nói. Điều bất ngờ là những giọt nước mắt bỗng dung lăn dài xuống má, chảy xuống cằm và tôi phải dùng bàn tay để lau. Lidia vội lấy khăn giấy và nhẹ nhàng chạm mắt cho tôi. “Bà cứ để tôi lau cho, còn mấy vết đen nằm dưới mắt nữa kia!”. Lâu lắm rồi chẳng còn ai để ý và chăm sóc tôi. “Bây giờ đỡ rồi đấy. Đi! Chúng ta phải về lại văn phòng...”.

Tôi vùng vẫy, cố gỡ bàn tay của cô gái đang nắm chặt lấy cánh tay mình.

Cô ta giữ lại trong khi tôi cố vùng ra để trốn chạy, thật xa cái tòa tháp mạ vàng lâu nay cứ làm mình ngộp thở.

“Mình đi lên nhé... còn bao nhiêu việc phải làm. Bao nhiêu hồ sơ đang chờ bà ký... Bà chưa thể bỏ đi được đâu...”.

Bàn tay thép của cô gái như đang siết chặt hơn. Lidia kéo tôi, và từng bước chúng tôi bước vào cửa tháp, bên trong những bức tường bằng kính và tôi như không còn sinh lực, cứ để mặc cho cô ta kéo mình vào bên trong nhà ngục. ■

Nguyên tác: *Un istante di liberta.*



Phiên chợ cuối năm

TRƯỜNG KHÁNH

Phiên chợ chiều cuối năm,
Trong cái rét căm căm,
Mẹ rắng ngồi để bán,
Mớ cà và rau răm.

Mẹ ân cần mời khách,
Rau vườn nhà rất sạch,
Mua dùng Tết an toàn,
Khỏi phải lo bệnh tật,

Mưa lất phát sợi nghiêng,
Áo nâu mẹ dịu hiền,
Vẫn thi gan gió rét,
Tết sắp về linh thiêng

Phiên chợ cuối năm buồn,
Mẹ về đâu chiều buông?!
Phút giao thừa sắp đến,
Nghe nghẹn ngào vương vương!!

Phiên chợ - phiên chợ đời,
Đi về cuộc đầy vui,
Góc chợ chiều còn đó,
Chừ mẹ đã đi rồi!!!

Buồn lên vô lượng đầy vui,
Cuối năm phiên chợ mẹ ngồi nơi đâu?!
Không gian tím lặng u sầu,
Ai còn ngồi bán mớ rau cuối mùa?!!

Tết quê

TRÀ KIM HUY

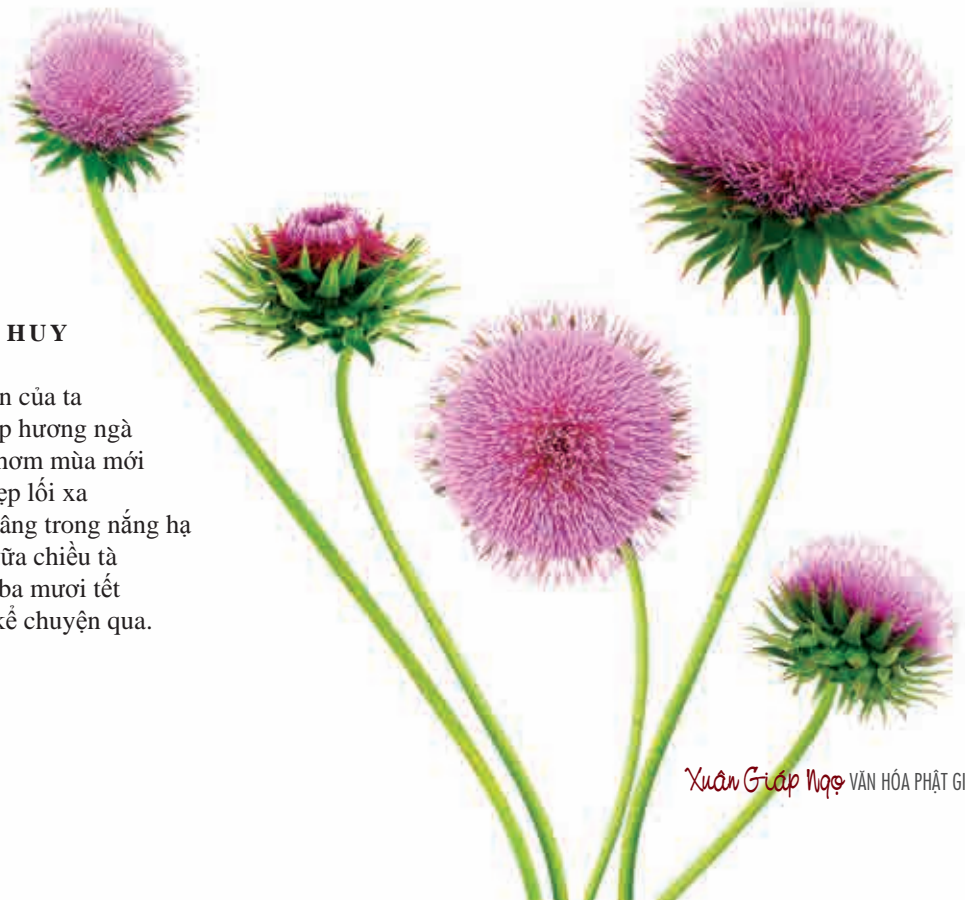
Xuân của đất trời xuân của ta
Xôn xao cánh nồn ướp hương ngà
Phổ giảng hoa thắm thơm mùa mới
Mây trái sắc hương đẹp lối xa
Cánh bướm băng khuâng trong nắng hạ
Chờ quê nhộn nhịp giữa chiều tà
Vòm cây khói quyện ba mươi tết
Quanh bếp lửa hồng kể chuyện qua.



Bên mẹ ngày xuân

NGUYỄN MIÊN THƯỢNG

Con trở về nồi bánh tét xanh
Bên tóc mẹ cơ man sợi trắng
Chiều ba mươi bờ tre núa nắng
Thung thình hoàng hôn thung thình buồn
Mẹ lui cui bên bếp lửa hồng
Bờ môi ướt mận giờ hạnh ngộ
Quê mình đã qua thời cơ khổ
Gốc củi già cũng cháy bùng xuân
Bữa xa quê con mắt ngập ngừng
Thương quá mẹ đầu thôn tiễn bước
Cuộc áo com bao lần xuôi ngược
Chút công hầu mấy bận tay trơn
Mẹ với quê đêm mộng chấp chờn
Miền viễn xứ còn cào nổi nhớ
Bờ ruộng nương dâu rung hơi thơ
Gọi đứa xa nhà trở gót xuân
Con về thương cánh én reo mừng
Đêm ba mươi vớt nồi bánh tét
Bên mẹ hiền đầm đĩa nước mắt
Cuộc hồi quy hoa thắm ngày vui...





Gió và mùa xuân NGUYỄN CÂN

Người vượn tay nắm lấy mùa xuân
Mùa xuân thành con gió
Người choàng tay ôm lấy tình thân
Những thân tình không còn ở đó
Giữ sao được mùa xuân bên ngoài ngọn gió
Giữ sao được tình yêu ngoài con tim bé nhỏ
Nhưng người hiểu rằng mùa xuân vẫn hiện
Trong khung trời xám ngắt mùa đông
Vì chẳng có chẳng không
Nơi bắt đầu và kết thúc dòng sông
Khi thời gian chỉ nằm trong tâm thức
Ray rút làm gì vì ngữ ngôn bất lực
Làm sao tả nổi mùa xuân
Nhu mây kia có bao giờ bút rút
Tự hỏi rằng mình đến từ đâu
Nhu sóng kia từ thuở ban đầu
Không thắc mắc ngọn nào sau trước
Vì nước vẫn trôi từ vô thủy
Trong miền trường vô tận của dòng sông
Khi ra biển không ngoài đầu trở lại
Người chớ hỏi vì tâm vô quái ngại
Con đường đi hoa nở bốn mùa xuân
Không nắm làm gì cơn gió phân vân
Không giữ làm gì tình thân ly biệt
Khi chính mình là con đường đi miết
Tìm chi xuân bên kia trời phương ngoại
Khi Niết-bàn nằm giữa lối ta qua...

Hương xuân và mẹ NGÀN THƯƠNG

Miếng mút gừng cong như đòn gánh mẹ
Chờ những mùa xuân qua suốt cuộc đời
Hương xưa thấm vào hồn dân dã
Ngọt, cay, nồng quyện mãi trên môi...

Như giọt mưa xuân

Thương lắm những mùa xuân ký ức
Màu quê hương - màu của khói sương
Vườn se lạnh lắng vào mắt ngọc
Gửi lòng theo từng cánh mai vàng

Tháng giêng dòng Hương vẫn biếc xanh
Dẫu đã qua bao ngày bão lũ
Chợt nhớ giọt phù sa luân lạc
Nhu giọt mưa xuân
bên thềm cũ một thời...

Tiếng chuông mùa xuân NGUYỄN DŨNG

Bình minh một tiếng chuông xuân
Mai bung cánh én tha hương về trời
Ngân nga chuông nhà khắp nơi
Hồn xuân lơ lả thánh thơ tâm hồn

Mẹ già chậm bước cô thôn
Khăn quàng sương xuống tóc mòn hai vai
Rẽ đồng tay nái áo dài
Về chùa lễ Phật cầu trời bình an

Vắng đưa một tiếng chuông xuân
Lòng xuân trái thấm nước dâng bờ tràn
Nhụy thơm đón nắng mai vàng
Lâng lâng khó tả rộn ràng sắc xuân.

Mùa xuân

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

So sánh điều này với điều kia
Thói quen mòn, nhưng mấy ai tránh được.
Những định nghĩa, dù biết giới hạn của mình
vẫn không ngừng can thiệp.

Trên đường phố, hàng cây đứng yên
Nhưng vận hành sức sống bằng sự ra lá.
Đây là mùa xuân chẳng?
Dòng nhựa xanh không cần biết.

Hay một tiếng động, một mùi hương
vô hình chiếm khoảng có - không nào đó.
Bởi vì người ta thường mượn cơn gió để lên tiếng
nên dòng sông nước réo hai bờ.

Cố tình vượt qua bao khoảng cách
hay hốt nhiên thấy ánh sáng lớn trên núi cao.
Đầu sao, mùa xuân là đây
của sự trở dạ sinh thành.

Cái giây phút các vòng tròn tan biến
xin đừng gọi đó là chiến công.
Đã tách khỏi những đường kỳ hà méo mó
Tình yêu đời lớn nhẹ thênh.

Đi giữa mùa xuân

KIM HOA

Đi giữa mùa xuân nắng mới lên
Đào-mai khoe sắc nở môi duyên
Vui lời chúc tụng ly nồng thắm
Tô điểm ngày xuân nét thảo nguyên.

Đi giữa mùa xuân thắm nghĩa tình
Vươn tầm cuộc sống đỉnh phồn vinh
Đồng xanh trĩu hạt hương mùa mới
Rộng mở thôn làng nét đẹp xinh.

Đi giữa mùa xuân dạ đắm say
Áo hoa lộng gió mộng uơm đầy
Vẽ vòng cánh bướm vô tư lự
Nón lá nghiêng che má ửng hây.

Đi giữa mùa xuân rộn tiếng ca
Nàng xuân vui chúc lộc muôn nhà
Dọc ngang phố hát mừng xuân mới
Hào khí xưa còn mãi vọng xa.

Nét xuân quê

NGUYỄN NGỌC HƯNG

Xanh rờn lúa mượt đồng quê
Đường xưa lối cũ ta về cỏ non
Cuốn theo nỗi nhớ lẫn tròn
Con chuồn ớt đỏ như son vẽ vòng

Hoa xoan tím đến nao lòng
Ngõ ngang muôn mắt lá chong biếc cành
Véo von là tiếng chim thanh
Vi vu tiếng gió phong phanh tiếng mùa

Ngoi tay bắt ốc mò cua
Cái cò cái vạc lên chùa niệm hương
Lẩn trong bóng khói vô thường
Màu mây tóc mẹ vẫn vương nỗi đời...

Nắng vàng áo đỏ giậu phơi
Trời xanh én chẳng quên lời hẹn xuân
Mắt nai hàng xóm băng khuâng
Nụ đào ửng má bồ quân láng giềng

Ngô khoai nét đất ngoan hiền
Cá trùng tôm nhảy hồn nhiên tính trời
Ơi làng quê của ta ơi
Mùa xuân đã dậy tiếng cười xôn xao!

Thỏ cảm hoa

LÊ HÒA

Em thêu nắng vào vành khăn thổ cẩm
Chiều cao nguyên vàng rực núu anh về
Mùa đông rét tràn lên khắp ngã
Mà tìm anh như thấp lửa bốn bề

Nét linh thiêng núi cao rừng thẳm
Ẩn vào trong đường chỉ thật mềm
Giữa hoang sơ đại ngàn mưa nắng
“Chiếc khăn này gói trọn tình em”

Lẻ mười năm anh biệt theo gió
Ngõ đã quên góc đời cỏ hoang sơ
Bất chợt gặp chiều nay giữa phố
Thỏ cảm hoa bay đỏ phía em chờ...



Cái ống tre

NGUYỄN NGÀ

Ngày xưa con heo đất rất giản dị và chỉ có màu xám tro truyền thống, màu của đất nung. Ngày nay nó được cách điệu bằng nhiều hình dáng ngộ nghĩnh, màu sắc sặc sỡ, bắt mắt. “Heo đất” đời mới không còn làm bằng đất mà thường là bằng gốm, bằng sứ và có cả những sản phẩm được chế tác từ loại nhựa cao cấp, đôi khi còn được cài đặt cả thiết bị “chống trộm”. Nhưng với thể hệ chúng tôi, những cậu bé nhà quê, con heo đất lại được thay thế bằng cái ống tre; đã đơn giản lại đỡ phần tốn kém. Chỉ cần cưa xéo phía dưới mắt tre của một cây cột mầm bên vách lá, sâu vào gần nửa thân cột, để thành một cái khe làm miệng ống, là có ngay một ống đựng tiền tiết kiệm an toàn. Những đồng xu được nhét vào miệng ống, khi rơi xuống thì đã có cái mắt tre kế tiếp cản lại. Khi muốn trút ống, chỉ cần cưa một đoạn vừa kích cỡ trên, kể mắt tre phía dưới, là có thể moi sạch được những đồng xu bên trong mà cái ống tre cột nhà vẫn còn nguyên vẹn. Sau đây là câu chuyện bi hài đã xảy ra vào một buổi chiều cuối năm, cách đây hơn nửa thế kỷ.

Mặt trời chen lặn, hai anh em tôi ngất ngưỡng trên mình trâu dẫn lối về chuồng. Ngồi sau, thằng Sửu ôm chặt lấy tôi; phần sợ bị ngã, phần để tránh những cơn gió cuối đông se lạnh. Chúng tôi say sưa bàn chuyện chiều nay sẽ trút ống, sau một năm trời dành dụm. Chỉ còn hai ngày nữa là đến Tết rồi. Thằng Sửu háo hức bảo nó sẽ ra chợ mua mấy con tò he sặc sỡ hình Bát Giới, Sa Tăng mà nó hằng mơ ước và cả cặp trống cơm bằng tre phất giấy hồng đơn, để mỗi khi xe vào giữa hai lòng bàn tay sẽ phát ra những âm thanh rộn rã, vui tai trong ba ngày Tết. Tôi đã lớn rồi, nên có những thú vui riêng. Về đến nhà, lừa trâu vào chuồng. Hai anh em tôi hí hục kéo cửa trút ống. Đã thủ sẵn cọng dây kẽm trong tay, khi vừa buông cửa xuống, thằng Sửu đã giành tôi để tự tay mình moi ống. Cả hai chúng tôi đều háo hức chờ đợi đếm số tiền mà anh em tôi đã ki cốp được ròng rã suốt một năm qua. Hí hục hồi lâu mà nó chỉ moi ra được mấy đồng xu mệnh giá năm hào. Tôi giựt lấy cọng dây kẽm trong tay nó, rồi nằm sát xuống đất, dán mắt sát vào mà moi lấy moi để; nhưng cũng chỉ còn được một đồng xu duy nhất. Cuối cùng chỉ nghe thấy những âm thanh rỗng tuếch. Quá đỗi ngạc nhiên, tôi lắc đầu lia lịa, buông cọng dây kẽm xuống đất, ngồi bóp trán suy nghĩ. Thằng Sửu bỏ chạy ra vườn kiếm cha tôi, lát sau người đã vội vã chạy vào. Về

mặt đằng đằng sát khí, nhưng lạ thay ông không quát nạt tôi như mọi khi, mà nhìn thẳng vào mặt tôi rồi nghiêm giọng: “Đánh chết cái nết vẫn không chữa. Chính mày đã moi tiền trong cái ống này chứ có ai đâu vào đây. Hạn cho mày từ tối nay đến sáng mồng một mà mày không nhận tội, tao sẽ không cho mặc áo quần Tết; rỗi ra Giêng, tao sẽ cho mày nghỉ học luôn, liệu hồn mà tính”. Tôi chưng hửng trước sự việc quá bất ngờ. Không đợi tôi trả lời, cha tôi đã lạnh lùng bỏ đi ra nhà sau.

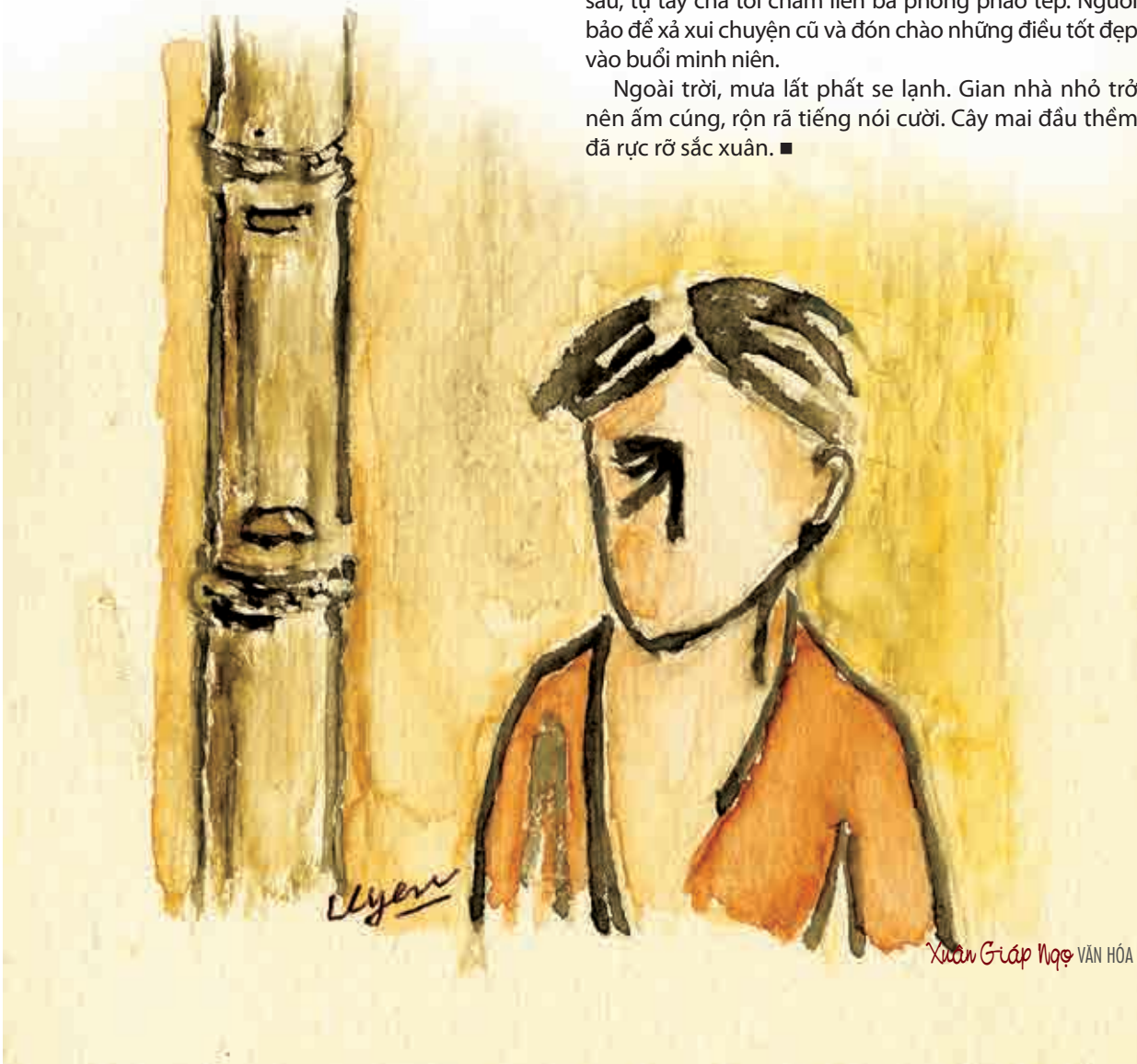
Việc người nghi tôi là thủ phạm đã moi trộm tiền trong ống cũng không phải là vô căn cứ. Tuy chưa đến nỗi là một đứa trẻ hoang đàng vì tôi vẫn còn là một trong những đứa học trò giỏi của lớp. Ngặt nỗi, tôi lại đi đàn đúm với mấy đứa bạn mà nhiều người cho là bọn hư thân mất nết. Cha tôi là một nông dân cần mẫn, có được chút vốn học thức, nhưng tính tình thì vô cùng nghiêm khắc. Tôi lại bướng bỉnh, lì đòn; nên mỗi lần có lỗi, những lần roi cha quất vào thân xác tôi chỉ làm đau lòng mẹ. Chỉ cách đây mấy hôm thôi, tôi đã ăn cắp năm đồng tiền bán rau của mẹ và đã nướng sạch vào sòng bầu cua ngoài chợ. Cha hay được, tôi đã phải chịu một trận đòn chí tử. Nhìn tôi quần quai dưới làn roi vun vút từ tay cha, mẹ tôi gằm lên: “Ông không mang nặng đẻ đau, nên mới nhẫn tâm đánh con như đánh kẻ thù vậy, thôi thì ông để tôi chịu đòn thay nó để ông hả dạ”. Rồi như có một sức mạnh phi thường, mẹ xông vào ôm chặt lấy cha tôi, giựt lấy cây roi, bẻ vụn, rồi vụt ra sân. Tôi vẫn nằm lì chứ không bỏ chạy. Như một phép mầu, cha tôi đành thục thủ. Người lại ngồi trầm ngâm trên bộ ván ngựa, chẳng nói một lời nào, rồi ung dung xe thuốc, hít một vài hơi, đoạn ông lặng lẽ vác cuốc ra vườn. Mẹ vừa thút thít khóc, vừa nói trong nước mắt: “Lỗi nầy là do con tạo ra, cha đánh không oan đâu. Mẹ đã nhiều lần khuyên lơn mà con vẫn chứng nào tật nấy. Mẹ buồn lắm. Từ rày về sau, nếu con tái phạm thì mẹ chẳng can ngăn cha con được đâu. Con liệu hồn mà giữ lấy thân”. Vừa nói, mẹ vừa mớm những hạt muối từ miệng vào bàn tay, xoa nhẹ vào những lần roi hằn in trên da thịt tôi. Những lúc tôi ưỡn người lên vì đau đớn, mẹ lại nhăn mặt như chính mẹ đang hứng chịu cơn đau. Nhìn mẹ, bất chợt nước mắt tôi tuôn trào. Tôi vội quay mặt đi, quyết không để mẹ nhìn thấy tôi khóc.

Thế là bao nhiêu toan tính, háo hức chờ đợi những cuộc vui trong ba ngày Tết đã tan biến theo hệ lụy của cái ống tre bên phen vách. Từ chiều hôm ấy, tôi luôn tìm cách tránh

mặt cha. Tôi hận cái án treo phi lý mà cha đã áp đặt cho tôi. Quá hụt hẫng, nhưng tôi biết làm gì để minh oan. Tôi nghĩ quần; thì cứ cho là tôi đã lấy cắp số tiền trong cái ống tre ấy đi. Sao cha không đánh tôi một trận đòn nên thân như nhiều lần tôi đã hứng chịu? Tôi đang thắc mắc về cái cách cư xử khác thường của người. Tôi đâm ra lo sợ vợ. Việc cha không cho tôi mặc áo Tết cũng chẳng có gì là hệ trọng. Nhưng chuyện ra Giêng, người bắt tôi phải nghỉ học mới là chuyện đáng buồn. Phải nói là sĩ nhục nữa mới đúng. Vì nhà tôi chưa phải nghèo đến nỗi phải cho con nghỉ học nửa chừng. Tôi cũng không phải là đứa học trò bất trị, thỉnh thoảng trên bảng danh dự hàng tháng vẫn có tên tôi. Tất nhiên dư luận sẽ đổ dồn vào cá nhân tôi, một đứa con hư thân mất nết, bê tha cờ bạc. Hối đó còn dại, tôi chưa biết nghĩ đến tương lai sự nghiệp, mà chỉ nghĩ đến nỗi buồn khi bị buộc phải bỏ học nửa chừng. Phải xa thầy nhớ bạn, bỏ dở những cuộc vui. Trước mắt buồn nhất là phải xa cô em ngồi bên cạnh có má lúm đồng tiền, đôi mắt tròn xoe. Nàng hay nhờ tôi giải giúp những bài toán khó. Để trả ơn, nàng thường dúm vào túi áo tôi những cây kẹo que ngọt hơn cả đường phèn. Nhưng tôi quyết sẽ không bao giờ nhận tội một cách phi lý như thế, dù cho là hậu quả thế nào đi nữa. Hy vọng mong manh cuối cùng là mẹ tôi sẽ thuyết phục được cha.

Sáng mông một Tết, đang còn lơ mơ ngủ, bỗng dung tôi nghe rõ tiếng chị tôi ở đầu giường: “Ủy chà, tiền của ai để rơi đây mà nhiều quá vậy”. Như có linh tính, tôi tung chân vùng dậy. Ô! quả thật, nó đây rồi! Tôi mừng quýnh. Bên cạnh đồng tiền trắng xóa là một ống tre bể, nằm lằn lóc ngay dưới chân cây cột chiếu hôm trước. Không thèm để mắt đến đồng tiền xu, tôi chụp ngay cái ống tre lên mà quan sát. Thì ra cái mắt tre đã bị chuột gặm gần hết. Hèn gì mà các đồng xu bỏ vào đều rơi lọt tót xuống phía dưới. Tôi hí hửng đưa cao cái ống tre “oan nghiệt” lên cho cả nhà cùng xem với lời minh oan chắc nịch. Nhớ lại đêm qua, nằm thao thức lo cho chuyện ngày mai, thời hạn cuối tôi phải nhận tội. Nghe tiếng chuột gặm lách tách đầu giường, bực mình tôi co chân đạp mạnh vào cái cột tre. Nghe một tiếng “rắc” và con chuột nhắt cũng biến mất. Sáng nay, mông một Tết, uẩn khúc về cái ống tre đã được giải bày. Người hí hửng nhất tất nhiên phải là tôi nhưng người vui nhất lại là mẹ. Bây giờ mẹ đã có cơ để “làm tình làm tội” cha. Nói thế chứ mẹ tôi cũng chẳng nở nào. Đây là cơ hội để mẹ nhắc nhở cha tôi bỏ đi cái tính nóng nảy. Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy cha tôi bối rối. Trước mặt đồng đủ cả nhà, cha tôi nghiêm túc nhận lỗi. Tôi cũng xin hứa với cha mẹ và chị em qua năm mới sẽ từ bỏ mọi thói hư tật xấu, chăm chỉ học hành để cha mẹ vui lòng. Một lát sau, tự tay cha tôi châm liễn ba phong pháo tép. Người bảo để xả xui chuyện cũ và đón chào những điều tốt đẹp vào buổi minh niên.

Ngoài trời, mưa lất phất se lạnh. Gian nhà nhỏ trở nên ấm cúng, rộn rã tiếng nói cười. Cây mai đầu thềm đã rực rỡ sắc xuân. ■





Mùa Yên Tử

BÍCH KHUYÊN

Theo lịch trình, chúng tôi rời thủ đô Hà Nội để viếng thăm Yên Tử và chiều lại sẽ đến Vịnh Hạ Long nghỉ đêm. Yên Tử ở độ cao 1.068m là ngọn núi cao nhất vùng cánh cung khu núi Đông bắc thuộc thị xã Uông Bí tỉnh Quảng Ninh. Quanh vùng núi Yên Tử có tới hàng chục địa danh có chữ Yên như Yên Sinh, Yên Biên, Yên Lâm, Yên Lăng... Sách *Đại Nam nhất thống chí* có nói: “Đời trước người ta cho rằng hình thể núi này (tức núi Yên Phụ) đứng đối với núi Yên Tử... giống như cha già đứng trước, con khỏe đứng sau nên có tên là Phụ Sơn” Hai ngọn Phụ-Tử này cách nhau trong một tầm nhìn, ngọn Yên Tử cao vời vợi so với Yên Phụ. Đây là đất vượng khí “địa linh nhân kiệt”. Nếu lấy cổng nhà máy điện làm tâm đi về phía Nam trên 20km là sông Bạch Đằng lịch sử. Ngược theo đường 18 về phía Tây khoảng gần 50km là chùa Côn Sơn sát nơi ở của Nguyễn Trãi ngày xưa, đi tiếp lên nữa là đền Kiếp Bạc thờ Trần Hưng Đạo. Cũng theo đường 18 xuôi về phía Đông chừng 40km là tới Vịnh Hạ Long, một thắng cảnh nổi tiếng đã được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới. Tương truyền, có một vị đạo sĩ người Trung Quốc tên An Kỳ Sinh đến đây dựng am tu tập; người ta gọi ông là An Tử và ngọn núi ông tu là An Tử Sơn. Vì chữ An gần

âm với chữ Yên nên dần dần gọi thành Yên Tử. Thiển sư Hiện Quang cuối đời Lý và Phù Vân quốc sư đầu đời Trần cũng tu ở núi này. Mãi đến khi vua Trần Nhân Tông lên tu rồi lập ra Thiền phái Trúc Lâm thì chùa Yên Tử mới sầm uất và trở thành trung tâm Phật giáo nước ta.

Xe dừng lại trước cổng chùa. Tích xưa kể rằng vua Trần Nhân Tông sau khi nhường ngôi cho con rồi về tu ở Yên Tử; ngày đi đêm nghỉ vất vả dọc đường. Khi tới đây thấy bóng cây râm mát, nước suối trong veo, ngài dừng chân nghỉ lại và xuống suối tắm. Sau đấy người ta dựng ở đây một ngôi chùa gọi là chùa Trình. Lòng khách lâng lâng, nhẹ nhàng trước phong cảnh kỳ thú lại nghe tiếng nhạc, tiếng sáo, tiếng trống và những làn điệu dân ca ngọt ngào. Tôi say sưa nhìn con sáo trong chiếc lồng cất tiếng hót, lòng trầm nghĩ - Đời cần chi những bon chen...!!! Cáp treo đưa chúng tôi lơ lửng trên ngọn cây càng lúc càng cao hơn.

Cô gái ngồi đối diện sợ hãi:

- Kể chuyện vui nghe... cô chú ơi... cho đỡ sợ. Ngược hẳn cô, tôi mê mãi tìm kiếm dưới rừng cây đủ loại ấy có loại hoa nào đẹp không, có con suối nước trong hay con chim, con vượn nào không. Tiếng ve kêu rả rích dưới ánh nắng vàng trong. Ấy thế mà trời lại mưa

tầm tã khi mọi người có mặt đầy đủ để leo lên núi tới chùa Hoa Yên. Chúng tôi đợi, đợi mãi... mưa nặng hạt, không muốn tạnh...! Chúng tôi mua mỗi người một áo mưa “dã chiến” để bắt đầu leo núi. Đồi ủng bắt đầu ọp ẹp, tôi cười:

- Cả đời con mới tới thăm Tổ sư một lần... mà Tổ cho tẩm mưa dữ quá...!

Chị bạn đi kể bên nói:

- Mưa pháp đó...

Tôi thích thú về ý tưởng của chị và viết bài thơ:

*“Bụi trần rũ áo mộng thần tiên
Từng bước ung dung viếng cửa thiền
Nhật nguyệt sáng soi ngôi cổ tự
Khói sương hòa quyện đỉnh non Yên
Ngân nga chuông sớm xua phiền muộn
Tí tách mưa chiều thấm đạo thiêng
Phảng phất đầu đây hình bóng cũ
Nụ cười xưa ấy mãi như nhiên”.*

Những bậc thang bằng đá đã trở nên trơn trượt, dẫm nước mưa. Tôi bước những bước thận trọng, độ dốc làm hơi thở tôi ngắn lại. Nhìn lên đường vẫn còn xa, tôi bắt đầu quán hơi thở, một bước thở ra, một bước hít vào, đường đi “không còn khó” nữa, đến đích một cách vui vẻ, nhẹ nhàng. Tôi thành tâm đánh lễ trước pho tượng vị vua anh minh, một anh hùng dân tộc, một thiền sư đắc đạo. Đầu thế kỷ thứ XIII, Nguyên Mông là đế quốc hùng hãn nhất, thế mà ba lần sang xâm lược nước ta đều đại bại: Lần đầu, vua Trần Thái Tông đánh tan quân Nguyên ở Đông Bộ Đầu; lần thứ hai, với sự lãnh đạo của vua Trần Nhân Tông và việc thống lĩnh ba quân của Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo, Toa Đô bị chém, Thoát Hoan phải chui vào ống đồng trốn về nước; và lần thứ ba, chiến trận Bạch Đằng đi vào lịch sử, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp bị bắt sống; sau trận chiến thắng vẻ vang này, quân nguyên Mông không dám xâm lược nước ta nữa. Sau chiến thắng Bạch Đằng, khi đi qua Chiêu Lăng thấy chân ngựa đá lấm bùn, vua Trần Nhân Tông làm thơ tức sự:

*“Xã tắc hai phen chôn ngựa đá
Non sông nghìn thuở vững âu vàng”.*

Ở độ còn sung sức (35 tuổi), Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con để đi tu. Phong thái ưa thích bàn luận, nghiên cứu về tư tưởng và triết học cùng với việc tu tập theo Phật giáo của vua Trần Thái Tông – ông nội vua Trần Nhân Tông – cũng như kiến thức uyên bác về Phật học của Tuệ Trung thượng sĩ tức Hưng Ninh vương Trần Tung – anh ruột Trần Hưng Đạo và là cậu của vua Trần Nhân Tông – đã ảnh hưởng lớn đến việc đi tu của ngài. Mặt khác, Đại Việt lúc bấy giờ rất hưng thịnh, muốn xây dựng, bảo vệ đất nước và duy trì triều đại nhà Trần lâu dài thì vẫn cần thứ vũ khí tinh thần để cố kết lòng dân. Đó là đạo Phật. Ngài đã xây dựng một đạo Phật mang màu sắc Việt

Nam tách ra khỏi phái thiền Trung Quốc mà ngài trở thành ông tổ thứ nhất của thiền phái đó: Thiền phái Trúc Lâm. Tôi bước ra hàng hiên, mưa vẫn xối xả, những giọt nước trong vắt. Tôi cảm thấy khát nước, hứng nước đầy lòng hai bàn tay, tôi uống thật ngon lành. Mười mấy năm rồi tôi mới có dịp thưởng thức hương vị ngọt ngào của giọt nước mưa ở quê nhà. Tôi nhìn hai người bạn đồng hành, mấy hôm nay hai anh chàng lúc nào cũng kè kè theo mấy chai nước lọc. Chính bản thân tôi cũng không dám uống nước khác.

Tôi nói:

- Uống thử đi, ngọt lắm đó, mưa lớn này giờ sạch hết bụi.

Cả hai cùng rửa mặt và uống thử:

- Ừ nhỉ, ngọt quá!

Chúng tôi quay xuống núi, vì trời mưa nên cáp treo không hoạt động. Chờ đợi một giờ... hai giờ... ba giờ... cuối cùng mưa cũng tạnh. Một cảnh tượng đẹp không thể tả lần đầu tiên trong đời tôi được thưởng ngoạn. Tôi đứng bên này núi, nhìn khắp chung quanh đủ loại cây rừng mọc quanh sườn núi, cây thẳng đứng, xanh ngắt... bỗng đầu từ phía dưới bốc lên những làn khói như mây càng lúc càng cao. Ta gọi đó là gì? Khói lam, sương lam...? Tôi chợt nhớ đến một câu trong bài thơ Đường nổi tiếng “Tích vũ Vĩng Xuyên Trang Tác” của Vương Duy: “Tích vũ không làm yên hòa tri”. Tạm dịch: (Mưa tạnh rừng sâu khói bốc lên) Dù có đẹp có nên thơ rồi cũng phải chia tay. Hợp rồi tan định luật mà ta không thể tránh được. Chiếc xe từ từ chuyển bánh, ngang con suối Giải Oan nước chảy xiết sau cơn mưa, ngập cả cầu, cảm giác rờn rợn khi nghĩ đến hàng trăm cung phi, mỹ nữ đã trảm mình để tỏ lòng tiết hạnh với nhà vua.

*“Giải hết nỗi lòng ngay với chúa
Oan theo dòng nước sạch cùng vua”.*

(Thơ Nguyễn Hiền)

Tôi tiếc là mình không có đủ phương tiện và thời gian du ngoạn cảnh thần tiên này, nơi mà mà ngày xưa các danh nhân Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Ngô Thời Nhậm, Cao Bá Quát ... đã tức cảnh để thơ. Tôi ước được tìm hiểu thêm về những ngôi chùa khác như: chùa Đông, Giải Oan, Vân Tiêu, Bảo Sái... và những di tích của Nhị tổ Pháp Loa, Tam tổ Huyền Quang...

“Thời gian vụt bóng vó câu

Giăng giăng sương phủ lên màu cỏ hoa

Đôi chân giẫm bước ta-bà

Hỏi thiên thu trước ai qua lối này?

Non cao ẩn khuất ngàn mây

Dấu xưa còn lại gót hài thánh nhân...”

Nhưng dù sao tôi cũng thỏa mãn đã đặt chân đến vùng đất linh thiêng, cảm nhận, học hỏi được nhiều ở tổ tiên và tự hào về dòng máu Tiên Rồng có đầy đủ đức tính Bi - Trí - Dũng đang luân chảy trong tôi. ■



Ký ức Vườn Đào bên Vịnh Hạ Long

Bài & ảnh: PHẠM HỌC

C hắc hẳn nhiều du khách khi đến thăm Vịnh Hạ Long đều tò mò đặt câu hỏi: Tại sao khu du lịch bên bờ vịnh thơ mộng này, với những khách sạn hiện đại và khu mua sắm sầm uất, lại có tên Vườn Đào? Mà sao vườn đào và đào đâu cũng chẳng thấy? Xung quanh cái tên Vườn Đào là cả một câu chuyện dài, chuyện của mấy chục năm về trước...

Thú thật, mặc dù là người đã định cư trên đất Hạ Long này, tôi cũng từng không ít lần đặt ra câu hỏi đó. Phải chăng người ta căn cứ vào một huyền thoại nào đó trong quá khứ để đặt tên cho nơi này; kiểu như ai đó, mê mẩn trước sự thơ mộng của Vịnh Hạ Long mà nhớ đến khung cảnh thần tiên vườn đào, hội bàn đào ở chốn Tiên giới không ít lần xuất hiện trong *Tây du ký* nên huyền ảo hóa tên đất này? Hoặc giả ai đó sống nặng tình với bạn hữu huynh đệ quá nên nghĩ tới câu chuyện

kết nghĩa vườn đào trong *Tam quốc chí* mà áp cho đất này một cái tên chẳng? Vườn đào là có thực hay là vườn đào từ trong điển cố văn chương, là cái tên huyền thoại? Tất cả những suy đoán ấy của tôi đều thiếu căn cứ. Bởi ở trên đất nước Việt Nam ta, đào mọc lên khắp nơi, nhất là miền Bắc. Từ hơn 3.000 năm trước, người Trung Quốc đã trồng đào. Cây đào di cư sang đất Việt, được trồng nhiều ở Lai Châu, Lào Cai, Cao Bằng xuống đến Hà Nội, Ninh Bình lan nhanh ra cả vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh; để rồi chúng ta có những giống đào quý như đào Vân Nam ở Sapa, đào Mẫu Sơn (Lạng Sơn), đào Nhật Tân (Hà Nội) rồi đến đào trắng, đào đen, đào đá ở ven Vịnh Bái Tử Long (Quảng Ninh). Vì thế, chuyện một vườn đào, thung lũng đào bên Vịnh Hạ Long này cũng là hoàn toàn có thể.

Trong ký ức của những cư dân gốc nơi đây, vào đầu thế kỷ trước, đất này còn hoang vu lắm. Nhà dân thưa thớt trên các sườn đồi. Vườn rộng thì để cho các loại cây

tự do sinh sôi nảy nở. Cây nhiều nhất là đào, cái giống đào phai phớt hồng bản địa, hoa thanh thoát, hương dịu nhẹ ưa mọc tự nhiên hơn là sống đời cây chậu. Đào mọc khắp nơi, trên sườn đồi, ven lối đi, sau nhà, trước ngõ. Người trồng đào khi ấy cũng đầu mưu cầu chuyện kinh tế từ loài hoa này. Có gỡ gạc chút ít thì cũng là lấy quả đem bán mỗi dịp hè về. Đào phai là loại cây lớn nhanh, không mất công chăm sóc nhiều, ít bị bệnh. Giống đào dễ tính lại gặp những người làm vườn dễ tính nên kết quả là cây này lan nhanh và có cả một thung lũng đào, giữa bốn bề là núi, bên kia là Vịnh Hạ Long xinh đẹp. Tết đến xuân về, những cây đào này đua nhau khoe sắc tạo cho không gian vịnh thêm sắc sỡ màu. Lúc ấy người thân ở những nơi khác đến xin cành thì cứ thỏa sức mà chọn thế đẹp, hoa đẹp mang về chưng trong dăm ngày Tết. Họ hiếm mới thấy chủ nhân của những vườn đào mang ra chợ bán cành. Bởi ở đây ai chẳng có và bán cũng chẳng đáng là bao, gọi là có thêm chút tiền mua quà cho con trẻ. Đầu năm mới, nam thanh nữ tú từ bên thị xã Hòn Gai lại mua vé qua phà để được sang Vườn Đào chụp ảnh khai xuân. Vườn đào lúc này lại tạo ra nhiều việc làm cho cánh thợ ảnh. Không khí nhộn nhịp cho đến mãi gần Tết Nguyên tiêu mới chấm dứt.

Về chuyện cái tên Vườn Đào có từ bao giờ thì chẳng ai biết chính xác được. Có thông tin cho rằng nó xuất phát từ một bức ảnh của nhà báo Công Vượng, nguyên là phóng viên Báo *Quảng Ninh*. Ấy là trong những năm chiến tranh chống Mỹ, Công Vượng đi chụp ảnh một đơn vị tự vệ pháo cao xạ ở một quả đồi bên Bãi Cháy. Lúc chụp, nhà báo cũng chỉ chú ý đến nhân vật nữ tự vệ bên mâm pháo. Nhưng lúc rửa ảnh thì mới thú vị nhận ra cái nền cho bức ảnh là cả một rừng đào đang khoe sắc. Bức ảnh được chú thích là "Vườn đào xuân". Và cái tên Vườn Đào cũng có từ đó?

Nhà báo Ngô Mai Phong, Báo *Lao Động*, đã kể lại một câu chuyện thú vị về Vườn Đào: Một Tết năm nọ, có chị tên là Chi, nhà ở cùng phố với ông, theo nhóm bạn lớp 10 sang chơi khu Vườn Đào. Đến tối, khi phố xá lên đèn mà vẫn chưa thấy chị về, mọi người mới đổ xô đi tìm. Cuối cùng cũng phát hiện ra chị ngồi giữa một rừng hoa, dưới chân cũng là thảm hoa đào. Hôm sau, phố xá đồn rằng chị Chi bị ma giấu trong vườn đào. Có người còn phán rằng, chị bị trúng hồn hoa. Cuối năm ấy, chị Chi mất đột ngột. Mọi người cấm con gái Tết không được sang vườn đào. Nhưng người ta vẫn trốn sang, chẳng ai giữ được họ. Câu chuyện làm tôi liên tưởng đến nhà thơ Thôi Hộ đời Đường với bài thơ *Đề đô thành Nam trang* (Đề thơ ở trại phía Nam đô thành) nổi tiếng, thường được biết nhiều hơn dưới cái tên *Đề tích sở kiến xứ*. Một câu chuyện huyền thoại kể lại như sau: Thôi Hộ tự Ân công, người tỉnh Trực Lệ, Trung Hoa, sống vào thời Đường Đức Tông. Thôi Hộ là một khách văn chương phong lưu hết mực. Vốn lận đận khoa cử, nên Thôi Hộ hơi khép kín, ít giao du. Một lần vào tiết Thanh minh, Thôi Hộ dạo chơi phía Nam thành Lạc

Dương, thấy một khuôn viên trồng đào rất đẹp, hoa khoe sắc tươi thắm, bèn đến bên gọi cổng ngỡ ý vào xin nước uống. Vừa vào đến nơi một lát thì Thôi Hộ ngẩn người vì thấy một thiếu nữ diễm lệ e ấp nấp trong vườn đào, sau những cánh hoa đào. Nhưng cuối cùng, chàng trai Thôi Hộ vẫn phải ra đi. Một năm sau, cũng vào tiết Thanh minh, Thôi Hộ trở lại chốn cũ, nhưng cổng đóng im ỉm. Gọi cổng cũng chẳng ai thưa. Thôi Hộ bèn viết bài thơ để ngay trên cổng. Một lát sau thấy tiếng khóc vọng ra ở trong nhà. Rồi một ông lão đi ra hỏi: Có phải là Thôi Hộ không? Ông lão kể con gái của cụ sau khi đọc xong bài thơ bỏ cả ăn uống, đã chết, xác vẫn còn ở trong nhà. Thôi Hộ tìm vào đến bên xác người con gái, quỳ xuống than thở, thì cô gái sống lại và hai người nên duyên chồng vợ. Thôi Hộ làm bài thơ ghi lại mối tơ duyên bất hủ này. Bài thơ phiên âm như sau:

*"Khứ niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong"*

Dịch nghĩa:

Ngày này năm ngoái cũng tại cửa này
Hoa đào và mặt người cùng ánh lên sắc hồng
Gương mặt người nay chẳng biết đã ở nơi đâu
Chỉ thấy hoa đào cũ vẫn cười với gió mùa xuân.

Cái tên Vườn Đào thì vẫn còn đó nhưng vườn đào xưa thì nay đã lùi dần vào hoài niệm trước tốc độ đô thị hóa. Người ta còn nhớ, những năm 90 của thế kỷ trước, đất đai bên cạnh khu du lịch này lên cơn sốt. Người ta thi nhau chia lô ra bán, bạt đồi thành vườn, rồi chặt cây trong vườn đi làm đất ở. Tấc đất tấc vàng, đất bán đi lấy tiền xây biệt thự, xây nhà nghỉ, khách sạn, kinh doanh du lịch. Những cây đào vốn ít giá trị kinh tế lúc đó cũng bị đốn hạ một cách không thương tiếc. Bây giờ, vào mỗi độ xuân sang, những người Hạ Long xưa đi ngang qua khu vườn đào chỉ thấy nhà cao chen chúc nhau mới ngậm ngùi nhớ tiếc cái màu hồng phai của hoa đào năm ấy. Và gần đây, người ta lại bắt đầu quay lại trồng đào. Nhưng đất ở Vườn Đào xưa thì chẳng còn nữa. Người ta tính đến chuyện mang đào phai Sapa ra trồng ở đảo Cô Tô, hình thành vùng chuyên canh cây đào bản địa ở Hoàn Bô, Vân Đồn; rồi trồng đào trên những ngọn đồi ven Quốc lộ 18 từ Hạ Long ra Móng Cái. Mới đây, Nhật Bản cũng đã tặng cho Quảng Ninh rất nhiều cây anh đào để trồng. Tập đoàn Tuần Châu còn có cả một dự án xây dựng công viên hoa anh đào trên đảo Tuần Châu.

Rồi sẽ có những công viên hoa đào, ngọn đồi đào, thung lũng đào, vườn đào mọc lên trên đất Quảng Ninh. Cũng sẽ có nhiều loài hoa đào cùng nhau khoe sắc, sặc sỡ hơn, ngát hương hơn. Và cũng sẽ có nhiều thiếu nữ đẹp ở bốn phương trời về Hạ Long lúc sang xuân để ngắm đào và cùng đào khoe sắc. Nhưng trong ký ức của những người gắn bó với Hạ Long thì hình ảnh Vườn Đào năm ấy vẫn không bao giờ phai nhạt. ■



Hồ Lang Rộc

Bài & ảnh: NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Làng Rộc thuộc xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Tổng dân số toàn làng khoảng 300 nhân khẩu phân bố ở bốn xóm: xóm Đền, xóm Giữa, xóm Đình và xóm Chùa. Theo các cụ cao niên trong làng cắt nghĩa, sở dĩ làng mang tên như vậy vì đây vốn là vùng đất bồi ven sông khá thấp và trũng “chiêm khê mùa thối” gọi là vùng đất rộc. Lúc đầu chỉ có một số người làm nghề chài lưới sinh sống không ổn định. Sau này, họ đào đất thành ao để vượt nền cao ráo, xây dựng nhà cửa kiên cố, định cư lâu dài, dần dần hình thành làng xóm đông đúc trù mật. Tên làng Rộc cũng hình thành từ đó. Sống trong bối cảnh xã hội nông thôn Bắc Bộ truyền thống, làng Rộc có một hệ thống các di sản lịch sử, văn hóa và phong tục tập quán độc đáo, thuần phác; trong đó phải kể đến tục thờ Đức Thánh Trần với lễ hội diễn ra vào ngày mồng sáu tháng Giêng hàng năm.

1. Từ sự suy tôn công lao Đức Thánh Trần...

Cuộc đời và sự nghiệp của Quốc công Tiết chế Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn gắn liền với chiến công hiển hách ba lần đánh bại quân Nguyên – Mông (1258, 1285 và 1288). Với công lao và đức độ của một vị tướng tài ba, ngài được nhân dân cả nước suy tôn là bậc thánh,

thường gọi là Đức Thánh Trần; cũng vì thế, ở nhiều vùng miền trên cả nước, nhân dân lập đền thờ ngài. Di tích thờ Đức Thánh Trần rất phong phú, bao gồm hệ thống đình, đền, phủ, miếu, điện... Tuy thờ theo lối rước chân nhang, song hầu hết các nơi đều có tôn tượng rất oai nghiêm. Đặc biệt, tỉnh Nam Định ngày nay – mảnh đất phát tích của vương nghiệp nhà Trần – là địa phương có số lượng di tích liên quan đến Thánh Trần nhiều nhất; quan trọng nhất là di tích đền Cổ Trạch – nơi thờ gia tộc và bộ tướng của ngài; ngoài ra, đền Bảo Lộc nằm trên khu thái ấp cũ của thân phụ ngài là Trần Liễu hiện cũng đang thờ Hưng Đạo đại vương.

Giống như nhiều làng quê khác thuộc tỉnh Nam Định, làng Rộc cũng lập đền thờ ngài và tôn làm Thành hoàng làng, hàng năm đều tổ chức cúng lễ rất long trọng.

Đền thờ Đức Thánh Trần của làng Rộc có tên là đền Cháy, tọa lạc trên trục đường liên xã và cách mép nước sông Rộc chưa đầy 50m. Sở dĩ đền có tên như vậy bởi có liên quan đến một câu chuyện dân gian được các cụ già kể lại như sau: Dọc con sông Rộc, ở hai bên bờ vốn là hai làng khác nhau, bên này là làng Rộc, dân cư thuần nhất làm nông nghiệp với các tập tục thờ cúng tổ tiên, và theo đạo Phật; bên kia là làng Trình, dân cư không thuần nhất mà có sự đan xen với người theo Thiên Chúa

giáo thuộc xứ đạo Trinh Xuyên. Vùng đất giáp ranh của hai làng vốn có một ngôi đền thờ Đức Thánh Trần mà cả hai bên đều cho đó là nơi sinh hoạt tâm linh của riêng làng mình. Để tránh tranh cãi, các vị bô lão của cả hai làng thỏa thuận, rằng sau một buổi lễ cầu đảo Đức Thánh, căn cứ theo dấu hiệu thiêng là tàn tro giấy “tổng thủy” bay về vùng đất làng nào thì làng đó được thờ Thánh; và vì tàn tro theo gió bay về hướng làng Rộc nên dân làng này được lập đền thờ và đặt tên là đền Cháy. Do sự việc này nên ngôi đền được xây dựng lại, với ba gian nhà ngói và một gian hậu cung hình ống muống nối phía sau, tại địa điểm mới ở ngay mép sông bên phía làng Rộc để nhân dân hai làng thường xuyên hương khói; có điều khi tế lễ chỉ có người làng Rộc được đứng ra lo liệu. Câu chuyện dã sử trên đây tuy không có kiểm chứng lịch sử chính thống nhưng đã nói lên phần nào tấm lòng cung kính đối với Đức Thánh Trần của cả dân làng Rộc lẫn dân làng Trinh.

Từ một vị tướng có thật trong lịch sử chống giặc ngoại xâm đến một vị Thánh rồi trở thành Thành hoàng làng là một quá trình thiêng liêng hóa, huyền thoại hóa thể hiện tấm lòng tôn kính tuyệt vời của dân tộc Việt Nam dành cho người có công với dân với nước. Có một sự kiện đáng chú ý là, tuy không rõ truyền thống dòng họ người dân ở đây có gốc gác thế nào, nhưng toàn thể dân làng Rộc đều mang họ Trần, là địa phương duy nhất trong xã có hiện tượng nhất họ. Tự bao đời nay, cả làng đều cùng nhau đóng góp tiền của, công sức lập đình làng thờ linh vị, linh tượng và sắc phong của ngài. Hàng năm, dân làng mở lễ hội trọng đại vào dịp đầu xuân để tưởng nhớ công lao và cầu mong Thành hoàng phù hộ chở che cho cộng đồng được “người yên vật thịnh” làm ăn thuận buồm xuôi gió, mùa màng tươi tốt.

2. ... đến lễ hội làng Rộc

Hội làng Rộc trước đây tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào ngày mồng sáu tháng Giêng âm lịch. Từ cuối những năm 90 của thế kỷ trước, do đời sống nhân dân trong làng còn khó khăn, thêm vào đó hệ thống kiệu rước cổ lại hư hại phải tu sửa và gìn giữ nên dân làng đã họp nhau lại cùng cầu xin Thành hoàng được hai năm mở hội một lần.

+ Công tác chuẩn bị lễ hội

Trước lễ hội một ngày, vào sáng mồng năm tháng Giêng, vị Tiên chỉ - (thường là người cao tuổi nhất làng, có nhiều hiểu biết về truyền thống văn hóa quê hương được nhân dân kính trọng cử làm chủ tế, chỉ đạo và cắt đặt mọi công việc) tập hợp các bậc cao niên, thủ nhang coi đình, ông từ coi đền cùng trưởng các chi họ Trần trong làng lên kế hoạch lễ hội và xin Đức Thánh giờ tế, giờ rước kiệu và giờ hạ kiệu.

Chiều mồng năm, một người có kinh nghiệm trong ban tổ chức lễ hội loan báo danh sách phu kiệu rước Thánh là nam, nữ thanh niên chưa lập gia đình ra đình

làng trình diện và tiến hành lắp kiệu gồm một kiệu bát cống (kiệu hoa) và một kiệu long đình. Kiệu được đặt trên tấm vải đỏ hoặc chiếu hoa trải trước sân đình.

Đội tế Thánh của làng cũng được lên danh sách để chuẩn bị y phục cùng sắp đặt các đồ tế lễ dọc hai bên kiệu.

Đội quân hầu Thánh mang các loại vũ khí đánh trận thờ trong đình gồm đao, thương, kiếm, kích... ra lau chùi và bày dọc hai bên sân một cách uy nghiêm.

Đại diện của bốn xóm Đình, xóm Giữa, xóm Đền, xóm Chùa cử người làm đồ lễ để dâng Thánh vào ngày mồng sáu. Đồ lễ này không quy định cụ thể, thường là một mâm xôi thịt gà hoặc mâm xôi thủ lợn cùng hoa quả, tiền vàng...

Trước cổng đình, một lá cờ hội cỡ lớn được treo lên báo hiệu công tác chuẩn bị lễ hội đã hoàn thành.

+ Diễn trình lễ hội

Sáng sớm ngày mồng sáu, tại đình làng, chiêng trống nổi lên báo hiệu cuộc tế Thánh bắt đầu. Trong đình, đèn hương nghi ngút. Ngoài sân đội tế đã ăn mặc chỉnh tề gồm quần ống sớ, áo thụng hồng và đồ sặc sỡ, đầu đội khăn, tay chấp trước bụng và che bằng tấm vải điều đỏ, đứng dọc hai bên kiệu. Từ xưa tới nay, đội tế đình của làng Rộc là nữ giới thay vì nam giới như lệ thường. Có năm làng mời cả những đội tế nữ quan của các vùng lân cận như Đại An, Cốc Thành... về tham dự trọng thể.

Hai vị cao niên đứng hai đầu hồi đình điều khiển chiêng và trống cái. Dàn nhạc lễ của địa phương gồm trống con, mõ và thanh la bắt đầu gõ điệu khúc mời Thánh. Một tấm chiếu hoa cỡ lớn trải dọc giữa sân đình phía sau hai kiệu lấy nơi làm lễ.

Theo tiếng trống và chiêng điều khiển, vị trưởng tế lĩnh xướng đọc văn tế đồng dạng, âm sắc rất thành kính mang âm hưởng thiêng liêng với nội dung ca ngợi thánh thần và xin dâng vật lễ gồm: hương, dâng, hoa, trà, quả, thực.

Mỗi đợt dâng lễ vật, hai quan tế đứng ra khỏi hàng, trịnh trọng bước đến thau nước thiêng rửa tay, lau khô tay rồi nhận vật tế nâng cao trước ngực tiến vào chiếu hoa quỳ lạy. Mỗi lần quỳ, trưởng tế hô “bái”. Khi nào có tiếng hô “bình thân” thì làm động tác đứng dậy và đi dọc hai bên kiệu tiến vào trong đại đình đặt vật phẩm lên ban thờ. Lúc này, tiếng mõ vang lên theo nhịp bước đi. Lễ vật đặt lên ban cũng là lúc dàn nhạc nổi điệu chúc Thánh.

Khoảng tám giờ sáng, nghi lễ tế Thánh kết thúc cũng là lúc đội tế nhường chỗ cho đội phu kiệu làm lễ trình diện trước sân đình chuẩn bị cho cuộc rước. Một tiếng loa vang lên từ cửa đình truyền lệnh Đức Thánh cho bắt đầu rước kiệu từ đình xuống đền Cháy để Thành hoàng bắt đầu làm phép. Vị Tiên chỉ trang trọng đứng trước ngai thờ quỳ lạy rồi tiến vào khám thờ trong hậu cung kính cẩn nâng hòm sắc phong được phủ vải điều mang ra ngoài đặt lên kiệu bát cống. Ở kiệu này có ngai và lọng che. Một vị khác lấy một mâm hoa quả trong ban thờ đi theo và đặt vào kiệu long đình, cùng hai nắm hoa tươi cắm vào độc bình trong kiệu.



Xong đầu đầy, người thổi loa hô lớn điều khiển cho đội quân hầu Thánh cầm các loại vũ khí và cờ ngũ sắc sắp thành hai hàng tiến ra khỏi cổng để cung nghinh kiệu Thánh. Phu kiệu nam khiêng kiệu bát cống, phu kiệu nữ khiêng kiệu long đình lần lượt xốc lên vai rước kiệu về đền Cháy. Cuộc rước này kéo dài cả cây số, đi theo hàng ngũ có chiêng trống tung bừng.

Khi đoàn rước đến đền Cháy, một lần nữa hai kiệu được đặt trước sân đền. Ông từ coi đền tay cầm ba nén hương quỳ trước kiệu và rước hòm sắc phong vào hậu cung làm lễ. Tiếng chuông được thỉnh liên hồi hòa lẫn khói hương nghi ngút báo hiệu Thánh đang ngự. Dứt hồi chuông, vị Tiên chỉ và ông từ cùng rước hòm sắc phong ra đặt lại vào ngai thờ trên kiệu bát cống, nhưng lần này hòm sắc phong được buộc lại vào ngai rất cẩn thận. Tiếng loa vang lên báo hiệu cho dân làng Đức Thánh bắt đầu làm phép. Hai kiệu được khiêng lên theo tiếng trống trận và bắt đầu quay. Đội phu kiệu vừa khiêng kiệu trên vai vừa chạy dọc đường làng. Kiệu quay và chạy đến đâu đội quân cầm chắp, kích, đao, kiếm đi theo đến đó.

Lúc này, tại sân đình tiếng nhạc chầu văn ca ngợi tài cầm quân của Đức Thánh vang vọng khắp không gian làng Rộc. Trong khi đó nhân dân đứng hai bên đường thành tâm kính lạy. Năm nào cũng vậy, kiệu Thánh đều chạy đến bờ sông Rộc và lao nhào xuống sông. Rất lạ, là dù nước sông rất đầy và trời rất lạnh nhưng đội phu kiệu không cảm thấy lạnh hay mệt, họ cứ bám vào thân kiệu nổi trên mặt nước mà bơi theo. Kiệu lên bờ rồi lại tiếp tục chạy về quay trên cánh đồng làng đã được cày

ải cho vụ mùa sắp tới. Cứ như thế, hai kiệu Thánh chạy và quay đến tất cả những nơi sinh hoạt chung của cộng đồng như: cổng làng, cây đa làng, ao làng... Một điều lạ nữa là dù hai kiệu có quay ngay cạnh nhau nhưng không mấy khi va vào nhau dẫn đến hỏng kiệu hoặc như cả phu kiệu nam và nữ không ai bị ngã.

Theo giờ thiêng định trước, đúng giờ Ngọ hai kiệu chạy về sân đình quay rất nhiều vòng thể hiện sự uy phong của Đức Thánh. Ông thủ nhang đứng trước cửa đình cầm hương và rượu vái lạy kính mời Đức Thánh vào ngự tại đình để nhân dân làm lễ bái tạ. Hai kiệu lần lượt hạ xuống đứng vị trí cũ, vị Tiên chỉ và thủ nhang cung kính ra rước hòm sắc phong đặt lại vào trong khám thờ tận hậu cung. Đội phu kiệu cùng đội quân hầu Thánh đứng thành hàng trước sân đình làm lễ vái lạy. Tiếng loa truyền lệnh cuộc rước kiệu và làm phép của Đức Thánh kết thúc.

+ Ý nghĩa lễ hội

Hội làng Rộc là một lễ hội đặc sắc của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước vùng đồng bằng sông Hồng nói chung, vùng Nam Định nói riêng. Trước hết, đây là lễ hội tưởng nhớ công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của Quốc công Tiết chế Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn với cuộc rước kiệu mang giá trị như một "tục hèm" tái hiện lại các cuộc chiến đấu với quân giặc dưới sự chỉ huy của vị tướng tài ba nhà Trần trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Trong đó đặc biệt và ấn tượng nhất là cảnh "kiệu lội sông", "kiệu lội ao làng" để tái hiện lại những trận thủy chiến nổi tiếng một thời mà có lẽ ít lễ hội nào có được. Thông qua cuộc rước kiệu này, thế hệ trẻ của làng Rộc cũng như cả cộng đồng không chỉ được ôn lại truyền thống đánh giặc giữ nước của cha ông mà còn là dịp rèn luyện sức khỏe để tiếp tục xây dựng và bảo vệ quê hương.

Ngoài ra, lễ hội còn mang ý nghĩa cầu mùa bởi thời gian diễn ra lễ hội là dịp đầu xuân, lúc cộng đồng địa phương đang chuẩn bị xuống đồng gieo cấy vụ lúa mới. Cho nên, trong lúc rước kiệu, kiệu chạy và quay trên khắp cánh đồng làng mang ý nghĩa cầu mong các bậc Thánh thần ban ơn mưa móc thấm nhuần vào đồng đất quê hương để mùa màng được tươi tốt, cây trồng không bị bệnh dịch đem lại vụ mùa bội thu và niềm vui ấm no hạnh phúc đến với muôn nhà.

Đối với dân tộc Việt Nam nói chung, mỗi lễ hội đều không chỉ nhằm thể hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn" cao đẹp của dân tộc ta từ bao đời nay mà còn là môi trường nuôi dưỡng truyền thống yêu nước hào hùng của nhân dân ta. Riêng với nhân dân làng Rộc, ngoài những ý nghĩa đó ra thì hội làng vào dịp đầu xuân còn mang ý nghĩa cầu mong Đức Thánh hoàng ban phát phúc lành cho cộng đồng được hưởng cuộc sống yên vui, mùa màng tươi tốt. Với tất cả những ý nghĩa tốt đẹp đó, hội làng Rộc xứng đáng là một lễ hội truyền thống đặc sắc cần được gìn giữ cho muôn đời sau! ■

VỀ NHỮNG LỖI KHI THỰC HÀNH **ĐẠI THỦ ẮN**

KHENCHEN THRANGU RINPOCHE
HỒNG ĐIỆP dịch



Phẩm chất của một buổi hành thiền có hiệu quả

Có ba phẩm chất tích cực đạt được khi thực tập hành thiền (ngồi trên chân theo thể kiết-già hay bán-già để theo dõi hơi thở và quán sát sự vận hành của tâm).

Thứ nhất là định (*samadhi*). Định bao gồm trải nghiệm về những cảm giác dễ chịu của thân và tâm, sự sáng suốt cực độ và sự vắng bật mọi khái niệm. Mặc dù trải nghiệm về định là một bằng chứng cho việc hành thiền ở mức có hiệu quả, nhưng để phát triển trọn vẹn Đại thủ ấn, hành giả phải đưa những đặc điểm tối hậu của việc hành thiền có hiệu quả ấy tới mức toàn thiện.

Phẩm chất thứ hai của việc hành thiền có hiệu quả là tâm bồ-đề (*bodhichitta*). Tâm bồ-đề trong tiếng Sanskrit có nghĩa là “tâm tinh thức” hoặc “trái tim tinh thức”. “Khởi phát tâm bồ-đề” có nghĩa là việc hành thiền của hành giả phải đi kèm với một động cơ hết sức trong sạch. Thực hành thiền mang lại cảm giác rất dễ chịu, và ta có thể thực hành chỉ để được trải nghiệm cảm giác đó không thôi. Nhưng niềm hạnh phúc này chỉ mang tính nhất thời. Một trạng thái thiền vững vàng không nhất thiết chỉ loại trừ những tình thức gây khó chịu hoặc mang lại những phẩm chất tốt cho một người hoàn toàn tinh thức. Hành giả phải thực hành sao cho loại trừ được hoàn toàn mọi tình thức gây rối loạn và đạt được mọi phẩm chất tốt. Quan trọng hơn, đạt được sự tinh thức cho riêng mình là một điều không thể chấp nhận được. Chỉ ở riêng thế giới này thôi đã có hàng tỷ con người và sinh vật sống rải rác khắp quả đất - trên núi, trong rừng, trên đồng bằng và trong đại dương. Đối với những chúng sinh này, hạnh phúc là điều cực hiếm. Họ phải chịu những khổ đau lớn và không có người bảo vệ. Nếu ta có khả năng đạt được tinh thức hoàn toàn như một vị Phật, ta sẽ có khả năng và lòng can đảm để giải thoát các chúng sinh khác và chỉ cho họ con đường dẫn tới việc giải thoát khỏi những đau khổ của luân hồi. Đây chính là thái độ mà hành giả cần phải có khi thực hành thiền. Nếu hành giả thực hành với thái độ này, đây sẽ là một thực hành rất trong sáng, dẫn tới những kết quả to lớn; nếu không thì kết quả sẽ có giới hạn.

Đạt được trình độ thiền vững vàng và khởi phát tâm bồ-đề là điều tốt, tuy nhiên hành giả vẫn cần phải có được phẩm chất thứ ba, đó là việc ngộ được tính Không và trạng thái vô ngã. Nếu ngộ được tính Không, hành giả sẽ có thể loại bỏ được mọi tình thức gây rối và có được



trí tuệ nhận biết bản chất của mọi hiện tượng một cách hoàn hảo và rõ ràng. Nếu thiếu hiểu biết về tính Không, việc hành thiền của hành giả sẽ tạm thời làm yếu đi những mô thức quen thuộc của các tình thức gây rối loạn chứ không thể diệt trừ chúng hoàn toàn. Để nhận thức được các chỉ dẫn tối thượng của Đại thủ ấn với sự đồng hiện của tư duy và hình tướng, hành giả không chỉ cần ngộ được cái tâm không lăng xăng, mà còn cần nhận biết

được bản chất của cái tâm đó. Chúng ta cần hiểu được cái tâm không lăng xăng không chỉ thông qua sự suy luận mà còn qua cả việc quán sát trực tiếp. Và khi chúng ta đã trực tiếp ngộ được tính Không, chúng ta hiểu được bản chất của mọi hiện tượng. Do vậy, bên cạnh việc đạt đến trạng thái định và khởi phát bồ-đề tâm, hành giả còn cần đến sự quán sát để nhận thức bản chất của mọi hiện tượng. Khi chúng ta có được những trải nghiệm về các đặc tính tích cực của định, tâm bồ-đề và quán thì chúng ta có một buổi hành thiền thành công.

Việc gặp phải những khó khăn và mắc sai lầm trong khi hành thiền là một điều tự nhiên. Điều đó có thể là vì chúng ta chưa hiểu rõ Pháp, hoặc vì chúng ta chưa có đủ thời gian ở bên cạnh vị đạo sư của mình. Những khó khăn này có thể khiến chúng ta bắt đầu nghi ngờ về những việc mình đang làm, hoặc việc hành thiền của chúng ta có thể bị lỏng lẻo hơn. Khi điều này xảy ra, ý chí hành thiền và sự chú tâm của chúng ta suy giảm. Có thể chúng ta đánh mất những điểm quan trọng của việc hành thiền tới mức không thể gọi việc ta đang làm là “hành thiền”. Nhiều loại hình tướng khác nhau có thể khởi lên và có thể chúng ta nghĩ, “Điều này thật dị thường. Đây là dấu hiệu của việc hành thiền tuyệt hảo!”, trong khi thực tế lại không phải vậy.

Nếu hiểu được những loại lỗi này, chúng ta có thể đẩy lui chúng khi chúng diễn ra. Ngay cả khi chúng không xuất hiện trong lúc hành thiền, chỉ riêng việc hiểu biết về chúng không thôi cũng có nhiều lợi ích lớn.

Lỗi do thiếu quán

Trạng thái định của hành giả có thể rất tốt – tới mức có thể đạt được thần nhãn – nhưng nếu không chúng ngộ đầy đủ về quán, về bản chất thực của tính Không của bản ngã và của hiện tượng, hành giả sẽ không đạt được Đại thủ ấn.

Việc hành thiền của vài hành giả có thể trở nên lỏng lẻo, nhưng vì chưa thấm nhuần những chỉ dạy của đạo sư nên họ không nhận ra được những lỗi trong việc hành thiền của mình. Ngay cả nếu họ đã có thể thoát thấy được Đại thủ ấn, họ vẫn chưa chắc chắn lắm về tình trạng ấy, và họ bắt đầu để mất bất kỳ sự thấu hiểu nào họ đã đạt được. Dần dần sự chú tâm và cảnh giác của họ trở nên lỏng lẻo, và họ nghĩ rằng bất kỳ trải nghiệm thiền nào có được thì chính điều đó thực sự là thiền, trong khi trên thực tế họ đã lang thang vào ngõ cụt và bị lạc lối.

Một lỗi khác là để cho có sự trì trệ và một trạng thái tâm tối của tâm khởi phát rồi tăng trưởng. Dần dần các đối tượng của thọ vốn thường xuất hiện cho ý thức cảm giác trở nên nhạt nhòa và mơ hồ. Mắt không nhìn rõ hình tướng, tai không nghe rõ âm thanh. Rút cục là họ chẳng thấy, chẳng nghe gì cả. Ý thức trở nên nhạt nhòa và thực tế là không hoạt động. Ngay cả khi không rơi vào tình trạng cực độ này, nếu do thiếu sự chú tâm, hành giả để cho tâm đánh mất sự sáng suốt và bén nhạy thì người đó hành thiền không đúng cách.

Lỗi thứ ba xảy ra khi tâm đạt được sự rõ ràng và sáng tỏ chân thực, nhưng lại không duy trì được sự chú tâm và cảnh giác đúng mức. Tâm có sự sống động, song tâm lại thiếu sự nhận thức về chính nó. Trong trường hợp này, việc hành thiền không đúng nhưng cũng chẳng sai – rơi vào mức trung tính, không dứt khoát có lợi nhưng cũng không dứt khoát có hại.

Những lỗi này ngày một vi tế hơn. Một lỗi khác là nghĩ rằng thiền Đại thủ ấn chỉ đơn giản là một trạng thái vắng bật mọi ý niệm. Hành giả có thể phát hiện khoảng trống trung gian giữa lúc chấm dứt niệm hiện hành với lúc khởi phát niệm tiếp theo rồi nghĩ rằng sự vắng lặng trong khoảng khắc đó chính là thiền Đại thủ ấn. Trong trạng thái này không có nhận thức về bất kỳ điều gì và cũng không có phẩm chất thật sự nào của niệm hay tuệ. Tuy nhiên, đó không phải là thiền chân thực. Đặc tính cơ bản của quán là sự hiểu biết chắc chắn, dứt khoát và rõ ràng về trạng thái của tâm. Nếu thiếu sự hiểu biết dứt khoát này thì cũng có nghĩa là không có quán. Nhờ quán, chúng ta biết rằng tâm là rỗng lặng và sự rỗng lặng này không phải là sự rỗng lặng bất động. Đây là một sự rỗng lặng thích hợp cho sự thấy, biết, nhìn nhận và cảm giác. Nếu chưa phát hiện được sự rỗng lặng này, hành giả chưa đạt được quán của Đại thủ ấn.

Có ba loại trải nghiệm tạm thời có thể khiến hành giả nghĩ “Tôi đã phát hiện điều gì đó thực sự đáng kể và sâu sắc. Đây mới thực là thiền”. Những trải nghiệm này không phải là thiền quán Đại thủ ấn thực sự. Thứ nhất là trải nghiệm tạm thời trong đó tâm đạt đến mức khoái lạc và nghỉ ngơi trong sự khoái lạc này. Thứ hai là trải nghiệm tạm thời về tính Không; hành giả có thể không khởi các niệm về quá khứ, hiện tại và tương lai và nghỉ ngơi trong trạng thái vô niệm này. Thứ ba là trải nghiệm về tướng quang minh, qua đó tâm dường như làm chủ nhiều khả năng lạ thường đến độ có thể khiến hành giả nghĩ “Giờ đây tôi có thể thấy mọi thứ. Tôi có thể nhìn thấy những thứ từ xa. Tôi có thể nhìn thấu hoàn toàn và rõ ràng bên trong. Tất cả đối với tôi bây giờ thật là sống động”. Hành giả có thể có từng trải nghiệm này đơn lẻ hoặc kết hợp. Chúng rất hấp dẫn, song thiếu một điều thiết yếu, ở đây chính là sự hiểu biết dứt khoát về trạng thái của tâm, một đặc tính cơ bản của quán. Trong tiếng Tây Tạng, sự hiểu biết dứt khoát này được gọi là “tâm đã nhìn rõ mặt của nó”, hoặc “tâm đã cắt bỏ được tận gốc rễ.”

Lỗi do thiếu chỉ (định)

Việc hành thiền của hành giả có thể đạt đến mức một sự thấu hiểu nào đó nhưng thiếu định. Trong trường hợp này, quán không thể mạnh được. Trong thiền chỉ, các ý niệm của hành giả được dẹp yên ngay khi mới khởi khiến tâm thức được nghỉ ngơi trong sự cân bằng và tĩnh lặng. Nếu thiếu kỹ năng thiền này, các ý niệm khi khởi phát có vẻ sẽ trở thành chướng ngại – thậm chí cả những ý niệm rất vi tế cũng có thể sẽ làm gián đoạn và đe dọa việc hành

thiền của hành giả. Khi đó, ngay cả việc hành thiền trong một thời gian ngắn cũng trở nên rất khó khăn. Những hành giả sơ cơ thường trải qua những khó khăn của tâm theo kiểu này và có thể không dễ dàng ngồi yên được. Do vậy, điều quan trọng là phải tập thiền chỉ để tăng cường sự ổn định của tâm.

Những khiếm khuyết của hành thiền cục bộ

Ở trên, chúng ta đã thảo luận về những trạng thái lỗi trong lúc hành thiền do hành giả không nhận ra những sai lầm của mình và đi sai hướng. Dưới đây chúng ta sẽ thảo luận về việc hành thiền cục bộ khiến hành giả chỉ có thể trải nghiệm được một vài yếu tố quan trọng.

Ví dụ đầu tiên là hành giả đã đạt đến một trạng thái định rõ ràng, trong suốt, quang minh, và bắt đầu có cảm giác mọi vật đều rỗng không. Cái cảm giác chủ quan về tính Không này rất hấp dẫn, song nó không giống như tuệ giác thật về việc mọi vật vốn vẫn là như vậy. Có một sự khác biệt rõ ràng giữa cảm giác thoáng qua về tính Không này so với sự nhận biết dứt khoát, chắc chắn, xuyên suốt rằng sự vật không tồn tại như tướng trạng của chúng. Nếu xảy ra khiếm khuyết này, hành giả cần kiểm tra lại tâm thức để thấy một cách rõ ràng và trực tiếp rằng sự vật hiện tượng là vô tự tính. Chúng ta cần phải hiểu chắc chắn rằng ngay cả tâm của chúng ta cũng là vô tự tính.

Một ví dụ thứ hai là khi hành giả đã phát triển một niềm tin chắc chắn vào tính Không nhưng tin một cách sai lạc rằng phải dùng bật mọi tư duy và hình tướng. Tại điểm này, hành giả phải hiểu rằng tư duy và hình tướng chính là tuệ giác đồng hiện; và rằng mục tiêu không phải là sự tịch tịnh của tâm không tư duy không hình tướng. Với quan điểm rằng tư duy và hình tướng phải dùng bật, hành giả bắt đầu cảm thấy chúng là kẻ thù và việc hành thiền trở nên bứt rứt cùng cực. Để tránh rơi vào sự hiểu lầm này, ta cần phải hiểu về tư duy đồng hiện và hình tướng đồng hiện, sao cho dù tư duy có phát khởi hay không, ta cũng có khả năng nhận thức được nó như là tuệ giác đồng hiện.

Nếu chúng ta tin rằng tư duy là trái ngược với sự chứng ngộ thì những chướng ngại cũng có thể phát sinh sau lúc hành thiền. Vì trong khi ta có thể gạt bỏ tư duy và hình tướng lúc ngồi thiền, ta không thể dùng bật tư duy và hình tướng khi xả thiền lúc trở về với những hình tướng trong cuộc sống hàng ngày. Việc hòa nhập sự thực hành của ta vào cuộc sống hàng ngày sẽ là điều không thể có được nếu hình tướng và việc hành thiền không tương thích.

Chứng ngộ thiền hoàn hảo

“Vạn pháp như thị” hay “mọi vật vốn vẫn như vậy” là nói về tính Không và thực tại. Trong Đại thủ ấn, người ta không nói tới tính Không của những hiện tượng ngoại giới mà nói tới tính Không của tâm. Việc hiểu được tính Không của tâm và thực tại hơi khác với việc hiểu được



tính Không của hiện tượng ngoại giới. Tính Không của hiện tượng ngoại giới có thể hiểu được thông qua nhận thức suy luận nhưng nó không thể nhận biết được một cách trực tiếp. Việc hiểu về tính Không thông qua suy luận có thể mất thời gian, do vậy quãng đường sẽ rất dài. Tính không của tâm có vẻ dễ chứng ngộ hơn nhiều so với tính Không của hiện tượng bên ngoài. Tính không của tâm được chỉ ra ở cái mà những vị đạo sư của dòng Karma Kagyu gọi là tâm bình thường (ordinary mind).

Cách tốt nhất để hiểu về tâm bình thường là suy nghĩ rằng “tâm như nó vốn vậy”. Một vài người có thể nghĩ rằng tâm bình thường là một cái tâm đã khắc phục được những tình thức rối loạn, nhưng ở đây không có nghĩa ấy. Với *tâm bình thường* ta muốn nói rằng tự thân nó, tâm vốn rỗng lặng và tỏa sáng. Chỉ khi ta bắt đầu vận dụng tâm thì ta mới trở nên lúng túng và nhầm lẫn, và những tình thức gây rối khởi phát. Cho nên, khi nói tới tâm bình thường, chúng ta đang nói về một cái tâm không toan tính, không giả vờ, và hãy mặc cho nó vốn như vậy. ■

Nguồn: *Eliminating Flaws That May Arise in Mahamudra, Essentials of Mahamudra. Khenchen Thrangu Rinpoche.*

Khenchen Thrangu Rinpoche được công nhận là vị Lạt-ma hóa thân đời thứ chín của dòng Kagyu trong Phật giáo Tây Tạng, một học giả nổi tiếng, đã thành lập nhiều tu viện quan trọng ở Anh, Hoa Kỳ và Canada, tác giả của nhiều tác phẩm Phật giáo được nhiều người đọc và hâm mộ.



Tai ôn Tết năm

NHUY NGUYỄN

Một năm tưởng cũng dài lắm, càng dài đối với những con người quanh năm vất vả nghèo khó. Nhưng họ vẫn đợi Tết như đợi một người thân phương xa trở về, dầu chỉ để xem vô số mặt hàng tràn ngập chợ quê, dầu chỉ để ngắm một cảnh đào vừa chớm bông nơi góc phố. Những con tò he như vẫn hót với chất giọng trong trẻo giữa ồn ào náo nức chợ, một dạng sóng âm thanh lọc kỹ ức nhiều bụi bặm.

Nếu Tết vĩnh viễn lạc lối nơi phố hoa giả tạo; nếu Tết nối dài thêm thời gian, những đứa con xa chắc lại nhòa nước mắt hướng về quê cũ đầu lễ tạ. Lớp người già lại tiếp tục từng đêm chờ bước chân quen trở về xóm cũ. Nhưng cũng thật xốn xang khi quê nhà một ngày màu sơn phố thị vui lấp rêu phong cổ kính. Sẽ thật buồn nếu những bụi tre ngà bị bứng và thay vào bức tường chói lóa. Và nếu Tết có về cũng thật buồn khi tôi phải đứng trên nền móng hoang vu của đình làng và những ngôi nhà thờ họ tộc...

Nhớ đình làng, nhớ những ngôi nhà thờ họ rêu phong mỗi dịp Tết về lại đông đúc vui nhộn. Lũ trẻ tha hồ được chiếu đuông, được phát bánh kẹo và còn được những người xa quê nay trở về mừng tuổi xoa đầu. Những cụ già trong bộ áo dài khăn đóng nghiêm cẩn hành lễ trước sự chứng kiến của con cháu trong họ tộc được lưu vào tâm khảm mỗi tuổi thơ trong ngần mắt biếc. Chiều được trải kín sân, các bà tằm trầu bưng ra đặt lên chiếu cùng trà và thuốc lá. Chuyện vui trong năm rôm rả, chuyện nhớ nhà từ Tết trước của những đứa con xa, chuyện tu sửa nhà thờ, chuyện tặng quà, bằng khen cho trò ngoan học giỏi là con cháu trong họ... Những mâm lễ được hạ xuống, chén rượu quê chơn chất chúc thọ ấm lòng. Trẻ con không tả hết niềm vui cứ ao ước những ngày Tết dài mãi ra.

Người ta không thể cứ ôm mãi ký ức giữa dòng đời cuộn chảy. Tôi cũng phải hòa vào cuộc mưu sinh khắc nghiệt đôi lúc tưởng không còn lối quay về. Cuộc sống bây giờ cái gì cũng đầy tay, song tôi vẫn mãi băng khuâng nhớ hương vị Tết quê thanh đạm thuở xưa. Từ hai bảy tháng Chạp trong xóm đã râm ran tiếng nói cười, tiếng chày quét chài, tiếng trẻ con túm tụm thả cửa chơi trò. Vào quãng giữa năm anh em tôi đã lo đào cộc tre phơi khô chất sau hồi để Tết nấu bánh chưng; rồi thường được giao nhiệm vụ mang lá dong ra giếng rửa từng ngọn thật sạch. Năm ngoái tôi về vẫn thấy ba tôi tự tay gói bánh, dầu nó không vuông thành sắc cạnh bằng những cặp bánh chỉ cần alô là người ta

mang đến. Ba tôi bảo đây là tấm lòng thành dâng cúng ông bà, phải chọn nếp, làm nhân và tự gói.

Nhớ mùi hương trầm thơm dịu ngọt được vấn giấy trắng có một sọc màu đỏ. Bất cứ lúc nào, hễ hương trầm phảng phất tôi lại ngỡ Tết đang rất gần. Mỗi lần tôi về, ba tôi thường nhắc tôi trước hết là rửa ráy vào thắp hương lên bàn thờ và lúc ra đi cũng vậy. Vào những ngày cận Tết, điều ba tôi cẩn trọng nhất là ở gian thờ, với những người đã mất vẫn một nụ cười mãn nguyện. Có lẽ trong thâm tâm ba mẹ tôi, các cụ vẫn sợ một ngày nụ cười ấy nhạt phai, sợ một hành động bất cẩn sẽ khiến những người đã khuất tủi phận mà lạng lẽ ra đi một lần nữa.

Những đồ vật thờ cúng trên bàn thờ sẽ được mang xuống rửa sạch, lau chùi bóng loáng. Cặp bánh chưng đầu tiên vớt khỏi nồi, ép nước vừa khô là được đặt lên bàn thờ; những món ngon nhất cũng được dâng trước lúc gia đình với những khuôn mặt quây quần thưởng thức. Tôi nhớ lắm ông bà nội ngoại nhưng cảm nhận về sự vắng mặt của họ vẫn còn khá mơ hồ. Có lẽ vì thế hồi nhỏ tôi vẫn thường lui tới lùm Mây, nơi được xem là có nhiều người trong cuộc chiến đã oan khuất nằm xuống...

Trước mặt lùm Mây là bãi hoang rộng, chiều nào cũng có trâu bò gặm cỏ. Không sợ trâu thất lạc hay phá phách, lũ trẻ thả chúng nơi đây là có thể thỏa chí chui vào trong lùm hái trái, hái lá cây ăn được, đào củ mài hoặc ngủ say sưa... Một thanh niên đầu tiên ra bãi hoang trước lùm Mây dựng ngôi nhà rộng sáu mươi mét vuông bằng gạch tự đóng, đưa vợ con ra đó sống; chỗ đất thên thang thì xin phép làng cày xới trồng đỗ lạc. Từ đấy không còn trâu bò đến, không còn những cánh diều bay lên và tiếng lịch bạch lũ trẻ đá bóng, cũng không còn các cụ già bà lão hay ngôi hóng mát vào mỗi chiều lộng gió... Ban đêm con nít tuyệt nhiên vắng; phải đợi lúc cái bóng *hai lăm óat* ngoài hiên ngôi nhà lẻ loi bật lên, người ta mới lui tới uống nước ngon.

Vào dịp cận Tết, xóm tổ chức một mâm nhỏ cúng hồn những người xấu số, mong rằng ở phía bên kia cuộc đời họ cũng được hưởng chút hương vị Tết an lành. Công việc này được quan tâm chu đáo, như cái lễ cúng đất chung của xóm. Lễ này có từ khi lập làng, diễn ra đều đặn hàng năm trước lùm Mây (chỉ gián đoạn vào những năm chiến tranh chống Mỹ quá ác liệt). Tuổi nhỏ không hiểu gì, đứng ngoài vòng cuộc lễ sao cứ thấy lằng lằng, nghẹn ngào. Ngày đó làng gồm bốn ấp, mỗi ấp được cấp cho năm sào ruộng, canh tác sinh lợi để lo chi phí lễ; riêng làng là một mẫu hai. Lễ vật do người dân làm tập trung tại nhà Hội trưởng. Ngoài ra mỗi gia đình đều có một mâm bánh (bánh tét, bánh ít,

bánh nậm...) người nghèo thì khoai, sắn. Tôi thoáng nghĩ, những người oan khuất không may mắn với cõi trần chắc sẽ mừng lắm, không phải ở chút lễ bình thường mà ở tấm lòng của bao con người trong làng và họ tộc, sẽ an ủi họ hướng về miền sáng tâm linh mà siêu thoát.

Có năm hương án, bốn cửa bốn ấp và một cửa làng đặt chính giữa. Đồ giấy có hình hài của các vị trưởng họ, binh lính. Đặc biệt nhất là vị *Tiêu diện* cao to, khuôn mặt dữ dằn, tay cầm *độc* ba ngạnh, miệng thét ra lửa. Vị này, theo quan niệm của làng, sẽ trừng trị những cô hồn quấy phá buổi lễ, quấy phá cuộc sống của người dân trong suốt cả năm, sau đó ngài sẽ chia đều lộc cúng cho tất thảy. Từ nghĩa cử này tôi dường như đã "hiểu" hơn về những người khuất mặt theo cách gọi dân gian, và từ đó ít cảm thấy sợ ma mỗi lần đến lùm Mây cũng như ngang qua đình vào ban đêm như trước nữa. Họ cũng như ông bà tổ tiên mình trên bàn thờ, chỉ là không may lạc bước nên u hoài vất vưởng.

Lễ bắt đầu vào yết lúc ba giờ chiều, chong đèn dầu kéo dài suốt đêm cho tới mười giờ sáng ngày hôm sau. Suốt thời gian đó kèn trống chiêng la vang trời, cờ ngũ hành chung quanh phấp phới. Việc hành lễ hết sức long trọng giữa nghi ngút khói hương cùng lời khấn vái từ Ban chủ lễ. Lúc lễ tất, nhà nhà bung mâm bánh trái về. Chủ lễ sẽ thu lại mỗi mâm dăm ba cái bánh, cùng với xôi thịt mang về tại đình dọn ra mời chức sắc vai vế trong làng hưởng lộc; còn dân của ấp nào về ấp nấy...

Có một năm không về quê được, trong mâm cúng tất niên vừa hạ xuống, giữa tiếng nói cười của mấy ông hàng xóm, tôi bỗng giật mình tưởng đang chung vui bên ở nhà ông Hội trưởng sau khi lễ vật bung về từ

lùm Mây. Bây giờ bãi hoang phía trước lùm không còn nhận ra ở đâu nữa, nhà san sát và không một cây cổ thụ nào tồn tại để làm chứng cho nơi này. Lệ làng mất nét, trả lại trong hương ước một tờ giấy trắng. Để rồi cứ tới những ngày cận Tết, các cụ cao niên lại ra đình làng thắp chút hương xưa nhớ vọng.

Chợt nghĩ nếu một dịp Tết trở về quê bỗng tuyệt nhiên vắng bóng các cụ già bà lão, sẽ ra sao? Không ngang vai bằng lúa, một thanh niên như tôi dĩ nhiên không "bạn bè" gì với các cụ. Tết là mùa vui, mùa của trăm hoa khoe sắc, mùa của tuổi xuân tràn sức sống, mùa của sự trở dậy... Nhưng vắng họ đình làng bỏ ngõ; những cuộc lễ trọng của làng sẽ phai mờ sinh khí. Trong mỗi ngôi nhà vắng người râu tóc bạc phơ, gian thờ dường như hỗn thiêng hoang lạnh. Những cái khoanh tay kính cẩn trước ông bà sẽ gieo vào tâm thức lũ trẻ mãi mãi cho đến khi chúng tung tăng ở cuối chân trời góc bể, hình ảnh đó vẫn là tiếng gọi quay về nguồn cội.

Nhà tôi có một cây đào trước hiên; mỗi ngày mỏng trôi qua, hoa rụng càng nhiều. Tôi cứ sáng sớm thức dậy lại nhìn hoa phủ kín mặt đất mà ngỡ ngẩn như vừa rơi một vật quý xuống giếng. Dạo khắp đầu thôn cuối xóm, tôi không muốn nán lại bất cứ nhà ai; kể cả những trò chơi Tết vui nhộn ao ước từ lâu nay vẫn ngại ngần tham gia, tiếc thời gian hơn những đồng bạc mừng tuổi còn thơm mùi giấy. Sân đình làng nhộn nhịp tới khuya với nhiều trò chơi dân gian... Về nằm xuống lại sợ sáng tỉnh giấc trên mặt đất sẽ không còn xác đào đỏ au; vẫn biết những tờ lịch hiếm hoi đã biến mất và mẹ đã thay tôi dọn đi sắc màu ám ảnh suốt những tháng ngày mong đợi ngỡ như Tết sẽ không về nữa bao giờ. ■





Góp phần tìm hiểu Ý nghĩa biểu tượng Vạn

THÍCH MINH THẬT

Tượng Phật là đối tượng sùng kính lễ bái của giáo đồ Phật giáo, nên việc tạo ra những hình tượng Phật góp phần không nhỏ cho sự nghiệp hoằng dương giáo lý Phật giáo; đó chính là tài năng sáng tạo nghệ thuật và thành quả lao động của những nhà nghệ thuật dân gian kiệt xuất. Tuy nhiên, để có được diện mạo và hình thể của Đức Phật trên điện thờ, các tín đồ Phật giáo đã trải qua quá trình lâu dài hàng thế kỷ đấu tranh về mặt tư tưởng.

Chính sự phát triển tư tưởng của Phật giáo Bắc tông đã ảnh hưởng to lớn đến việc ra đời hình tượng Phật. Với quan niệm chỉ có hình tượng Phật mới biểu hiện được đầy đủ về giáo pháp và cuộc đời của Ngài, giáo đồ Phật giáo Bắc tông bắt đầu chế tác tượng Phật, đáp ứng nhu cầu thờ phụng Đức Phật như một biểu tượng thần linh; nhu cầu này bắt gặp những làn sóng tác động từ nghệ thuật điêu khắc của Hy Lạp – La Mã qua những người Kushan cải đạo thành tín đồ Phật giáo Bắc tông. Tượng Đức Phật như hình nhân đã lần đầu tiên xuất hiện ở Ấn Độ, muộn nhất vào những năm đầu của thiên niên kỷ thứ nhất Tây lịch.

Trước đó, dưới ảnh hưởng của quan niệm “Phật tướng bất khả hiển hiện”, nhưng cũng muốn tỏ lòng tôn kính và tưởng nhớ ân đức bậc Thầy cao cả đã khai sáng con đường giải thoát cho tất cả nhân sinh, các tín đồ Phật giáo tiền kỳ đã tạo nên những biểu tượng dựa trên những kỷ vật liên quan mật thiết với Đức Phật lúc còn tại thế để phụng thờ. Mỗi biểu tượng đều chất chứa một ý nghĩa thiêng liêng về Đức Phật, như dấu chân để biểu hiện sự tồn tại của Phật; biểu tượng Vạn biểu hiện thủy tượng tốt lành, trang nghiêm của Phật; cây Bồ-đề là chứng nhân cho sự khổ hạnh tu hành và thành đạo của Đức Phật... Qua thời gian, tất cả những biểu tượng này đã trở thành đối tượng linh thiêng trong tâm thức của mọi tín đồ Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo Đại thừa.

Trong bài viết này, chúng tôi xin được phép chỉ đề cập đến biểu tượng chữ Vạn, một biểu tượng có nhiều sự tranh cãi và nhầm lẫn cả về cách gọi cũng như về hình dạng. Tới nay đã có một số bài viết khá công phu về chữ Vạn cả về nguồn gốc và ý nghĩa, về hướng xoay cũng như sự khác biệt giữa chữ Vạn của Phật giáo với chữ Vạn trên

quốc kỳ của Đức Quốc xã. Nhưng, chúng tôi cảm thấy hình như vẫn chưa giải thích tường tận hiện tượng ở Việt Nam dùng chữ Vạn khác với nhiều nước theo Phật giáo Đại thừa khác và cho rằng ở Việt Nam dùng sai. Thực tế, có phải Việt Nam dùng sai không? Bài viết này xin góp phần giải tỏa thắc mắc trên với mong muốn đáp ứng phần nào nhu cầu hiểu biết của giáo đồ Phật giáo Việt Nam cũng như quý độc giả quan tâm tìm hiểu.

1. Nguồn gốc chữ Vạn 卐

Hình chữ Vạn vốn là biểu tượng biểu thị tính chất tốt lành của dân tộc Ấn Độ cổ đại nói riêng và của cả chủng người Aryan nói chung. Vì vậy, không chỉ riêng người Ấn Độ mà cả các dân tộc Ba Tư, Hy Lạp cũng xem nó là biểu tượng của mình. Đó là một hình vẽ có từ thời xa xưa, thời tồn tại tín ngưỡng bái vật giáo. Trong tư tưởng của người phương Đông, chữ Vạn tượng trưng cho mặt trời và tia lửa, biểu ý tập trung rục rờ sự kiết tường. Chính bởi ý nghĩa phổ biến của chữ Vạn là biểu tượng của sự kiết tường, thanh tịnh và viên mãn, nên nhiều tôn giáo cổ đại của Ấn Độ như là Bà-la-môn giáo, Kỳ-na giáo... cũng đều sử dụng biểu tượng này. Có nghĩa là trước khi Phật giáo ra đời thì đã có sự hiện hữu của biểu tượng này.

Những tín đồ Bà-la-môn giáo xem biểu tượng chữ Vạn là chòm lông xoáy ở trước ngực của thần Vishnu và Krishna; là một trong những tướng tốt của các vị thần. Theo công trình nghiên cứu của Tiến sĩ Quang Đào Đốc ở Trường Đại học Quốc Sĩ Quán Nhật Bản thì chữ Vạn được người Bà-la-môn ghi chép từ thế kỷ thứ VIII trước Tây lịch, cho là thụy tướng lông xoắn trước ngực thần Vishnu. Đến thế kỷ thứ III trước Tây lịch thì kinh Phật mới nhắc đến. Như ta đã biết, dân tộc Ấn Độ có truyền thống văn hóa thờ cúng con bò, vì thế mà họ cho rằng biểu tượng Vạn cũng là tướng lông xoắn ốc trên đầu bò. Và, biểu tượng này cũng được xem là một trong sáu tướng đại nhân về sau mới trở thành một trong ba mươi hai tướng đại nhân¹.

Một nhà sưu tầm cổ vật là James Churchward cho rằng, chữ Vạn không là chỉ biểu tượng của riêng Phật giáo hay Ấn giáo mà là biểu tượng chung của toàn thể nhân loại trên khắp thế giới. Nó là những ký hiệu tượng hình được ghi trên các linh bài bằng đất thô có độ tuổi hàng vạn năm, tìm được ở Ấn Độ, được cất giấu trong các ngôi đền xưa. Ông cho rằng chữ Vạn chỉ là biến thể của chữ thập (+) tượng trưng cho "Tứ đại Nguyên động lực" (nước, gió, lửa, sấm sét). Chữ thập và chữ Vạn cũng như thạch trụ là những biểu tượng có tính chất tôn giáo, được tôn thờ từ lục địa Mu (Continent of Mu), được truyền sang bờ Tây Thái Bình Dương, Népal, Ấn Độ, sang Ba Tư, tới Lưỡng Hà, Ai Cập, Hy Lạp... Người ở lục địa Mu thờ Mặt trời nên tất cả các dân tộc nào trên thế giới thờ Mặt trời ít nhiều chịu ảnh hưởng của tôn giáo nguyên thủy của lục địa này. Về hướng xoay của chữ Vạn xảy ra từ lúc nào, ông cũng không hiểu rõ, chỉ biết trên hoa văn một lọ chum đựng hải cốt tìm được ở Ý có niên đại vào thời đồ đồng đã thấy cả hai chữ Vạn ngược chiều nhau².

Nói chung, các luận thuyết về chữ Vạn đều chưa thống nhất với nhau về nguồn gốc của nó, là của dân tộc nào hay của tôn giáo nào. Do vậy, nguồn gốc đích thực của chữ Vạn vẫn còn là câu hỏi đặt ra cho những nhà nghiên cứu khoa học nào quan tâm.

2. Ý nghĩa của biểu tượng Vạn 卐

Chữ Vạn nguyên tiếng Phạn là Swastika được phiên âm là "Thất-lợi-bạt-tha" và được dịch nghĩa là "cát tường hải vân" (vàng mây lành trên biển) hay "cát tường hỷ triển" (vòng xoay tốt lành). Theo quan niệm của người Ấn Độ, phàm những ai có chân mạng trở thành những bậc Chuyển luân Thánh vương, Phạm thiên vương và các bậc Hiền nhân có thể xoay chuyển càn khôn mang lại hạnh phúc cho thiên hạ đều có 32 tướng tốt ngay khi còn tấm bé, không phải đợi đến khi làm được đế vương mới có 32 tướng hảo. Có lẽ xuất phát từ quan niệm này mà người Ấn Độ có tục xem tướng cho trẻ vào những ngày đầu đời, để đoán định vận mệnh tương lai cho bé.

Đức Phật là Thánh vương trong các Pháp, đương nhiên cũng có 32 tướng tốt. Kinh *Trường A-hàm*, quyển thứ nhất, viết rằng chữ Vạn là tướng đại nhân, nằm trước ngực của Đức Phật. Còn trong *Tát Giá Ni Kiên Từ Sở Thuyết Kinh*, quyển 6, nói đó là tướng tốt thứ tám mươi của Phật Thích-ca. Kinh *Thập Địa Luận*, quyển 12, nói Bồ-tát Thích-ca lúc chưa thành Phật, trước ngực đã có tướng chữ Vạn công đức trang nghiêm kim cương. *Phương Quảng Đại Trang Nghiêm kinh*, quyển 3, nói rằng tóc của Đức Phật cũng có năm tướng chữ Vạn. Theo *Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tạng S*, quyển 29, thì ở giữa hông của Phật cũng có tướng chữ Vạn. Còn *Kinh Đại Bát Nhã*, quyển 381, có nói tay, chân và trước ngực của Đức Phật đều có tướng kiết tường hỷ toàn biểu thị công đức của Phật³. Ngoài ra, trong bản *Kinh Hoa Nghiêm* tân dịch có nhiều chỗ nói về tướng chữ Vạn; kinh viết: "Ngực của Đức Như Lai có tướng bậc đại nhân, hình dáng như chữ Vạn, gọi là "cát tường hải vân" (đám mây lành trên biển). Như vậy, tất cả các kinh trên đều nói rằng chữ Vạn không phải là văn tự mà là biểu tượng chỉ sự kiết tường, biểu trưng cho công đức vô lượng, lòng từ bi vô hạn và trí tuệ vô biên của Đức Phật.

Từ điển Danh từ Phật học Trung Quốc (A Dictionary of Chinese Buddhist terms, William Edward Soothill, Lander, 1937, trang 203, 412) cũng nói: Chữ *srivatsa* chỉ cho chòm lông xoắn ốc trên ngực của thần Visnu hay biểu hiện của thần Visnu, có nghĩa là *hải vân*, được biểu trưng bằng chữ Vạn. Đồng thời nó là biểu tượng tốt lành trên dấu chân của Phật và cũng là biểu hiện của bậc Đại nhân đời xưa⁴.

Qua những dẫn chứng trên, chúng ta thấy rằng ký hiệu 卐 vốn là một loại biểu tượng để chỉ tướng tốt và vẻ đẹp của Đức Phật và những vị Thần của đạo Bà-la-môn cũng như những bậc Đại nhân. Đó là ký hiệu của sự cát tường, chứ không phải là chữ viết, nhưng vì xưa nay chúng ta thường đọc là chữ Vạn nên lâu ngày đã trở thành thói quen. Phải chăng cách gọi đó trở nên phổ biến

là bắt nguồn từ khi các vị danh tăng như Ngài Cưu-ma-la-thập thời Diêu Tần và Ngài Tam Tạng Huyền Trang đời Đường đều gọi là chữ Đức. Đến thời Bắc Ngụy, Ngài Bồ-đề-lưu-chi cũng gọi là chữ Vạn hàm nghĩa là “Công đức viên mãn”. Có tính pháp lý nhất cho thói quen này là vào năm Trường Thọ thứ hai dưới triều Võ Hậu Tắc Thiên (693 Tây lịch) đã ra chiếu chỉ khâm định dấu 卐 đọc là chữ Vạn biểu ý cho sự tập hợp của “vạn đức kiết tường”. Có lẽ từ đó nó đã trở thành truyền thống trong cách gọi của quảng đại quần chúng ở những nước có tiếp thu văn hóa Trung Hoa, trong đó có Việt Nam. Không biết bà Võ Hậu căn cứ vào đâu mà khâm định biểu tượng 卐 từ tượng của sự kiết tường trở thành một loại văn tự - chữ Vạn nhưng vẫn với biểu ý là sự kiết tường. Biết rằng về mặt từ nguyên học thì chữ Vạn Trung Quốc là con bò cạp; là 10 ngàn hay với nghĩa bóng là rất nhiều, vô hạn như vạn tuế, vạn sự, vạn đại không liên quan gì đến hình 卐.

3. Chiều xoay của biểu tượng Vạn

Trên thực tế, chúng ta có thể bắt gặp cả hai dạng chiều xoay của biểu tượng Vạn. Căn cứ vào cái bóng của chiều chuyển động chữ thập (+) và của nan hoa bánh xe mà nhiều nhà nghiên cứu thống nhất rằng hình 卐 này là xoay về bên phải, thuận chiều kim đồng hồ; còn hình 卐 này thì xoay về bên trái, nghịch chiều kim đồng hồ.

Vấn đề được nhiều người quan tâm và thường xảy ra tranh luận là chiều xoay của tượng Vạn của Phật giáo, xoay về bên phải 卐 đúng hay xoay về bên trái mới đúng 卐. Vấn đề này thật sự được nói đến, có lẽ, vào thập niên 40 thế kỷ XX, khi mà Đức Quốc xã ở châu Âu cũng dùng tượng Vạn làm biểu tượng cho chủ nghĩa quân phiệt của mình. Người Ấn Độ thời cổ đại từng phân biệt rõ ràng chữ Vạn xoay phải và xoay trái khác nhau, như xoay về bên trái 卐 để biểu thị các vị nam thần và xoay về bên phải 卐 để biểu thị các vị nữ thần. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là bậc đại trượng phu, theo chúng tôi thì chắc chắn rằng người Ấn Độ phải sử dụng tượng Vạn xoay về bên trái, nghịch chiều kim đồng hồ để biểu thị thụy tượng cho Đức Phật. Vì vậy, tượng Vạn của Phật giáo phải là như vậy 卐 mới đúng.

Ở Trung Hoa, biểu tượng Vạn được sử dụng không nhiều và có khuynh hướng thiên về chiều nghịch kim đồng hồ. Trong cuốn sưu tập tranh *Tượng Phật Trung Quốc* do Lý Lược Tam và Huỳnh Ngọc Trảng biên soạn⁵, tìm được chín tượng Phật có hình chữ Vạn, trong đó có sáu chữ Vạn 卐 và ba chữ Vạn 卐. Ở Việt Nam, chúng tôi khẳng định Phật giáo Việt Nam sử dụng biểu tượng Vạn 卐 này mới đích thực phù hợp với quy luật tự nhiên. Bởi vì, chuyển động ngược chiều kim đồng hồ là chiều vận động của tự nhiên, đó là chiều chuyển động đi từ tâm ra mà ta có thể dễ dàng bắt gặp từ vật nhỏ như dạng xoáy hoa tay, xoáy tóc trên đầu, đường xoáy trên vỏ ốc... cho đến lớn như chiều xoáy của bão, chiều tự chuyển động của trái đất. Trong các nghi thức tế thần của các

dân tộc ở Đông Nam Á cũng như chiều chuyển động của muôn loài trên mặt trống đồng Đông Sơn đều theo chiều ngược kim đồng hồ. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm ở trên, cho rằng, thụy tượng Vạn vốn là tượng của xoáy tóc trên đầu, xoáy lông ở ngực của Phật cũng như của các vị thần Bà-la-môn. Lịch sử đã chứng minh Đức Phật (tên của Ngài là Gautama Siddattha) là một con người có thật, là con của quốc vương Tịnh Phạn (Suddhodana) và vương phi Maya, thuộc dòng họ Thích-ca (Sakya) ở nước Kapilavastu. Do đó, về mặt sinh học, các tướng xoáy tóc trên đầu, xoáy lông ở ngực của Phật thì cũng phải giống như mọi con người bình thường có dòng máu màu đỏ. Nghĩa là các tướng xoáy tóc trên đầu, xoáy lông ở ngực của Phật đều có chiều xoáy về bên trái, nghịch chiều kim đồng hồ.

Ở Việt Nam tượng Vạn 卐 rất phổ biến không chỉ trên ngực tượng Phật mà còn được dùng để trang trí trên các mặt tiền ngôi chùa. Trong cuốn *Việt Nam danh lam cổ tự* của Võ Văn Tường có tới 21 hình chữ Vạn. Trong đó, tượng Vạn ngược chiều kim đồng hồ chiếm số lượng áp đảo 19/21, duy chỉ có 2 tượng Vạn thuận chiều kim đồng hồ. Vì thế, nếu chấp nhận những thông tin trên thì tượng Vạn có hướng xoay về bên trái, ngược chiều kim đồng hồ mà Phật giáo Việt Nam sử dụng là có cơ sở tự nhiên, là hợp lý. Xin đừng vì hình tượng Trung Hoa mà tự ti về mình, vì hiện nay có rất nhiều tượng Phật được tạc ở, hoặc có nguồn gốc từ, Trung Quốc và Đài Loan rồi nhập vào Việt Nam; hoặc có nguồn gốc từ hai quốc gia này, với biểu tượng Vạn trên ngực có hướng xoay bên phải, thuận chiều kim đồng hồ.

4. Ký hiệu trên đảng kỳ của Đức Quốc xã

Đảng Quốc xã Đức, dưới sự lãnh đạo của Hitler, tham vọng thống lĩnh thế giới, tự tôn dân tộc mình lên hàng thượng đẳng, cho rằng mình là hậu duệ chính thống của chủng tộc Aryan, một chủng tộc được xem là ưu tú nhất của thời cổ đại. Theo *Bách khoa toàn thư* năm 1976 của Mỹ thì vào khoảng 1500 năm trước Tây lịch, người Aryan đã xâm chiếm vùng Tây bắc Ấn Độ rồi định cư tại đó và dần dần trở thành dân tộc chủ thể của Ấn Độ. Một nhánh khác của chủng tộc này đã di cư sang xâm chiếm Châu Âu và truyền bá ngôn ngữ của họ ở đây. Ở những nơi nào có dấu chân của chủng người Aryan thì đều có sự hiện diện của phù hiệu chữ Vạn. Vì vậy, không có gì phải ngạc nhiên khi Đảng Quốc xã Đức dùng chữ Vạn làm phù hiệu trên đảng kỳ của mình⁶.

Người phương Tây gọi đảng kỳ của Đức Quốc xã là chữ “thập ngoặc” (croix-briscoe). Đảng Quốc xã Đức dùng hai chữ “S” tức là hai chữ đầu của hai từ “State” (quốc gia) và “Social” (xã hội) đặt chéo nhau ở góc độ nghiêng 卐 làm ký hiệu trên đảng kỳ và chỉ xuất hiện từ thập niên 30, 40 của thế kỷ XX⁷.

Một thuyết khác cũng cho rằng ký hiệu trên đảng kỳ của Đức Quốc xã Hitler có nguồn gốc từ mẫu tự La-tinh,

nhưng không phải ngôn ngữ Anh mà là ngôn ngữ Đức, đó là "Schutzstaffel" đọc tắt là SS (chỉ quân đội của Đức Quốc xã) mà Hitler lúc đó rất coi trọng quân đội này. Một lần viết thư tay, viết tắt chữ này ngẫu nhiên Hitler đã viết lại 2 chữ "S" giao nhau, thế là thành hình 卐. Bản thân Hitler cũng cảm thấy phù hiệu này có một ý nghĩa thần bí mà không nói ra được nên khi Hitler lên nắm quyền đã lấy nó làm đảng kỳ cho Đức Quốc xã⁸. Như vậy qua những thuyết trên, có thể khẳng định rằng phù hiệu mà Đức Quốc xã sử dụng là hình giống tượng Vạn 卐 ngược chiều kim đồng hồ nhưng nó đặt trong hình thoi, có dạng nghiêng. Trong khi đó, tượng Vạn của Phật giáo nằm cân đối trong khung hình vuông 卐. Vì cả hai đều có hướng xoay về bên trái, ngược chiều kim đồng hồ nên để phân biệt giữa hai biểu tượng này người ta gọi biểu tượng của Phật giáo là tượng Vạn hay chữ Vạn, còn ký hiệu của Đức Quốc xã là dấu "thập ngoặc". Ngoài ra, cũng có thể phân biệt chúng qua màu sắc. Dấu "thập ngoặc" là màu đen trên nền trắng. Còn theo văn hóa của Ấn Độ thì tượng Vạn của Đấng Giác Ngộ mà các nhà tạc tượng Phật giáo áp dụng trang sức trước ngực kim thân Đức Phật, thông thường họ dùng màu vàng kim cho biểu tượng này. Màu vàng là màu tôn quý, biểu trưng cho sự đoan trang mang đến vinh hoa, kiết tường. Trong Ngũ hành thì màu vàng là màu biểu trưng cho hành thổ, màu của trung ương, là màu của đế vương. Hơn nữa, khi nhìn vào tượng Vạn làm cho người ta dễ sanh tâm hoan hỷ và tôn quý, còn khi nhìn đến dấu "thập ngoặc" lại khiến cho người ta nhớ lại một quá khứ rùng rợn.

5. Biểu tượng Vạn 卐 trong tâm thức của tín đồ Phật giáo Việt Nam

Cùng với giáo lý, các biểu tượng của Phật giáo đã được các nhà truyền giáo mang đến nhiều quốc độ khắp Đông Tây. Đối với biểu tượng Vạn, tín đồ ở nhiều nước cũng đều hết sức tôn trọng, xem như vật thiêng của tôn giáo mình. Phật giáo đồ Việt Nam chúng ta cũng rất mực sùng kính, nếu trong điều kiện không có tượng Phật, tín đồ có thể dùng biểu tượng Vạn để thờ với lòng kính ngưỡng của mình. Tuy nhiên, họ không đẩy sự sùng tín đó đi quá xa đến mức thần thánh hóa biểu tượng. Vì thế, biểu tượng còn là vật dùng để trang trí ở các bộ phận kiến trúc của chùa, tháp Phật.

Biểu tượng Vạn, ngoài là vật dùng để trang trí phổ biến ở chùa tháp Phật giáo, nó còn được dùng rất nhiều trong nghệ thuật trang trí của người Việt Nam, trên các bức chạm trổ và điêu khắc bằng gỗ hay kim loại, trang trí bàn ghế, tủ và các đồ dùng nội thất: tủ bình, diềm cửa, tủ thờ, viền các câu đối, v.v. Hơn nữa, những người phụ nữ của dân tộc Mán hiện đang sống trên các đỉnh núi Ba Vì ở hai bên bờ sông Đáy, thường sống tập trung thành các cụm dân cư rải rác trên khắp vùng thượng du miền Bắc. Họ thường mặc những bộ quần áo bằng vải thô màu xanh dương có mang hàng dải dài những chữ Vạn

thêu màu đỏ hay trắng⁹. Đây mới là điều kỳ lạ mà chúng ta không khỏi thắc mắc, liệu những phụ nữ người Mán dùng ký hiệu Vạn làm hoa văn cho trang phục của mình có liên quan gì đến tín ngưỡng, tôn giáo không? Trong công nghệ bao bì thực phẩm hiện nay, chúng ta cũng dễ dàng bắt gặp biểu tượng Vạn này. Ngoài niềm tin là "bùa" may mắn của sản phẩm, người ta đã thấy được sự tinh tế ở ký hiệu này. Vì thế mà họ đã sử dụng nó để in trên bao bì thực phẩm, làm cho bao bì đẹp hơn, bắt mắt hơn và tạo nên tính đặc thù cho sản phẩm của mình.

Tóm lại, thứ nhất, biểu tượng Vạn vốn là biểu tượng văn hóa, không phải là văn tự, cổ từ thời xa xưa của chủng người Aryan nói chung và người Ấn Độ nói riêng. Với tính chất tốt lành, cao quý nên biểu tượng Vạn được nhiều tôn giáo cổ Ấn Độ dùng làm thụ tượng cho các vị thần của mình. Đến khi Phật giáo ra đời, Phật giáo đã tiếp thu nét tinh hoa truyền thống văn hóa của dân tộc Ấn Độ, trong đó có biểu tượng Vạn, đồng thời Phật giáo là tôn giáo hòa bình và đạo đức đã hợp duyên với biểu tượng Vạn với tính chất tốt lành và cao quý nên người đời đã dành riêng biểu tượng Vạn cho Phật giáo. Vì vậy, hiện nay hễ nói đến biểu tượng Vạn là người ta nghĩ ngay đến Phật giáo. Thứ hai, biểu tượng Vạn vốn là những hình xoáy của tóc, lông; là tượng tốt tự nhiên trên sắc thân của các vị thần linh của Bà-la-môn giáo cũng như Đức Phật, vì thế xin đừng thần thánh hóa hay đặt để tượng Vạn vào các học thuyết Âm dương, Ngũ hành để dẫn đến những suy luận lệch lạc như tượng Vạn quay theo chiều kim đồng hồ thì cùng chiều tượng sinh của Ngũ Hành, mới đem lại sự an lạc, công đức viên mãn, cát tường; còn nếu quay ngược với chiều tượng sinh của Ngũ Hành thì nó tiêu hủy hết công đức; những suy luận đó chỉ đem lại phiền não, rất nguy hại. Thứ ba, biểu tượng Vạn tuy có chiều xoay về bên trái, nghịch chiều kim đồng hồ giống với dấu "thập ngoặc" trên đảng kỳ Đức Quốc xã của Hitler giống với của Phật giáo nói chung và của Phật giáo Việt Nam nói riêng, nhưng hoàn toàn không giống nhau về hình dáng cũng như màu sắc. ■

Chú thích:

1. Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm: *Phật học quân nghi*. Nxb Tôn Giáo, tr.327.
2. Trương Minh Hiền: *Chữ Vạn*, Tạp chí *Xưa & Nay*, số 132 + 133, năm 2003, tr.31.
3. Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm: đã dẫn, tr.323.
4. Thích Phước Sơn: *Ý nghĩa biểu trưng của chữ Vạn*, Giác Ngộ số 163, 5/1999. tr.52 - 53.
5. Lý Lược Tam và Huỳnh Ngọc Trảng: *Tượng Phật Trung Quốc*, Nxb Mỹ Thuật, 1996.
6. Thích Phước Sơn: đã dẫn, tr.63.
7. Pháp Như Lý Lược Tam: *Về chữ Vạn trước ngực tượng Phật*, nguyệt san *Giác Ngộ* số 15, 1997.
8. *Hỏi và đáp nghi lễ phong tục dân gian*, Nxb Văn Hóa Thông Tin, 1996, Đoàn Ngọc Minh dịch, tr.130 - 131.
9. Trương Minh Hiền: đã dẫn, tr.30.



Nguồn: baogialai.com.vn

Vui buòn... hoa kiểng ngày Tết

VÕ VĂN LÂN

Vào dịp đầu xuân, nghĩ rằng cảnh hoa hay cội mai đón Tết có thể báo hiệu vận hạn tốt xấu trong cả năm là niềm tin của rất nhiều người. Có lẽ vì vậy mà trước Tết, nhà nhà đều bỏ công tốn tiền chọn mua cho được những chậu kiểng tươi tốt rực rỡ hầu đem lại may mắn cho gia đình. Từ phòng khách đến hiên nhà, sân vườn đều có chậu hoa chậu kiểng... nhất là bàn thờ không thể thiếu bình hoa. Chơi hoa, ngắm hoa, thưởng hoa... mấy ai hiểu hoa, mấy ai biết “chơi hoa chớ để hoa tàn” mà thấu nỗi lo lắng vất vả cực nhọc của người trồng hoa, tạo kiểng.

Ngoài các loại hoa truyền thống đào, mai, quất... là loài hoa chủ lực của ngày Tết; những năm lại đây, các giống thanh mai, mai tứ quý, mai chiếu thủy, cận thân, bồ-đề, sung, lộc vùng... được nhiều người ưa chuộng và giới trồng hoa kiểng đầu tư trồng nhiều. Những loài vạn thọ, mồng gà, hoa phụng... tưởng đã đi vào

quên lãng trước vẻ tươi thắm rực rỡ của cúc, thược dược, bát tiên, hướng dương... do giá thành phù hợp túi tiền người tiêu dùng, lại được trồng đại trà ở nhiều địa phương, được bày bán tại các trung tâm hoa thành phố, thị xã; kể cả được chở đi khắp nơi từ nông thôn hẻo lánh đến vùng sâu vùng xa đáp ứng nhu cầu mọi người mọi giới. Gần đây hơn, giới trồng hoa nhạy bén nắm bắt thị hiếu của người sành thưởng hoa cao cấp đã nhập và nuôi trồng các giống hoa ngoại như ly, phong lan... tiêu thụ trong nước còn xuất khẩu nước ngoài đem lại lợi nhuận đáng kể... Nghề trồng hoa kiểng mấy chục năm lại đây “ăn nên làm ra”. Tưởng bởi, nhiều người nhảy vào kinh doanh! Thật ra không hề đơn giản. Để có được chậu kiểng cảnh lá tươi xanh, hoa rực rỡ, hương thơm, cây phân thể với cành nhánh rễ lá đều từ gốc đến ngọn... người trồng hoa kiểng đã bao trải trở lo lắng và dám đánh đổi với vận may rủi trước thời tiết thay đổi thất thường hằng năm.

Nghề trồng hoa kiếng không phải sở trường ở vùng nông thôn mà là thế mạnh của người làm vườn vùng ngoại ô thành phố. Những bãi cát bạt ngàn vùng đệm giữa bãi biển và nội thị, những khu đất trống vùng ven đô trước đây được khai thác trồng rau mầu cải thiện... giờ đây là những vựa hoa, cây cảnh. Mùa hè nắng ráo, hằng trăm hằng ngàn chậu xi-măng đúc sẵn chứa đất tơi xốp trộn phân chuồng ủ hoai được sắp thẳng băng chuẩn bị đón mầm cây mới được tách từ cây giống ươm sẵn. Cây giống là những loài chịu được thổ nhưỡng và khí hậu phù hợp với từng vùng miền, thời gian cho hoa tương đối ngắn, dễ trồng, dễ chăm bón, cho hoa nhiều, có màu sắc rực rỡ được giới tiêu dùng ưa chuộng. Tuy thế, nghề chơi cũng lắm công phu. Để có được những tác phẩm đạt yêu cầu từ thân, gốc, rễ, cành, lá, bông, hoa trái... được người tiêu thụ đón nhận, người trồng hoa kiếng phải am tường mọi chi tiết của việc chăm bón. Họ còn phải thức khuya dậy sớm tưới nước bón phân bắt sâu tỉa lá; gặp thời tiết bất thường lại phải che mưa nắng chắn gió; đúng lúc thì phải kích hay hãm độ phát triển của cây của hoa; chẳng việc gì là ít gian nan. Về phần người thưởng ngoạn, họ cũng phải hiểu biết ít nhiều về nghệ thuật cắm hoa, chưng hoa, phối trí hài hòa hoa lá cây trái. Vì vậy nếu không phải dân chuyên nghiệp thì dù có yêu hoa, thích cây đến mấy, nhiều người cũng chỉ chờ đến ngày lễ hay giáp Tết ra chợ hoa chọn mua vài bông hoa hay chậu cây đem về chưng, dứt lễ hết Tết thì đành cho vào thùng rác.

Khi nắng vàng nhạt cùng với những cơn gió se lạnh giữa đông trở về, báo hiệu mùa bão lũ chấm dứt, những trận cuồng phong không còn đe dọa phá đổ nhà cửa cây cối thì nhà nông chuẩn bị vào vụ rau trái phục vụ năm mới và người làm vườn cũng bắt tay vào mùa hoa Tết. Những loài cúc, thược dược đã chuẩn bị cây giống từ trước được cho vào chậu; những loài hoa này thời gian chăm bón từ 45 đến 90 ngày tùy giống. Thược dược màu vàng, hồng phấn từ khi đặt ngọn giống đến lúc phát hoa chỉ mất 45 ngày; cúc đại đóa, cúc móng rồng thược dược Bordeaux cần tới 60 ngày. Hoa hồng từ 45 đến 50 ngày; hướng dương lâu hơn từ gieo hạt đến kết hoa đòi hỏi 90 ngày; những giống này có thể cho hoa nhiều lần và giữ được đến năm sau.

Đầu tháng Chạp, để cây phát triển mạnh cho nhiều hoa trái, người trồng hoa kiếng tất bật lo bón phân thúc. Những chậu quất, cúc, thược dược, hoa hồng... được cắm choái phân nhánh nâng trái để lá hoa trái phân bố đều từ gốc đến ngọn sao cho nhiều trái xanh lác đác chen ít trái hươm vàng nhạt, nổi bật một số trái vàng rực trên nền lá xanh đều quanh chậu cây. Ngoài phân hữu cơ bón lót từ khi đặt cây vào chậu, người trồng hoa còn sử dụng loại phân đặc biệt có tính năng kích cây chóng ra hoa kết trái, hoa trái to nở đều bền và màu sắc chuẩn. Phân bón tuy được chuẩn bị kỹ nhưng cũng chẳng thể tránh tỏa mùi, lan xa có cả nửa cây số,

mà mùi phân bón thì thật là "khó tả"! Gần đây, nhiều vườn trồng cây cảnh chen giữa khu dân cư, người làm vườn phải dậy thật sớm tưới phân và độc quyền hương trọn mùi phân độc đáo để tránh làm phiền hàng xóm. Vào những năm nắng nhiều mưa ít, hoa trái trở sớm, ngoài việc phải che nắng và tích cực tưới nước để hãm đà phát triển, người làm vườn còn xịt thuốc giữ cho hoa trái được bền, không sớm tàn rụng; ngược lại, khi nắng ít mưa nhiều, cây chậm phát triển, hoa trái còn ngậm chưa chịu trở thì phải kích cho kịp thời vụ. Nhiều năm bão lụt lớn, nước ngập thối cây, hoa trái đổ rạp... người làm vườn chỉ còn ngao ngán trước bao công sức, tiền của đổ sông đổ biển; nếu chưa quá muộn, họ cố gắng làm lại từ đầu để khỏi đến nỗi trắng tay.

Từ rằm đến hai mươi tháng Chạp là lúc hoa đã búp hàm tiếu và quất lác đác vàng xanh. Nếu thời tiết bất thường, hoa ngậm nụ chưa bung, trái xanh ít hươm, người làm vườn phải hãm nước, gia phân một cách vừa phải, tăng ánh sáng để kích hoạt cây phát tiết. Thời điểm này ban đêm vào vườn hoa người ta tưởng như lạc vào khu phố hoa ánh sáng. Khoảng hai mươi tháng Chạp, ở những vườn cây, vựa hoa bắt đầu diễn ra cảnh người mua kẻ bán; những chậu mai chậu quất, cây thế... được tập nập chuyển lên xe... khởi động không khí rộn rịp đón Tết. Máy con đường khu vực trung tâm hoa thành phố được kẻ dấu phân lô. Người làm vườn, kẻ mua bán hoa đăng ký bốc thăm nhận lô để trưng bày hàng... Rồi từ mọi ngõ đường ngoại ô từng đoàn xe kéo, xe tải chở đầy quất, hoa, cây cảnh... đổ về khu vực trung tâm hoa hoặc tỏa đi khắp nơi. Thành phố được choàng chiếc áo mới rực sắc hoa. Mọi người đổ ra đường. Người xe chen chúc nghẽn cả lối đi, ai nấy trên tay ít ra cũng một vài bông hoa, lẵng hoa; còn chậu hoa, cây cảnh đã có xe thổ, xe bò, xe ba gác chở đến tận nhà... Người ta trở nên hào phóng dễ dãi, có người cả năm không dám ăn tiêu thì xuân về Tết đến không ngần ngại mở hầu bao mua sắm, tất nhiên không thiếu hoa. Và không lúc nào đồng tiền được luân lưu từ túi người này sang túi người khác nhanh như lúc bấy giờ. Người trồng hoa, kẻ buôn bán, người xe thổ chở hoa... tuy nhọc mệt nhưng niềm hoan hỷ lộ trên vẻ mặt vì đem được cái đẹp đến mọi người, mọi nhà. Người lao động chờ thuê gánh mướn kẻ buôn bán tranh thủ những ngày cuối năm tất bật kiếm tiền ăn Tết. Họ chờ đến tối 30 một mắc một rế mua cho được cặp cúc, thược dược... Hoa chơi Tết có thể nào thiếu. Điều an ủi họ là mấy năm lại đây hoa rẻ như bèo. Một cặp cúc đại đóa, thược dược đủ màu dao động từ trăm hai, trăm rưỡi, hai trăm ngàn một cặp vào những ngày từ 25 đến 29 thì vào tối 30 chỉ còn hai, ba chục ngàn. Người mua hỉ hã có được cặp hoa chơi Tết; người trồng hoa, kẻ bán hoa trái lại mặt mày ù xiu!

Những ngày nắng ấm cuối năm... niềm vui bùng lên trên nét mặt người trồng hoa kiếng... Có dấu hiệu

một vụ mùa bội thu, cây trái xanh tốt bông hoa tươi thắm để bảo quản, chuyên chở thuận tiện... hứa hẹn sự no đủ gia đình ấm cúng con cái có áo quần mới đón Tết khiến ai nấy mặt mày rạng rỡ... Nhưng có phải năm nào thời tiết cũng ưu đãi con người đâu? Những ngày từ 25 đến 27 âm lịch thời gian còn rộng, người bán kẻ mua còn e dè nhìn qua ngó lại... bán mua cầm chừng chờ giá lên xuống. Đến 28, 29 thời điểm nước rút... cũng là lúc những cơn mưa rào rích, những ngọn gió lạnh buốt xương da của tiết trời miền Trung đổ về; người trồng hoa co ro trong chiếc áo mưa tiện lợi tranh chút ánh sáng cho hoa chóng trở, giành chút nước tưới cho cây tươi xanh... Nằm trong chăn ấm ở nhà còn nghe lạnh buốt tận xương da, không khỏi chạnh nghĩ đến người canh hoa với chiếc ghế xếp qua đêm giữa trời mưa lâm râm...

Bao năm lặn lội ở những bãi bán hoa Tết ở Đà Nẵng, Hội An kiếm tiền nuôi con ăn học, kẻ viết bài từng chứng kiến và hơn ai hết thấu nỗi lòng người trồng hoa đem hoa đi bán... Năm cũ sắp hết. Đêm 30 đã chín mươi giờ khuya mà cả rừng hoa cúc, thược dược, vạn thọ vẫn bạt ngàn... làm sao khỏi nôn nao lo lắng... Bao nhiêu thú, từ lãi vốn vay đến tiền công, tiền phân bón, tiền xe chở... lại còn cả một năm dài mọi thứ chi tiêu đều trông vào vụ hoa Tết... nên còn nhiều ít, giá rẻ như bèo cũng bán, bán đỡ bán tháo, vớt vát được chút ít còn hơn đập chậu giữ cây... để còn kíp về nhà đón

giao thừa. Cả một đoạn trường, ai có qua cầu mới hay cái vui buồn lẫn nhọc nhằn cực khổ của người trồng hoa để đem lại cái đẹp phục vụ nhu cầu thưởng ngoạn khách chơi hoa; mà không ít kẻ vô tình, trước cái đẹp còn mãi so đo tính toán...! ■



Ảnh: Lý Hậu

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ	Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,		Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ	CTCP. ThaiHa Books	: 5 cuốn/kỳ	CTY TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 41 cuốn/kỳ	Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Thiện Thành, Q. 6	: 2 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ	Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ	Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ	Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA	: 5 cuốn/kỳ	Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ	Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ	Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,		Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2	: 5 cuốn/kỳ	Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Chùa Báo Ân	: 12 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết		Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ		: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ	Lakin.com	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ	Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT	: 10 cuốn/kỳ	Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ	CTY Dược phẩm Phúc Thiện:	: 1 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ	Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ	PT. Nguyen Thuan	
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5		Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ	(namgiaol1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ	Cháu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ	Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định	: 10 cuốn/kỳ	Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ	Tổng số báo tặng kỳ này:	442 cuốn
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ	BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ	Mọi thông tin về chương trình tặng báo	
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ	Chị Tuyền,		đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm	
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ	CT TNHH Cơ khí Mê Linh	: 2 cuốn/kỳ	xã hội..., xin liên lạc: Tòa soạn, Phòng Phát	
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ	Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ	hành VHPG : (08) 3 8484 335.	
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ	Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ	Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc	
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 6 cuốn/kỳ	BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ	toasoanhvpg@gmail.com	
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ	CT Nền Hạnh Phúc, Q. BT	: 2 cuốn/kỳ		

Ban Biên tập

Một thoáng hương xưa

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT



Cuộc sống của ta đã “hiện đại” quá, đã “Âu hóa” quá chăng? Thôi, ta phải “trở lại với nguồn”, mặc cho ai cười nhạo khi thấy giữa ngày xuân, ta đốt lên một lò trầm hương, pha chén trà thơm và ngậm ngội đôi bài thơ cũ.

Ôi những hồn muôn năm trước, dù có lưu tán phương nào, cũng xin hãy về đây. Mặc cho những tư tưởng “tân thời” đã đẩy xã hội chạy quá đà theo triều duy lý phương Tây, từng gây bao nhiêu nhượng trong hồn dân tộc. Ta sẽ dựng lại một cành cây từ lâu vắng về lời ca.

Không chủ định, bất chợt ta nhớ tới hình ảnh Hoàng Hạc lâu. Lạ thật, ta chưa từng thấy lầu Hoàng Hạc. Vậy mà tại sao ta vẫn nhớ? Phải không, lầu hay gác cũng chỉ là một cái cố, là lầu mà cũng là không lầu. Phải không, từ những ngày còn rất nhỏ, ta đã bị mê hoặc bởi réo rất bổng trầm của thế giới Đường thi. Phải không, ta hãy nhớ ơn Tản Đà, nhà thơ soi bóng mình trên đôi bờ của dòng sông thơ ca Việt Nam cận đại, đã một lần nữa sáng tạo bài thơ qua bản dịch hay nhất trong các bản dịch bài thơ chữ Hán này:

*Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không du Hoàng Hạc lâu*

(Hạc vàng ai cỡi đi đâu / Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ).

Tiên ông Phí Văn Vĩ đã cỡi hạc qua chốn này. Giờ đây, người đời sau còn thấy gì? Hay chỉ đành bắt chước Trần Tử Ngang mà cất tiếng than về nỗi hiu quạnh của kiếp người:

*Tiền bất kiến cổ nhân
Hậu bất tri lai giả.*

*Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du
Tình xuyên lịch lịch Hán dương thụ
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu*

(Hạc vàng đi mất từ xưa / Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay / Hán Dương sông tạnh cây bầy / Bãi xa Anh Vũ xanh đầy cỏ non).

Hạc vàng bay đi. Cõi trời chỉ còn mây trắng ngàn năm theo gió trôi vô định, còn trần gian thì bao nhiêu hệ lụy bày ra. . .

Có ai không giật mình trước bài dịch xuất thần của Tản Đà, nhất là hai câu thần bút bay bổng tuyệt vời:

*Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.*

(Quê hương khuất bóng hoàng hôn / Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?).

Quê hương nào vậy? Thôi, ta cứ gọi đó là cái sầu cô đơn của thi sĩ hay đúng hơn, là của con người. Hoặc nói theo G. Marquez, đó là bản chất nhân loại.

Xin đừng vội vàng “quy tư tưởng”, ít nhất là trong khoảng xuân nhật ngắn ngủi, để ta tạm đôi lời đông dài về một cái thú trong cảnh vạn vật tươi cười, xuân tâm thư thái. Ôi, tại sao người ta cứ đem triết học ra mà rọi chiếu tâm hồn thi nhân, khi cho rằng Hoàng Hạc lâu kêu gọi một kiểu thoát trần nhuộm màu Trang - Lão? Với ta, ta hiểu đơn giản hơn. Đó là trái tim thi sĩ mở ra trước đời sống, rung động trước bao trái ngang, để mà suy ngẫm về lẽ phù trầm, được còn, không sắc: *Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?*

Dứt tiếng cuối cùng, nhắc chung trà lên môi, lạ thay, sao chẳng thấy buồn. Không phải: vẫn có đấy! Nhưng là một nỗi buồn trong sáng. Khiến cho lòng nhẹ nhàng hơn, làm cho ta yêu cuộc sống hơn. Chứ đâu phải là một mối sầu u uất. Kỳ lạ thay là vẻ đẹp của cái buồn trong thơ! Lầu Hoàng Hạc khói sương quyến rũ như vậy nhưng thơ Thôi Hiệu lại tuyệt vời đến nỗi Tửu Trung Tiên Lý Bạch đã phải kêu lên:

*Nhân tiền hữu cảnh đạo bất đắc
Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu.*

(Trước mắt có cảnh mà không tả được, vì đã có thơ của Thôi Hiệu ở trên đầu).

Ôi, diệu kỳ cái đẹp của thơ, của nghệ thuật, “cái Đẹp sẽ cứu chuộc thế gian này”.

Mùa xuân. Nhưng dù có hết mùa xuân chẳng nữa, thì *đình tiền tạc dạ nhất chi mai* (trước sân, đêm qua, cành mai vẫn còn). Mai là gì vậy? Ấy là cái thần của người, cái hồn của dân tộc mà Thiền sư Mãn Giác đã chiêm nghiệm cách đây gần một ngàn năm.

Khói trầm thơm thoảng hòa vương sân nhỏ, lan nhẹ sang đầu bên hàng xóm. Trà đã cạn đôi tuần. ■





Thế giới thi rộng lớn

THẢO VY

1 Trong những ngày cuối năm, người viết gặp một khách quý tặng cho bản *Vô Môn Quan (VMQ)*. Lần gỡ những bài viết ngắn ngủi trong sách lòng bỗng cảm thấy nao nao. Tôi “thấy” *VMQ* cũng đã mười lăm năm. Gọi là “thấy” vì đọc mà chẳng hiểu mấy. Điều này giống như đi đường ta gặp một người giữa đám đông, thấy người ấy hay hay, nhưng chẳng hiểu gì và cũng chẳng trao đổi gì với người ấy. Ta chỉ “thấy” người ấy

mà thôi. Mười lăm năm, trải qua bao nhiêu tình huống, biết được thêm vài chục, vài trăm câu chuyện thị phi, cầm đọc cuốn *VMQ*, chợt lại “thấy” *VMQ* một lần nữa.

2 Cuốn *VMQ* được thiền sư Vô Môn soạn khi ngài vừa 46 tuổi. Ngài có pháp danh Huệ Khai, là thiền sư đời thứ chín của dòng Dương Kỳ, sinh năm 1183 và mất vào năm 1260. Cuốn *VMQ* trình bày 48 “công án thiền”. Thời nhà Đường, công án dùng để chỉ án phán quyết trên công đường, giống như sự tuyên án của tòa hiện nay. Để có thể tuyên án, cần phải có quá trình điều tra, quá trình luận tội, đưa ra án và thi hành án, cuối cùng đưa ra các biện pháp để ngăn ngừa tội tương tự trong tương lai. Các câu chuyện thiền đưa ra vào thời nhà Đường được ví như bản án được đưa ra. Vì thế nó gọi là “công án”. Ngày nay, khi chúng ta đọc một bản án, trong thực tế chúng ta không biết rõ quá trình điều tra, suy ra kết luận như thế nào. Chỉ có các nhân viên chấp pháp mới biết điều đó rõ ràng. Do đó, đọc một lời tuyên án mà suy ra được toàn bộ sự việc bên trong là một điều vô cùng khó khăn, gần như là không thể.

3 Các “công án thiền” thường là một câu chuyện rất ngắn, một đoạn đối thoại ngắn rút ra từ câu chuyện của các thiền sư hoặc từ trong kinh Phật. Công án đó được giao cho người muốn tu tập. Điều này cũng tương tự như ngày nay, giáo viên hướng dẫn giao một vấn đề cho nghiên cứu sinh. Người này nghiên cứu giải quyết vấn đề. Trong quá trình đó, nghiên cứu sinh sẽ học được rất nhiều thứ. Các công án thiền rất khó hiểu, việc tìm hiểu nó giống như “muỗi đốt vào trâu sắt”. Ví thế thường có nhiều sách giải nghĩa. Trước đây, Suzuki trong tác phẩm *Thiền luận* cũng giải nghĩa một số công án thời xưa. Khi nói tới sách giải nghĩa công án người ta thường nghĩ tới *Bích Nham lục (BNL)*. Cuốn *VMQ* là cuốn sách nêu đề bài, còn cuốn *BNL* là sách tham khảo có lời giải. Tuy nhiên *BNL* có trước *VMQ* khoảng một trăm năm. Hai cuốn này được kể là hai “kỳ thư” về thiền công án. Cuốn *BNL* được xem như là “đệ nhất kỳ thư” về thiền công án. Chuyện về cuốn đệ nhất kỳ thư này cũng ly kỳ như chuyện về “Cửu dương chân kinh” của Kim Dung. Không biết Kim Dung có lấy ý của câu chuyện *BNL* khi viết “*Ý thiên kiếm Đồ long đao?*”



Vân Môn và áo thất điều _Tranh: Bạch Ẩn

4 Câu chuyện về *BNL* khởi đầu từ Tuyết Đậu (978-1052), đời thứ tư của tông Vân Môn. Vì có biệt tài về văn chương nên ngài đã đem các công án thời trước đó làm thành 100 bài tụng gọi là *Bách tắc tụng cổ*. Cuốn sách này đã gây ra một trào lưu suy tư về các bài tụng. Sáu mươi năm sau, Viên Ngộ đem 100 bài tụng này ra giải thích. Sách gọi là *BNL*. Bich là màu xanh, Nham là vách đá. Có lẽ tên gọi có ý nói lên độ khó của các công án, giải đáp các công án thiền như va vào vách đá xanh. Cuốn *BNL* tạo ra một trào lưu trong giới tu hành không lo tu tập theo con đường của các vị tổ mà tập trung vào nghiền ngẫm, biện luận “sớm tụng, tối tập, bảo đó là học thuyết chỉ đạo, chẳng có một ai biết đó là trái” (*Thiền lâm bảo huấn*, đoạn 245). Đại đệ tử của Viên Ngộ thiền sư là Đại Huệ Tông Cảo khi vào đất Mãn thấy mọi người mê đắm *BNL*, chỉ lo nhớ tụng ngôn cú trong sách để biện luận, không sao sửa chữa được, bèn đập nát ván in của *BNL* và đem tất cả những bản có sẵn ra chắt trước sân chùa đốt sạch. Hai trăm năm kể từ khi *BNL* bị đốt, ít ai thấy được quyển sách này, chỉ đến đầu thế kỉ 14 có vị cư sĩ tên Trương Minh Viễn góp nhặt các bản còn sót mọi nơi, tham khảo bổ túc qua lại và khôi phục lại *BNL*.

5 Câu chuyện về *BNL* khởi đầu từ đời thứ tư của tông Vân Môn (864-949). Chuyện kể rằng Vân Môn ban đầu tham vấn Trần Mộc Châu. Khi vào cửa liền bị ngài Mộc Châu nắm lại bảo: Nói! Nói! rồi tống ra khỏi cửa ba lần. Lần cuối, Vân Môn gõ cửa, Mộc Châu hỏi: Ai? Vân Môn thưa: Vân Yển. Khi Mộc Châu mở cửa, Vân Môn chạy đại vào, tuy nhiên vẫn bị nắm lại bảo: Nói! Nói! Khi Vân Môn còn suy nghĩ liền bị Mộc Châu đẩy ra khỏi cửa, đóng ập cửa lại. Chân Vân Môn còn kẹt trong cửa nên bị dập. Tương truyền Vân Môn nhờ vậy mà “đại ngộ”. Vân Môn là bậc tái sinh. Thiền sư Linh Thọ biết điều đó. Chùa của ngài hai mươi năm không mời chúc thủ tọa. Ngài thường nói: thủ tọa của ta sanh. Thời gian sau lại nói: thủ tọa của ta chẵn trâu. Thời gian sau lại nói: thủ tọa của ta đi hành khước. Bỗng một hôm, ngài đánh chuông bảo mọi người ra tam quan tiếp thủ tọa. Lúc ấy Vân Môn vừa đến nơi.

6 Bản thân tôi khi đọc *VMQ* và *BNL* cũng rất thích các công án của Vân Môn. Công án của Vân Môn trong *BNL* có công án số 6: mỗi ngày đều là ngày tốt, số 14: giáo lý một đời, số 15: đảo một nói, số 27: thân bày gió thu, số 39: hoa thực lan, số 47: sáu chẳng thân, số 50: trần trần tam muội, số 54: lại xòe ngựa tay, số 60: cây gậy hóa rồng, số 62: trong có một hòn ngọc, số 77: bánh hổ, số 83: cổ Phật cột cái, số 86: kho trừ ba cửa, số 87: thuốc trị bệnh nhau. Số lượng là 14/100 công án. Trong *VMQ* chúng ta lại có một số công án khác của Vân Môn: công án số 15: ba hèo của Động Sơn, số 16: nghe chuông mặc áo, số 21: que cứt của Vân Môn, số 39: Vân Môn sẩy lời. Số lượng là 4/48. Một điều khá đặc biệt là

các công án của Vân Môn trong *VMQ* hoàn toàn khác với công án của ngài trong *BNL*.

7 Công án số 16 của Vân Môn trong *VMQ* rất ngắn: Ngài Vân Môn nói, “Thế giới rộng lớn như vậy, sao nghe chuông lại mặc áo thất điều?”

Bản Hán Việt viết: “Thế giới thậm ma quảng khoáng”, dịch một cách... không văn vẻ là “thế giới rộng thì rộng lớn bao la khoáng khoáng như vậy”. Có người bình rằng câu nói của Vân Môn để cập tới... một “khoảng chân không vô tướng”. Tôi cũng không hiểu ý Vân Môn có phải như vậy không hay nó đơn giản hơn. Đoạn sau có thể hiểu theo nghĩa đen là “vì sao lại bị trói buộc trong cái chuyện phải mặc áo bảy miếng xuống trai phòng khi nghe chuông báo giờ cơm”.

8 Trải qua nhiều năm, đôi khi tôi nhớ lại công án này, nhưng dưới những dạng khác nhau. Đi qua khu vực ăn uống, ngửi thấy mùi thơm của đồ ăn, bỗng chảy nước miếng. Nhớ lại câu của Vân Môn mà nói: thế giới rộng lớn vậy, sao người thấy mùi đồ ăn lại chảy nước miếng? Đi làm ở cơ quan, lúc nào cũng tùm năm tùm ba bàn về ông sếp. Nhớ lại câu của Vân Môn mà nói: Việt Nam rộng lớn nhiều đàn ông đến vậy, sao lúc nào cũng bàn tới chỉ mỗi mình ông sếp? Thấy chàng trai khổ sở vì người yêu, nhớ lại câu của Vân Môn mà nghĩ bụng: Thành phố rộng lớn đến như vậy, biết bao nhiêu cô, sao chỉ đau khổ vì nàng? Đi xa, ở nơi sang trọng nhưng vẫn nhớ tới cái giường xấu xí ở quê nhà, không nằm giường đó là không ngủ được, nhớ lại câu của Vân Môn mà rằng: Thế giới rộng lớn vậy, sao lúc nào cũng nhớ cái giường xấu xí kia? Nghiên cứu trong lĩnh vực K, gặp gỡ nhau chỉ bàn về K, cãi nhau về K, so sánh kết quả khoa học của người này, người kia về K, đánh giá anh X, chị Y làm công trình “chạy chợ” hay công trình “đỉnh cao”, nhớ lại câu của Vân Môn mà thấy: thế giới rộng lớn vậy sao ca sĩ gặp nhau thì chỉ bàn về bài hát, nhà thơ gặp nhau thì chỉ bàn về thơ? Ngoài nhạc, ngoài thơ còn vô khối thứ khác mà? Thấy người bạn quý sách vở, nâng niu, bảo bọc nó, nhớ lại câu của Vân Môn mà thấy: thế giới thì rộng lớn, sao chỉ tập trung vào sách? Sách quý của mình mà con mỗi con một nó đâu có thừa?

9 Ai biết được một ít Phật pháp cũng thường hay nói dùng các ngôn từ của đạo. Tôi cũng thế. Chẳng hạn: “Thế nghiệm tự do chân thực là máy động chân không (chân không diệu dụng), cắt tuyệt được với cái tư nghi của phàm phu” hay “nghe bằng mắt có nghĩa nghe bằng cả linh hồn lẫn thể xác. Cả trời đất chỉ còn ngưng lại ở một âm thanh mà thôi và nó là cái tự ngã bản lai”... Nhớ lại câu của Vân Môn, tôi cũng tự giạt mình: thế giới rộng lớn như vậy, chim kêu, tiếng cá nhảy, xe cộ, máy bay âm âm, sao suốt ngày cứ bàn về Phật pháp. ■



Ngày xuân nhồi vèa ông Táo

VĨNH HẠNH THÁI CHÍ BÌNH

Nguồn: sgtt.vn

Cứ mỗi lần đón xuân, một trong những việc cần làm của mẹ tôi là xem bếp lò nào phải thay mới nhân dịp hai mươi ba tháng Chạp, đưa ông Táo về trời. Tôi chú ý đến câu chuyện của ba mẹ tôi về việc mang cái bếp đã “sút càng gãy gọng” để (chứ không phải bỏ) ở đâu. Việc chọn chỗ để ông Táo cũng rất cẩn trọng.

1 Câu chuyện về ông Táo thì ai trong chúng ta cũng biết. Một câu chuyện gần gũi với dân gian theo phong cách có khi được gọi là “đối kháng xã hội phong kiến”; thay vì “năm thê bảy thiếp” thì lại là “hai Ông, một Bà” nhưng đượm vẻ bi hài của một tuồng chèo cổ có ý vị nhân bản. Trong cuộc sống hằng ngày, đối với mọi gia đình, cái bếp cà-ràng đã là vật quen thuộc và thân thiết biết bao. Mỗi ngày ba bữa nồi lửa nấu cơm. Nhờ có cà-ràng ông Táo và qua bàn tay khéo léo chăm chút của người mẹ mà cuộc sống của chúng ta mỗi ngày đều có cơm ngon, canh ngọt. Nhưng cà-ràng ông Táo thì lại bị nung đốt, chịu khói bụi với tro than. Chỉ với hai điều này thôi - một câu chuyện cổ tích đầy tình người, một sự khổ cực chịu thương chịu khó - cũng đủ khiến

việc đem cà-ràng ông Táo để ở đâu cho xứng hợp trở thành nếp nhà của ông cha ta.

Trong xóm tôi, người ta thường chọn nơi đầu vàm sông chỗ có cái miếu cạnh một cây sao to với thế đất cao ráo để làm nơi gửi xác ông Táo đã “sút càng gãy gọng”. Không biết từ lúc nào và ai là người đầu tiên đã mang xác cà-ràng ông Táo ra đây gửi, nhưng cứ nhìn vào đồng cà-ràng ông Táo chất quanh miếu và gốc cây đủ biết việc để ông Táo ở đây đã lâu lắm rồi. Bọn trẻ chúng tôi hồi đó đều được người lớn dặn dò, dọa dẫm không được làm ô uest cà-ràng ông Táo, kể cả không được giẫm đạp; nếu không sẽ gặp bệnh tật, nạn tai nơi chỗ mình đã gây ô uest. Bị ám ảnh về những lời dọa dẫm khiến ngay cả lũ trẻ chăn trâu nghịch nhất cũng không dám xúc phạm. Dạy bảo bọn trẻ chúng tôi điều này, người lớn cũng chỉ có mục đích duy nhất là nhắc nhở chúng tôi phải tôn trọng và biết ơn đối với những gì, những ai đã góp phần hữu ích làm nên đời sống này, dù thâm lặng bền bỉ như cái cà-ràng ông Táo.

2 Cúng tiễn đưa ông Táo về trời, chọn chỗ cao ráo sạch sẽ để chất chứa cà-ràng ông Táo đã hư bể, là

những nét tập tục lâu đời của ông cha ta. Việc làm này thể hiện phẩm cách của người Việt trong tập tục của cư dân nông nghiệp lúa nước. Nó thể hiện lòng trân trọng, biết ơn của con người đối với thiên nhiên đất, nước, gió, lửa; những yếu tố nào đóng góp cho cuộc sống của con người chúng ta. Đó là những yếu tố vật chất, yếu tố căn bản của đời sống muôn loài. Sự tôn trọng mang yếu tố thiêng liêng mà chúng ta gửi gắm vào cà-ràng ông Táo, nếu nhìn nhận từ bên ngoài thì có thể có người cho đó là "mê tín, dị đoan". Vì lẽ những cái bếp đã bỏ đi ấy chỉ là những đồng đất sét nung đã nứt nẻ, gãy vỡ, có gì mà phải được đối xử một cách trân trọng. Nhưng chính sự đóng góp hữu ích cho mỗi gia đình của cái bếp đã làm nên mối liên hệ tinh thần mỗi khi con người đối diện với việc nấu nướng. Sự gắn gũi hàng ngày tạo nên sợi tơ dù nhỏ, nối kết con người với cái bếp. Do đó dù cái bếp đã sứt càng gãy gọn, nhưng khi bỏ đi, chúng ta vẫn còn quan tâm, chọn chỗ sạch sẽ cao ráo. Đó là sự biết ơn, bởi cái bếp đã góp phần hữu ích cho cuộc sống của ta. Đó cũng là cách dạy cho bọn trẻ chúng tôi có được một bài học cụ thể về "ăn trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ người đào giếng".

3 Cuộc sống của xã hội công nghiệp hiện nay đã dần xóa đi hình ảnh cà-ràng ông Táo, được thay thế bằng những cái bếp điện, bếp gas, bếp hồng ngoại, bếp bức xạ... Cuộc sống đô thị hóa là con đường không có lối quay về, chỉ bước tới. Hình ảnh về "hai ông một bà" trên cái bếp cũng dần mất đi, thậm chí để bẹp nôi, chảo xuống mặt đất trong nhà bếp. Do tiện ích theo tiêu chuẩn "kinh tế", sợi tơ nối kết giữa người nấu với bếp - có thể coi như một phương cách giáo dục lòng biết ơn - đã không còn nữa. Có chăng, vào ngày 23 tháng Chạp hằng năm, còn có một đĩa bánh ngọt, một lọ hoa tiễn ông bà Táo về trời để nói lời tốt lành cho chủ nhà; còn nôi cơm điện, bếp gas có hư thì cho vào thùng rác hoặc bán cho ve chai mù bể là hết chuyện. Bọn trẻ con và ngay cả người lớn trong thời đại công nghiệp này mấy ai có sự tiếc nuối khi nhìn cái nôi cơm điện, cái bếp hồng ngoại mà nghĩ về ông Táo. Với chỉ điều đó thôi, chúng ta được hay mất gì trong một xã hội công nghiệp của nền kinh tế thị trường? Có người nói, mất nhỏ được lớn. Theo chúng tôi, chúng ta mất lớn được nhỏ. Bởi việc "cà-ràng ông Táo" là nhỏ, nhưng là "cái nhỏ văn hóa" không thể dùng tiền để mua và khi vì nó đã mất khiến mất một cách giáo dục "lòng biết ơn" thì không có gì có thể mua lại được. Nói như vậy để thấy văn hóa biết ơn nó xuất phát từ góc ngách của cuộc sống trong mỗi gia đình chứ không phải được hình thành từ "sách giáo khoa, từ



giáo trình, văn bản hướng dẫn". Nhìn cái bếp đẹp, tiện ích, nhìn mọi người tự nấu nướng theo ý thích, rồi tự rời bỏ bàn ăn vì nhiều lý do để chúng ta cảm nhận sợi tơ nối kết trong gia đình nhờ có "cà-ràng ông Táo" nó mong manh làm sao, thậm chí nó đã đứt rời bay phất phơ theo gió của đời sống công nghiệp. Cái bếp, cà-ràng ông Táo là hình ảnh, là sức sống sinh sôi của một gia đình. Mỗi ngày bếp đều đỏ lửa thì cũng đồng nghĩa với sự ấm no hạnh phúc và ngược lại là u tối, đói khát.

4 Đạo Phật là Đạo của trí tuệ và lòng từ bi. Đức Phật đã hết lòng, hết sức trong 49 năm thuyết pháp, tiếp độ chúng sinh, cũng không ngoài mục đích tối hậu, giáo dục người con Phật: "Lánh xa việc ác, Nguyên làm việc lành". Việc ác dù nhỏ nhất cũng nhất định không làm, việc thiện, việc lành dù nhỏ nhất cũng hoan hỷ, nhẫn nại, âm thầm thực hiện một cách viên mãn. Đức Phật cho đó là việc làm xứng đáng để cúng dường chư Phật. Như vậy, việc ông bà ta kính trọng tri ân tìm chỗ sạch, cao ráo cho những ông Táo đã bể nát, xứng đáng được ghi nhớ, tôn trọng dù chỉ là đất sét trộn với tro trấu, là sự lợi ích thiết thực, từ trong gia đình, từ bếp lò ông Táo, trong việc nhắc nhở lớp trẻ về những cái mà chúng có được: đồ ăn thức uống, áo quần, tập vở, bút viết... mỗi mỗi đều do nhiều nghề nghiệp trong xã hội làm ra, khiến chúng nhận ra được sợi dây liên hệ mật thiết gắn bó mọi người lại với nhau bởi lòng biết ơn mà chúng thấy ra tình người ân nghĩa để đối xử với nhau một cách dịu dàng, bao dung và thân ái như ông bà cha mẹ mình đối xử với "cà-ràng ông Táo". Xúi trẻ làm việc xấu ác thì rất nhanh nhưng dạy chúng làm việc tốt, việc thiện thì phải cần một quá trình dạy dỗ cụ thể thiết thân mà Đức Phật gọi là "thân giáo" từ mỗi thành viên trong gia đình, nơi học đường và hành vi ứng xử của người lớn ngoài xã hội. Có lòng từ bi, bao dung, chịu thương chịu khó, như đầu lửa ông Táo, như bao nhiêu cha mẹ quê Việt Nam, không trách móc than van, hoan hỷ với đời, để cho đời một bữa cơm gia đình nồng ấm, thì cái văn hóa biết ơn đã bắt đầu từ cái bếp lò, từ những người cha, người mẹ Việt Nam chân chất thật thà. ■



Ngôô troâng xe và tờ hai mươi ngàn đồng

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Gần đây tôi có thói quen đi kinh hành mỗi tối. Càng thực tập thiền hành, tôi càng như người ăn thực sự cảm nhận được hương vị của từng món. Thật vi diệu.

Một hôm, sau khi kinh hành, tôi ngồi trên chiếc ghế đá dưới bóng cây theo dõi hơi thở. Chợt nghe thấy tiếng nói chuyện giữa hai người đàn ông vắng lại. Có người nói: “Tôi đưa lại cho ông hai mươi ngàn đồng, tiền tôi thu chiếc xe lúc chiều”. Ngay sau đó, một giọng trẻ hơn trả lời: “Tiền đó, tôi cho ông mài!”. Giọng người lớn tuổi ồn tồ và câu chuyện tiếp tục:

- “Tiền này là tôi thu của khách”.

- “Nhưng tôi cho ông tiền này luôn”.

- “Lúc đó có khách đến gửi xe, ông nói tôi ra thu tiền xe, giờ tôi trả lại cho ông”.

- “Tôi bảo ông thu tiền có nghĩa là thu và tôi cho ông luôn”.

- “Tôi đi làm đã có lương, tiền thu của khách thì tôi phải trả cho ông chứ”.

- “Tiền này tôi cho ông để ông tiêu. Là tiền của ông”.

Tôi ngạc nhiên nên quay ngang nhìn: Một người đàn ông khá lớn tuổi cứ lôi từ ví ra tờ hai mươi ngàn đồng cố tình trả cho người đàn ông khác trẻ hơn. Người đàn ông trẻ hơn thì ấ tờ tiền vào ví, không nhận. Liếc qua, tôi nhận ngay ra chiếc ví lép kẹp, hình như không có hay có rất ít tiền.

Tôi cũng nhận ra người đàn ông ít tuổi là chủ bãi trông xe của chung cư tôi đang ở. Tôi biết anh mới trúng thầu việc trông toàn bộ xe hơi của các chủ hộ trong tòa nhà với trách nhiệm trông coi và bảo vệ xe cả ngày lẫn đêm. Còn người đàn ông lớn tuổi hơn kia là người dân quê mới được người chủ thầu bãi xe tuyển vào phụ việc ăn lương.

Bạn nghĩ đâu có chuyện gì mà kể, nhưng đối với tôi, cả hai người đàn ông này đều là những bậc thầy cao quý. Bởi nếu là họ, chưa chắc tôi đã xử sự được như vậy.

Nếu là người làm thuê, thu được tiền từ khách và được chủ cho, có lẽ tôi đã nhận ngay. Tôi đang thiếu thốn và khó khăn. Có mấy ai cho tiền tôi đâu. Bác này tôi biết khá rõ, mới từ quê lên. Nhìn bác đã thấy rõ sự nghèo túng, sự khắc khổ trên gương mặt và mỗi bước đi. Ở quê kiếm tiền khó lắm; hai mươi ngàn đồng không nhiều nhưng với một người dân quê và với mức thu nhập của bác thì cũng không phải là nhỏ. Vậy mà với lòng tự trọng và tinh thần trong sáng, liêm khiết, bác không muốn nhận.

Hình như chỉ khi đồng tiền chính đáng và xứng đáng, người có văn hóa, có tự trọng mới nhận.

Nếu tôi là anh chủ bãi xe, chắc gì tôi đã cho bác nhân viên số tiền hai mươi ngàn ấy. Bởi tôi phải lo đầu trâu, trúng thầu, lo ngày đêm bảo vệ mấy chục chiếc xe. Nếu chẳng may mất mát sút sạt hay hư hỏng thì tôi sẽ phải đền. Hơn nữa bác ta đã có lương, và có chẳng cuối tháng hay cuối năm tôi mới thưởng. Vậy mà anh ta rộng lòng tặng tiền cho bác bảo vệ mới vào nghề.

Tôi đắm mình ngắm hình ảnh đẹp của hai người đàn ông trong đêm. Họ thật thân thương và thân thiện. Có thể họ không có học vấn cao nhưng trình độ văn hóa của họ có khi còn hơn bao anh kỹ sư, chị bác sĩ, thậm chí còn hơn cả các thầy cô giáo lẫn những vị giảng viên đại học với bằng cấp đầy mình. Có lẽ họ đã lớn lên trong môi trường tốt từ nhỏ. Tôi ngắm nhìn họ rồi thoáng nghĩ đến những vụ hôi của, lừa gạt, cướp giật và gian tham đầy rẫy ngoài đường.

Khi trở lên phòng đi ngủ, tôi thấy một chị mang xuống cho họ một nải chuối và gói trà. Chị nói đây là lộc vừa thấp hương cúng Phật. Và họ ngồi bên nhau rất ấm cúng và thân thiện. Tôi cũng định đến vui cùng họ nhưng nghĩ thế nào lại quay bước lên nhà. Tôi ngồi vào bàn, tĩnh tâm một lúc mới bắt đầu gõ được những dòng chữ này. Ôi quý giá biết bao.

Một năm mới lại sắp đến. Tôi nguyện mong trên đời này có thêm nhiều người đáng quý như hai vị “thầy” giản dị này của tôi. Cứ thêm một người tốt, một việc lành thì cái xấu, cái ác sẽ xa dần. Đêm nay tôi ngủ ngon và biết rằng câu chuyện sẽ còn theo tôi mãi. ■



Còn đâu ngày Xuân ấm áp bên Thầy!

Không thể nào quên những năm tháng đã qua! Con vô cùng hạnh phúc được kề cận bên Thầy. Nhớ lại lần đầu tiên gặp Thầy, trong lòng con cứ phập phồng, lo ngại... Thế rồi từng ngày qua, con được tiếp xúc, gần gũi và nghe lời dạy bảo vàng ngọc của Thầy. Từ một người chưa am hiểu về Phật pháp, dần dần con nhận ra ý nghĩa của từng lời Phật dạy. Thầy đã truyền đạt chân lý sống và đường tu vững chắc cho con được Thầy đúc kết suốt mấy chục năm qua.

Duyên lành, con được Thầy cho quy y với pháp danh Chiêu Quang. Lòng con thâm mừng vui biết bao khi mang trong mình pháp danh nơi ngôi chùa Đông Phước thân yêu. Và từ lúc ấy, mỗi ngày con lại có nhiều thời gian được ở bên cạnh Thầy trong khoảng thời gian từ 6 năm trở về sau con luôn kề cận bên Thầy và được dạy bảo từ chuyện nhỏ cho đến chuyện lớn, từ vấn đề đơn giản cho đến phức tạp. Và sung sướng thay con được chọn làm thị giả mỗi khi Thầy đi hoằng dương đạo pháp các nơi. Cái tên Chiêu Quang giờ đây đã trở nên khá quen thuộc, đi đâu Thầy cũng nhắc hai chữ Chiêu Quang. Con luôn khắc ghi lời Thầy dạy: *“Con người sinh ra cũng chỉ đôi tay trắng, tạo dựng sự nghiệp cũng bằng đôi tay để rồi giây phút lìa đời cũng trắng tay... Chỉ có trí tuệ làm hành trang cho con trong kiếp này và cả mai sau”*. Dẫn dắt con với ngôn ngữ ra cuộc sống không đơn giản như mình nghĩ. Con cảm tạ ơn Thầy đã chuẩn bị hành trang giúp cho con bước vững chắc trên con đường *“đời đạo song tu”*...

Cuộc sống của Thầy rất đơn giản nhưng cũng hết sức huyền bí, bao giờ cũng làm cho mọi người phải ngạc nhiên. Và rồi Thầy đi xa mãi mãi cũng thế, tạo cho mọi người một sự bất ngờ không ai có thể tin. Thầy ơi! Ba mùa xuân qua, chúng con không còn điểm phúc nhận được lời chúc đầu xuân an lành của Thầy như năm nào! Xúc cảm thay:

*“Đầu xuân đi lễ Phật,
Chùa đây Thầy nay đâu!
Từ hư không vang vọng,
Thầy ở trong tim con”*.

Thực hiện di huấn vàng ngọc của Sư Ông: *“Trong cuộc sống, các con cần phải mở rộng lòng nhân, biết thương yêu và tôn trọng mọi người, giúp đỡ người khốn khổ, xoa dịu, san sẻ những đau thương, mất mát cho bà con không may gặp cảnh cơ ngặt, bệnh hoạn”*. Trong năm 2012: Chúng con đã khám chữa bệnh cho hơn 2.000 người; Trao tặng cho bà con nghèo 2.000 phần quà (gạo, mì gói, đường, bột ngọt); 10.000 tập học sinh, Trao tặng 12 căn nhà tình thương, Ấn tổng 20.000 cuốn sách kinh ở các vùng ven của TPHCM... Sang năm 2013: Tiếp tục



Ngày xuân ấm áp bên Thầy

khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí và tặng 2.000 phần quà cho bà con: quận 7, TP.HCM; xã Suối Cát, H.Xuân Lộc, Đồng Nai và dân tộc K'Ho ở 2 xã Gia Nghĩa và Liên Đàm H.Di Linh, Lâm Đồng; Bệnh nhân nghèo ở các chùa: Vĩnh Long (Cần Đức), Pháp Vân và Tôn Văn (xã Mỹ Lộc, Long An); Trao tặng 25 căn nhà tình thương cho bà con nghèo có hoàn cảnh khó khăn cơ ngặt ở các tỉnh: Long An, Gò Công-Tiền Giang, Bến Tre và Đồng Tháp; Xây tặng 1 cây cầu tại huyện Mô Cày, Bến Tre, giúp cho các cháu mầm non đi học thuận lợi; Trao tặng 11.000 cuốn tập cho học sinh nghèo hiếu học trường cấp 2 Trương Văn Bang (Long An) và các trường ở tỉnh Bến Tre, Lâm Đồng; Nhân ngày 27-7 Thương binh Liệt sĩ, đạo tràng phối hợp cùng Công ty Bay Trường Sơn thuộc Bộ Quốc phòng trao tặng 100 phần quà tại thị trấn Cần Giuộc. Ấn tổng 2.000 cuốn kinh *Ánh sáng Hoàng kim*. Tổng trị giá 1,5 tỷ đồng.

Thời gian qua, đạo tràng Phước Thành chúng con vô cùng sung sướng được cung thỉnh, cung đón và cúng dường chư vị: Đại lão HT.Thích Hiền Tu, Đại lão HT.Thích Viên Giác cùng chư tôn thiền đức Tăng, Ni. Nhân mùa xuân mới Giáp Ngọ, chúng con đề đầu đánh lễ, thành kính cầu chúc cho quý ngài *“Phước thọ miên trường, chúng sanh dị độ”*.

Thấm thoát, gần đến ngày húy kỵ của Đại lão Hòa thượng thượng Tắc hạ Thành lần thứ ba – ngày 26 tháng Chạp năm Quý Ty (26-1-2014), Chiêu Quang và Phật tử đạo tràng Phước Thành xin thành kính dâng hương đánh lễ, dâng cúng dường Phật, Thầy Tổ và Sư ông về kết quả



Ông Trương Hòa Bình, Bí thư TƯ.Đảng, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao và ông Trần Lê Ngân trao tặng nhà tình thương



Đạo hữu Chiêu Quang tặng quà ở Lâm Đồng

những bông hoa từ thiện tươi thắm của chúng con với muôn vàn thương nhớ:

*Người đi để lại nghìn công đức
Kẻ ở trông vời vạn nhớ thương.*

Đệ tử Chiêu Quang
và Phật tử đạo tràng Phước Thành



Khai lễ cầu nguyện nhân ngày Húy kỵ Ấn sư



Đại lão HT.Thích Hiền Tu và chư tôn đức chứng minh lễ cúng dường trai tăng





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

CHÙA HÒA QUANG

Số 113 Lê Văn Chí, KP3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 083.896 4452 – 0913 621 401

Trước thềm năm mới – Xuân Giáp Ngọ - 2014

Kính chúc

Chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa và Đại đức Tăng Ni các Tự viện.
Quý Cơ quan, Ban ngành, Đoàn thể.
Quý nam nữ Phật tử các Đạo tràng.

**VÔ LƯỢNG AN LẠC
VÔ LƯỢNG CÁT TƯỜNG**

TKN. THÍCH NỮ NHƯ TRÍ

Viện chủ chùa Hòa Quang - Giảng sư
Ban Hoằng pháp GHPGVN TP.HCM

CHÙA HÒA QUANG

Địa chỉ: Số 113 Lê Văn Chí, KP. 3, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP. HCM

TỔNG KẾT PHẬT SỰ NĂM QUÝ TỶ 2013

Trong năm qua, đạo tràng Pháp Hoa chùa Hòa Quang dưới sự dẫn dắt của vị thầy khả kính là Ni sư Thích nữ Như Trí, viện chủ, giảng sư - chư

Ni và Phật tử tinh chuyên tu học và hoạt động Phật sự rất khởi sắc. Đại chúng với tâm thành cúng dường luôn hướng về chư tôn đức Tăng Ni ở các chùa, cũng như biết trải rộng tấm lòng, sẻ chia những nỗi bất hạnh, khổ khó của đồng bào Phật tử và lao động nghèo, trẻ em khuyết tật, người già neo đơn vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc ít người... Do vậy, ngôi già lam Hòa Quang đã trở thành nơi thân thiết với mọi người:

*"Chuông vắng nơi nao nhớ lạ lùng
Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung
Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông"*

(*Huyền Không*)

Đón xuân về, không quên nhìn lại năm qua Quý Tỵ - 2013, chùa Hòa Quang đã có những nét nổi bật và tích cực trong công tác Phật sự như:

1. Hoạt động hoằng pháp lợi sanh:

Ni sư Như Trí trong vai trò giảng sư của Ban Hoằng pháp GHPGVN TP.HCM vừa là viện chủ chùa Hòa Quang đã kết tạo thiện duyên cho đại chúng:

- Tổ chức tại đạo tràng Pháp Hoa của chùa Hòa Quang vào mỗi tuần Chủ nhật thỉnh pháp, các lớp học giáo lý cho Phật tử gần xa và lập đàn Dược Sư Thất Châu. Ni sư đảm trách giảng dạy và thỉnh thoảng tụng kinh chư tôn đức Tăng Ni trong



Chánh điện chùa Hòa Quang



Đoàn Tiếp sức mùa thi 2013, BTC và Ni sư TN.Như Trí cúng dường tại Phật Đà bửu tự. Ban Trị sự GHPGVN H. Trảng Bom, TT. Thích Minh Trí, Trưởng ban và Sư cô TN.Như Hội, Phó ban tiếp đoàn



Ban Tổ chức Tiếp sức mùa thi cho các học sinh: Trường PTCS Đông Dương, Trường PTCS Bách Việt.

Ban Hoàng pháp đến thuyết giảng.

- Kết hợp đạo tràng chùa Hòa Quang và chùa Phổ Minh (Q.Tân Bình), cúng dường kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, dâng lên chư Tăng Ni ở các nơi như: - Trường hạ tỉnh Đồng Nai: 400 bộ; - Trường hạ Tổng Lâm Vạn Thiện, Phan Thiết: 1.500 bộ; - Đại giới đàn Ni tại hai chùa Từ Nghiêm (Q.10) và chùa Từ Vân (Phú Nhuận): 1.500 bộ.

- Phát hành rộng rãi báo *Giác Ngộ*, tạp chí *VHPG*, giúp cho Phật tử nâng cao trình độ nhận thức về Phật pháp.

2. Hoạt động từ thiện xã hội:

Ni sư viện chủ cung kính cung thỉnh HT.thượng Từ hạ Phước chỉ đạo Phật sự và Ban Từ thiện xã hội với các hoạt động:

- Phối kết hai đạo tràng chùa Hòa Quang và Phổ Minh đến cúng dường tịnh tài và phẩm vật ở các trường hạ: Từ Quang và Ưu Đàm (Q.Thủ Đức).

- Đoàn từ thiện xã hội chùa Hòa Quang hành hương thập tự đến cúng dường: Các chùa Pháp Trí, Quan Âm, Vạn Hạnh, Tịnh Ý (Q.Thủ Đức); các chùa Liên Trì, Giác Hoa, Cây Thị (Phan Thiết), Viên Giác (Bình Định) và kết hợp cùng chùa Pháp Trí đi cứu trợ bà con tỉnh Quảng Bình bị thiên tai.

+ Tổng kết công tác từ thiện của năm Quý Tỵ - 2013 đạt được: 2.916.000.000đ.

Trong đó gồm có:

- Xe lăn: 64 chiếc - 115.200.000đ
- Xe lắc: 66 chiếc - 138.600.000đ
- Xe đạp: 72 chiếc - 132.200.000đ
- Nhà tình thương, tình nghĩa: 2 căn - 50.000.000đ
- Phát lồng đèn và bánh trung thu cho trẻ em nghèo và khuyết tật vùng sâu vùng xa: 210 phần - 21.000.000đ
- Tặng 820 phần quà cho bệnh nhân

nghèo vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc, bệnh nhân tâm thần Đồng Nai gồm: 8.200kg gạo - 123.000.000đ; và 3.000 thùng mì gói - 216.000.000đ

- Ủng hộ từ thiện xã hội: 8.390 phần quà - 1.678.000.000đ

- Cúng dường kinh, luật, luận và tịnh tài trong mùa An cư kiết hạ: 442.000.000đ.

3. Kết tạo duyên lành và vun bồi công đức:

Nhằm tạo duyên lành, vun bồi công đức, trưởng dưỡng phước huệ cho đồng bào các vị mạnh thường quân - Duyên khởi từ chư tôn đức và Phật tử của các chùa như: *Chùa Long Đức*, Gò Công Đông và *Chùa Long Quang*, Gò Công Tây, Tiền Giang; *Chùa Bắc Sơn*, Q.10 và *Chùa Phổ Minh*, Q.Tân Bình, TP.HCM; *Chùa Hung Sơn* và *Chùa Đức Linh*, An Giang; *Chùa Phổ Hiền*, H.Tràng Bom, Đồng Nai. Cùng với tâm thành quy hướng về ngôi Tam bảo, nhất tâm phụng cúng của các vị mạnh thường quân, các nhà hảo tâm và Phật tử chùa Hòa Quang gồm có: - Th.sĩ Đặng Hồng Hạnh (Nhà giáo Ưu tú), Chủ tịch HĐQT; - Nguyễn Minh Hồng (Nhà giáo Ưu tú), Hiệu trưởng trường Bách Việt và BGH Trường PTHCS Đông Dương; - Nhà báo Phan Cát Tường; - Chủ Doanh nghiệp gia công KD vàng: Đỗ Thanh Danh, pháp danh (PD.) Như Nhẫn và Lê Thị Thanh Đào, PD.Như Nhẹ; Phật tử (Pt.) Nguyễn Văn Xuân, PD.Như Thiên; - Pt.Lê Thị Ba, PD.Như Thời; - Pt.Nguyễn Văn Xương, PD.Như Thổ; - Pt.Vũ Thị Hường, PD.Như Định, - Pt.Trần Thị Mười, PD.Như Đạt; - Pt.Nguyễn Thị Tuyên, PD.Như Ngôn; - Pt.Nguyễn Thị Hoa, PD.Như Ngô; - Pt.Trịnh Thị Sửu, PD.Như Tịnh; - Pt.Nguyễn Thị Thiều, PD.Như Tâm. Và cùng toàn thể nam nữ Phật tử các

đạo tràng gần xa, phát tâm công đức, ủng hộ công tác Phật sự trong năm qua được thành tựu tốt đẹp...

Thay lời kết

Vâng theo di giáo của Đức Từ phụ: *Phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật*, chư Ni và Phật tử đạo tràng Pháp Hoa chùa Hòa Quang không chỉ tỏa sáng trong hạnh lành tu tập và phước thiện mà còn được mở rộng vòng tay nhân ái để sưởi ấm cho những tâm hồn quy hướng, không phân biệt về tuổi tác, giới tính, sang hèn hay khuyết tật - những con người có tín ngưỡng tâm linh với nội quy tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn đều được chào đón dưới mái chùa thân thương.

Bài & ảnh: **Như Ấn**



Ban Từ thiện xã hội chùa Hòa Quang



Cúng dường trường Hạ Ni viện Bình Quang, TP. Phan Thiết



Phái đoàn chùa Hòa Quang và Phổ Minh cúng dường các trường Hạ và chùa Giác Hoa (Phan Thiết)



Lễ cúng dường trai tăng tại chùa Hòa Quang

ĐIÊU KHẮC TƯỢNG ĐÁ MỸ HẢO

Mang lại nét đẹp cho đạo & đời

Bài, ảnh NGUYỄN BÔNG

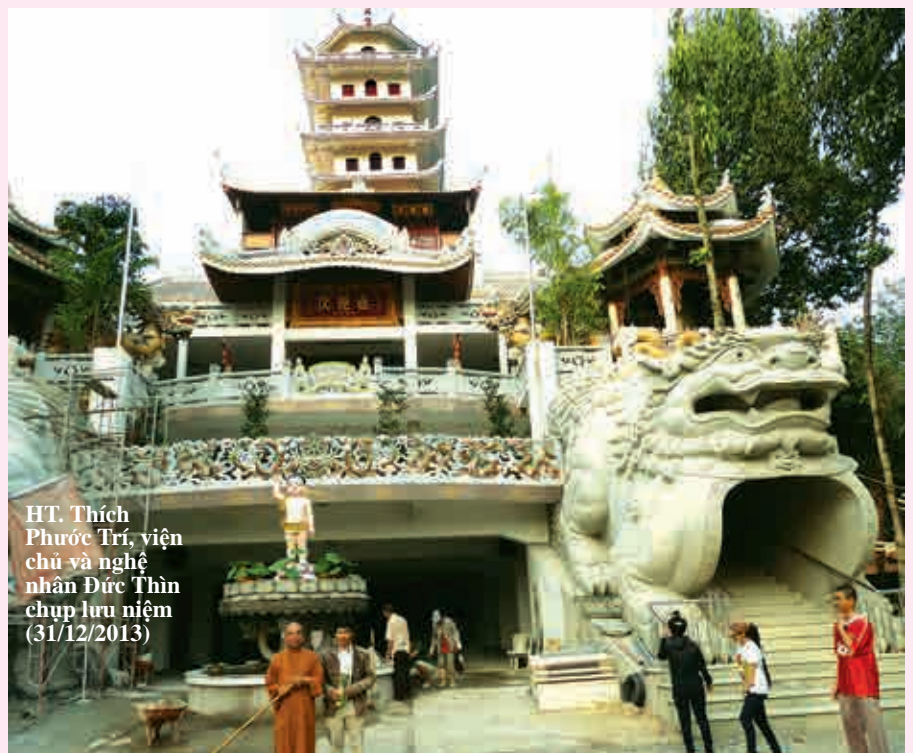


Đến viếng ngôi chùa Pháp Vân, chúng tôi vẫn hoài niệm những ngày Thiền sư Thích Nhất Hạnh về thăm quê hương, lời thuyết giảng của Ngài như vẫn còn âm áp, truyền cảm và âm vang đâu đây. Chúng tôi có phước duyên được thỉnh pháp và đánh lễ Thiền sư cùng chư Tăng cũng như nương nhờ ân đức của Ngài trong việc mở rộng báo Xuân khắp cả nước với số lượng 30.000 tờ... Và hôm nay chúng tôi rất vui mừng khi nhìn thấy ngôi già lam đang đại trùng tu: Giảng đường, chánh điện, tháp 9 tầng, phòng thực tập thiền, phòng nghiên cứu, phòng hội thảo, thư viện, phòng vi tính...

Điều chúng tôi vô cùng ngạc nhiên và ấn tượng khi nhìn thấy hai ông đại kỳ lân oai nghi, trấn giữ hai bên lối vào chánh điện, tượng to lớn với chiều dài 9m, chiều rộng 4m và chiều cao 5m, bằng đá hoa cương được điêu khắc với từng đường nét tuyệt đẹp. Theo HT.Thích Phước Trí, viện chủ cho biết: Kỳ lân là linh vật thuộc nhóm tứ linh: Long, lân, qui, phụng, sẽ mang lại sự may mắn và phước duyên cho những ai được gặp. Và cũng theo Hòa thượng viện chủ, việc bố trí hai ông đại kỳ lân này với mong muốn giúp cho Phật tử khi đến chùa, bước vào chánh điện lễ Phật sẽ đi qua thân của ông đại kỳ lân nhằm rũ bỏ mọi phiền trước của cuộc đời, thân tâm an tịnh và lúc ra về Phật tử đi qua lòng thân ông đại kỳ lân sẽ được thân tâm nhẹ nhàng, phúc lạc khi trở về nhà.

Nhân duyên về sự lợi ích của hai ông đại kỳ lân, giúp chúng tôi tìm về thăm nơi chế tác là **Xưởng điêu khắc tượng đá mỹ nghệ Mỹ Hảo**, tọa lạc tại xã Tam Phước, H.Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Khuôn viên nhà xưởng điêu khắc khá rộng cùng với nhiều pho tượng quý về Đức Phật, Bồ-tát, La-hán và các tượng đá khác như: chân dung của chư vị tôn đức quá vãng, rồng châu, hổ phục, bàn ghế... đã và đang được điêu khắc. Chủ cơ sở là nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn, anh vui vẻ tiếp chúng tôi vừa chỉ dẫn cho các bạn thợ hoàn chỉnh khâu cuối của tôn tượng Phật để chuẩn bị chuyển qua tôn trí ở chùa Kiêu Đàm Di thuộc Thánh địa Tỳ Xá Li (Ấn Độ) và anh sẽ được cùng với các bạn thợ có phước duyên tháp tùng theo Ni sư trụ trì Khiết Minh qua Ấn Độ để chăm sóc hoàn chỉnh việc an vị tôn tượng.

Nghề điêu khắc đá ở nước ta đã có từ lâu đời tại miền Bắc và được ông tổ Huỳnh Bá Quát đem truyền nghề từ xứ Thanh vào miền đất Quảng - Non Nước. Ban đầu, dân làng nghề điêu khắc còn mỏng người và hoạt động chủ yếu là những sản phẩm phục vụ cuộc sống, sinh hoạt của bà con như: Cối giã gạo, cối xay ngũ cốc, các bia đá, bia mộ, dần dần nâng lên mức nghệ thuật mỹ nghệ tinh xảo và đa dạng trong chế tác sản phẩm như: Con trâu trầm ngâm ngai cỏ, lão xẩm đánh đàn cò, thôn nữ mang giỏ hái dâu, bàn ghế, sư tử, rồng châu, kỳ lân, Bát tiên quá hải, Phước lộc thọ, tượng chân dung... Ngoài tay nghề bậc thầy nổi tiếng,



HT. Thích Phước Trí, viện chủ và nghệ nhân Đức Thìn chụp lưu niệm (31/12/2013)

ông Huỳnh Bá Quát còn là người có khí phách, không chịu khuất phục người Pháp, qua câu chuyện: Thời đó có viên công sứ Pháp ở Hội An đến Làng nghề điêu khắc đá Non Nước đặt làm bức chân dung hoàng đế Pháp bằng đá cẩm thạch để làm quà biếu nhân lễ đại khánh của nhà vua. Viên công sứ thật ngớ ngàng khi bị ông Bá Quát từ chối khéo, viên lẽ mình không điêu khắc tượng truyền thần được. Tức giận, viên công sứ tìm cơ bắt giam ông để trị tội bất tuân, nhờ có người anh sanh đôi, nên gia đình đánh tráo người anh vào chịu tù thay em, giúp ông trốn thoát để tiếp tục chăm lo Làng nghề điêu khắc đá Non Nước.

Sự phát triển của đội ngũ nghệ nhân Làng nghề điêu khắc đá Non Nước đã đột phá vào lãnh vực điêu khắc nghệ thuật Phật giáo. Và một số nghệ nhân có tay nghề cao, mạnh dạn du phương vào Nam để mở rộng khách hàng, giám khoản phí lớn cho các chùa trong việc dịch chuyển tượng vừa tạo điều kiện thuận lợi cho chư tôn đức Tăng Ni và khách hàng chăm sóc trong quá trình điêu khắc tượng. Bước ban đầu, các nghệ nhân điêu khắc đá các pho tượng nhỏ rồi nâng dần lên các pho tượng lớn nguyên khối 12m và nay đang hình thành tượng đài Quán Thế Âm với tôn tượng cao 19m - Bản khắc kinh *Phổ Môn* trên đá hoa cương dài 12m, cao 2m, dày 0,5m (đang được chế tác tại Viên Giác thiền tự). Bên cạnh sự phát triển nghệ thuật điêu khắc của Phật giáo, các nghệ nhân điêu khắc đá mỹ nghệ đã vươn lên đỉnh cao nghệ thuật như: Tạo dựng các tượng đài của chư vị anh hùng và danh nhân, các linh vật (long, lân, quy, phụng) với tâm cỡ lớn mang tính thế kỷ, được lưu truyền hàng trăm năm cho hậu thế...

Nghề điêu khắc đá muốn đạt đến sự tôn vinh của xã hội, nghệ nhân cần phải phấn đấu không ngừng, toàn tâm toàn ý trong chế tác với sự chuẩn xác cao. Qua trao đổi, nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn bộc bạch: Việc chế tác tượng đá theo bản vẽ, đòi hỏi nghệ nhân ngoài đôi bàn tay khéo léo, lòng đam mê nghệ thuật và yêu nghề còn cần hướng trọn tâm mình vào pho tượng đang

điều khắc để đạt được đường nét điêu khắc truyền thần. Điều quan trọng của điêu khắc tượng cũng còn chịu ảnh hưởng rất lớn về văn hóa từng vùng miền, dân tộc của nước sở tại. Ví dụ: Tượng Phật Hàn Quốc với gương mặt phúc hậu, đáng nét về thân có phần đầy đặn; tượng của Thái và Myanmar gần giống nhau về thân dáng thanh... Còn tượng của Trung Quốc và Nhật Bản thì gần giống với nước ta: tôn tượng cần phải có thân tướng trang nghiêm, tòa sáng trí tuệ, đức từ bi và hỷ xả... và dáng nét của cà-sa, tà áo cũng cần quan tâm để tôn vinh vẻ đẹp của các ngài. Vì vậy, nghệ nhân khi điêu khắc tôn tượng Phật và Bồ-tát cần phải lắng lòng thanh tịnh để khởi tâm chánh niệm về thân tướng - thân tướng trang nghiêm của các ngài, cũng như nương theo 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp của Phật. Đồng thời, nghệ nhân cũng phải biết lắng nghe ý kiến đóng góp của khách hàng để việc chế tác tôn tượng đạt được sự toàn mỹ. Nhờ vậy, khi quý Phật tử hữu duyên đến chùa chiêm bái tôn tượng sẽ được chiêu cảm và thân tâm an lạc... Tuy nhiên, kinh qua nhiều năm trong nghề, khi tôi chế tác các pho tượng nhỏ và tượng phù điêu là không lo phát sinh thêm chi phí, còn chế tác các tôn tượng lớn luôn bị chi phí phát sinh tăng thêm so với khoản thực thu. Tuy nhiên, Phật pháp nhiệm mầu, sau đó tôi lại được những khoản bù đắp từ các công việc khác một cách ngẫu nhiên...

Trong thời gian qua với sự tin yêu của chư tôn thiên đức Tăng Ni, quý Phật tử và quý khách hàng trong và ngoài nước giúp cho Xưởng điêu khắc đá mỹ nghệ Mỹ Hảo ngày càng phát triển. Hiện nay, xưởng đang chế tác các tôn tượng của Đức Phật, Bồ-tát, La-hán để chuyển đến các nước bạn Úc, Đức, Pháp, Mỹ cũng như các chùa trong nước. Đồng thời, đang triển khai chế tác Tượng đài Bồ-tát Quán Thế Âm với tôn tượng cao 9m sẽ được tôn trí ở ngọn đồi thiêng trên khuôn viên gần 9.400m² ở H.Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng...

Với sự nỗ lực đóng góp tích cực mười mấy năm trong nghề và hơn 5 năm phát

triển của Xưởng điêu khắc đá mỹ nghệ Mỹ Hảo, nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn đã làm đẹp cho đạo & đời và anh đã được đền đáp xứng đáng. Vào ngày 17-11-2013 tại Nhà hát Bến Thành, nghệ nhân đã được **Chương trình tôn vinh Danh hiệu văn hóa nghệ thuật ẩm thực và sản phẩm tinh hoa làng nghề Việt Nam – 2013 do Hiệp hội Làng nghề Việt Nam trao tặng Bằng vinh danh Sản phẩm thủ công mỹ nghệ tinh hoa làng nghề - 2013 và Danh hiệu Văn hóa nghệ thuật**, trong niềm vui chung của chư tôn thiên đức Tăng Ni và bạn bè, thân hữu tham dự lễ và chúc mừng.

Vui lòng liên hệ:
Nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn
 225 ấp Thiên Bình, xã Tam Phước,
 Long Thành, Đồng Nai
 ĐT: 098.921 2189
 Email: dieukhacdamyhao@gmail.com
 Website: www.tuongdamyhao.com



Bảng vàng Danh hiệu Văn hóa nghệ thuật



Bảng vinh danh Sản phẩm thủ công mỹ nghệ tinh hoa làng nghề 2013



Các nghệ nhân được trao tặng Bằng vinh danh và Bảng vàng Danh hiệu VHNT



Nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn đón nhận Bằng vinh danh Sản phẩm thủ công mỹ nghệ và Danh hiệu Văn hóa nghệ thuật

BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH ĐỒNG NAI

Kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn
thể và Quý Phật tử

năm mới
Vô lượng an lạc
Vô lượng kết tường

Hòa thượng THÍCH MINH CHÁNH
Thành viên Hội đồng Chứng minh
Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN
Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai

CHÙA XÁ LỢI

89 Bà Huyện Thanh Quan, Q.3, TP.HCM

*Chúc mừng
năm mới*

Giáp Ngọ
Phúc thọ miền trường
Kết tường như ý

Hòa thượng THÍCH HIỂN TU
Phó Thư ký HĐCM
Viện chủ
Thượng tọa Thích Đồng Bổn
Trụ trì

TỔ ĐÌNH PHẬT BỬU

80/19 Cao Thắng, P.4, Q.3, TP.HCM

Trước thềm xuân mới, kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể
và Quý Phật tử

năm mới
Thân tâm an lạc
Phúc thọ miền trường

Hòa thượng THÍCH TỊNH HẠNH
Ủy viên HĐTS GHPGVN
Phó ban BTS GHPGVN TP.HCM
Viện chủ

QUAN ÂM TU VIỆN

K2/77 KP.3, P.Bửu Hòa, TP.Biên Hòa

Kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý cấp chính quyền và Quý Phật tử

Một năm mới
Vô lượng an khang và
vạn sự kết tường như ý

Ni trưởng Thích nữ HUỆ GIÁC
Ủy viên dự khuyết HĐTS GHPGVN
Viện chủ

CHÙA HÒA KHÁNH

215 Phan Văn Trị, P.11, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

Kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni, Quý lãnh
đạo các cơ quan, ban ngành đoàn thể, quý Phật tử.

Năm mới
Vô lượng an lạc - Phước trí trang nghiêm

Hòa thượng THÍCH TẤN ĐẠT
Ủy viên Thường trực HĐTS GHPGVN
Phó Trưởng ban Thường trực Ban Hoằng pháp TƯ
Phó Trưởng ban kiêm Chánh thư ký BTTXHTU
Phó Chánh Văn phòng 2 TƯ GHPGVN
Phó ban TT BTC 2 lớp Đào tạo Cao-Trung cấp GS
Trụ trì

TỊNH XÁ

NGỌC PHƯƠNG

498/1 Lê Quang Định, P.1, Q.Gò Vấp, TP.HCM

Kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể,
chư thiện hữu tri thức và Quý Phật tử

Vô lượng an lạc
Vô lượng kết tường.

Ni trưởng Thích nữ NGOẠI LIÊN
Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN
Trụ trì



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
GHPGVN QUẬN TÂN PHÚ

Chùa HẠNH NGUYỄN

1 Lũy Bán Bích, P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, TP.HCM

Mừng xuân Giáp Ngọ

Kính chúc:

- Chư tôn giáo phẩm HĐCM – HĐTS GHPGVN
- Chư tôn giáo phẩm Ban Trị sự GHPGVN TP.HCM
- Quý lãnh đạo Quận ủy, UBND, UBMTTQVN quận Tân Phú và các cơ quan, ban ngành đoàn thể trong quận
- Quý nam nữ Phật tử gần xa

*Phước trí tăng trường
Vô lượng an lạc cát tường*

Hòa thượng THÍCH THIÊN XUÂN
Trưởng ban Trị sự GHPGVN Q.Tân Phú
Trụ trì

CHÙA QUÁN THỂ ÂM

48 Sư Vạn Hạnh, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Trụ trì: Thượng Tọa Thích Huệ Vinh, Mobile: 0914.083.688

Email: quanamhs@yahoo.com.vn * Website: <http://www.buddhismcap.com>

Số tài khoản: 69913939, Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), Chi nhánh Đà Nẵng

Chủ tài khoản: Thái Văn Tịnh (Đạo hiệu: Thượng Tọa Thích Huệ Vinh)

**ĐẠO TRÀNG TU HỌC - TƯƠNG TẾ - TỬ THIÊN
BỒN MÔN PHÁP HOA BÁT QUAN TRAI**

Mừng Xuân Giáp Ngọ 2014

Kính chúc Quý Chư Tôn Thiền Đức, Tăng - Ni,
Quý Cơ Quan, Ban, Ngành, Đoàn thể,
Quý Vị Nhân Sĩ Trí Thức, Quý Ân Nhân
Quý Đạo hữu Phật tử - Thập Phương Thiện Tín

**Thân Tâm An Lạc
Phúc Thọ Miên Trường
Cát tường Như Ý**

Chúc Mừng Năm Mới

Gỗ Trai Vàng **Gỗ Pomu** **Gỗ Trai Vàng**
Cổ tượng họa MINH PHÁT **Sư bà HAI TRIỀU ẨM** **Đức tổ sư MINH ĐĂNG QUANG**

Nghệ nhân Nguyễn Hữu Thảo
 08 37 18 18 18 - 01 222 999 666 - 01 666 000 666
 Email: dkhuuthao@gmail.com - Website: dkhucuong.vn

10 năm **Việt Quai Phat Tho** **Âm Tử Sa**
 2004-2014 超 聖 王 越 聖 王

Ấm đẹp, trà thơm món quà tinh tế
Ngày xuân, thêm quý đậm đà tinh thần

Kỷ niệm 10 năm thành lập **Tặng 10% trị giá mua hàng**
 Từ 15.12.2013 đến 01.2.2014

www.amtusa.vn 0903 848 147 - 090 281 42 77

- VINCOM CENTER: 72 LÊ THÁNH TÔN, Q.1, TP.HCM - Gian 28 B3
- PARKSON HÙNG VƯƠNG : 126 HÙNG VƯƠNG, Q.5, TP.HCM - Lầu 3 Citimart
- MAXIMARK CỘNG HÒA : 17 CỘNG HÒA, Q. TÂN BÌNH, TP.HCM - Tiễn sảnh
- CITI PLAZA : 230 NGUYỄN TRÃI, P. NGUYỄN CƯ TRINH, Q.1, TP.HCM - Tầng trệt Citimart
- SHOWROOM 1: 491 D3 NƠ TRẠNG LONG, P.13, Q. BÌNH THẠNH - Đối diện Vinabico

**CÔNG TY TNHH ĐIÊU KHẮC
PHẬT GIÁO SƠN HÀ**

39 đường số 9, tổ 3, ấp Hậu, xã Tân Phong, H.Củ Chi
 Email: sanha9098@naver.com - Website: www.sanhavina.com

Đón mừng năm mới, trân trọng kính chúc
 chư vị Tăng, Ni và Phật tử gần xa luôn được
 thân tâm an lạc, vạn sự kiết tường.

KWON YOUNG WON
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
 03 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM

Trân trọng cảm ơn chư tôn thiên đức Tăng Ni và quý Phật
 tử đã tin tưởng và ủng hộ công ty trong năm qua.
 Trước thềm năm mới, Công ty kính chúc chư vị
 Vạn sự an lạc, phước thọ miền trường

NGUYỄN DUY MINH
 Giám đốc

**Xưởng điêu khắc đá mỹ nghệ
MỸ HẢO**

225 ấp Thiên Bình, xã Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai

Kính chúc
 Chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức Tăng Ni,
 Chư thiện hữu tri thức và Quý Phật tử
 Thân tâm an lạc
 Phước trí trang nghiêm

Nghệ nhân NGUYỄN ĐỨC THÌN

**Công Ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ**

205bB/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản
 phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt năm qua.
 Kính chúc năm mới
 Quý khách được phước thọ miền trường
 Vạn sự như ý

Ngô Huệ Phương
 Giám đốc

com.chru tex.dao



68 Phạm Huy Thông, BD, HN - 043 724 5872
89 Nguyễn Khuyến, ĐD HN - 043 747 5663
www.bodetam.com.vn - 092 939 8189
Facebook: Bồ Đề Tâm

Cung Chúc Tân Xuân 2014

- Nhận đặt tiệc cưới, cỗ chay, việc hiếu, cơm suất tại chùa, nhà, công sở.
- Buffet từ 11h- 14h các ngày 1,14,15,30 âm lịch hàng tháng và thứ 6 hàng tuần.



BAN KINH TẾ TÀI CHÍNH TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH DU LỊCH & DỊCH VỤ HOA THIÊN

R4 Ba Vì, phường 15, quận 10, TP.HCM
Web: www.zenflower.vn – Email: tours@zenflower.vn
ĐT: (08)39771513– 39771796-Hotline: 0989 808081

Trước thềm Xuân mới kính chúc
Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni
và Quý Phật tử
Thân tâm an lạc - Vạn sự như ý

NGUYỄN TRUNG TOÀN
Giám đốc

LỚP HƯỚNG DẪN

Tâm Thư Pháp

Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng

Tại chùa **ĐẠI HẠNH**: 107/4 Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh

Nhận tổ chức triển lãm Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu (miễn phí). Liên hệ: Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825**

Kính chúc

Chư tôn thiền đức và Quý đạo hữu

Thân tâm an lạc

Vạn sự hanh thông.

Chính Trung
Kính bút

BẢO LONG

CHUỖI GỖ

Chuyên: Sản Xuất & Phân Phối

CHUỖI GỖ CÁC LOẠI

47/14 đường 12 - KP4, P. Tam Bình, Q.Thủ Đức
ĐT: 090 88 77 912

Kính chúc Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý Phật tử và Quý khách hàng

Mở ra năm mới
Vô lượng an Khang và Vạn sự kiết tường như ý

Cửa hàng **Ngọc Hiển**

144 và 158 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM

Xin chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ các sản phẩm thờ cúng, phong thủy, tượng Phật gốm sứ - đồng mạ vàng, tranh lamina, tranh điện Phật giáo trong thời gian qua.

Trước thềm năm mới, kính chúc Quý khách thân tâm thường an lạc, vạn sự như ý.

NGỌC HIỂN
Cửa hàng trưởng

CÔNG TY TNHH MAY XUẤT KHẨU **MINH PHỤNG**

278 Lãnh Binh Thăng, P.11, Q.11, TP.HCM

Đón mừng Xuân mới, cung kính chúc
Chư tôn đức Tăng Ni và Quý Phật tử gần xa
thân tâm an lạc, phước thọ miên trường,
vạn sự như ý

Phó Giám đốc – Thường trực
TĂNG BÌNH TRỌNG (PD.Minh Hiếu)

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG **TÂN** CÔNG TY ĐỊA ỐC **ĐẤT LÀNH**

24 Phổ Quang, Tân Bình, TP.HCM

Năm mới kính chúc mừng

Chư tôn thiền đức Tăng, Ni và Phật tử gần xa
luôn được thân tâm an lạc, như ý cát tường.

NGUYỄN VĂN ĐỨC
Giám đốc



Nhà hàng chay **HOA KHAI**

124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
Email: veg.hoakhai@gmail.com

Hoa Khai xin chân thành cảm ơn Chư tôn thiền đức,
quý Phật tử và khách hàng gần xa
đã ủng hộ nhà hàng chúng tôi.

Trước thềm năm mới, kính chúc chư vị thân tâm
thường an lạc, phước thọ miên trường.

Phạm Văn Nhiệm
Giám đốc

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật giáo.
- Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
- Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu.
- Chuyên tượng Phật, Bồ-tát, đại hồng chung, chuông mõ loại lớn.



- ❑ Đ/C: 82/108 - 82/110 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, TP.HCM
- ❑ Đ/C: 380/2b Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
- ❑ Chi nhánh: 15 Phan Huy Ích - An Trung II - Sơn Trà - Đà Nẵng

Điện thoại: (08) 224 77809 - 0902 40 47 48
 Di động: 0902 40 47 48 - 0972 898 818
 Điện thoại: 0128 7777 226 - 0938 057 308

Mồng Xuân Giáp Ngọ 2014

Xin chân thành cảm ơn quý khách hàng đã ủng hộ Nhà sách Tâm Thuận trong thời gian qua.

Kính chúc Chỗ tôn Thiên nhiên Tăng Ni và Phật tử

VÔ LƯỢNG AN LẠC - VÔ LƯỢNG CÁT TƯỜNG NHƯ Ý.





M 02: GỖ

M 04: GỖ

M 06

M 07

M 10

M 08

(SAU KHI XÉP)

- Kệ ghế chúng tôi gắn chặt, không kê không độn quá cao làm dễ bị đổ lúc chông lên nhau.
- Rất tiện lợi cho việc vận chuyển đi xa và không chiếm nhiều diện tích khi cất giữ.

VÀNG - LAM - NÀU

VÀNG - LAM - NÀU

VÀNG - LAM - NÀU

THUẬN ẬM

KỆ ĐỌC KINH XÉP

Mừng Xuân Giáp Ngọ 2014

50 kệ chỉ cao 1,1m



M 09

Đảm bảo: chất lượng và kỹ thuật

BẢO HÀNH 2 NĂM, THỜI GIAN SỬ DỤNG TRÊN 5 NĂM

Toàn bộ sản phẩm của chúng tôi có đăng ký Cục Bản quyền tác giả, mọi sao chép đều vi phạm pháp luật. Không phù hợp với tinh thần Phật pháp.

Địa chỉ: 105M/27

Hồ Thị Kỳ, P.1, Q.10

08-38351185-0903955150

PD.Tuệ Hiếu (Trần Ngọc Tới)



Thsp TRUNG TÂM TIN HỌC ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM

Chúc mừng năm mới

*Kính chúc quý Thầy Cô, anh chị công tác viên,
thân hữu và toàn thể học viên một năm mới
An Khang - Thịnh vượng.*

Địa chỉ: 221 Nguyễn Văn Cừ - 280 An Dương Vương, Q.5, TP.HCM
Điện thoại: 38.303.676 - 38.392.549
Website: <http://tinhocsupham.edu.vn>
Email: ttinhoc@hcmup.edu.vn

Tác phẩm Cửu Long - đá mã não VN - cao 3.5m, nặng 5 tấn

Tác phẩm Lương Long - đá mã não VN - dài 2m, nặng 5 tấn

Sản phẩm đá quý của COASTAL GEMS được bán tại:
 Showroom COASTAL GEMS: 86 Nguyễn Hồng Đào P.11, Q. Tân Bình, Tel: 0938849886 - ĐT 28986668
 Chuyên trang hạt, tượng Phật, Tư liệu
 COASTAL GEMS - GEMSTONE FOR HOME DECORATION
 Website: www.coastalgems.com.vn

COASTAL GEMS
THE GIFTS FOR THE SOULS

SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center
HÔNG THẢO
 Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các
 loại mặt hàng:
 Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali...
Mừng Xuân Giáp Ngọ 2014
 ĐC: Shop 41B tầng trệt (first floor)
 77 - 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St., Dist. 1
 HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)
 Email: hongthao268@yahoo.com.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH TÂM MINH
 65 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, TP.HCM
 ĐT: 08.3848 3075 - E-mail: h_v17@yahoo.com

◦ **Chuyên phát hành sỉ và lẻ:**
 Kinh sách, đĩa, ấn phẩm Phật giáo
 lồng đèn và cờ Phật đản

◦ **Đặc biệt:**
 Áo tràng vật khách, Nhật bình, La hán,
 Túi, Dây, Đồ vật khách chú tiểu, Đồ bộ thêu...
 Chông gió, Máy niệm Phật, Đồ phong thủy.

Nhà sách

TRÍ TUỆ

CHUYÊN PHÁT HÀNH CÁC LOẠI SÁCH NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC, TRIẾT HỌC, VĂN HỌC
VÀ CÁC VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

Chúc
Mừng
Năm
Mới

Xuan Giáp Ngọ

2014

203 Nguyễn Đình Chiểu, P.5, Q.3, TP.HCM
ĐT: (84-8) 38.395.296, (84-8) 22.194.521, Fax: (84-8) 38.642.396
Email: lamhloc_vpbank@yahoo.com
vuthinh@gmail.com

Giày Da Công Nghệ Cao

Vina-Giày®

www.vinagiay.vn



*Happy
New Year* 2014



CÁC CỬA HÀNG Ở TP. HCM
VÀ CÁC CỬA HÀNG ĐẠI LÝ TRÊN KHÁP TOÀN QUỐC

- * 61 Đinh Tiên Hoàng, P3, Q. Bình Thạnh
Tel: (08) 35103956 - (08) 38031193
Fax: (08) 38031192
- * 180 -182, Lý Chính Thắng, P9, Q3
Tel: (08) 39319786 - (08) 39319787
Fax: (08) 39318343
- * 22 Trần Huy Liệu, P12, Q. Phú Nhuận
Tel: (08) 39974429 - (08) 39974430 - (08) 39974431
- * 269 Trương Chính, P.14, Q. Tân Bình
Tel: (08) 38490956
- * 608 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3
Tel: (08) 38351407
- * 638 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3
Tel: (08) 38331230
Fax: (08) 38331245
- * 406A Cách Mạng Tháng 8, Q3
Tel: (08) 39313534
- * 216B-216C Quang Trung, P10, Gò Vấp
Tel: (08) 38941627
- * TYIM ABON - Tân Phú Celadon, Tầng 1, F. 29-30
80 Đường Bô Bao Tân Thắng, Q. Tân Phú.



LIÊN TIẾP 17 NĂM LIÊN BÍNH CHỌN
97'98'99'00'01'02'03'04'05'06'07'08'09'10'11'12'13'

HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO

ĐẠT CUP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT BẢY NĂM LIÊN 07'08'09'10'11'12'13'
ĐƯỢC BÍNH CHỌN TRONG TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH

Thương Hiệu Việt

Thương Hiệu Được Chứng Nhận

Top Ten Hàng Đầu Ngành Da Giày Việt Nam



VINMEC
INTERNATIONAL CLINIC

**KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH
NĂM MỚI SỨC KHỎE, AN KHANG,
THỊNH VƯỢNG!**



PHÒNG KHÁM QUỐC TẾ VINMEC - TIMES CITY

Trung tâm VinKC, B1, TTTM Vincom Mega Mall Times City
458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 04 3975 6888 | Fax: 04 3975 6886

PHÒNG KHÁM QUỐC TẾ VINMEC - ROYAL CITY

Tầng 1, tòa nhà R2, Khu đô thị Royal City
72A Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: 04 6664 6868 | Fax: 04 6664 6866

**Email: info@vinmec.com | Website: www.vinmec.com
Thông tin liên hệ và đặt hẹn khám: 04 3974 3558**



CHUNG TAY HÙN PHƯỚC XÂY TƯỢNG ĐÀI

Như đã đưa tin số báo 187 ngày 15-10-2013, ngôi Viên Giác Thiên Tự ở ngọn đồi thiêng Giang Điền, Đồng Nai; trong giai đoạn II đại trùng tu có một công trình mang ý nghĩa tâm linh và tôn quý là Tượng đài Quan Thế Âm Bồ-tát cao 19m bằng đá hoa cương nguyên khối, lễ đài với chiều rộng 37m, chiều dài 12m. Trong đó con số 19 tượng trưng cho ngày vía của Quan Thế Âm Bồ-tát, con số 37 tượng trưng cho 37 phẩm trợ đạo, con số 12 tượng trưng cho 12 lời nguyện Quan Thế Âm Bồ-tát và 37+12=49 tượng trưng cho 49 năm thuyết pháp của Đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni.

Công trình tôn quý này đang được xúc tiến, quý Phật tử gần xa tùy duyên phát tâm góp phần công đức giúp cho Phật sự xây dựng Tượng đài sớm được viên thành.

■ Liên hệ: SĐT 061 268 6837 – 061 221 8956 – 090 395 2066 (Sa-môn Thích Giác Hiếu)
Website: www.viengiacthientu.com.vn - Email: chuandevuong@yahoo.com
Facebook: [chuandevuong](https://www.facebook.com/vgtt.thichgiachieu) – [vgtt.thichgiachieu](https://www.facebook.com/vgtt.thichgiachieu)



DHARMA GARDEN
website: www.phapuyen.com – email: lienhe@phapuyen.com



QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tường, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B. Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 650 - 0919 190 177

NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasach@phapuyen.com

17/2 Nguyễn Huy Tường, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ,
quả lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục

CỬA HÀNG VĂN HÓA PHẬT GIÁO

NHƯ ĐỨC
Các Tháng Năm Mới 2014
Pháp phục - Pháp khí
Kinh - Sách - Ấn phẩm Phật giáo
Tranh tượng Phật

530 Điện Biên Phủ, P.11, Q.10, TP.HCM (Ngã 3 Điện Biên Phủ - Bàn Cờ)
ĐT: 08.22419056 - 08.22419057 DĐ: 0908808836
Email: nguyenkimhien1958@yahoo.com

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM **SGPK**
Phật Kim Ngọc & Fine Arts
Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:
- Móc khóa, quả lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.
ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com
Showroom: 378/B Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

Đang phát hành

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 1 năm 2013** từ số 168 đến số 179
giá: 210.000đ/cuốn

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ: Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 42.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

VIÊN GIÁC THIỀN TỰ ĐÓN NHẬN BẢNG VÀNG TOP 100

“Điểm đến ấn tượng Việt Nam – 2013 & Điểm Du lịch Văn hóa tâm linh tiêu biểu”

Địa chỉ: xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai – ĐT: 090 3952066
Website: www.viengiacthientu.com.vn – Facebook: [chuandevuong](https://www.facebook.com/chuandevuong) – [vgtt.thichgiachieu](https://www.facebook.com/vgtt.thichgiachieu)



Lời cảm niệm tri ân công đức:

Những ngày cuối năm 2013, chuẩn bị đón chào 2014 - Viên Giác Thiền Tự được tổ chức UNESCO chọn vào TOP 100 những “Điểm đến ấn tượng Việt Nam - 2013 và Điểm đến Du lịch Văn hoá tâm linh tiêu biểu”.

Cảm niệm tri ân công đức của toàn thể đại chúng, kính nguyện 10 phương Chư Phật gia hộ mọi sự được hanh thông, vạn sự an lành, thân tâm an lạc.

NAM MÔ BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM

Sa-môn THÍCH GIÁC HIẾU
Trụ trì





Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trân trọng cảm ơn sự hợp tác, hỗ trợ của quý cơ quan, đối tác và khách hàng trong thời gian qua.

Tập đoàn Hoa Sen xin thông báo về việc thay đổi địa điểm giao dịch Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh kể từ ngày 02/01/2014

Địa điểm giao dịch mới: VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẬP ĐOÀN HOA SEN

183 NGUYỄN VĂN TRỖI, PHƯỜNG 10, QUẬN PHÚ NHUẬN, TP. HỒ CHÍ MINH

TEL: (08) 3999 0111 | FAX: (08) 3999 0222 | www.hoasengroup.vn



TÔN HOA SEN

Mái ấm gia đình Việt



ỔNG NHỰA HOA SEN

Dẫn nguồn hạnh phúc



ỔNG KÈM HOA SEN

Bền vững đến tương lai